No 96 Juin 1925

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHƠI LẠNG-SƠN CAO-BẰNG

Nhà văn cũng có lắm cái lụy ; một cái lụy là không thể ra khỏi cửa vài ba ngày mà đến khi về nhà không phải viết bài văn « du-ký ». Đi sang Tây sang Tàu, đi Phú-xuân Đồng-nai, gọi là một cuộc « du-lịch », trở về viết bài « du-ký », còn do-khả ; chớ đi tỉnh nọ sang tỉnh kia mà nói « du-lịch » với « du-ký » thì tưởng cũng khí quá vậy.

Song bà con mình ở giữa Hà-nội mà còn thích nghe tả-cảnh Hồ Hoàn-kiếm, thời tất cho đi chơi Lạng-sơn Cao-bằng cũng là một cuộc « du-lịch », và muốn cho khách làng văn đã được thưởng cái thú « bầu rượu nắm nem » (1) về cũng phải thuật lại cho đồng-nhân nghe.

Nay khách tôi vừa đi vừa về, cả thảy có bốn ngày, đã kinh-lịch được mấy tí, mà mong làm được bài ký có hứng-thú. Vẫn biết nhà văn thường có lắm khóe khôn-ngoan, văn-liệu ít mà làm ra cho nhiều cũng được. Trước hết sưu-tập những sách tây sách nho, nói về tỉnh Cao tỉnh Lạng, nào là địa-dư, nào là lịch-sử, nào là phong-tục, nào là thổ-dân, đọc qua một lượt, trích lấy đoạn hay, rồi đương kỷ-sự xen thêm mấy đoạn về phong-tục người Thổ người Nùng, về truyện Ngô Thời-Sĩ sửa-sang đồng Tam-Thanh, truyện Nùng Trí-Cao hùng-cứ đất Cao-bằng, truyện nhà Mạc ở Vườn Cam, truyện quân Pháp đánh thành Lạng, cũng đủ viết được ba bốn chục trang, mà ra giọng yêm-bác biết đường nào ! Tôi cũng đã nghĩ dùng cách đó, nên nào là sử *Khâm-định*, nào là sách *Lịch-triều*, nào là *Hoàng-Việt địa-dư chí*, nào là *Đại-Nam nhất-thống-chí*, nào là sách của quan ba MARABAIL, nào là sách của quan năm DIGUET, đã dự-bị sẵn-sàng cả, định làm một bài khảo rất tường về Lạng-sơn Cao-bằng. Sau nghĩ lại : văn kỷ-sự không phải là văn khảo-cứu, nhà văn càng phải nên phân-biệt lắm. Văn kỷ-sự là cứ sự thực mà thuật lại, cốt lấy tự-nhiên giản-dị, ngoài sự thực có thể điểm chút cảm-tưởng riêng, cũng là do sự thực mà phát ra, càng có cái vẻ thật-thà mới-mẻ lại càng hay, bất-tất phải bàng-sưu bác-tập, điển-cố xa-xôi làm gì. Văn khảo-cứu thời là cóp-nhặt các sách-vở, so-sánh các tài-liệu, tra-tìm phải cho rộng, dẫn-chứng phải cho nhiều, chứng-cứ càng nhiều, khảo-sát càng kỹ, lại càng có giá-trị ; đó là việc của nhà bác-học không phải việc của kẻ đi chơi. Đương kể chuyện đi chơi mà phút chốc lên mặt ông giáo, đăng-đàn giảng-học, dạy cho một hồi về địa-dư lịch-sử, thời đối với người nghe chuyện không khỏi mang tiếng « vô-duyên » vậy.

Nghĩ thế nên bao nhiêu sách tây sách nho soạn ra để kê-cứu, đều xếp lại cả, quyết định chỉ làm một bài thuần kỷ-thuật sự đi chơi, không để cho dính cái hơi-hám chốn thư-viện mà muốn

(1) Ca-dao có câu : *Ai lên xứ Lạng cùng anh, — Tiếc công bác mẹ sinh-thành ra em. — Mãng vì bầu rượu nắm nem, — Khi vui quên hết lời em dặn-dò.*

cho nhiễm cái khí-vị miền thượng-du.

Vậy ngày 12 tháng 7 tây vừa rồi, cùng mấy ông hội-viên Hội Trí-tri đi chơi Cao-bằng.

Cao-bằng xa lắm anh ôi !...

Bà con mình đi chơi mát mà lên Cao-bằng, nghĩ cũng kỳ. Song cũng không phải là một cuộc phiếm-du. Nguyên Hội Trí-tri Cao-bằng gần đây có ông Hội-trưởng Vũ Đình-Khôi mới chỉnh-đốn lại, có bề phát-đạt hơn xưa, anh em dưới này vẫn rập lên thăm các bạn đồng-chí trên ấy một lần, cho thêm cái mối liên-lạc người trong một Hội. Các bạn biết ý như thế, cố khẩn-khoản mời lên cho được, đính hẹn vào ngày hội tây 14 tháng 7. Đã định trước từ một tháng rồi, các ngài sửa soạn sẵn - sàng cả, nên thế nào cũng phải đi. Nhưng xin thú thật, lần này đi hơi có ý miễn - cưỡng. Không phải là vô-cố. Nhà vừa phải một sự buồn, mới mất đứa con gái nhỏ. Con bé hay quá, xinh-xắn nhẹ-nhõm, mới có chín tháng trời mà hình như đã biết hết cả, mấy hôm bệnh nặng, con mắt não-nùng, nét mặt kiều-mị, lại càng khả-ái mà khả-liên. Người khôn ít sống lâu, của báu vẫn khó giữ, mà Tạo-hóa thật đành - hanh ! Từ đấy tinh - thần thẳng-thốt, bâng-khuâng như mất lạng vàng, đọc đi đọc lại mấy lần sách *La Mort* của MAETERLINCK, nghĩ quanh nghĩ quẩn, nghĩ vẩn nghĩ vơ, mà vẫn không giải được cái lẽ sinh-diệt ở đời ra làm sao...

Tâm-thần như thế mà tính chuyện đi chơi, thì phỏng còn có hứng-thú chi nữa !

Nhưng đã hẹn không thể không đi, không thể để lỡ việc; vả đi chơi xa có lẽ cũng là một cách khuây-khỏa cho đỡ buồn.

Đỡ buồn chưa thấy đâu, mà phải một bữa ngồi xe lửa nhọc quá. Từ Hà-nội đến Bắc-giang còn dễ chịu; từ Bắc-giang trở lên thời trời vừa nóng, xe vừa lắc, không còn buồn ngó đến phong-cảnh núi-non ở bên ngoài nữa. Mơ-màng tưởng cái xe đương chạy như con vật nặng-nề đương hồn-hển trèo một trái núi cao. Mà thật thế, xe càng lên lại càng cao, từ Kép và Bắc-lệ trở đi, hết cao - nguyên ấy đến cao - nguyên khác, quanh mình rặt những rừng-núi man-mác. Còn người thì đã thấy đồi lốt nhác rông lác-đác trên sườn núi, vẩn-vơ quanh các ga, không phải là những người sắc nâu bùn như dưới ta nữa, mà là những người sắc chàm xanh về mạn ngược. Chưa biết là người gì, nhưng cái áo mùi xanh đó với cái nón thon đầu kia, cũng đủ lạ mắt rồi.

Quá trưa đến Lạng, coi cũng ra vẻ một thành-phố lớn. Ở Lạng có hai nhà khách-sạn, một nhà tây, một nhà ta. Ở nhà không biết, tưởng chỉ có một hàng tây thôi, nên đánh điện trước để giữ buồng, nhưng độ rầy bên Tàu loạn, khách ở Long-châu về trọ chật cả, nhà hàng tây không còn chỗ nào ; may có người mách vào trọ ở hàng ta, cũng sạch-sẽ chỉnh-đốn lắm, ăn nằm chẳng kém gì hàng tây, mà lại của người mình.

Định ở Lạng buổi chiều, xem đồng Tam-Thanh, ngủ đêm, rồi sáng mai đi Cao-bằng sớm.

Lúc mới đến, tưởng trên này nóng-nực chẳng kém gì dưới ta. Nghỉ vài giờ mới biết rằng khí-hậu có mát hơn Hà-nội nhiều.

Ăn uống nghỉ-ngơi, rồi vào chơi châu Cao-lộc là châu sở-tại ngay cạnh tỉnh. Hôm ấy là phiên chợ Kỳ - lừa, nên hai bên đường lũ-lượt những người thổ-dân đi chợ. Đàn-ông đàn-bà đều mặc áo xanh, nhưng thỉnh-thoảng cũng có người khăn lượt áo the như dưới ta. Qua chợ, bấy giờ đã về chiều, không còn ai mua bán nữa, nhưng người vẫn đông, chỗ này hàng nước chanh, chỗ kia hàng bánh ngọt, túm năm tụm ba, ăn uống vui-vẻ, lại có nhà ngoài cửa xúm-xít những người, vòng trong vòng

ngoài, ấy là sòng bạc, trên này được phép mở tự-do, có người lĩnh-trưng, không phải nghiêm-cấm. Nghe nói phiên chợ ở đây thường như thế cả, chứ buôn-bán thì ít ; ngày phiên, người các châu có khi xa đến mấy ngày đường đem được ít thổ-sản ra bán, sập-sã một lát buổi sáng, rồi bán được đồng nào ăn quà bánh, uống rượu chè, vào sòng bạc, no say sạch túi rồi mới trở về, đợi phiên khác lại đi.

Châu Cao-lộc đóng ở trên một cái đồi cao, nguyên là nhà mát của một người Tây-thương, có vẻ cao-ráo sạch-sẽ. Quan châu Đỗ là người dưới ta, lên làm quan trên này đã lâu năm, người hoạt-bát và nhã-nhặn lắm. Chuyện-vãn ít lâu, rồi quan châu sai người nhà sửa-soạn đuốc lửa và thân-hành hướng-đạo anh em đi xem Tam-Thanh. Đồng cách đấy chừng mười-lăm phút xe tay, không xa gì, xe kéo đến tận cửa được. Kể cảnh-trí cũng không lấy gì làm đẹp, duy có hơi lạ một chút, là ở ngay cạnh tỉnh-thành mà có mấy hòn núi đá giữa đám đồi đất chung quanh, trong có hang sâu khuất-khúc, khe chảy quanh-co.

Đồng-đăng có phố Kỳ-lừa,
Có nàng Tô-thị, có chùa Tam-Thanh.

Kỳ-lừa là phố chợ vừa đi qua ban nãy ; Đồng-đăng thời còn cách mười-lăm cây về phía Bắc, giáp-giới nước Tàu. Tô-thị là một ngọn núi trong đám núi Tam-Thanh này, nghe đâu như hình người đàn-bà đứng chon-von giữa trời, nên còn nhất-danh là núi Vọng-phu, nhưng nay sét đánh đổ mất rồi. Chốn Tam-Thanh này vẫn có tiếng là nơi thắng-cảnh ở xứ Lạng, các thi-nhân mặc-khách ta đề-vịnh đã nhiều. Nhưng thi-nhân mặc-khách ta đến cảnh non bộ để ngoài sân còn ngâm-vịnh được, huống là cái cảnh thiên-tạo hẳn-hoi, dẫu không có vẻ li-kỳ như các đồng Hạ-long, không có vẻ u-nhã như các đồng Ninh-bình, nhưng cũng là cái thú thiên-nhiên ở cạnh ngay nơi thành-thị.

Chính đồng Tam-Thanh thì nhỏ, xem qua đền thờ ở ngoài — tức « chùa Tam-Thanh » trong ca-dao, — rồi ra Nhị-Thanh gần đấy.

Ngoài cửa đồng Nhị-Thanh có cái hồ nhỏ, bên hữu có đền thờ Tam-giáo, vào trong như có một gian tiền-đường cũng khá rộng, giữa đặt hương-án và cái sập bằng đá, đó là chỗ thờ cụ Ngô Thời-Sĩ. Nguyên đồng này là tự cụ khai-sáng ra, hồi làm đốc-trấn ở đây về Lê mạt, và có công sửa-sang nhiều. Nay còn có tượng truyền-thần của cụ chạm vào đá ở tận trên cao. Gần đây lại khắc thêm tượng hai ông Tây nữa để làm bạn với cụ, là ông Công-sứ EMMERICH và ông Công-sứ ECKERT.....

Năm sáu bó đuốc đốt lên, một đoàn mười mấy người kéo nhau đi vào trong hang tối. Đường đi đã sửa-sang, có chỗ bắc ván làm cầu, dưới chân suối nước chảy róc-rách, trên đầu thạch-nhũ rủ rườm-rà, hai bên những hình đá kỳ-quái, nào là rồng-rắn, nào là thuồng-luồng, đá có biết nói đâu, muốn đặt cho tên gì mà chẳng được. Vào đến giữa có một chỗ thủng rộng ra, trên cao có khe đá, ánh sáng chiếu xuống được, mà nói có tiếng vang, âm lên to lắm. Quan binh đã sửa làm một cái bệ cao, hai bên có bậc thang lên, gọi là cái « sân khấu », nghe đâu đã có diễn-kịch hát-xướng ở đây. Không biết hát thế nào, chứ hò-hồng như mấy chú linh tây tối chủ-nhật, thì hồn cụ Ngọ-Phong cũng phải thất-đảm! Đi quanh-co một hồi, rồi đến cửa ra, tức là cửa sau đồng. Ra đến ngoài thấy quanh mình những núi đá la-liệt, như tường dựng bốn bề, mà trông ra đàng xa thời quần-sơn liên-lạc, tít-mịt vô-cùng, tưởng như lạc vào giữa nơi thâm-sơn cùng-cốc vậy. Nhưng đi độ mươi phút thời đã trông thấy thành-phố Lạng-sơn ở ngay kia.

Những núi đá ở đây có lắm thứ hoa cỏ đẹp. Trong bọn đi chơi Tam-Thanh có ông thích nhất một thứ lan, nói qui lắm, cố hái lấy cho được.

Trời đã chiều hôm, thấy có gió mát, mà trên trời thời vẫn mây, tiếng sấm vang sườn núi, tưởng rằng mưa, nhưng mà không. Anh em từ-biệt quan châu, rồi về trọ nghỉ.

Về đến nơi tiếp được cái thiếp của quan Tuần Vi, hiện ở Lạng, mời đến nhà riêng chơi. Quan Vi trước làm tuần-phủ Cao-bằng, nay đổi về Phúc-yên, có nhà ở tỉnh Lạng, ngày nghỉ thường về chơi, chính là bạn đi Tây năm trước đây. Không ngờ gặp nhau, lấy làm vui vẻ. Nói chuyện Cao-bằng, ngài chỉ cho nhiều chỗ đi chơi đẹp; nhưng không biết có thể đi được khắp không

Cơm tối xong rồi đi dạo chơi phố-phường. Nương mà quen ở nơi có đèn điện sáng, đi chơi trong những đường phố tối mù, không có thú vị gì cả. Chỉ thỉnh-thoảng thấy một nhà đèn sáng đông người, thời là sòng bạc, bọn hạ-lưu xem chừng ra lại ham lắm. Mấy tên xe kéo, vừa đi chỉ vừa bàn đố chữ!

Độ mười giờ về trọ, gặp ông chủ quán, nói chuyện về tình-hình buôn bán ở trên này. Ông cũng là một tay cự-thương ở đây, một mình địch với bọn Hoa-thương đã thấy đắc lực. Trước ông, bao nhiêu lợi-quyền buôn-bán ở tay người Khách cả, nay bọn Khách đã phải chịu nhường lại một phần to. Hiện ông đương sửa-sang nhà khách-sạn, làm thêm ra mấy lớp nữa, coi cũng to-tát lắm

Sáng sớm ngày 13, đi chuyến xe lửa thứ nhất lên Na-cham (đọc là Na-sầm) là nơi cùng đường sắt, cách Lạng-sơn chừng 30 cây. Ông Ngô Tiến-Cảnh, chủ công-ti Mão-Cảnh, đã cho biết trước rằng ông sắp ô-tô đợi sẵn ở đấy, để xe lửa đến nơi thời đi ngay cho mát. Buổi sáng tỉnh-tao, mới nhìn xem phong-cảnh hai bên đường sắt, thời thấy càng lên lại càng ngổn-ngang những đồi cùng núi, liền-tiếp không dứt, thật là thắng cảnh đèo-heo quạnh-quẽ. Qua Đồng-đăng đỗ một lát, chừng chín giờ thời đến Na-cham. Quả thấy ông Ngô Tiến-Cảnh đã sắp xe đợi sẵn đấy rồi; một cái xe của Công-ti với một cái xe riêng của ông, chính ông cầm máy. Xếp đồ hành-lý rồi đi liền. Nhân ngồi cùng xe với ông Ngô, hỏi chuyện về công-ti vận-tải của ông Hà Văn-Mão và ông đứng chủ, mới biết rằng công ti này hiện nay phát-đạt lắm, có xe chở thư và chở khách không những một đường Na-cham Cao-bằng, mà sang cả Long-châu bên Tàu nữa; mấy đường này trước chỉ có một hiệu Tây chở, lấy giá đắt quá, hầu như giữ chuyên-quyền vận-tải cả vùng này, không có ai cạnh-tranh, không cần gì hành-khách; từ khi có công-ti lập ra, đã từng lắm phen xung-đột với hiệu kia, ganh nhau rất kịch-liệt, sau đến được toàn-thắng, khiến cho phải đình-bãi, đó cũng là một cái công khắc-tiệp trong trường thương-chiến, đáng danh-dự cho người mình. — Từ đây trở đi, phong-cảnh lại càng khí-khu hơn nữa, nhưng có cái vẻ xanh-tươi đẹp-đẽ: hai bên núi, giữa con sông, cây-cối um-tùm rậm-rạp; sông này là sông Kỳ-cùng, sở-dĩ gọi là thế có lẽ là vì nó ở đất ta không có đầu không có đuôi, phát-nguyên tự bên Tàu mà chảy về cũng ở Tàu, chỉ qua sang ta có một khúc. Không những một con sông này, nhiều các đường nước khác ở vùng Cao Lạng đều như thế cả, như Bằng-giang Hiến-giang ở Cao-bằng cũng vậy. Thế nước chảy thường là tiêu-biểu cái xu-hướng của sự sinh-hoạt; đất này tuy là đất nước Nam mà cách sinh-hoạt của người dân thực là bán Nam bán Bắc, có lẽ thuộc Bắc nhiều hơn thuộc Nam. Ấy cũng là cái địa-thế thiên-nhiên nó khiến nên như thế, đường phân-giới của người ta hoạch-định chẳng qua chỉ phân-biệt được cái sắc vẽ trên địa-đồ mà thôi.

Đường đi theo đường sông cho đến gần Thất-khê, rồi con sông Kỳ-cùng

chuyền quay về Tàu. Đương núi-non bát-ngát, chợt đến một khoảng đồng-ruộng mênh-mông: đó là Thất-khê. Sao gọi là « Thất-khê »? Ý-giả quanh đây có nhiều khe ngòi ở các núi chảy về, tầm-tưới cho đồng-ruộng tốt-tươi, nên thóc gạo ở đây có tiếng tốt. Nước lành, đất tốt, người đẹp, dân thuần, Thất-khê là một mảnh Trung-châu lẫn vào trong miền rừng-núi. Cái xe đương leo núi quanh-co, ngửa-nghiêng lật-đật, được bon-bon chạy giữa đồng-bằng, tưởng như tiếng máy kêu cũng dòn hơn mà bánh xe chạy cũng khoái-hoạt.

Đến Thất-khê đã thấy ông Hà Văn-Mão đợi đấy rồi. Đi chơi xa mà được hai ông chủ công-ti vận-tải chuyên tay nhau tiếp đón, thời còn phải ngại gì nữa! Chắc thế nào cũng phải đi đến nơi, về đến chốn, mà y như hẹn, đúng từng giờ. Định ăn cơm trưa ở Thất-khê, thời vừa trưa tới nơi. Hà tiên-sinh đã cho đặt tiệc sẵn ở sở đại-lý của công-ti. Ông người vui-vẻ lắm; vốn ở trong quan-trường, gần đây mới quay về thương-giới, có cái khái tự-do độc-lập, có cái tài hành-sự quả-cảm, không muốn để cho tiêu-ma ở trong chốn nha-môn eo-hẹp, mà muốn đem ra vẫy-vùng ở trên trường kinh-tế thảnh-thơi. Ông vốn người thổ-trước, nên tình-trạng bổn-địa thông-thuộc lắm; lại thạo tiếng tàu, nên thời-cục nước Tàu trong miền Lưỡng-Quảng cũng tỏ-tường. Khi ăn cơm, chỉ nói chuyện loạn Tàu. Ông nói: Chúng tôi ở chỗ biên-thùy, nghe chuyện loạn Tàu như chuyện cơm bữa, không lấy gì làm lạ nữa. Ở Tàu quan-hệ nhất là cái khoản thuế thuốc phiện; các tướng chỉ trông vào đấy mà tự-cung cùng nuôi lính, và cũng chỉ vì đó mà tranh nhau, rồi đến đánh nhau hoài. Hiện nay người có thế-lực ở Quảng-tây là Hoàng Bội-Quế, vốn là người Cao-bằng, chạy về Tàu hồi nước Pháp mới đặt Bảo-hộ. Hoàng đóng ở Nam-ninh, giao cho thuộc-hạ giữ Long-châu. Viên thuộc-hạ này thu lấy thuế thuốc phiện rồi muốn giữ một mình, không nộp lại Hoàng. Hoàng sai quân xuống đòi, viên kia thấy thế không địch nổi, « chuồn ». Nhưng ví có sức chống, thời hai bên thành đánh nhau. Ấy loạn Tàu là thế; chỉ khổ dân-gian làm ăn. Nhưng mà chịu lắm nó cũng « ê-chề » đi... Nói về Long-châu là một tỉnh-thành lớn, một nơi đô-hội phồn-hoa, cách Lạng-sơn có năm-mươi cây. Ông rủ nên sang chơi một chuyến. Bây giờ thì đi không tiện, vì quân lính đương hỗn-độn. Xe ô-tô của công-ti chạy sang bên ấy phải cắm cờ tam-tài của Đại-Pháp, đi mới chót-lọt. Người Tàu không ưa gì Dương-nhân, nhưng cũng còn sợ lốt. Ông nói chuyện cái cờ tam-tài này cũng phải xin phép khó-khăn mới được cắm, chứ đừng tưởng dễ. Không phải là xin phép quan Tàu, chính là xin phép quan Tây! Nói thế tất ai cũng lấy làm lạ; người mình là thần-dân Đại-Pháp mà ra đến ngoại-quốc không được quốc-kỳ Đại-Pháp che-chở cho, thì còn hòng gì nữa! Số là cắm cờ Đại-Pháp đi trong đất nước Tàu, phải có lãnh-sự Pháp sở-tại thừa-nhận. Lãnh-sự thừa-nhận phải trước-bạ, lại phải tư trình « Công-sứ » Pháp (*ministre de France*) ở Bắc-kinh có chuẩn-y cho phép mới được. Điện đi thư lại, cũng phí-tổn và mất ngày giờ. Việc quốc-tế giao-thiệp, không phải là việc chơi!

Nghỉ-ngơi chuyện-vãn ít lâu, rồi lên xe đi thẳng Cao-bằng. Hai xe hai ông chủ thân-hành cầm máy, thật là đãi khách ân-cần quá sức. Nói đường đi có ý cheo-leo, muốn cầm lấy cho hết sức cẩn-thận. Mới biết cái mệnh một bác văn-sĩ, cũng quí-giá lắm, chứ chẳng vừa! Sau khi về Hà-nội, đọc báo thấy ông Tây « Đoan » Cao-bằng cũng đi ô-tô ở khoảng đường này mà lăn xuống vực sâu, rập óc chết. Nghĩ văn-sĩ mình

đi chơi phiếm, giá cũng tình-cờ đem thân liệng xuống vực Cao-bằng như thế, thì uổng quá, và cũng tội-nghiệp! Cổ-nhân nói có cái chết nhẹ như lông hồng, có cái chết nặng như Thái-sơn. Cái chết ô-tô là cái chết đều-giả, vô-nghĩa-lý. Chỉ nguyện có phải chết, xin đừng chết cách đó.

Kể cheo-leo thì đường đây cũng cheo leo thật. Một bên núi cao rừng rậm, một bên rừng rậm vực sâu, cái xe quanh-co len-lỏi ở giữa, toàn theo một kiểu chữ 之 không chỗ nào được đến một trăm thước thẳng, tay cầm máy không để yên một giây phút, cứ chuyển-dịch tay-hoa luôn, tưởng giá dời tay một phút thời đi đời; lại những chỗ lên dốc xuống dốc, cũng phải đổi tốc-độ luôn, coi cái xe như gò-gẫm, hộc-tốc, rền-rĩ, gầm-gừ, mà thương cho con vật máy phải khó-nhọc với giống người! Lại còn nỗi xe tải đứng chật đường nữa; tự Thất-khê đến Cao-bằng, trên đường có tới hàng nghìn cái xe như hình xe bò có mái che mà ngựa kéo, của bọn phu tải người Thổ, người Nùng, người Khách chở đồ hàng hóa, trưa nắng chui vào trong xe ngủ, ngổn-ngang cả dọc đường.

Phong-cảnh tự Thất-khê trông mới kỳ-tú thay! Chỗ thời những núi đá cao hiểm-trở, chồng-chất nối tiếp nhau không dứt, cây rậm như rừng, cây lớn, cây nhỏ, cây giây leo, chằng-chịt quấn-quít, rối-rít như mớ bòng-bong, thật không đâu có núi đá sầm-uất đến thế. Thường bên đường có khe nước chảy, thời róc-rách, chỗ chỗ thời dào-dào như tiếng thác nhỏ, nhưng nhiều khi cũng cây cối um-tùm che lấp cả. Có lẽ bởi có nhiều suối nhiều khe tầm-tưới mát-mẻ, nên loài thực-vật mới phồn-thịnh đến thế. Chỗ nào khe rộng nước nhiều, cây cao bóng mát, thời bọn phu tải ngựa tải xuống bì bõm tắm giặt; coi các cái trạng-thái con ngựa khi cúi đầu uống nước, khi ngửng cổ rống kêu, khi xoay-xoả vẫy-vùng, khi thung-thăng bước một, thật đáng một bức tranh Hàn Cán nhà Đường. — Chỗ thời hết núi đá cây rậm đến đồi đất cỏ xanh, ngổn-ngang bát-ngát, coi xa rập-rờn như sóng bể. — Lại chỗ thời đột-ngột những ngọn cô-phong, cách nhau bằng những thung-lũng nhỏ, có ngòi nước chảy, có ruộng cày cày. — Những xem các phong-cảnh này cũng đáng đi Cao-bằng một chuyến.

Định bốn giờ đến Cao-bằng, tới nơi vừa đúng. Các quan-viên Hội Trí-tri đã chực sẵn ở nhà Hội. Xe đỗ trước công-ti Mão-Cảnh gần ngay đấy, vừa bước xuống thời đã thấy ông Hội-trưởng Vũ Đình-Khôi tất-tả chạy lại, tay bắt mặt mừng. Ông đưa sang nhà Hội, giới-thiệu với các ngài trị-sự. Nhà Hội tuy nhỏ, nhưng trang-hoàng rực-rỡ lắm. Thật không ngờ các ngài có bụng yêu đón-tiếp trọng-thể như thế này.

Theo chương-trình của các ngài đã định thì 6 giờ chiều hôm nay sẽ phải diễn-thuyết bằng tiếng Pháp trong tiệc sâm-banh của Hội đặt, có mời quan Sứ và các quan văn võ cùng các bà đầm ở trong tỉnh. Chiều ngày mai thì diễn-thuyết bằng tiếng ta cho các quan-viên Hội và thân-hào trong thành-phố nghe. Đã mang tiếng là người hay nói, nên đi đến đâu bà con cũng bắt nói, không lẽ chối-từ, nhưng nghĩ cũng phiền. Dân ta vốn là một dân ít nói trong khi giao-tế hay ở chỗ công-đồng; ngày nay sinh diễn-thuyết và sinh nghe diễn-thuyết, âu cũng là một cái thói bắt-chước của Âu-Tây. Miễn là đừng lạm-dụng để làm một cách huyễn-diệu khoa-trương, còn nếu biết khéo lợi-dụng để cổ-động trong công-chúng, truyền-bá những điều hay, thời lời nói nhiều khi cũng có thần và cũng có hiệu lắm. Đã làm một nhà ngôn-luận, tất phải có dịp nói luôn, chỉ ước-ao nói sao cho chánh-đáng để khỏi ngộ-hoặc đồng-bào.

Các ngài đã để sẵn cho mấy phòng trong khách-sạn của Công-ti; vậy anh

em về trọ nghỉ, rồi đúng giờ ra nhà Hội. Tân-khách bấy giờ đến đã đông cả. Tỉnh này quan binh cai-trị, nên phần nhiều là các võ-quan; quan Sứ là một vị thiếu-tá (quan tư); lại có mấy bà đầm chiếu-cố nữa. Ông Hội-trưởng Vũ đọc một bài giới-thiệu, có ý quá khen. Còn diễn-thuyết thì thật chưa kịp sửa-soạn gì; gọi là tức-tịch nói mươi-lăm phút về công việc Hội Trí-tri ở Bắc-kỳ từ ngày sáng-lập đến giờ. Người An-Nam diễn bằng tiếng Tây, chắc không thể sao cho thạo bằng người Tây được; các qui-quan tưởng cũng lượng cho vậy. Nói xong, quan Sứ có đứng lên đáp lại mấy lời, có ý ân-cần lắm. Vốn là quan võ mà có cái thái-độ một bậc văn-quan. Trong tiệc chuyện-trò vui-vẻ. Ngồi cạnh hai bà đầm, một bà lại chính là người *Paris*, nên toàn nói chuyện *Paris* cả, càng thêm nhớ đến phong-cảnh du-lịch cũ.

Tối hôm nay dự tiệc của công-ti Mão-Cảnh mời, đặt ở ngay khách-sạn công-ti. Ở một tỉnh nhỏ như đây mà đặt được một tiệc tây lớn tới bốn năm mươi phần ăn, thật sửa-soạn cũng đã công-phu lắm. Ngoài hai ông chủ công-ti là quan châu Hà Văn-Mão và ông Ngô Tiến-Cảnh, lại có quan Tuần Nghiêm Xuân-Quảng mới ở Ninh-bình đổi lên và quan Phủ Hòa-an Nông Ích-Lương, còn thời là các quan viên Hội Trí-tri và thân-hào trong tỉnh c . Có mấy quan châu nữa ở xa không tiện về, nhưng có điện về ân-cần lắm. Trong khi tiệc có đốt cây bông, vì hôm nay chính là hôm trước hội Tây. Đám rước đèn đi quanh thành-phố, dừng lại trước khách-sạn thổi một bài quân-nhạc; ý-giả muốn biệt-đãi khách Hà-nội chăng?

Tỉnh-lị đây được giăm ba phố, xe kéo cũng không có, chẳng có chỗ nào đi chơi. Chợ ở ngay trước khách-sạn là chỗ vui-vẻ đông-đúc nhất. Nhân hội tây, có mấy phường hát người Tàu và người Thổ đến mở rạp ở đấy, đêm khuya hãy còn nghe tiếng hát ánh-ỏi. Giữa chợ lại có sòng bạc nữa, thế là đủ vui rồi.

Tối đi nghỉ sớm. Sáng mai các ngài định đưa đi xem sở nuôi ngựa ở Nước-Hai (sở-tại phủ Hòa-an), yết miếu vua Lê ở Na-lữ, và giới-thiệu cho biết mấy bậc hưu-quan thổ-trước ở đây. Trưa mai dự tiệc trong dinh quan Tuần. Chiều thì quan Sứ mời tiệc trà trong tòa Sứ. Đến bấy giờ diễn-thuyết về quốc-văn ở nhà Hội. Tối Hội đặt tiệc ở khách-sạn. Một ngày mà bấy nhiều việc ăn, uống, nói, xem, kể cũng là đầy-đủ lắm vậy. Các ngài còn muốn rủ đi xem nhiều nơi đồng-thắc cùng lắm cảnh-trí đẹp ở xa nữa, nhưng cứ cái cách tiếp-đãi ân-cần như thế này, thì anh em nể lòng các ngài lắm không dám nhận ở lưu lại thêm nữa, sợ quá phiền. Vả đã định trước ở nhà thế nào cũng nội ngày 15 về, vậy sáng 15 phải đi sớm.

Nước-hai là một vùng bình-nguyên bát-ngát, ruộng đất phì-nhiêu, cũng như ở Thất-khê. Đi xe hơi trong khoảng đồng ruộng mênh-mông này, xa-xa mới trông thấy những dẫy núi tịt-mù, tưởng như ở vùng Sơn-tây nay Bắc-ninh vậy. Sở nuôi ngựa ở cạnh ngay phủ-lị Hòa-an, ông bác-vật Tây làm chủ ở đây đưa đi xem các chuồng ngựa, có mấy con ngựa giống mua tận Phi-châu, đẹp lắm, đáng giá nghìn đồng một con, cho giao-cấu với ngựa cái ở miền này, sinh con «lai» lại mạnh-mẽ lắm; giống «lai» này lại truyền-bá đi, có thể gây ra một giống ngựa mới khỏe-mạnh cứng-cáp hơn ngựa bản-xứ. Sở này thí-nghiệm đã mười mấy năm ở giữa vùng này là vùng sản ngựa nhiều, thấy kiến-hiệu lắm. — Xem xong sở ngựa, quan phủ Hoài-an mời vào phủ-đường gần đấy, đã đặt tiệc bánh rượu sẵn. Suốt ngày hôm nay, đi đến đâu cũng chỉ những ăn cùng uống. Vào thăm quan án-sát hưu-trí Bế, quan tri-châu hưu-trí Linh, cũng đều thết-đãi như thế cả. Các ngài ở trong làng xa, rõ ra cái cảnh thôn-trang miền núi;

đi vào phải đi ngựa, mà nhà nho cưỡi ngựa không quen, phải có người giắt, đồng-nhân cười là thầy Đường-tăng đi trầy kinh!

Miếu vua Lê ở vào địa-hạt làng Na-lữ, dưới sông trên đồi, cây-cối ùm-tum, coi cũng sầm-uất. Vào yết miếu, ông hội-trưởng Vũ có nhớ đem hương đi đốt, lại đem bút nho đề một câu kỷ-niệm vào tường. Nay công-nhiên là miếu thờ vua Lê Thái-Tổ, nhưng xem các hoành-biển và đối-liên thì không có gì nói riêng về vua Lê, toàn là câu sáo thờ thần cả. Nghe đâu đã có hồi người Tàu nhận là thờ Mã Phục-ba hay thờ Cao-Biền. Ở đây là nơi biên-giới giáp Tàu, không những người dân bán Nam bán Bắc, mà thần-thánh cũng có khi không phân-biệt rõ là Bắc hay Nam nữa. Có đem thợ ảnh ở tỉnh về chụp mấy tấm làm kỷ-niệm, nhưng tiếc thay ảnh lòe quá, không thể in vào báo được.

Buổi chiều 7 giờ diễn-thuyết ở nhà Hội, người đến nghe có tới hai trăm lẻ, có cả mấy bậc phụ-nhân trong thành-phố nữa.

Tối, sau tiệc tiễn-hành của Hội, mấy ông bạn trên này muốn giới-thiệu cho biết một bà người Thổ-trước, thuộc về xã-hội giao-thiệp và có tiếng đẹp ở đây. Ăn mặc lối Tàu, người bóng-bẩy dịu-dàng, coi cũng có vẻ thanh-tao phong-nhã lắm.

Quan châu Hà thời đặt ở nhà một cuộc tiêu-khiển riêng của xứ này, là cuộc phụ tiên, đây gọi là *Then* hay *Bụt* (Tiên, Phật). *Then* hay *bụt* thường là những đàn-bà con gái óng-ả lắm, đã học thuộc nhiều các bài văn cúng, nhà nào muốn làm lễ kỳ-yên thời mời đến gẩy đàn đọc văn, cầu-nguyện cho trong nhà được bình-yên mạnh-khỏe. Trên giường bày lễ-vật hương-hoa, cô *then* ngồi bên cạnh, tay cầp cây đàn, chân đeo tràng nhạc, miệng hát, tay gẩy, chân rung, dịp-đàng lắm. Giọng hát tỉ-tê thánh-thót, nghe rất là buồn, như giọng gọi hồn vậy. Tưởng giả nghe chỗ vắng-vẻ, thời rùng mình, như tiếng vong-hồn nhắn người dương-thế vậy. Nhưng cũng có một cái thú âm-thầm não-nuột. Không trách đàn-bà con gái có người mê lắm, quyến-luyến *then*, sắm-sửa chăm-chút cho *then* như đối với người có tình vậy. Cô *then* ngồi đọc văn gẩy đàn như thế, thường là suốt đêm, có khi cả đêm cả ngày, không dịch chỗ, không đứng dậy, mà không đổi giọng, không dứt tiếng, hình như người nào đọc được nhiều, giọng được tốt, là người có tài vậy.

Xem *bụt* đến 3 giờ đêm thời từ-giã các bạn Cao-bằng, cùng ông Ngô Tiến-Cảnh lên ô-tô về Na-cham. Định đi sớm thế cho mát, và kịp chuyến xe lửa Lạng-sơn trưa. Nhân lại được xem cái phong-cảnh núi-non lúc ban đêm sáng trăng mờ và lúc tinh-sương mặt trời mọc. Đến Na-cham vào 9 giờ sáng, ăn cơm sớm ở đấy, rồi ông Ngô lại đánh xe cho về Đồng-đăng, xem ải Nam-quan. Hai bên núi chạy như thành, giữa có cái cửa, coi cũng hùng. Nhưng cớ chi phải đặt mấy chú Khách kiết, nghiện xo vai, để làm lính canh cửa, cho nó giảm mất cái oai một chốn hùng-quan như thế? — Xem xong cửa ải, vừa gặp chuyến xe lửa, từ-biệt và cảm ơn ông Ngô, rồi lên xe lửa về Hà-nội.

∴

Thế là xong cuộc « du-lịch » cỏn-con bốn ngày trời. Kể thì cũng không có chuyện gì lý-thú, đáng ghi chép làm chi. Nhưng trên kia đã nói, theo lệ thường, có « du-lịch » phải có « du-ký », âu cũng là một câu chuyện tắc-trách vậy. Dù chuyện có lạt-lẽo, lời có vô-vị, mong các bạn làng văn cũng lượng xét mà không quá trách.

Nay trước khi dừng bút, muốn nhân đây bộc-bạch một đôi lời.

Làm nhà văn ở đời này, cái trách-nhiệm cũng khá to, mà cái tình-cảnh cũng khó xử. Mỗi khi nghĩ đến, không khỏi giật mình. Đương lúc cả quốc-dân im hơi lặng tiếng, một vài người gắng-gỏi hô-hào. Dẫu ngắn hơi, dẫu xấu giọng, nhưng giữa đám thanh-âm tịch-

mịch, tiếng kêu cũng truyền động đến xa. Bấy giờ ở chốn chân trời nơi góc bể, dần dần có người hưởng-ứng mà họa theo. Những người ấy chắc là người đồng-điệu mà đồng-tình, nên cũng đồng-thanh mà đồng-cảm, tự-nhiên gây ra một cuộc âm-nhạc vô-hình. Cuộc hòa-nhạc nay còn âm-thầm não-nuột như khúc «Nam-ai», nhưng mối đồng-cảm hiện đã dằng-dịt khăng-khít như tình bè-bạn. Nhân đó mà nhà văn cùng với các bạn đọc văn, thường có một cái cảm-tình riêng, đi ra ngoài mới biết nhiều khi cũng đằm-thắm mà sâu-xa vậy. Trong cái cảm-tình đậm-đà đó, có một sự kỳ-vọng rất to-tát, là kỳ-vọng cho đạt tới cái mục-đích cao-thượng như một bậc danh-sĩ nước Pháp đã giải-thích như sau này: «Nhà văn phải là một kẻ tiên-phong, một người hướng-đạo, một kẻ cổ-động cho người theo; nếu lại cam-tâm làm kẻ nô-lệ phục-tòng, hay làm tay hộ-biện ăn công, thời là trụy-lạc mất cái thiên-chức của mình. Phải đốt đuốc, phải mở cờ, phải làm cái mộc, phải làm thanh gươm; phải sẵn đem thân hi-sinh cho nghĩa-vụ.» (1) — Nhưng nghĩ đến cái mục-đích cao-siêu như trên đó, lại xét đến cái tình-cảnh eo-hẹp như bây giờ, thật là cách xa một trời một vực, càng thêm hổ thẹn trăm phần. Dẫu chỉ có muốn như thế, thế cũng không sao làm được. Cho nên càng được các bạn đồng-chí ở bốn phương trong nước, kẻ kề nách bên mình, người chân trời góc bể, kỳ-vọng cho bao nhiêu, lại càng thêm lo mà thêm sợ bấy nhiêu, không biết trăm nghìn phần có đối-phó được một đôi phần không. Nay muốn cảm ơn cái lòng yêu mến đó, chỉ xin tự-nguyện theo mấy lời như sau này, của một nhà làm báo có danh bên Đại-Pháp giải-nghĩa cái chức-vụ của nhà báo ở đời nay, và một ông nho cận-đại ở nước Tàu giải-nghĩa cái chức-vụ của kẻ sĩ bên Đông-phương nên thế nào. Ông văn-sĩ Tây nói rằng: «Nhà báo chúng tôi không phải là toàn-trí toàn-năng, cái gì cũng làm được, cái gì cũng biết hết đâu. Chúng tôi giống như lão DIOGÈNE nước Hi-lạp ngày xưa giữa ban ngày xách cái đèn mà đi tìm sự thực vậy. Trông thấy sự thực thì hăm-hở cầm bút viết ngay. Cũng có khi tìm thấy sự thực thật, bấy giờ vui sướng không gì bằng. Nhưng cũng lầm khi thời trông lầm, hoặc vì đèn không sáng, hoặc vì tay xách lệch. Nhưng dẫu lầm cũng là thành-thực, chứ không chủ hại gì ai. Được cái đó là hơn bọn chính-trị, vì bọn này chê ai là chỉ mong cướp lấy chỗ người ta, khen ai cũng là chỉ mong người ta vời đến mình. Nhà báo chúng tôi không có cái bụng tư-kỷ đó, vì không thiết chi sự danh-lợi. Chỉ hi-vọng có một điều, là nuôi được cái lý-tưởng cốt-yếu của mình mà truyền được vào trong tâm-trí của công-chúng...» (2) — Ông văn-sĩ Tàu thì nói rằng: « *Hạ-sĩ khu-khu bảo-chủng, ái-quốc, tồn-học chi chí dã*. Kẻ hạ-sĩ tôi chỉ khu-khu có một cái chí giữ-gìn cho nòi-giống, thương-yêu lấy nước nhà, và bảo-tồn lấy sự học.»

Nếu theo được như lời đó, nuôi được cái lý-tưởng cốt-yếu, giữ được cái chí-hướng thiết-thực như thế, thời ngõ-hầu cũng không đến nỗi phụ tấm lòng kỳ-vọng của các bạn đồng-thanh cùng đồng-chí.

Vậy xin lấy lời nguyện ấy làm kết-luận cho bài du-ký tầm-thường này.

P. Q.

---

(1) « L'écrivain doit être un guide, un conducteur, un inspirateur; il ne saurait, sans déchoir, devenir un serviteur soumis un avocat à gages. Il allume le flambeau, il se fait bouclier ou glaive, s'offre en holocauste. » (GEORGES DUHAMEL.)

(2) Trong sách: *Sa Majesté la Presse* của STÉPHANE LAUZANNE.

CỤ THÂN TRỌNG-HUỀ

Số báo này đã sắp in xong mới được tin cụ Thân Trọng-Huề mới tạ-thế.

Tin này truyền ra, chắc cả quốc-dân đều thương tiếc. Nhất là đồng-nhân trong báo-quán này, lại càng xót-xa hơn lắm nữa. Cụ đối với bản-chí có cái ơn đỡ đầu buổi sơ-sinh, có cái nghĩa bạn thân khi trưởng-thành. Những bài đại-luận của cụ, chau-chứa một lòng yêu nước thương nòi, còn văng-vẳng bên tai các độc-giả.

Nay thương tiếc cụ không phải là thương tiếc một vị quan to có quyền-thế đâu. Nếu cụ chỉ là một quan Thượng-thư, một vị Thiếu-bảo, một bậc đại-thần nhất-phẩm Triều-đình ở đời này, thời đối với cụ, một tiếng ô-hô hão, một lời chia buồn suông, cũng thừa đủ rồi, có chi mà đáng thiết-tha ai-cảm. Nhưng cụ là một người cương-trực, khảng-khái, một lòng ái-quốc trung-quân, mà ở đời này những người trung-quân, ái-quốc, khảng-khái, cương-trực lại rất ít, cho nên một đời cụ làm quan, đã gặp nhiều phen tỏa-chiết. Bị tỏa-chiết mà cái chí vẫn cương-cường, kẻ trí-thức phục cụ là người « cứng ». Phường danh-lợi thời lại chê cụ là người « vụng », vì « cứng » mà nên « vụng ». Nhưng ở đời này thiên-hạ chỉ lấy cái tiểu-xảo mà khuynh-loát nhau, — khôn là biết nịnh tài, khéo là kiếm tiền giỏi, — thời lời chê ấy an-tri lại không phải là lời khen đích-đáng ? Lại người đời đều mềm cả, — mềm cho đến nỗi không còn khí-phách gì nữa — mà một mình cụ cứng, há lại chẳng đáng phục dư?

Muốn biết cái lòng trung-ái, cái tính ngạnh-trực của cụ thế nào, phải đọc lại bài biểu tạ thăng Thiếu-bảo của cụ đã đăng trong bản-chí số 70 (phần hán-văn). Thường lời biểu tạ-ân là lối văn sáo-ngữ, chỉ tán-dương hão, không ý-nghĩa gì, vậy mà bài biểu của cụ lời lời thành-thực thiết-tha, ngậm-ngùi ai-oán, như thổ-lộ được hết cái chí bình-sinh. Cụ nói cụ làm quan nhiều khi vì trực-ngôn mà thủ-họa, khi làm nhỏ thời bị kẻ « đại-thần tiểu-khí » hạch-lạc, khi làm to thời bị kẻ « đồng-sự dị-tâm » hại ngầm, « sàm-báng chật đường, khó yên phận ở đất Trung-kỳ ; công-lý mờ-ám, phải di thân ra miền Bắc-địa » ; kịp đến khi nhờ ơn trên triệu về Kinh-quyết, cho chưởng Bộ-vụ, thời « bội-tinh kim-bài, thường-tinh đều lấy làm vinh, ngày đêm lo nghĩ, trong lòng lại càng thận-trọng ; sao cho rộng đường sinh-kế cho bách-tính, sao cho khoan bụng lo-lắng của cửu-trùng, sao cho gọi được cái hồn ái-quốc của người mình, sao cho trừ được cái bụng ái-tiền của quan-lại, nghĩ mãi chửa ra lương-kế, ơn trên đã vội tầm-nhuần ; thăng cho hàm Thiếu-bảo, nào có ích gì cho Đông-cung đi du-học ; bụng trên đoái nghĩ tới, cũng chẳng qua nhân vì xuân-thu mà đàm-ân...»

Mấy lời đó thật là vẽ được cái tâm-thuật của cụ. Chúng ta tiếc cụ chính là tiếc vì cái tâm-thuật đó.

Ở thời này chỉ lấy cái bụng mà xét người, còn sự-nghiệp công-danh chẳng qua là chuyện hão-huyền cả. Nay cụ đã sớm vội lìa trần, thật là nước Nam ta thiệt mất một người thành-tâm ái-quốc. Có thể cho là một cái tang chung cho cả nước vậy.

Về phần riêng tôi thời khi cụ ở Bắc-kỳ thường được đi lại hầu chuyện cụ. Tôi còn nhớ nhiều khi đêm khuya thanh vắng, ngồi trong nhà riêng cụ ở « Giốc Hàng Kèn », cùng cụ bàn-luận về việc thời-thế, việc nước nhà, đôi phen trong lòng đau-đớn vì những điều trông thấy, mà nghe cụ nói có thể mạnh-mẽ phấn-chấn lên được. Từ ngày cụ về Kinh, đã thấy vắng ; nay được tin cụ tạ-thế, thật như mất một ông thầy vậy. — Ô hô ! Thương thay !

P. Q.

KHẢO VỀ CHẾ-ĐỘ LẬP-HIẾN CỦA NƯỚC NHẬT-BẢN

Trong các nước Á-Đông bây giờ tưởng ai cũng biết rằng nước Nhật-bản là một cường-quốc, có thể tỉ với các nước Âu Mĩ được: học-thức giỏi, quân-đội mạnh, nhân-tài nhiều, đủ chen vai sánh gót với các liệt-cường mà quốc-dân họ đi đến đâu người ta cũng hoan-nghênh là quốc-dân của « Đại Nhật-bản đế-quốc »; còn chính người Nhật-bản cũng tự-phụ là bậc tiên-tiến của các nước Đông-Á. Ôi! người Nhật-bản mà được cái vinh-dự như thế, có phải là trời cho riêng họ đâu. Vì người họ biết thuận theo cái xu-thế của đời mà cải-cách về đường chính-trị. Hễ chính-trị mà hợp-thời, thì tự-khắc nước được giàu, dân được mạnh. Ta khen nước Nhật-bản, trước hết nên nghiên-cứu sự cải-cách và cái chính-thể của nước Nhật-bản từ 50 năm trở lại đây đối với cuộc-diện của thế-giới và những công-hiệu trong nước ra thế nào.

Địa-lý và lịch-sử nước Nhật-bản. — Nhật-bản là một nước gồ nổi ở trên mặt bể Đông, đất chỉ 30 vạn phương-lí, nhân-dân trước triều Minh-trị cũng chỉ trên dưới 3000 vạn mà thôi; một nước treo-leo cô-lập trên mặt bể, hợp mấy hòn cù-lao lại mới thành nước, mà đất ruộng cũng không màu-mỡ gì cho lắm, lấy xứ Đông-Pháp ta mà so-sánh với Nhật-bản về đường xuất-sản tự-nhiên trên mặt đất, thời e Nhật-bản không có thể bì với xứ Đông-Pháp ta được. Huống chi, lập nước ở nơi hải-đảo, bốn phía giao-thông đã không tiện, trước ngày trên mặt bể có tàu hỏa chạy, thì nước ấy thành riêng một cái thế-giới trên mặt nước, đói, no, thiếu, đủ, cũng chỉ tự mình cung-cấp lấy mình, không biết nương-tựa vào đâu được. Thử giở địa-đồ ra mà xem, thì hình-trạng nước Nhật-bản hẹp-hòi éo-le, như có như không, không đủ khiến cho người đời phải chú-ý.

Địa-lý đã vậy, nói về lịch-sử của nước ấy thì thế nào? Nước Nhật-bản vua Thần-vũ-thiên-hoàng (神武天皇) lập-quốc từ trước Tây-lịch 660 năm, sau nước Nam ta 2220 năm, kể đến ngày nay (1925) thì nước Nhật lập-quốc cũng đã được 2585 năm. Tuy tự cổ chí kim vẫn một giòng thiên-hoàng ấy làm vua, không có cái hoạn cải-triều dịch-đại như các nước khác, và cũng không hề có nội-thuộc nước nào như nước Nam ta, bị những nỗi khó-khăn phải xưng thần thụ cống nước Tàu trong một đoạn lịch-sử ngót nghìn năm vậy. Một nước mấy nghìn năm Thiên-hoàng nhất-hệ, và hướng-lai vẫn giữ quyền tự-chủ, ấy cũng là cái quang-vinh cho lịch-sử Nhật bản. Nhưng nước Nhật-bản từ vua Thần-vũ (trước tây-lịch 660 năm) đến vua An-khang (安康帝, sau tây-lịch 464 năm), trong độ hơn 1100 năm, thì nhà vua vẫn có quyền, qua đến đời vua Hùng-lược (雄略帝, tây-lịch 458) trở về sau thường thường có cái hoạn quyền-thần hiếp-chế mà sinh ra những mưu tiếm-nghịch: như bọn Bình-quân-Chân-điều (平群眞鳥) ở triều vua Hùng-lược; giòng-dõi họ Tô-ngã (蘇我) ở triều vua Khâm-minh (欽明帝); giòng-dõi bọn Đằng-nguyên (藤原仲麻呂), từ triều vua Hiếu-khiêm (孝謙帝 Tây-lịch 750) đến triều vua Nhân-minh (仁明帝 Tây-lịch 834); về sau lại lập ra Mạc-phủ (tức như bọn chúa Trịnh nước ta ngày xưa lập vương-phủ thay vua Lê mà cầm quốc-chính), bắt đầu từ bọn Nguyên-lại-triều (源頼

朝) lập Mạc-phủ ở đất Liêm-thương (1192), trải qua họ Bắc-điều (北條氏), họ Túc-lợi (足利氏), họ Phong-thần (豐臣氏), họ Đức-xuyên (德川氏), cho đến ngày Đức-xuyên-Khánh-hỉ (德川慶喜) trả quốc-chính lại vua Minh-trị (1867), thì nước ấy đã trải qua 43 đời Mạc-phủ và 675 năm Thiên-hoàng nước ấy mất quyền-binh mà quyền thuộc về các vị phó-vương kia. Trong thời-đại nước Nhật vua không có quyền mà quyền về Mạc-phủ, thì chính là cái thời-đại nước ta đã độc-lập, thoát-ly khỏi cái nạn đô-hộ của nước Tàu. Trong lúc ấy nào là các vua Lý, Trần và Lê nước ta cũng nối nhau cầm quyền mà lập ra nhiều công-nghiệp hiển-hách cho tổ-quốc. So-sánh lại thời cái thời-đại từ vua Minh-trị trở về trước, trong một đoạn lịch-sử ước bảy trăm năm ấy, quốc-chính nước Nhật-bản chửa chắc đã hơn quốc-chính nước Việt-Nam nhà mình. Có một điều nên lấy làm lạ, là người Nhật-bản cũng đồng một giống hoàng-chủng như người mình, mà cái giác-quan của họ sao sớm tỉnh-ngộ, thấy thế-cuộc thay đổi thì tỉnh-ngộ ngay, vì vận-hội của tổ-quốc mà tỉnh-ngộ, vì lợi-ích của quốc-dân mà tỉnh-ngộ, từ vua đến quan,, không ai vì cái lợi riêng của mình mà mê-say hủ-lậu để cho tổ-quốc nhân-dân phải bị sa đắm vào nơi khổ-hải, điều ấy thật đáng khen thay cho người Nhật-bản!

Cái nguyên-nhân nước Nhật-bản cải-cách chính-trị và chủ-nghĩa « tôn Vương thảo Mạc ». — Từ thế-kỷ 18 cho đến đầu thế-kỷ 19 là cái thời-đại các nước Âu Mĩ đua nhau thi-hành cái chủ-nghĩa dân-tộc: nước Anh thì lập hiến-pháp, nước Đức thì dựng liên-bang, nước Pháp thì bỏ đế-chính mà lập thành chính-thể cộng-hòa, nước Mĩ thì lìa mẫu-quốc mà dựng cờ độc-lập, nước nào nước ấy tự sắp-đặt trong nước đã yên rồi, từ ấy mới lo khuếch-trương thế-lực ra ngoài để chiếm lấy cái địa-vị ưu-thắng. Cái chủ-nghĩa dân-tộc đã bành-trướng thì kế đến cái chủ-nghĩa thực-dân, ấy cũng là sự xu thế tự-nhiên của thế-giới. Người Âu Mĩ lo về chủ-nghĩa thực-dân để tìm cho rộng đường sinh hoạt của quốc-dân mình, thì họ phải đua nhau vượt bể Thái bình-dương, Ấn-độ-dương, mà bước chân lên miếng đất Đông-Á, nào là Ấn-độ, Trung-hoa, Xiêm-la, Nhật-bản cũng là Phi-luật-tân và nước Việt-Nam ta, lần lượt đều có vết chân của người bạch-chủng. Nước Nhật-bản đã là một nước nhỏ hẹp ở ngoài cù-lao, khi ban đầu người phương Tây chưa chú-ý cho lắm. Từ khi họ đã lấy Ấn-độ làm chỗ thực-dân và thông-thương với nước Tàu rồi, bèn đem tàu binh đến cửa bể Nhật-bản, mà yêu-cầu thông-thương với Nhật-bản. Khi bấy giờ chính-quyền nước Nhật-bản trên không thuộc về vua, dưới không thuộc về dân, mà chỉ ở trong tay bọn Mạc-phủ, bọn Mạc-phủ vì thế bách phải cho các nước thông-thương, từ ấy dư-luận Nhật-bản đều nổi nhao-nhao lên đổ tội cho bọn Mạc-phủ, mà xướng ra cái chủ-nghĩa « tôn Quân nhương Di (尊君攘夷) để chống cự với người ngoại-quốc. Hễ dân Nhật-bản nổi lên chừng nào thì bọn Mạc-phủ lại càng thi cái thủ-đoạn áp-chế chừng nấy, nào là trừng phạt, nào là chém giết, nhưng mà bọn Mạc-phủ càng áp-chế lắm thì dân Nhật-bản càng phản-động nhiều, hai bên tương-trì nhau trong vài năm trời, rồi kết-quả lại thì đủ thêm sự tri-thức và sự kinh-nghiệm cho dân Nhật-bản. Họ biết rằng ở cái thời-đại giao-thông này không có thể đóng cửa mà không tiếp ai, và không có thể lấy sự bạo-hành mà đối-đãi với ngoại-quốc được, gặp cái phong-trào mới, thì phải khuynh-hướng theo lối mới, nhưng hiềm vì chính-trị của bọn Mạc-phủ hiện cầm quyền là lối chính-trị hủ-bại, nếu không đánh đổ bọn Mạc-phủ thì không

có thể chấn-chỉnh nội-trị, mà nội-trị đã không chấn-chỉnh thì tất-nhiên phải bị ngoại-quốc hiếp-chế. Vì thế, bọn chí-sĩ mới đổi cái chủ-nghĩa « tôn Vương nhương Di » ra làm cái chủ-nghĩa « tôn Vương thảo Mạc » (尊王討幕), nghĩa là không chống cự với ngoại-quốc nữa, chỉ lo đánh đổ bọn Mạc-phủ mà thôi.

Ai cũng biết rằng bọn Mạc-phủ của nước Nhật lúc bấy giờ được 43 đời, hoàng-thất chỉ còn hư-vị, quyền-chính ân-uy đều về tay Mạc-phủ. Những nhà có tước-vị trong nước thiếu gì kẻ chịu ân-trạch của Mạc-phủ đã năm bảy đời truyền. Ta còn nhớ hồi vua Lê chúa Trịnh của nước ta ngày xưa, những kẻ anh-tài trong nước phần nhiều họ chỉ biết có chúa Trịnh, chứ không biết đến vua Lê nữa, cái tình-cảnh của Nhật-bản trong lúc ấy e cũng như thế. Nếu bọn Mạc-phủ mà tham lấy cái quyền-lợi riêng của mình, đã có vũ-dực, có quân-đội trong tay, nhất-diện chống cự với quốc-dân, nhất-diện cầu-cứu với ngoại-quốc, làm những chước mại-quốc mà mưu tư-lợi thì e quốc-dân Nhật-bản cũng khó bề đánh đổ cho nổi. Nhưng bọn Mạc-phủ của nước ấy họ trọng tổ-quốc hơn là trọng quyền-lợi riêng của mình, họ thấy đại-cuộc đã thay đổi mà sự xu-hướng của quốc-dân không thể ngăn-trở được, quốc-dân muốn đòi quyền-chính lại cho vũa cai-trị, thì họ đem quyền chính mà trả lại cho nhà vua. Tấm lòng hào-hiệp và quyết-đoán như thế, thật cũng đáng khen thay cho ông Đức-xuyên Khánh-hỉ là một người đứng đầu Mạc-phủ mà xử-trí về sự qui-chính cho vua Minh-trị trong năm 1867.

Mạc-phủ đã qui-chính, nhà vua cầm quyền, cái chủ-nghĩa « tôn Vương thảo Mạc » của quốc-dân khỏi phải một cuộc lưu-huyết mà đến ngày thành-công. Nếu khi ấy vua Minh-trị cậy mình là giòng-dõi thiên-hoàng, trải mấy nghìn năm và 122 đời vẫn con cháu một nhà Thần-vũ ấy trị-vì trong nước, dân Nhật-bản đều là thần-dân của nhà ta, đất Nhật-bản đều là sản-nghiệp của nhà ta, vả lại vừa rồi quốc-dân mới đề-xướng ra cái chủ-nghĩa tôn-vương, ta nên lợi-dụng tấm lòng trung-ái của quốc-dân mà giữ lấy quyền-lợi cho hoàng-thất. Cái chính-thể chuyên-chế, cái uy-phúc tự do, đã mấy mươi đời nay sa-lạc ở tay người, một mai ta được thu về thì ta nên thi-hành cho thỏa-mãn ; còn về quốc dân thì công việc « tôn Vương thảo Mạc » đã thành-công rồi, lấy thế làm tự-mãn tự-túc, người làm quan thì chỉ lo về quyền lợi làm quan, người bình dân thì ù-lỳ không biết gì đến nước nữa, như một nước lối cổ ngày xưa, hễ đến khi một triều-đại nào đắc-quốc hay là khi phục-quốc, khi trung-hưng đã thành-công, thì trong nước lại yên-dật, người nào lo quyền-lợi ngươi ấy, không nghĩ gì đến vận-mệnh của nước. Nếu tính-chất người Nhật-bản mà thiển-cận như thế, thì nước Nhật-bản tài nào mà sản-xuất ra cái chính-thể lập-hiến được.

Trên kia ta đã nói rằng sự duy-tân của nước Nhật-bản là vì cảm-xúc thế-cuộc của Âu-Mĩ, biết không cải-cách nội-chính thì không thể tranh đua với ngoại-quốc được. Cái chủ-nghĩa « tôn Vương thảo Mạc » tuy trực-tiếp thì đối phó với bọn Mạc-phủ mà gián-tiếp thì đối-phó với chủ-nghĩa thực-dân của ngoại-quốc, nghĩa là chính-trị của Mạc-phủ hủ-bại, phải đánh đổ đi mà sửa-sang nội-chính. Cái mục-đích của quốc-dân Nhật-bản hồi bấy giờ là sửa-sang sự nội-chính để cố khuếch-trương bề ngoại-giao, mà cái chủ-nghĩa « thảo Mạc tôn Vương » chẳng qua là cái thời kỳ thứ nhất để tiến-hành cho đạt đến mục-đích. Quốc-dân-Nhật-bản đã quyết định mục-đích như thế, thì cái thời-kỳ thứ nhất đã làm xong rồi, phải lần lượt mà làm đến công việc thời-kỳ thứ nhì, tức là công việc duy-tân vậy.

Nay ta thử xét xem công-cuộc duy-tân của nước Nhật-bản sau khi đánh đổ Mạc-phủ ra thế nào.

Cách sắp đặt lập hiến-pháp. – Mở quốc-hội và các lời chiếu-dụ của vua Minh-trị. – Ngày 14 tháng 10 niên-hiệu Khánh-ứng (慶應) thứ 3 (1867), quan Chính-tây đại-tướng-quân Nội-đại-thần là Đức-xuyên Khánh-hỉ dâng biểu xin trả chính-quyền, cách mười lăm ngày vua Minh-trị ban-chiếu chuẩn-y. Rồi triều-đình Nhật-bản mới sắp-đặt để nghị-định về lẽ quốc-thị (國是), nghĩa là bàn-luận về cái lẽ phải chung ở trong một nước, ban chiếu ra vời các nước chư-hầu và quan đại-thần cùng các quan Thú ở các quận lớn về hội-nghị. Kể những công việc duy-tân trong triều vua Minh-trị thì không xiết kể, nhưng mà cái căn-bản lớn nhất là cốt ở sự đổi chính-thể chuyên-chế mà định hiến-pháp để làm thành ra một nước lập-hiến. Vậy nên xét riêng về công-việc lập hiến-pháp.

Nói đến hiến-pháp, thì nên giải-nghĩa hai chữ «hiến-pháp» (憲法) cho rõ-ràng. Chữ *hiến-pháp* lấy nghĩa cũ thường dùng, thì hình như lẫn với chữ pháp-luật, xem như trong sách *Quốc-ngữ* (國語) nói rằng thưởng người lành và phạt người gian, ấy là hiến-pháp của nước (賞善罰姦國之憲法). Chữ *hiến-pháp* ấy rất hẹp, cũng như chữ *pháp-lệnh* hay là *pháp-luật* mà thôi. Còn như chữ *hiến-pháp* về tân-danh-từ của các nước ngày nay thường dùng thì chính là cái hiến-điển trong một nước, ở trên pháp-luật hay là pháp-lệnh. Từ năm 1867 ông Gia-đằng Hoằng-chi (加藤弘之) người nước Nhật-bản làm ra quyển sách « Lập-hiến chính-thể lược-khảo », rồi hai chữ *hiến-pháp* về lối mới mới xuất-hiện ra trên cõi Á-Đông vậy. Theo như hiến-pháp về lối mới thì không cứ là nước quân-chủ hay là nước dân-chủ, đều có lập ra hiến-pháp để định những quyền thống-trị thuộc về đâu và những hình-thức hành-động thế nào. Hiến-pháp là đạo luật định ra quyền hạn của người trong một nước: định quyền cho ông Nguyên-thủ được làm đến đâu; định quyền cho các cơ-quan và định quyền cho nhân-dân nữa. Hễ nước mà có hiến-pháp, thì từ trên đến dưới đều giữ theo những quyền-hạn đã định trong hiến-pháp mà làm, dầu người có thế-lực thế nào, cũng không có thể làm những công việc vượt ngoài quyền-hạn được. Nước nào mà có hiến-pháp ấy thì gọi là nước «lập-hiến», nước nào mà không có hiến-pháp thì gọi là nước «chuyên-chế.» Nước «lập-hiến» thì trong nước có trật-tự, người nào giữ lấy bản-phận người ấy mà đối với nước, mà đến một tên dân cùng, cũng biết rằng mình có nghĩa-vụ và có quyền-lợi ở trong nước là thế nào. Còn những nước «chuyên-chế» mà không có hiến-pháp thì hình như nước ấy là một nước riêng của ông Nguyên-thủ, thần-dân trong nước đều là tôi-tớ của một nhà, tùy theo quyền trên muốn cho được thế nào thì hưởng nhờ thế ấy, ai được ở gần-gụi mà hay nịnh-nọt ton-hót ông chủ nhà, thì được sung-sướng, không thì về hạng «ngẩn cổ kêu không thấu Trời», tự mình đối với nước như sâu như bọ, không can-hệ gì đến nước cả, mà đến cái thân của mình cũng không tự-chủ được.

Nước Nhật-bản từ đời Minh-trị trở về trước là một nước quân-chủ chuyên-chế, mà vì cái xu-hướng của thời-thế đến đời Minh-trị phải đổi ra «lập-hiến».

Ngày 14 tháng 3 hiệu Minh-trị năm đầu, vua Minh-trị ngự điện Tử-thần cùng với Công, Khanh, Chư-hầu tế Trời Đất mà tuyên-thệ 5 khoản và ban dụ định lẽ « quốc-thị ». Nay xin lục lời thề và dịch lời dụ như sau này:

(一) 廣興會議萬機決於公論; (二) 上下一心以合布經綸; (三)

官民各遂其志使人民下倦；(四)破舊來之陋習基天地之公道；(五)求智識於世界以大振皇基.

Dịch lời tuyên-thệ của vua Minh-trị :

« Khoản thứ 1. — Rộng mở hội-nghị, muôn việc lấy công-luận mà giải-quyết.

« Khoản thứ 2. — Trên dưới một lòng để cùng nhau làm việc nước.

« Khoản thứ 3. — Cốt cho quan và dân đều toại-chí cho lòng người không chán.

« Khoản thứ 4. — Phá cái thói hủ-lậu ngày trước mà bắt đầu mở cái đạo công-bình của trời đất.

« Khoản thứ 5. — Cầu sự tri-thức trong thế-giới để chấn-khởi cơ-nghiệp nhà vua. »

Cùng trong ngày ấy vua Minh-trị lại ban lời dụ rằng :

« Ta sẽ làm những sự cải-cách mà nước ta xưa nay chưa từng làm bao giờ, ta xin đứng trước mà thề với Trời Đất Quỉ Thần định lẽ « quốc-thị » để tính cách bảo-toàn cho muôn dân. Kia ! mọi người cũng nên thề ý ta, hợp lòng gắng sức mà giúp ta.

« Ta tuổi còn trẻ, lên làm vua, đương thời-cuộc này, ta biết tính thế nào mà nối nghiệp tổ-tiên và đối-phó với vạn-quốc, ngày đêm lo-nghĩ, xiết bao sợ hãi. Trộm nghĩ : Nước ta từ trung-diệp trở lại đây thì bọn Vũ-gia (tức bọn Mạc-phủ) chuyên-quyền, ngoài mặt tuy tôn Triều-đình, nhưng kỳ-thực trong lòng họ không nghĩ gì đến. Vì vậy, vua ở trên, tiếng thì làm cha mẹ dân mà tuyệt nhiên không biết đến tình-trạng của dân thế nào, trên dưới cách nhau như trời với vực, như thế thì sao cho xứng đạo làm vua ?

« Ngày nay thì việc chính-trị của Triều-đình đã đổi mới, trong nước nếu còn một người nào cực khổ, đều là cái tội-lỗi của ta đấy. Ta còn nhớ rằng Liệt-thánh ngày xưa tự mình xem-xét đủ mọi việc, trong nước có người nào phẫn-trắc, thì tự mình đem binh đi đánh dẹp. Công việc của Triều-đình giản-dị như thế cho nên vua tôi thân tín nhau, trên dưới thương yêu nhau, đức-trạch thấm-khắp thiên-hạ, uy-danh lừng-lẫy ra ngoài.

« Gần đây, cuộc đời mở rộng, các nước tranh-hùng. Chỉ một mình nước ta không hiểu tình-thế của thế-giới, khư khư giữ lấy thói cũ, không làm được công-cán gì mới mẻ cả. Ta chỉ e rằng nếu ta ở kín nơi cửu-trùng, cầu-thả qua thời mà không nghĩ đến hậu-vận của nước nhà, thì có một ngày kia phải bị các nước ngoài vừa lấn-lướt, vừa khinh-khi, rồi ra trên thì nhục cho tổ-tiên, dưới thì khổ cho trăm họ.

« Vì vậy, hôm nay ta cùng trăm quan và chư-hầu đem năm khoản ra tuyên-thệ. Cái thân nhỏ-mọn của ta đây xin ra sức gánh-vác việc đời, dầu nhọc-nhằn thế nào cũng không ngại, ta cốt lo làm sao cho nối giữ được cơ-nghiệp tổ-tiên và ước ao cho cả nước được trị yên vững bền mà thôi.

« Các ngươi ôi ! xin chớ nệ theo thói hủ mà để bụng hoài-nghi, rồi khiến cho ta lỗi đạo làm vua mà mất nước.

« Các ngươi ôi ! Nên thề ý ta, bỏ tấm lòng riêng, theo lời công-nghị, để cùng nhau bảo-toàn lấy đất nước. Ta thật lấy làm trông mong lắm. »

Đọc những lời tuyên-thệ và lời chỉ-dụ trên này, mà cảm-phục thay tấm lòng rộng-rãi và quả-đoán của vua Minh-trị ! Lời tuyên-thệ và lời chỉ-dụ ấy thật làm cái trụ cốt cho chính-thể lập-hiến của nước Nhật vậy. Nước Nhật-bản xưa nay vẫn một nước chuyên-chế, vua Minh-trị đã thu quyền-chính về tay mình, nếu giữ lấy mà thi-hành cái thủ-đoạn chuyên-chế của nhà vua, bắt quốc

dân Nhật-bản phải thiếp-phục dưới quyền uy-phúc, thì chúng ta tưởng rằng hồi bấy giờ dân nước Nhật-bản còn đậm đà cái chủ-nghĩa tôn-quân lắm, sự kích-thích về ngoại-giới không xao-nhãng tấm lòng đối với hoàng-thất được. Nhưng vua Minh-trị là một đấng anh-minh, ngài biết cái phong-trào cuộc đời và trình-độ của quốc-dân Nhật-bản không thể giữ lối chuyên-chế mà trông cho nhà vua vững bền được, nếu chuyên-chế mà hoàng-thất cũng vững bền được, còn đường tiến-bộ của quốc-dân thì thế nào ? Cái thời-đại ngày nay là cái thời-đại hàng trăm hàng vạn cái óc khôn cùng chung lo việc nước, không phải chỉ một mình người nguyên-thủ đứng đảm-đương xướng suất đủ mọi việc. Chính-trị của các nước ngoài đã lấy sự khôn ngoan của đông người mà thi-hành như thế, nếu nước mình còn giữ theo lối chuyên-chế như trước thì không những cái óc khôn của một người dẫu linh-thiêng thế nào cũng không thể ganh đua với cái óc khôn của hàng trăm hàng vạn người, mà quốc-dân đã không có quyền nghị-luận, thì ai cần gì mà lo toan đến việc nước ; dân đã không biết đến nước thì trên ngồi yên mà hưởng lấy cái địa-vị làm vua sao được ? Huống-chi cái phong-trào mới đã lan khắp thế-giới, thì phải theo thời mà sửa đổi, nếu không vậy thì ra tự mình cố-chấp, dưới trái lòng dân, mà trên làm hại cho mình. Vua Minh-trị lúc bấy giờ mắt tuy chưa trông thấy sự lập dân-quốc của nước Tàu, nước Nga và nước Đức, nhưng xét xem cái chính-thể của Âu-Mĩ thì đủ biết cái cơ-cuộc về sau, mà đã xét biết rồi thì trước nên sớm lo mà tránh cho khỏi sinh ra biến-cố. Vì vậy, vua Minh-trị vừa nhận chính-quyền của Mạc-phủ giao lại trong mấy tháng, thì tuyên-bố chính-thể ngay : một là tuyên-bố về cách hội-nghị quốc-chính, nước Nhật từ ấy đến sau việc gì cũng đem ra cho công-chúng luận-bàn mà giải-quyết, vua không giữ quyền độc-đoán tự mình muốn làm thế nào thì làm ; hai là tuyên-bố về sự đồng-tâm, nghĩa là ngày xưa vua chỉ ở nơi cửu-trùng đối với dân cách-trở như trời với vực, từ nay đến sau quốc-dân được bàn-luận sự chính-trị thì tình-ý trên dưới thông nhau, có thể đồng-tâm hiệp-lực mà khỏi bị một cái phe đảng nào đứng giữa làm cái tường ngăn để che lấp hai bên mà làm phòng-hại việc nước ; ba là tuyên-bố về sự tự-do của quốc-dân, phàm nước chuyên-chế thì quốc-dân chỉ trông về ân-huệ của vua, không có tí nào gọi là quyền-lợi chắc-chắn, nay vua Minh-trị cho quốc-dân được toại-chí, nghĩa là cho quốc-dân được hưởng cái quyền-lợi của mình đáng có không ai xâm-phạm đến, ấy chính là khai-phóng con đường tự-do của quốc-dân vậy ; bốn là tuyên-bố về chủ-nghĩa cải-cách, thời-đại lúc ấy đã thuộc về thời-đại mới, cái thói hủ-lậu ngày xưa không có thích-hợp nữa, đã không thích-hợp thì cần phải bỏ cũ mà đổi mới, mà sự đổi mới ấy là cốt lấy đạo công-bằng của trời đất làm căn bản ; năm là tuyên-bố về sự học-thức, từ xưa đến nay trí-thức của người trong nước vì lối câu-thủ mà hẹp-hòi, không có thể chen vai sánh bước với thế-giới được, ngày nay đã đương-trường mà giao-tiếp với thế-giới thì cần phải cầu trí-thức của thế-giới, người ta có chính-trị hay, học-vấn giỏi, công-nghệ mới và sự phát-minh, sự tổ-chức gì lạ mà có ích cho quốc-gia xã-hội, thì mình phải bắt-chước mà học theo và làm theo, trước cầu cho bằng người, sau cầu cho hơn người, làm như thế là cốt cho nước nhà mình được giàu mạnh, nhân-dân mình được sung-sướng, mà nước nhà đã giàu mạnh, nhân-dân đã sung-sướng, thì cơ-nghiệp nhà vua tất-nhiên được khuếch-trương phát-đạt.

To-tát thay ! rộng-rãi thay ! những lời tuyên-bố của vua Minh-trị ! Lời tuyên-bố ấy mới nghe ra hình như vua đem quyền-lợi của mình mà cho bớt dân, làm cho thiên-hoàng nước Nhật từ nay đến sau giảm bớt bề uy-phác, không được tôn-nghiêm như trước nữa. Nhưng kỳ-thực vì sự tuyên-bố ấy mà vững bền và tôn-nghiêm cho hoàng-thất nước Nhật-bản, khác nào như con trong một nhà đã trưởng-thành thì cha mẹ đem quyền mà giao-phó cho các con để các con lo bề chấn-chỉnh, các con đã nhận quyền, cùng lòng hết sức chăm lo việc nhà, thì cha mẹ tự-khắc được phần quang-vinh và sự-thể long-trọng. Nếu chỉ cha mẹ cầm quyền mà con trong nhà không dự bàn gì đến, thì những đứa không được lòng thương của cha mẹ coi việc nhà như việc ngoài đường, những đứa được lòng thương của cha mẹ thì lợi-dụng tấm lòng thương yêu ấy mà đánh lừa cha mẹ làm những sự tự-tư tự-lợi, không thì cũng diễn ra cái họa bại-sản khuynh-gia, như thế thì có chắc gì cha mẹ cầm quyền mà được quang-vinh chắc-chắn. Vua Minh-trị tuyên-bố về cách khai-phóng như thế thật là một lẽ sửa đổi rất khôn-khéo và hợp-thời.

Chúng ta đã kính-phục cách sửa đổi quốc-chính của vua Minh-trị, chúng ta không thể không kính-phục tấm lòng trung-ái của các tôi phù-tá vua Minh-trị lúc mới bắt-đầu duy-tân. Thường-tình người đời ra giúp vua trị việc, cái chủ-nghĩa họ tôn-quân là cốt để làm gì? Xét theo lịch-sử các trung-thần Á-Đông ta thời phần nhiều những bậc trung-quân là vì mình chứ không phải vì vua và vì nước. Nói thế e khi có tội với cổ-nhân, nhưng tôi xin chắp tay mà khâm-phục các bậc trung-nghĩa và hào-hiệp ngày xưa, đây tôi xin nói riêng một hạng người trung-quân hay là tôn-quân mà có lòng vị-kỷ. Vua Hán Cao-tổ có hứa rằng ai theo ta thì được phú-quí, vì thế bọn Hàn Tín mới hết sức phò-tá mà cầu cho được phú-quí; vua Lệ Thái-tổ có hứa với ông Lê Lai ngày sau cho con cháu ông được sung-sướng, vì thế ông Lê Lai mới chịu chết thế cho vua Thái-tổ. Ôi ! cái trung-ái mà có vật đảm-bảo như thế, có phải cái trung-ái vì vua vì nước đâu, chẳng qua là vì cho mình được phú-qui hay là con cháu mình được sung-sướng mà làm. Nhưng chúng ta cũng không nên khắc-luận cổ-nhân, nghĩa là nước của nhà vua và cơ-nghiệp gây dựng ra là gây dựng cho nhà vua cả, ta làm cho công việc nhà vua thì nhà vua phải có vật gì đảm-bảo, thế thì cổ-nhân vì mình mà làm sự trung-ái cũng phải. Ta chỉ khâm-phục các bậc chí-sĩ nước Nhật-bản giúp vua Minh-trị làm công-việc duy-tân không có một chút lòng vị-kỷ. Vì sao ? Đương khi hoàng-thất nước Nhật mất quyền thì bọn chí-sĩ xướng lên chủ-nghĩ « tôn-quân để thu quyền về cho vua, công việc hô-hào và đối-phó với bọn Mạc-phủ trong mấy năm trời cũng đã trải lắm phen gian-nan nguy-hiểm ; kịp đến khi vua đã được thu quyền-bính lại rồi, theo thường-tình thì ai cũng muốn cho vua cầm quyền độc-đoán để mình nương tựa dưới thế-lực ấy mà cầu quyền-lợi phú-quí để bù với cái công lao-khổ từ trước, những bọn công-thần về cuộc « tôn Vương thảo Mạc » ấy há chẳng hưởng được cái địa-vị công, hầu, bá, tử lúc sinh tiền và về sau tên họ mình cũng được phối-hưởng miếu thờ, con cháu mình cũng được tập-ấm tập-tước ? Ôi ! cái tâm-lý của người đem thân ra thờ vua xưa nay vẫn như thế, cái tâm-lý ấy nếu có một ngày không toại-chí, thì đã ngậm-ngùi mà than đến câu « điểu tận cung tàn » ! Nhưng mà cái tâm-lý của bọn chí-sĩ giúp vua Minh-trị hồi bấy giờ thì họ không nghĩ thế,

họ thành - tâm mà tôn-quân, mà cái nghĩa tôn-quân của họ chính là cứu cho vận-mệnh nước Nhật-bản. Vua Minh-trị đã thu quyền-bính về rồi, thì họ giúp cho vua Minh-trị làm những sự cải-cách rất to lớn mà cứu cho cả quốc-dân Nhật-bản nữa. Họ vẫn biết rằng sau này lập-hiến thì cái tòa Nội-các của tổ-quốc tất-nhiên là cái vị-trí chung của quốc-dân, chứ không phải là cái sản-nghiệp riêng của bọn công-thần nhà vua làm chỗ căn-cứ được. Nhưng mà cốt cho nước giàu dân mạnh và Thiên-hoàng được hưởng cái địa-vị « thần-thánh bất-khả xâm-phạm » là hơn cái sự phú-quí lợi-lộc riêng của mình. Chúng ta còn nhớ năm trước Viên Thế-Khải làm Tổng-thống nước Tàu, Viên cũng là một người anh-minh không có dại gì trái lòng dân mà xưng-đế xưng-vương cho đến nỗi thất-bại. Nhưng vì những bọn quan-lại phò Viên, họ chỉ tham những sự tư-kỷ, muốn tùng-dũng cho Viên làm Hoàng-đế, để họ được hưởng cái quyền-lợi như các bậc đại thần của Mãn-Thanh ngày xưa. Trước Viên còn ngần-ngại mà sau bách-ư-bất-đắc dĩ phải xưng-đế. Ôi ! cái Triều-đình Hồng-hiến (洪憲) năm trước trái ý dân Tàu lập lên có bảy ngày rồi bị đổ ngay, mà Viên cũng nhân đó bỏ mình, ấy không phải là lỗi của Viên mà chính ra cái tâm-lý phú-quí của bọn quan-lại Bắc kinh bách-xúc Viên phải thất-bại. Xem như thế thì đủ biết tấm lòng trung-quân của bọn quan-lại Viên và tấm lòng trung-quân của bầy tôi vua Minh-trị khác nhau là thế nào.

Nước Nhật-bản đã có ông vua minh-đoán như vua Minh-trị và có bầy-tôi thật lòng trung-quân ái-quốc, vì công-chúng mà không vì mình như bầy-tôi vua Minh-trị, thì tài nào không thay-cũ đổi mới mà lập thành một cái chính-thể có ích lợi cho nước. Tuy vậy, một sự cải-cách to lớn như sự đổi chính-thể « chuyên chế » làm chính-thể « lập-hiến » thì tất trải những thời-đại dự-bị và những phong trào khó-khăn, không thể nhất-chiêu nhất - tịch mà thành-công được. Vua Minh-trị từ năm mới làm vua đã tuyên-bố năm điều mở đường chỉ nẻo cho công-cuộc lập-hiến, nhưng mà đến năm thứ 23 mới triệu-tập nghị-viên mở quốc-hội thực-hành cái chính-thể lập-hiến được. Xem thế thì đủ biết sự cải-cách phải tuần-tiệm mà làm, không thể táo-cấp trông cho thành-công được. Có một điều nên biết là sự cải-cách tuần-tiệm của nước Nhật-bản nghĩa là tuần-tiệm mà dự-bị, ngày này sắp-đặt sự này, ngày khác sắp - đặt sự khác, cứ cái mục-đích mình đã định, rồi gia sức chỉnh-bị trong một kỳ-hạn lần-lượt làm cho đến nơi hoàn-toàn. Ấy là chữ « tiệm » của nước Nhật-bản, chứ không phải chữ « tiệm » của các ông lão-thành thủ-cựu, gặp việc gì mới mẻ không lẽ bác ngay đi được, thì đối với người đời nói rằng việc cải - cách phải tuần-tiệm, không nên làm vội, nhưng kỳ-thực thì không thiết gì đến, không cần phải dự-bị gì cả, cái *tiệm* ấy ước tới kỳ-hạn nào là đến nơi, không hề xét đến, ngày nay ông nói rằng « tiệm », ước ông lão-thành ấy sống một trăm năm hay là một nghìn năm một vạn năm nữa, khi bấy giờ đem những chuyện trước mà hỏi ông, có lẽ ông cũng trả lời lại là « tuần-tiệm » mà thôi. Vì luận đến sự cải-cách dị-tiệm, mà nên xét đến sự dự-bị lập-hiến của Nhật-bản trong một kỳ-hạn hơn 20 năm trời.

Năm đầu vua Minh-trị đã tuyên-thệ năm điều và ban dụ về sự cải-cách, qua năm thứ hai bèn ngự đến Đông-kinh (khi ấy nước Nhật còn đóng đô ở Tây-kinh) để hội-đồng người nước lại mà cầu dư-luận, tháng 3 năm ấy mở cuộc công-nghị mà trong nước có hội-nghị bắt-đầu từ đấy. Qua đến năm

thứ ba mở viện Tập-nghị (集議院); năm thứ tư lập quan Đại-chính và đặt ra ba viện là Chính-viện, Tả-viện và Hữu-viện.

Từ khi định sự cải-cách, vua có sai các ông đại-sứ đi khảo-sát chính-trị các nước Âu-châu, khi các ông ấy chưa đi đến Âu-châu thì trong nước đã có bàn đến sự mở Hạ-nghị-viện. Đến tháng 9 năm thứ sáu, các quan đại-sứ về nước phụng-chiếu thảo ra hiến-pháp và chương-trình hội-nghị đem dâng ngự-lãm. Trong lúc bấy giờ vì sự ngăn-trở mà không thi-hành được, quốc-dân Nhật-bản bèn nhao-nhao lên, báo-quán cũng ra sức cổ-động. Qua năm thứ bảy, chính-phủ muốn cải-lương sự nội-trị, bèn thực-hành cái chế-độ «các quan địa-phương thay mặt dân mà hội-nghị», khi ấy Thiên-hoàng có ban chiếu rằng:

«Khi ta mới lên ngôi, đã đối với thần-minh mà tuyên-thệ năm khoản, đến nay lo bề khuếch-trương, sắp triệu-tập những người thay mặt cho dân trong nước đến hội bàn mà định pháp-luật, cốt sao cho trên dưới thuận-hòa, nước nhà hưng-thịnh, ai nấy đều gắng sức lập công-nghiệp mà đảm-đương những nghĩa-vụ to-tát trong nước, ấy là lòng ta ngày đêm trông mong vậy. Nhưng bây giờ ta hãy trước với các quan trưởng địa-phương đến hợp-đồng công-nghị để làm đại-biểu cho dân, có những hiến-pháp thuộc về nghị-viện ban ra như sau này, các ngươi cần phải tuân theo:

«Điều thứ 1. — Mỗi năm chiếu lệ gọi các trưởng-quan địa-phương hợp lại khai hội một lần. Nếu có biến-cố gì lớn xảy ra thì có đặc-chỉ mở hội lâm-thời, những kỳ mở hội thì sẽ dự-báo - cáo trước, quan trưởng quan nào không đi được thì có thể dùng quan thứ-trưởng đi thay mặt.

«Điều thứ 2. — Khi hội-nghị thì các đại-thần các bộ hay là người thay mặt cho các đại-thần ấy đều phải đến nơi hội-trường mà tỏ bày ý-kiến. Nhưng cái số người quyết-định sự khả-phủ là chỉ tính số hội-viên, chứ các quan đại-thần và người thay mặt cho các quan ấy đều không được dự vào.

«Điều thứ 3. — Phàm những việc tô-thuế ở địa-phương cũng có lúc đem ra hỏi ý công-chúng mà quyết-định, nhưng về lẽ nên thi-hành cùng không thì do Hoàng-đế tự quyết-định.

«Điều thứ 4 — Những việc nghị-viên xướng-nghị thì giao cho công-chúng luận bàn, nhưng tuy quyết-nghị rồi mà sự nên thi-hành cùng không thì do Hoàng-đế tự xét định.»

Mấy điều hiến-pháp nghị-viện chép trên này tuy không được hoàn-toàn gì, nhưng mà cái chế-độ đại-nghị của Nhật-bản thật bắt đầu từ ấy phôi-thai ra và quyền-lợi của quốc-dân Nhật-bản cũng bắt đầu từ đó mà phát-đạt. Vậy nên khảo-cứu hiến-pháp nước Nhật tưởng không nên bỏ qua mấy điều thảo-sáng về cái qui tắc của hội-nghị lập ra năm Minh-trị thứ bảy. Tuy vậy, cái hội-nghị ấy vì đồng-thời nước Nhật-bản đối với nước Tàu phải bận giao-thiệp về vấn-đề Đài-loan mà không khai-hội được, kịp đến sự ngoại-giao yên rồi, nước ấy mới chuyên-ý về nội-trị.

Năm thứ tám, bọn ông Đại-cửu-bảo (大久保) và ông Y-đằng (伊藤) phụng-mệnh điều-tra chính-thể rồi đem cái thảo-án về chính-thể lập-hiến dâng lên, vua Minh-trị chuẩn-y và ban chiếu-chỉ để dự-bị lập-hiến. Lời chiếu ấy dịch ra như sau này:

«Khi ta mới tức-vị, đã bắt đầu hội các quan đối với thần-minh mà tuyên-thệ năm điều để định lẽ «quốc-thị». May nhờ liệt-thánh phò-hộ và các bầy-tôi gắng giúp, ngày nay mọi việc hơi được ổn-thỏa. Chỉ vì cơ-nghiệp trung-hưng chưa được bao nhiêu ngày, bề nội-trị nên thay đổi hãy còn lắm việc. Nay ta căn-cứ

trong 5 khoản lời tuyên-thệ trước mà suy rộng ra : đặt Nguyên-lão-viện để mở đường lập pháp ; đặt sở tài-phán để vững quyền thẩm phán và với các tướng-quan địa phương hội nghị để thông tình-ý cùng dân mà lo sự công-ích, những công việc ấy đã tiệm thành ra chính thể lập-hiến rồi. Ta muốn cùng thần-thứ trong nước đều hưởng hạnh-phúc, thì thần-thứ không nên câu-nệ theo thói cũ mà khinh-cử vọng-động, phải cùng nhau thể ý ta mà giúp đỡ cho ta. »

Lời chiếu ấy ban xuống, thì nước Nhật-bản đã có minh-văn tuyên-bố lập-hiến ngày 25 tháng 4 năm ấy đặt Nguyên-lão-viện và sở tài-phán, qua tháng 7 vua Minh-trị làm lễ khai-viện ở viện Nguyên-lão, tức là đã lập thành ra Thượng-nghị-viện, còn về Hạ-nghị-viện thì chưa có, quốc-dân Nhật-bản về cách chủ-trương khai quốc-hội thấy vậy đều hô-hào nghị-luận cho rằng Chính phủ còn giữ theo chế-độ chuyên-chế. Từ ấy chính phủ mới giả-định cho hội địa-phương trưởng-quan thay làm quốc-hội, hợp với Nguyên-lão-viện mà cùng chủ-trương về quyền lập-pháp, hội địa-phương trưởng-quan bắt đầu khai-hội ở chùa Bản-nguyện đất Siền-thảo, vua Minh-trị ngự đến làm lễ khai-hội.

Khi chính-phủ Nhật-bản tuyên-bố lập-hiến mà chưa do dân công-cử lập thành quốc-hội, thì các bọn chí-sĩ lấy làm không bằng lòng, rồi cùng nhau lập hội riêng để tìm cách tự-trị, nghĩa là quốc-dân phải lo bề tự-trị, trước kết đoàn-thể cho vững-bền, rồi hết sức làm nghĩa-vụ và giữ quyền-lợi, trước là giữ mình giữ nhà, sau nữa là giữ nước và tranh đua với liệt-cường. Những đoàn-thể có quan-hệ với chính-trị nước Nhật-bản khi bấy giờ là đoàn thể « Lấp-chí-xã » (立志社) và « Ái-quốc-xã » (愛國社). Bọn chí-sĩ đã lập đoàn-thể rồi, hoặc phái người du-thuyết để cổ-động quốc-dân, hoặc làm giấy thỉnh nguyện xin với chính-phủ mở quốc-hội ; nhưng chính-phủ càng trì-trọng mà quốc-dân càng bộc-liệt, thành ra hai đảng xung-đột với nhau mà bọn chí-sĩ lắm người bị-hại. Tuy vậy, dân-khí Nhật-bản lúc bấy giờ như ngọn sóng cuồng, như trận gió mạnh, Chính phủ không thể ức-áp được. Trong tuần tháng 7 tháng 8 năm thứ 14, vì quan Khai-thác-sứ (開拓使) đạo Bắc-hải ngược-đãi dân, họ bèn trách cả Triều-đình, sắp khởi ra sự biến-loạn. Khi ấy vua Minh-trị đi tuần đạo Bắc-hải, có bọn ông Đại-ối-trùng-tín (大隈重信) đi hộ-tất, ông xét tình-thế không thể hiếp-chế quốc-dân được, bèn làm tờ ý-kiến trình rằng năm sau thì nên mở ra sở hiến-pháp-hội-nghị và năm sau nữa thì nên mở quốc-hội. Tháng 11 năm ấy vua Minh-trị ở Bắc-hải về, liền cả đêm mời các quan Đại-thần hội-nghị rồi đến tháng 12 vua bèn ban chỉ-dụ định cái thời-kỳ mở quốc-hội. Lời dụ như sau này :

« Ta kế nghiệp lớn của tổ-tôn mấy nghìn năm để lại và chấn-hưng mối-giường sau khi bị rối-ro, ngày đêm lo nghĩ định sớm nên suy xét thi hành cái chính-thể lập-hiến, để cho con cháu ngày sau tuân theo mà làm. Vì vậy, năm Minh-trị thứ 8 đặt Nguyên-lão-viện, năm nay lại mở ra hội-đồng các phủ-huyện, công việc ấy đều là cách theo thứ-tự mà làm dần cho tới mục-đích, tưởng thần-dân trong nước ai nấy cũng đều lượng biết vậy. Ta lại nghĩ rằng thể-thống lập-quốc mỗi nơi mỗi khác, công cuộc phi-thường không nên khinh-suất mà làm, mà về sự làm cho tỏ rạng nghiệp trước, rộng mở mưu xa và xét lẽ cổ kim mà thông-dung biến-cải, ấy là cái trách-nhiệm của ta đấy. Nay ta định trước rằng đến năm Minh-trị thứ 23 thì triệu-tập nghị viện mở quốc-hội cho thành

được cái bản-chí của ta. Về lối tổ-chức quyền-hạn thì nay ủy cho đình-thần được rộng thì giờ mà châm-chước hội-nghị, rồi ta tài-định sẽ công-bố cho thiên-hạ đều biết. Có một điều này ta hiểu-cáo cho thần-dân hoặc tại-triều hoặc tại-dã: Từ lời dụ này ban-bố trở về sau, không ai được phù-ngôn phiến-biến mà làm cho sai lầm đến đại-cuộc. Hễ người nào còn tảo-cấp như trước, thì sẽ bị phép nước xử-trị, tội không tha thứ, đến khi ấy đừng có trách rằng ta không nói trước mà tự mình làm hại cho mình. »

Tự lời chiếu-chỉ ấy ban ra, quốc-dân nước Nhật-bản mới biết chắc rằng Chính-phủ đã có thành-ý về sự mở quốc-hội, nhưng về phải cấp-tiến thì họ thấy đến năm thứ 23 mới mở quốc-hội, chốc 9 năm trời nữa mới do dân chọn đại-biểu ra bàn việc nước, kỳ-hạn lâu dài như thế, đều lấy làm sốt ruột mà nghị-luận nhao-nhao lên một độ, rồi sau cũng im lặng mà chờ sự sắp-đặt của Chính-phủ. Còn về phần Chính-phủ thì đã hứa với dân như thế rồi, phải lo làm sao mà tổ-chức cho kịp để đến khi thành-lập không đến nỗi vấp-váp gì. Vì vậy từ đấy đến sau Chính-phủ Nhật-bản hết sức cải-cách mọi việc, ngày tháng chạp năm thứ 18 tổ-chức tòa Nội-các mới, dùng ông Y-đằng-bác-văn làm Tổng-lý Nội-các đại-thần, mời những tay công-chính chuyên-môn ở Âu-châu về xây nhà quốc-hội, nhà ấy làm trong mấy năm trời mới xong, qui-mô đều theo như cách-thức Âu-châu cả.

Kịp đến năm Minh-trị thứ 23 mở ra quốc-hội, từ ấy về sau nước Nhật-bản có Thượng nghị-viện, Hạ-nghị-viện, giữ quyền lập pháp, việc tư-pháp có các tòa Thẩm-phán, việc hành-chính có tòa Nội-các, đối với Nghị-viện mà chịu trách-nhiệm. Còn Thiên-hoàng Nhật-bản thì thành ra một vị « thần-thánh bất-khả xâm-phạm » mà đứng trên hết để làm một ngôi chủ-tể duy-trì vận-mệnh cho nước. Từ ấy mà hoàng-thất yên-ổn, quốc-dân hết lòng yêu nước thờ vua, và vận nước càng ngày càng thịnh-vượng, sánh vai nổi gót với liệt-cường làm một nước tiên-tiến của xứ Á-Đông này, ấy thật là vì lối trung-ái của quốc-dân Nhật-bản rất có nhiệt-thành và rất xứng-đáng. Ông thiên-hoàng Nhật-bản có trí thông-tuệ và lòng quả-quyết biết thuận thời-thế, biết theo lòng dân; và những tay phò-tá ông thiên-hoàng đều là người kiến-thức rộng-rãi tâm-sự quang-minh, chỉ vì nước mà không vì mình, chỉ ham cái hạnh-phúc chung của quốc-dân mà không ham cái tước-lộc riêng của mình, vậy cho nên nước Nhật-bản mới thành ra một nước quân-chủ lập-hiến.

Đế quốc hiến-pháp. — Trước kia đã lược kể những thủ-tục của nước Nhật-bản đổi chính-thể chuyên-chế ra làm chính-thể lập-hiến, nay xin xét cái nội-dung về hiến-pháp của nước ấy ra thế nào.

Thường-thường hiến-pháp của các nước, thì trước các hiến-điều không có bài tổng-mạo, nếu có đi nữa cũng không cho là quan-trọng gì, vì là những lời lẽ đều trùng-lập trong hiến-pháp cả. Nhưng mà hiến-pháp nước Nhật-bản thì không thế; ngày 11 tháng 2 niên-hiệu Minh-trị thứ 22, vua Thiên-hoàng có làm lễ cáo tổ-tôn và hiểu-thị thần-dân, tự-nguyện tuyên-thệ xin vĩnh-viễn tuân theo hiến-pháp, khi ấy có hai đạo *cáo văn* (lời cáo tổ-tôn) và *sắc-ngữ* (lời hiểu-dụ thần-dân), người ta cho là bài tổng-mạo và bài tựa của hiến-pháp nước Nhật-bản, trong hai đạo ấy nói rõ cái đại-quyền thống-trị đối với nước và cái nghĩa-vụ bảo-hộ cho nhân-dân. Vì vậy, hai đạo cáo-văn và sắc-ngữ ấy cũng chính là một phần rất trọng-yếu trong hiến-pháp nước Nhật.

Hiến-pháp nước Nhật có cái tư-cách rất mới-mẻ và rất hoàn-thiện. Vì sao? Trong hiến-pháp chỉ nói đại-cương, còn

những công việc nhỏ-mọn vụn-vặt đều qui-định vào trong phụ-thuộc-pháp-luật, như là cách-thức hội Uy-viên, phép tuyển-cử, thể-lệ viện quí-tộc, v. v. Những thể-lệ ấy về các nước phương Tây đều qui-định ở trong hiến-pháp, mà hiến-pháp nước Nhật-bản thì những điều tường-tế đều không liệt vào. Xem như lệ hoàng-vị kế-thừa thời định riêng trong hoàng-thất-điển-phạm, công việc tuyển-cử thời định riêng trong phép tuyển-cử, vân-vân.

Nay nếu phân hiến-pháp các nước ra làm hai cái tính-chất *cương* và *nhu* thời hiến-pháp nước Nhật-bản thật thuộc về cương vậy. Bởi vì muốn sửa đổi hiến-pháp rất phải thận-trọng, nếu tất cả những công việc tường-tế đều qui-định trong hiến pháp thời thường thường phải bị sửa đổi rất là khốn-nạn; chỉ bằng chỉ định đại-cương, thành ra hiến-pháp trong một nước, tôn-nghiêm như là thiên-kinh địa-nghĩa, nghìn năm không di-dịch được. Chúng ta tưởng rằng nước Nhật có hiến-pháp như thế, thật là một sự phúc-lợi cho thần-dân nước ấy vậy.

Hiến-pháp nước Nhật-bản có bảy chương, cộng 76 điều. Chương thứ nhất định rõ cái đại-quyền của ông thiên-hoàng và cái thể-lệ hoàng-vị kế-thừa; chương thứ hai định rõ cái quyền-lợi nghĩa-vụ của thần-dân; chương thứ ba nói về đế-quốc-nghị-hội; chương thứ tư nói về những công việc có quan-thiệp đến quốc-vụ-đại-thần và xu-mật-cố-vấn; chương thứ năm nói về tư-pháp; chương thứ sáu nói về sự cối-kế (Sổ dự-toán); chương thứ bảy nói tất cả việc vặt, những điều-khoản gì mà 6 chương trước không thể bao-quát được, thời định riêng gọi là bổ-tắc. — Muốn cải-chính hiến pháp, thời phải trải qua hai Nghị-viện nghị-quyết, sau mới được cải-chính. Nếu nghị-viên hai nghị-viện không có mặt cho đủ số hai phần ba trở lên, thời không được khai-nghị. Lại nghị-viên có mặt không thừa-nhận cho đủ số hai phần ba trở lên, thì không được nghị-quyết về sự cải-chính.

Địa-vị của ông Thiên-hoàng. — Về sự thừa-kế. — Điều thứ nhất chương thứ nhất trong hiến-pháp nước Nhật, có nói rằng: « Đại-Nhật-bản-đế-quốc do ông Thiên-hoàng, vạn-thế-nhất-hệ đứng thống-trị, » xem như thế thì đủ biết nước Nhật-bản là một nước quân-chủ lập-hiến, mà điều ấy là một điều rất trọng-yếu trong hiến-pháp. Về lệ thừa-kế ngôi vua, thời điều thứ nhì trong hiến-pháp tuy đã nói đến, nhưng chỉ nói đại-cương, còn việc tường-tế thời đều chép trong hoàng-thất-điển-phạm. Có một điều con gái có thể kế vị được không? Ấy là một cái vấn-đề rất lớn trong thế-giới, chúng ta xét cái chế-độ các nước quân-chủ trong thế giới thời có chia ra làm ba cách: một là con gái không được kế vị ngôi vua; hai là ngành chánh và ngành thứ đều không con trai, thì lập con gái; ba là ngành chánh không con trai thời truyền vị cho con gái ngành chánh mà không kể tới con trai ngành khác, cái lệ truyền-vị của nước Nhật-bản tức thuộc về lệ ấy. Trong hoàng-thất-điển-phạm chép rằng: « Ngôi vừa thời truyền cho người con trưởng, không có con trưởng thời truyền cho người cháu trưởng, không có con trưởng và cháu trưởng thời truyền cho con thứ và cháu dòng thứ, không có con thứ và cháu dòng thứ, thì truyền cho anh em và con cháu của anh em, không có anh em thì truyền cho chú bác và con cháu của chú bác. Cái lệ con cháu mà được kế-vị, thời đều trước dòng đích, sau đến dòng thứ, còn như anh em mà thân sơ cũng đồng bậc với nhau, thời trước lựa dòng đích rồi sau lựa tới người vai trưởng. »

Cái thứ-tự kế-thừa ngôi vua, trên kia đã kể rõ, nhưng mà khi nào người hoàng-tự nếu có tâm-tật hay là thân-thể không đủ, hay là có việc gì quan-hệ

trọng-đại khác, mà cần phải thay đổi, thì có thể hãy bàn với hoàng-tộc và sở xu-mật-cố-vấn rồi y theo thứ-tự mà thay đổi. Lại khi nào ông Thiên-hoàng chưa đến 18 tuổi, hay là nhân có cớ bất-đắc-dĩ gì khác, mà không thể tự mình xét-định lấy đại-chính được, thời có thể do hoàng-tộc-hội-nghị và sở xu-mật-cố-vấn quyết-nghị, mà đặt chức Nhiếp-chính. Theo lệ thường thì dùng Hoàng-thái-tử hay là Hoàng-thái-tôn sung làm chức Nhiếp-chính, nếu không có Thái-tử và Thái-tôn, hay là có mà chưa đến 18 tuổi, thời những người có thể nhiếp-chính được, theo thứ-tự sau này: (1) thân-vương và tước vương (Từ Hoàng-tử đến Hoàng-huyền-tôn gọi là thân-vương, còn như năm đời trở xuống gọi là vương); (2) Hoàng-hậu; (3) Hoàng-thái-hậu; (4) Thái-hoàng-thái-hậu; (5) Nội-thân-vương và nữ-vương. (Từ hoàng-nữ đến hoàng-huyền-tôn-nữ đều gọi là nội-thân-vương, còn như năm đời trở xuống, thời chỉ gọi là nữ-vương).

Về hoàng-tộc nhiếp-chính, hoặc con trai hay con gái, cũng y như thứ-tự truyền-vị. Khi nhiếp-chính thời chỉ lấy cái danh của ông Thiên-hoàng mà thi-hành đại-quyền. Trong hiến-pháp và hoàng-thất-điển-phạm không được nhân khi ấy có thay đổi điều gì, ấy là cái qui-tắc đã định sẵn trong đế-quốc-hiến-pháp.

Về quyền thống trị. — Hiến-pháp nước Nhật-bản điều thứ 4 chép rằng: « Ông Thiên-hoàng làm ngôi nguyên-thủ trong nước cầm quyền thống-trị. » Nói rằng nguyên-thủ để cho phân-biệt với chữ quân-chủ. Vì vua nước chuyên-chế và nước lập-hiến đều là nguyên-thủ mà ông Đại-tổng-thống nước cộng-hòa cũng là nguyên-thủ, duy ông Đại-tổng-thống nước cộng-hòa cũng là nguyên-thủ mà không cầm quyền thống-trị; vả lại vua nước lập-hiến cùng vua nước chuyên-chế, hai đàng cũng khác nhau. Vua nước lập-hiến cầm quyền chính-trị việc gì đều theo hiến-pháp đã định mà làm; còn vua nước chuyên chế thời chỉ bằng theo cái ý-tứ riêng của mình mà thi-hành quyền-chính. Ông Thiên-hoàng nước Nhật-bản, đã là vị Nguyên-thủ mà cầm quyền thống-trị, thì thuộc về chính-trị hay là về pháp-luật, tự-nhiên không có cái lẽ phải bị người ta khiển-trách đến mình, vì vậy trong hiến-pháp điều thứ 3 mới định rằng: «Ông thiên-hoàng thần-thánh không thể xâm-phạm», nghĩa là không bị khiển-trách vậy. Tuy vậy không phải vì bậc thiên-tử tôn-qui, hoặc cho là con cháu của thần-thánh mà không dám xâm-phạm đâu. Bởi vì trị-quyền tuy do ông thiên-hoàng cầm giữ, mà cái chức-trách phù-tá cốt ở các quan đại-thần. Sự an-nguy của nước nhà, các ông đại-thần phải có trách-nhiệm. Lại trong hiến-pháp điều thứ 5 định rằng: « Ông Thiên-hoàng y theo đồng-ý của nghị-hội đế-quốc mà thi-hành cái quyền lập-pháp, tức là ông thiên hoàng khi làm quyền lập-pháp cần phải có nghị-hội đế quốc giúp đỡ tán-thành rồi mới làm được. Xem thế thời đủ biết cái chính-thể lập hiến khác với cái chính-thể chuyên chế là đường nào, chính-thể chuyên-chế thì ý-tứ của ông quân-chủ tức là pháp-luật; chính-thể lập-hiến thì không cứ việc lớn việc nhỏ, nếu không do nghị-hội giúp đỡ tán-thành, thì không có thể chế-định pháp-luật được. Lại trong hiến-pháp điều thứ 6 chép rằng: « Khi ông Thiên-hoàng mà đã tài-định pháp-luật rồi, thời sai thần-liêu công-bố mà thi-hành, nghĩa là các cái án về pháp-luật, phải do chính-phủ hay là nghị-viên đem bàn giữa nghị-hội, trải qua thượng-nghị-viện và hạ-nghị-viện đã thừa-nhận rồi, dâng lên ông thiên-hoàng tài-định mới đem ra thi-hành, sau khi thi hành quốc-dân phải tuân theo vậy. Lại như ông Thiên-hoàng có

quyền được triệu-tập nghị-hội, ban mệnh-lệnh khai-hội bế-hội, và giải-tán hạ-nghị-viện, ấy thực là cái đại-quyền của ông Thiên-hoàng. Tuy vậy, sự đình-hội phải y theo cái ngày chỉ-định trong chiếu-sắc, nhưng mà khi nào chính-phủ với nghị-hội nếu có việc gì nghị-luận chưa giải-quyết, cũng có thể châm-chước mà xin triền kỳ-hạn lại được. Còn như sự giải-tán hạ-nghị-viện, thì kỳ thật không phải là giải-tán, bởi vì gặp khi nghị-hội dầu phần nhiều phản-đối với chính-phủ, nhưng biết đâu quốc-dân phần nhiều lại không tán-thành, cho nên hằng khiến giải-tán rồi bầu-cử lại ngay, để xem ý nghị-hội và ý quốc-dân hẳn có đồng-ý hay không vậy.

Nước lập-hiến thì pháp-luật trọng hơn sắc-lệnh, chỉ vì pháp-luật là do ý-chí của ông nguyên-thủ cùng nghị-hội hợp-đồng mà định ra, còn như sắc-lệnh thì chỉ do một cái ý-chí của ông Nguyên-thủ mà thôi. Cho nên phàm những việc gì to lớn thường lấy pháp-luật mà qui-định, còn như sắc-lệnh thì chẳng qua là một lối ứng-cấp hay là gặp khi pháp-luật nói chưa rõ thì lấy sắc-lệnh mà bổ vào. Cái lệ phát-bố sắc-lệnh, nói rõ ở điều 892 trong hiến-pháp, có phân ra các thứ mệnh-lệnh : khẩn-cấp-mệnh-lệnh, bổ-sung-mệnh-lệnh và độc-lập-mệnh-lệnh. Phàm phát mệnh-lệnh thì phải có lý-do, chứ không được vô-cớ mà vông-phát.

Khẩn-cấp-mệnh lệnh là sau khi nghị-hội bế-hội rồi, nếu gặp có việc khẩn-cấp không có thể đợi đặt ra pháp-luật rồi sẽ phân-xử, khi ấy ông Thiên-hoàng có thể ban mệnh-lệnh để mà phân-xử, nhưng mệnh-lệnh ấy chỉ có thể làm được thuộc về trong cái giới-hạn giữ-gìn sự trị-an và ngăn-ngừa sự tai-ách mà thôi, nếu không phải giới-hạn ấy thì không được ban-phát mệnh-lệnh. Vả lại những sắc-lệnh của ông Thiên-hoàng mà ban phát ra như thế, thì chờ đến khi quốc-hội mở hội lần kế, tiếp theo đó, phải đem ra cho nghị-hội thừa-nhận mà nghị-hội có thừa-nhận mới cho cái sắc-lệnh ấy là có giá-trị như pháp-luật, nếu không thế, thì sắc-lệnh ấy phải bị bỏ.

Bổ-sung-mệnh-lệnh là cái sắc-lệnh vì thi-hành pháp-luật mà ban-bố. Nghĩa là pháp-luật chỉ nói đại-cương, chứ những việc tường-tế không nói đến và trong khi thi-hành pháp-luật cũng nên chỉ rõ cách thi-hành ra làm sao, vậy nên phải có cái mệnh-lệnh phụ-thuộc theo về sự thi-hành, những mệnh-lệnh ấy gọi là bổ-sung-mệnh-lệnh.

Độc-lập-mệnh-lệnh nói trong điều 9 hiến-pháp nước Nhật-bản, mệnh-lệnh ấy phạm-vi rất rộng, tức là cái mệnh-lệnh cần phải ban-bố để mà bảo-toàn sự công-an và tăng-tiến sự lợi-ích cho dân vậy. Hiến-pháp các nước phương Tây, thì đều không có đem cái quyền được phát mệnh-lệnh giao riêng cho ông nguyên thủ, nếu mà lạm-dụng quyền ấy tức là xâm-phạm quyền lập-pháp của nghị-hội. Còn như hiến-pháp nước Nhật gọi là độc-lập mệnh-lệnh, thời thật trái ý ấy. Tuy vậy, trong hiến-pháp có định rõ rằng : pháp-luật được tự-do sửa-đổi mệnh-lệnh, chứ mệnh-lệnh không được sửa-đổi pháp-luật, nếu vậy thì dầu ông Thiên-hoàng có ban-phát ra độc-lập-mệnh-lệnh, mà mệnh-lệnh ấy cũng phải nương theo pháp-luật, tưởng cũng không có tỉ-hào gì tổn-hại đến quyền lập-pháp.

Mệnh-lệnh cũng có cái do ông Thiên-hoàng tự ban-phát, và cái do người có quyền-chính thay quyền mà ban-phát. Mệnh-lệnh do ông Thiên-hoàng tự ban-phát, gọi là sắc-lệnh, còn ngoài ra thì có mệnh-lệnh tòa Nội-các, gọi là Các-lệnh, mệnh-lệnh các bộ gọi là Sảnh-lệnh, và địa-phương thì mệnh-lệnh các phủ, huyện, vân-vân, tùy theo các trường-hợp mà khác nhau.

Đại-quyền của ông Thiên-hoàng trên kia đã kể rõ, nhưng có các đại-quyền khác như là quyền chế-định quan-chế nói ở điều thứ 10, quyền thống-suất hải-lục-quân nói ở điều thứ 11, quyền biên-chế hải-lục-quân và quyền định ngạch quân thường-bị nói ở điều thứ 12, quyền tuyên-chiến nghị-hòa và kết điều-ước nói ở điều thứ 13, quyền tuyên-cáo giới-nghiêm nói ở điều thứ 14, quyền phong tước, cho ngôi thứ và phát huân-chương nói ở điều thứ 15 và quyền đại-xá đặc-xá và giảm-hình nói ở điều thứ 16 trong hiến-pháp, ấy đều là các đại-quyền thuộc về hiến-pháp, mà hiến-pháp lấy toàn-quyền giao cho ông quân-chủ, không cần người khác giúp đỡ cũng có thể thi-hành được. Còn lại có các đại-quyền khác nữa, tuy không định rõ trong hiến-pháp, mà thực-tế thì cũng do ông Thiên-hoàng cầm giữ, như là quyền thay đổi quốc-cảnh, quyền chú-tạo hòa-tệ và quyền phái các quan ngoại-giao, vânvân.

Quyền-lợi và nghĩa-vụ của quốc-dân. Tư-cách quốc-dân nước Nhật. — Nước là cái đoàn-thể của nhiều người kết-hợp, mà người trong đoàn-thể ấy tức là quốc-dân. Dân nước chuyên-chế thì chỉ biết phục-tòng, chứ không có một chút quyền-lợi gì cả, còn như dân các nước lập-hiến đời bây giờ, thì đối với công việc nhà-nước có quyền xướng-nghị, cho nên dân nước lập-hiến thì quyền-lợi đối với nghĩa-vụ thật là hai đàng cân nhau.

Nước Nhật-bản nếu là nước chuyên-chế, thì dân Nhật-bản không có chút nào được gọi là quyền-lợi, mà cũng không ai cần lo xa nghĩ kỹ về cái phận sự đối với quốc-gia làm gì; bởi vì đã là chính-thể chuyên-chế, thì cái quyền sinh, sát, dữ, đoạt, đều cầm trên tay một ông quân-chủ, dưới dân chỉ vâng vâng dạ dạ, cúi đầu nghe theo tức là xong, người mà không phải người, không khác gì loài vật, nếu lấy cái huy-hiệu quốc-dân mà gọi cho dân nước chuyên-chế thật là quá-đáng vậy. Còn như nước lập-hiến thì không thế: quốc-dân có cái quyền-lợi được tham-dự chính-trị, thì tức có cái nghĩa-vụ đối với nước, mà quốc-dân làm cho hết nghĩa-vụ và biết lợi-dụng cái quyền-lợi của mình cũng không, là có quan-hệ đến sự thịnh suy trong một nước. Dân nước Nhật vì có quyền-lợi và biết giữ nghĩa-vụ, cho nên ai nấy đều coi nước như nhà, hết sức trung-ái với nước mà làm cho nước được giàu mạnh, xem thế thì đủ biết rằng cái chính-thể khôn-khéo và hợp-thời, thật là có thể khích-khuyến được lòng dân mà lợi-ích cho nhà nước.

Nay xin trích-lược những quyền-lợi và nghĩa-vụ trọng-yếu của quốc-dân Nhật-bản đã qui-định trong hiến-pháp, thì các khoản như sau này:

1) Quốc-dân Nhật-bản đứng vào cái tư-cách đã định trong pháp-luật, thời đều được dùng làm quan văn quan võ và làm việc các sở công;

2) Quốc-dân nước Nhật-bản có cái nghĩa-vụ đương-binh chiếu theo như pháp-luật;

3) Quốc-dân Nhật-bản có cái nghĩa-vụ nạp-thuế chiếu theo như pháp-luật;

4) Quốc-dân nước Nhật-bản có cái quyền-lợi được tự-do tùy-tiện cư-trú và di-chuyển theo trong phạm-vi pháp-luật;

5) Quốc-dân nước Nhật-bản không chịu sự bắt-bớ, sự giam-cấm, sự tra-xét và xử-phạt trái phép;

6) Quốc-dân Nhật-bản không bị bác-đoạt về quyền tài-phán đã định trong pháp-luật;

7) Trừ ra những trường-hợp đã định trong pháp-luật thời không kể, còn ngoài ra thì quốc-dân Nhật-bản nếu người chủ nhà không cho phép, thì không ai được xâm-nhập và đến sưu-sách những nơi cư-trú của mình ;

8) Trừ ra những trường-hợp đã định trong pháp-luật thì không kể, còn ngoài ra quốc-dân Nhật-bản được bí-mật gửi thư-tín với nhau không ai được xâm-phạm ;

9) Quốc-dân Nhật-bản về quyền sở-hữu tài-sản không ai được xâm-phạm ;

10) Quốc-dân Nhật-bản nếu không hại sự trị-an, không rối trật-tự và không trái cái nghĩa-vụ làm quốc-dân, thì được có quyền tín-giáo tự-do ;

11) Quốc-dân Nhật-bản nếu không trái pháp-luật, thì có quyền được tự do ấn-hành, ngôn-luận, trước-tác và lập-hội kết-xã ;

12) Quốc-dân Nhật-bản nếu hay giữ lễ phép về bản-phận mình, thì được tuân theo cái qui-trình có định riêng mà làm sự thỉnh-nguyện.

Quyền-lợi và nghĩa-vụ của quốc-dân Nhật-bản, biên ở chương thứ 2 trong hiến-pháp đã lược kể như trên kia, nhưng mà còn có cái nghĩa-vụ rất trọng-yếu là cái nghĩa-vụ chịu binh-dịch và cái nghĩa-vụ nạp thuế. Xét ra quyền-lợi có phân làm hai thứ : một là cái quyền-lợi được kiến-nghị ; hai là cái quyền-lợi được cự-tuyệt. Quyền-lợi kiến-nghị như là quyền lập-pháp và quyền xét dự-toán ; quyền-lợi cự-tuyệt như là gặp khi nào nhà nước lấy quyền-lực mà xâm-phạm đến cái giới-hạn cá-nhân, thì nhân-dân được cự-tuyệt mà không chịu. Vì có các thứ quyền-lợi như thế, cho nên các cái quyền tự-do định trong hiến-pháp nhân đó mà sinh ra vậy.

Thế nào là tự-do ? Các học-phái nghị-luận đều không nhất-định : có người gọi rằng tự-do là bởi trời phú cho tự-nhiên ; có người lại phản-đối mà không chịu theo cái lý-thuyết ấy. Nhưng xét ra cho kỹ, cái lý-thuyết thiên-phú tự-do, chẳng qua là cái lý-thuyết thuộc về triết-học, chứ không phải cái lý-thuyết thuộc về chính-trị. Còn như nói về chính-trị, thì cái quyền thiên-phú-tự-do, cần phải có chủ-quyền bảo-hộ mới có hiệu-lực. Xã-hội nếu không có chủ-quyền bảo-hộ, thì tất-nhiên sinh ra cái họa « cường thực nhược-nhục » mà không thể vãn-hồi được ; thế-giới đã đến « cường thực nhược-nhục », thì còn nói tự-do làm sao. Cho nên bàn về lối chính-trị-học, thì tự-do là từ chủ-quyền mà phát-sinh ra, nghĩa là có chủ-quyền mới bảo-hộ cái quyền tự-do của mọi người được. Cái chủ-quyền nước chuyên-chế thì ở trong tay ông quân-chủ, nếu ông quân-chủ chẳng cho quốc-dân được hưởng quyền tự-do thì quốc-dân cũng cả đời làm nô-lệ ông quân-chủ mà thôi. Còn như nước lập-hiến thì cái quyền tự-do của quốc-dân không hề bị bác-đoạt, mà cái hạnh-phúc của quốc-dân cũng nhân đó mà tăng tiến lên vậy.

Quyền-lợi của quốc-dân Nhật-bản đều có định trong pháp-luật, cứ như phạm-vi pháp-luật mà xem, thời hình như dân Nhật-bản không phải là hoàn-toàn mà hưởng quyền tự-do được. Tuy vậy, khi chế-định ra pháp-luật tất do ý-kiến của nghị-hội tán-thành mới được mà nghị-viên của nghị hội đều là do dân tuyển-cử ra thay mặt đối với chính-phủ, cho nên những quyền-lợi và nghĩa-vụ của quốc-dân định trong pháp-luật tuy không phải do quốc-dân trực-tiếp tự-định lấy, nhưng mà thật đã do người đại-biểu gián-tiếp mà định thay cho, ấy tức là cái đặc-chất của chính-thể lập-hiến vậy.

AN-KHÊ

MẤY BỨC GIA-THƯ CỦA ÔNG TĂNG VĂN-CHÍNH (1)

IV

Thư cho cha mẹ ông bà

I

Lạy chúc Thầy Mẹ bình-yên vạn-phúc,

Hôm mười bảy tháng chín con tiếp được thư của Thầy Mẹ cho con biết rằng trong nhà già trẻ yên-lành, họ-hàng bình yên cả, con mừng lắm.

Còn phần con ở Kinh, thân-thể vẫn được bình-yên. Gần nay con xem sức con ngày một mạnh hơn, nên mỗi ngày gắng công dùng sức, sớm dạy học ôn lại các Kinh, cơm sáng rồi học Sử, buổi trưa buổi chiều xem thơ và xem cổ-văn, tính mỗi ngày xem được tám-mươi tờ sách, chỗ nào cũng lấy bút chấm cả; gặp việc bận thì chỉ xem được có một nửa. Em Chín con thân-thể cũng được như thường, chỉ không chịu chăm học thôi. Độ cuối tháng tám nhớ nhà đòi về mãi, con khuyên-nhủ ba bốn lần và hỏi tại cớ sao, em con không nói rõ, chỉ không học và không cùng ăn cơm với con ở nhà trên, con phải xuống nhà dưới ăn cơm với em con, để nhà con ăn riêng một mình, suốt một tháng chín như thế cả. Em con đãi con vẫn cung-kính như thường mà đãi nhà-con cũng vẫn dễ-dãi vui-vẻ như thường. Vợ chồng con cũng cùng đãi em con như thường; không biết tại sao em con lại đòi về. Con thường bảo em con rằng: « Phàm trong anh em có điều gì không phải, nên nói rõ ngay, chớ có chứa ở trong lòng. Nếu anh có điều gì không phải, em nên nói rõ hay can khéo, nếu anh không nghe, em nên viết thư bẩm thầy Mẹ. Nay em muốn về một mình, phí mất nhiều tiền ăn đường mà bỏ không mất bao bóng quang-âm, đường-xá xa-xôi, tuổi em còn bé chưa biết gì, Ông Bà và Thầy Mẹ nghe thấy tất là ăn không ngon, ngủ không yên, mà anh cũng không yên lòng.» Con lại viết một bài nói những cớ không nên về, cộng hơn hai nghìn chữ, lại làm một bài thơ khuyên bảo, em con mới hơi biết hối, nhưng cũng vẫn chưa chịu chăm học. Hôm mồng chín tháng mười con và em con kính chúc ngày thọ. Hôm mười-một con qua ba-mươi tuổi, em con làm tiệc rượu, sắm quần áo, mừng tuổi con, từ bấy giờ em con lại cùng ăn cơm với con ở nhà trên, yên-hòa không có hiềm gì nữa. Hôm qua lại tiếp được thủ-dụ dạy em con rằng: « Cảnh-ngộ khó gặp được lúc thanh-thản, bóng quang-âm đi không trở lại », em con mới biết thẹn biết hổ mà chăm học. Con bảo em con hàng nghìn hàng vạn câu, em con không nghe. Thầy dạy em con vài lời mà em con vội-vàng sợ-hãi đổi lỗi ngay. Thế thì biết rằng không phải lỗi em con, mà là tại tội con không biết thuận-yêu, không hay tu đức, để khuyến hóa dẫn-dụ em con. Cúi xin lại cho lời trách tội con, khiến cho con được theo lời đổi lỗi, thì càng may cho con lắm. Kính-bẩm việc cần, còn đâu xin lần sau bẩm lại.

Quốc-Phiên *quỉ-bẩm.*

— Lại phụ-trình một bài thơ như sau này:

Tùng-bách mọc đầu non xơ-xác,
Giây sắn bìm quấn ngược chằng xuôi.

(1) Tiếp theo mấy bài « Lời khuyên con » các kỳ trước (N.P. số 89, 91, 94)

Anh em nào phải người ngoài!
Trong cơn lở đất long trời cậy chung.
Giá bày tiệc rượu nồng dê béo,
Khách quan sang chẳng thiếu chi người.
Không may gặp bước chông gai,
Một mình mình chịu, nào ai đoái cùng.
Khiêm-khiêm là giống chim đồng,
Lúc bay còn biết giăng cùng cánh nhau.
Kìa lang-bối kề đầu tựa gối,
Cùng tựa nương nên mới vững-vàng.
Anh em thực một can-tràng,
Người ngoài hồ dám cả gan tơ-màng.
Nguyện xin như đá cùng hang,
Chẳng như lớp cát dưới luồng nước xuôi.
Nước xuôi cát bao giờ hồi,
Đá bền trơ đấy có đời nào phai
Trăm năm dã nào ai đấy tá,
Má hây-hây mấy nả mà giăn.
Cùng nhau rau cháo tân-cần,
Thoi đưa tấc bóng quang-âm ngàn vàng.
Kiếp này mà để lỡ-làng,
Kiếp sau giấc mộng mơ-màng có chi.

— Dịch-giả có lời bàn rằng:

Người xưa có câu rằng: « Đời sau bạc nhất là đạo anh em. 後世人倫之薄莫甚於兄弟». Thật là một điều rất đau lòng cho đời, cho phong-hóa. Đời xưa thì coi anh em như chân như tay, như chim liền cánh, như cây liền cành; mà bây giờ thì phần nhiều chỉ biết vợ con, biết một mình, coi anh em như người ngoài đường, thậm chí tranh-dành nhau, tàn-hại nhau, như đối với kẻ thù nữa. Vì những cớ gì mà đến nông-nỗi ấy? Xét kỹ thì biết rằng chỉ vì không biết chân-tình và ham lợi riêng cả. Trong *Tả-truyện* có dạy rằng: « Trong anh em đừng có hám lợi nhỏ mà xa tình thân 勿以小利而疎懿親, » thật đã phác-họa được cái nguyên-nhân anh em bất-hòa. Chỉ tiếc rằng biết hàm-nhẫn mà chưa rõ đến chân-lý để giải-phóng, nên chỉ những người có đức tốt nhịn mới hàm-nhẫn được, còn những hạng người nông-nổi, không biết cân-nhắc nặng nhẹ, có một điều gì, cũng để ngầm-ngấm trong lòng, không sao giải-phóng được, nên tích mãi mà thành ra quyết-liệt. Nay xem một đoạn này, dạy người ta anh em có điều gì nên nói rõ ngay, thật là một cái gương sáng vằng-vặc chiếu dọi cho ta hiểu đến tâm-lý nhau, có điều gì không bằng lòng nhau đem bày tỏ ngay tận mặt nhau cho kẻ lỗi nhận lỗi đổi đi, người phải hả lòng hòa-hợp, còn hiềm-khích gì nữa. Lẽ thường người ta có điều gì bất-bình, cũng muốn nói ra cho hả, đã được hả rồi thì còn hiềm gì. Người có anh em, sao chả nên đọc lời này, và bài thơ này luôn sao?

— *Đây nguyên-văn là thơ ngũ-ngôn:*

松栢翳危巖。葛藟相鉤帶，
兄弟匪他人。患難亦相賴。
行酒烹肥羊。嘉賓塡門外，
喪亂一以聞。寂寞何人會，
維鳥有鶺鴒，維獸有狼狽，
兄弟審無猜。外侮將余柔，
願爲同岑石。無爲水下瀨，
水急不可礙。石堅猶可磕，
誰謂百年長。倉皇已老大，
我邁而斯征。辛勤共蠹糲，
來世安可期。今生勿玩愒，

∴

II

Lạy chúc Ông Bà bình-yên vạn-phúc

Hôm hai-mươi-mốt tháng tư, cháu tiếp được một bức thư của Ông, một bức của thầy cháu, một bức của chú cháu và các văn-thơ của hai em cháu. Cháu cúi đọc thư của Ông, thấy nét chữ vẫn như mọi năm, biết rằng tinh-thần Ông vẫn được mạnh và trong nhà già trẻ đều bình-yên cả, cháu mừng lắm.

Chú cháu đã sắm hộ cỗ thọ-đường, anh em cháu cám ơn lắm, không biết lấy gì báo ơn cho được. Chú có mua sơn mang về, nên mua

cho nhiều, thứ ấy rất khó biết thật hay giả, có đi mua cũng không nên rủ nhiều người đi, sợ lại thêm tệ. Khi lên tỉnh thì nên hỏi anh em bảo cách mua, hỏi nhiều rồi cũng biết được, nếu không biết mua mà mượn người xem hộ, thì tất phải chịu thiệt, đã không biết mua thì năm nay hãng mua ít chứ, để đến sang năm biết mua rồi đi mua cũng không muộn. Trong năm nay khi nào sạn các cỗ thọ, nên chát sơn thêm vào cỗ thọ của Ông Bà, về sau cứ mỗi năm sơn thêm một lần, tính xem cả bốn cỗ hết bao nhiêu tiền, chú viết thư vào Kinh, cháu gửi ngay về tỉnh thì rất dễ.

Việc này không nên hà-tiện, con cháu báo ơn người trên, chỉ cốt có cái ấy thôi, còn thì là hư-văn cả.

Lại xin nhờ chú dạy-dỗ các em cháu để sửa-sang việc nhà.

Cháu QUỐC-PHIÊN *qui-bẩm.*

∴

III

Lạy chúc Ông Bà bình-yên vạn-phúc.

Hôm mồng năm tháng bảy, cháu gửi một cái thư về, trong thư cháu nói muốn cho gia-quyến về; đến hôm mồng tám thằng em Chín cháu cũng đòi về mãi, không thể bảo được, nên cháu cũng không khuyên-ngăn nữa. Từ đạo tháng tư năm ngoái, thầy cháu về, em cháu thường thường nhớ nhà muốn về đến tháng chín lại đòi về tệ lắm, cháu cố hỏi mãi, vẫn không chịu nói rõ.

Lúc tuổi trẻ chưa biết gì, đại-đề chán chỗ cũ mà thích chỗ mới, chưa được vào Kinh thì mong mỏi vào Kinh, đã được vào Kinh thì lại nhớ nhà, ai cũng thế.

Lại vì có khi những tôi đòi trong nhà tất là đối với cháu thì cung-kính đối với em cháu thì coi nhờn. Năm ngoái cháu quyết không cho về, nghiêm-trách, dỗ ngọt, hàng nghìn vạn câu, em cháu cũng phục là phải, đã được hai tháng không đòi về nữa. Tháng giêng năm nay phải cảm, lại đòi về, cháu không dám lưu nữa.

Từ khi em cháu tới Kinh rồi, nửa năm ngoái học-tập rất khá, đến tháng sáu nhân anh Giáp-tam ốm, bận bỏ xao-nhãng mất hai tháng. Mùa xuân năm nay, em cháu lại yếu, bỏ học mất hai tháng. Ngoài ra thì lúc học lúc nghỉ, tuy xao-nhãng nhiều, nhưng cũng tiến-bộ lắm. Kể trong nửa năm trời, duy có tập chữ tiến-bộ nhất, ngoài ra còn xem được ba-mươi sáu quyển *Cương-giám*, học được bốn quyển *Lễ-ký*, một quyển *Chu-lễ*, lại một bộ *Tư-văn tinh túy* được hai quyển rưỡi; vì học *Chu-lễ* không thuộc nên đổi ra học *Tư-văn tinh-túy*; làm được hơn sáu-mươi bài văn, học thuộc được hơn ba-mươi bài văn. Từ khi thầy cháu về, cháu chưa định đúng hạn để chấm văn giảng nghĩa sách, chấm thơ cho em cháu, thế là cháu cũng có tội, không thể chối được. Học văn làm văn, không chịu dụng-tâm, làm việc gì cũng không có thường, mắng mãi cũng không chừa, ấy là cái lỗi của em cháu. Thường hay giảng những đạo-hạnh làm người, khiến cho trí khôn mở thêm, lập được chí lớn, bây giờ chút hiểu cách học, sau này sẵn có đường lối mà theo, ấy là một điều cháu có thể thưa được bằng lòng Ông. Đãi anh rất kính, đãi các hàng cháu rất nhân từ, theo y khuôn-phép, nhất-thiết những sự trái đạo không có bợn đến, cử-chỉ đứng-dắn, tính-tình trung-hậu, ấy là một cái nết tốt của em cháu. Chỉ có một điều hỏng nhất, là vì không biết gian-khổ, tuổi con bé mà lại chưa nếm mùi cay-đắng, nên không hiểu được, để cho vài ba năm nữa, tự-khắc rồi cũng biết được.

Em cháu độ chừng trung-tuần tháng chín thì về tới nhà, cháu sợ rằng nhà ngờ-vực rằng anh em cháu có điều gì hiềm-khích nhau thành ra sự lo buồn, nên cháu dám đem những tình-hình ở Kinh và sự-thể trở về kể qua những điều đại-đoạn để nhà rõ, còn những điều lặt-vặt, để khi em cháu về nhà sẽ kể sau, để Ông Bà biết rằng anh em cháu thật không có điều gì. Thân-thể cháu như thường, chỉ ù tai luôn, không biết tại làm sao. Vợ cháu và các chắt đều được bình-yên cả. Cháu ở Kinh, nhất-thiết phải cẩn-thận cả, cúi mong Ông Bà, Thầy Mẹ yên lòng.

Cháu Quốc-Phiên *qui-bẩm.*

. . .

Thư cho các em

I

Bốn vị hiền-đệ.

Em Chín về nhà thường nay đã đến chưa ? Từ khi bỏ cái thư ở Nhiệm-khôn đến nay, chưa tiếp được thư trả lời, lòng anh mong-mỏi lắm, không biết lúc đi đường có nguy-hiểm gì không? Em Tư và em Sáu vào thi, đáng lẽ bây giờ có tin rồi, thế mà mãi vẫn chưa thấy, rất là sốt ruột. Thân-thể anh cũng được như lúc em Chín còn ở, chỉ tai ngày một ù tệ, hỏi ông Ngô Thúc Như, thì bảo chỉ nên theo phép tĩnh-dưỡng, không có thuốc gì chữa được, mà ứng-thù ngày một nhiều thêm, anh lại vốn là người nông-nổi vội-vàng, sao hay làm được phép tĩnh-dưỡng ? Vẫn định dọn vào trong thành cho bớt những sự thù-tạc nhảm, mà bây giờ vẫn chưa tìm được. Anh cũng vẫn thường-thường tự-hối mà cũng vẫn chưa rửa sạch hư cũ, thay nết hay mới. Từ hôm em Chín về rồi, anh định ngày lễ học các Kinh, ngày chẵn học Sử. Nhưng học Kinh vẫn biếng-nhác, không thâm-hiểu, học bộ *Hậu-Hán* thì bây giờ đã lấy bút son chấm được tám quyển, tuy không nhớ được hết, nhưng so với năm ngoái học bộ *Tiền-Hán* thì hiểu thâm hơn nhiều. Gần nay ông Ngô Thúc-Như đi lại với anh rất thân, hễ lại chơi thì ngồi bàn-bạc suốt ngày, thuần nói những đạo sửa mình, trị lòng, trị nước, trị nhà cả, ông ấy cứ giục anh vào ở trong thành, vì rằng trong thành có ông Kính-hải-tiên-sinh có thể thờ làm thầy được, có ông Nụy Cấn-Phong, ông Đậu Lan-Toàn có thể kết làm bạn được, thầy bạn giúp giữ, dẫu người hèn cũng có chí làm nên. Anh thường nghĩ câu ông Chu tử dạy rằng: « Sự học cũng vì như nấu thịt, lúc mới phải đun lửa mạnh, rồi sau mới dùng lửa nhỏ nấu. » Bình-sinh anh chưa dùng được cái công-phu lửa mạnh nấu trước, nên tuy có chút kiến-thức cũng bởi hiểu mà biết cả, có lúc cũng chịu dụng-công, nhưng cũng chỉ lửng-lơ mập-mờ thôi. Ví như nước chửa sôi đã dùng lửa nhỏ, nên nấu mãi mà vẫn sượng, vì thế nên anh cũng thích dọn vào trong thành ngay, bỏ hết các việc nhảm mà hết sức học. Ông Kính-hải và ông Cấn-Phong cũng cùng khuyên anh nên vào trong thành ngay, mà bè bạn ở ngoài thành anh cũng thường thích chơi với mấy người như ông Thiệu Huệ-Tây, ông Ngô Tử-Tự, ông Hà Tử-Chính, ông Trần Đại-Vân, v. v.. Ông Huệ-Tây thường bảo rằng: « Ông Chu-công Cẩn chơi với bạn say như uống rượu ngọt, hai chúng ta cũng có chút ý-vị ấy, cho nên hễ gặp nhau là chuyện-trò mãi. » Còn như ông Tử-Tự là người thế nào, đến nay anh cũng chưa định phẩm-cách, nhưng kiến-thức rất to-tát mà tinh thần lắm. Thường bảo anh rằng: « Dùng công học vì như đào giếng, tham đào nhiều giếng mà không đến mạch thà rằng cứ đào một cái, hết sức đào cho đến mạch mà dùng, thì không bao giờ hết được. » Câu ấy thật là đúng cái bệnh của anh, vì rằng anh đào giếng vẫn chưa được cái mạch nào vậy. Ông Hà Tử-

Chính thường bàn cách tập chữ với anh, ông ta bảo anh đã hiểu được cỗi nguồn rồi, không nên bỏ phí mất. Anh thường bảo muốn sự muôn lẽ đều ở hai quẻ *kiền khôn* 乾 坤 mà ra cả, lấy ngay phép tập chữ mà bàn thì thuần lấy cái thần-khí mạnh mà cổ-dãng lên cho mạch-lạc thông suốt và tiềm-tâm vận-chuyển ở trong, thế là đạo *kiền* 乾, kết-cấu tinh khéo, thách lên khép vào có phép, thu rút hợp-độ, thế là đạo *khôn* 坤. Phàm nói về đạo *kiền* là nói về thần về khí, nói về đạo *khôn* là nói về hình về chất, sách nói không lúc nào rời lễ-nhạc được, cũng là do ý ấy cả; *nhạc* gốc ở đạo *kiền*, *lễ* gốc ở đạo *khôn*. Viết chữ mà được ung-dung tự-đắc, chân lực dàn dụa ra, tức là ý nhạc đó, nét nào cũng đúng khép, quanh chuyển hợp phép, tức là ý lễ đó. Anh ngẫu-nhiên nói với ông Hà Tủ-Chính thế, ông ta rất lấy làm phải, bảo rằng bình-sinh đắc-lực cũng chỉ ở mấy câu ấy cả.

Anh viết đến đây, vừa tiếp được tin nhà biết rằng em Tư em Sáu chưa được vào học, anh sốt ruột quá. Song khoa-danh có hay không, chậm hay sớm, đã có định sẵn, không thể miễn-cưỡng một tí nào được. Anh em ta đọc sách chỉ cốt có hai sự: 1) Tiến-đức, giảng-cầu các đạo ý thực (誠意), ngay lòng (正心), sửa mình (修身), trị nhà (齊家) để mưu toan cho khỏi thẹn một đời mình; 2) Tu-nghiệp, luyện-tập các thuật, ký-tụng từ-chương, để mưu toan tự nuôi lấy mình.

Về sự tiến-đức, khó nói được hết, còn như sự tu-nghiệp để nuôi mình, anh xin nói rõ cho em nghe.

Nuôi mình không gì bằng mưu-kế kiếm ăn, kẻ làm ruộng, kẻ đi buôn, kẻ làm thợ, chịu nhọc sức, là để cầu miếng ăn; người học-trò nhọc lòng cũng để cầu miếng ăn cả. Cho nên hoặc ăn lộc ở chốn Triều-đình, hoặc làm thầy dạy ở làng, hoặc làm khách giúp mưu, cũng phải tính xem tài mình có đáng miếng ăn mà không tủi không. Khoa-danh là con đường ăn lộc, cũng phải tính sao cho nghiệp mình sau này không đến nỗi uổng ngôi hoài cơm, rồi sau được khoa-danh mới không thẹn chứ. Được ăn hay không được ăn, cùng hay thông, do Trời chủ-trương, dùng hay thải, do người chủ-trương, nghiệp tinh hay không tinh, do mình tự chủ-trương lấy. Anh chưa thấy ai nghiệp tinh thật mà không được ăn lộc bao giờ. Người làm ruộng quả chịu khó hết sức cầy, dẫu không may gặp phải năm mất mùa, rồi cũng tất có năm được mùa. Người đi buôn quả tích hàng-hóa thật, dẫu không may gặp lúc ế-ẩm, rồi tất cũng có lúc đắt hàng. Người học-trò quả là học giỏi thật, sao lại có lẽ không được khoa-danh, cho rằng không được khoa-danh nữa, há lại không có lối nào kiếm ăn nữa sao? Xem thế thì biết rằng chỉ lo nghiệp mình không tinh thôi. Muốn cầu nghiệp cho tinh, cũng không có phép gì lạ, chỉ cốt có một chữ *chuyên* thôi. Phương-ngôn có câu rằng: «Nhiều nghề không đủ nuôi thân», là chê kẻ không chuyên đó, cũng như anh bảo đào nhiều giếng mà không được cái mạch nào, cũng vì cái lỗi không chuyên cả. Các em nên gia-công gắng sức chuyên một nghề. Như em Chín chỉ thích tập chữ, cũng không nên bỏ hẳn các nghiệp khác, nhưng cái công-phu tập chữ, phải ngày ngày phấn-phát tinh-thần, tùy thời tùy sự cảm-xúc đến, đều có thể gọi tinh-thần mà hiểu được. Em Tư em Sáu, anh không biết trong lòng có chuyên thích cái gì không? Nếu chỉ thích học cho cùng-kinh, thì phải chuyên học một kinh, chỉ thích học kinh-nghĩa thì nên xem chuyên văn bài riêng của một nhà, chỉ thích làm văn cổ, thì nên chuyên xem văn-tập riêng của một nhà; tập các lối thơ lối thiếp cũng thế, thiếp chó

có xam cả các lối, vì rằng tập xam rồi tất không có cái gì thành cả, cốt nhất cốt nhất.

Từ nay trở đi, các em đã tập chuyên một nghiệp, có viết thư lại cần nên viết cho rõ-ràng, có điều gì ngờ nên cứ hỏi cho hết mọi lẽ, nói hàng thiên dài tập lớn, để cho anh xem thư của các em mà biết được chí-hướng và kiến-thức các em. Phàm những người tập chuyên một nghiệp tất có điều tâm-đắc mà cũng tất có điều ngờ-vực. Các em có tâm-đắc cái gì nên cho anh biết để cùng thưởng, có điều gì ngờ nên bảo anh để cùng giải rõ cho. Vả lại thư-từ tường-tận, thì anh em tuy cách xa ngoài bốn nghìn dặm, cũng không khác gì cùng ngồi xum-họp trò chuyện ở trong một nhà, như thế còn gì vui thú hơn nữa. Bình-sinh anh đối với các luân-thường duy đối với anh em nhiều điều tủi-thẹn nhất, vì rằng Thầy đã đem hết cái khôn biết của Thầy để dạy anh, mà anh không đem được những điều khôn biết của anh để bảo các em, ấy là một tội rất bất-hiếu. Em Chín ở Kinh hơn một năm, tiến-bộ không được mấy, anh cứ nghĩ đến đấy mà không sao khuây được. Từ rầy trở đi, anh viết thư về cho các em, dùng toàn một thứ giấy, các em nên lưu-tâm cứ mỗi năm đóng lại thành một quyển và những điều hay trong ấy không nên nhãng qua. Thư của các em gửi lại, cũng nên dùng một thứ giấy, để anh đóng lại cho tiện.

Mấy năm nay anh có gửi giống đậu vàng mép về, nhà trồng có tốt không? Độ lên tỉnh đã mua được sơn chưa? Thợ sơn định dùng người nào, tin sau cho anh rõ.

Huynh Quốc-Phiên túc-bút.

II

Các hiền-đệ,

Hôm hai-mươi-mốt tháng mười anh tiếp được một phong thư sáu tờ nhật-ký đi đường và một bao thuốc của em Chín gửi ở Tràng-sa lại. Hôm hai mươi hai lại tiếp được cái thư của nhà gửi ngày mồng hai tháng chín đến. Anh vui mừng quá! Từ khi em Chín ở Kinh bước chân ra về, rồi ngày nào anh cũng lo ngay-ngáy, chỉ sợ đường-xá nhiều điều tai-biến bất-thường, không thể liệu trước được, nay xem thư gửi lại, quả-nhiên không sai những điều anh liệu trước, thật trăm đắng nghìn cay mới về đến nhà, may quá! may quá! Thế mà lại biết mua áo bông biếu Bà tốt lắm, có thể bù cái lỗi cho anh được thật. Anh xem cái thư của em Tư gửi lại rất tường mà cái chí phấn-phát gắng-gỏi dàn-dụa hơn sự làm thực. Nhưng sao lại muốn ra ngoài tìm chỗ dạy học, thế là có ý gì thế? Chẳng qua cho rằng tràng học nhà ở gần nhà quá, hay làm xao nhãng mất việc học, không bằng đi xa học cho tiện hơn chứ gì?... Song đi xa mà theo thầy học, thì mới không xao nhãng, chứ đi xa mà lại dạy học thì lại càng xao-nhãng hơn ở nhà. Vả lại hay nhức chí chăm học thật, thì tràng học ở nhà học cũng được, ngay ở chỗ đồng không vắng-vẻ, chỗ nhiệt-náo đến đâu cũng học được, gánh củi chăn lợn cũng học được cả. Nếu không hay gắng chí chăm học tự-lập lấy mình, thì tràng gần nhà không học được thật, mà cho ở ngay những chỗ tĩnh-mịch, chốn thần-tiên cũng không sao học được. Thế thì cần gì phải chọn đất ở, việc gì phải đợi thời, chỉ cốt tự xét xem mình lập-chí thực hay không thực thôi.

Em Sáu tự oán là số lạ, anh cũng tin thật, nhưng vì thi không đỗ mà sinh ra chi lông-bông, thì anh cũng trộm cười cái chí em nhỏ thật mà cho sự lo của em không được lớn-lao thật. Người quân-tử lập-chí phải sao cho có lượng rộng, coi dân như người cùng bọc, coi vật như cùng một cỗi nguồn với mình, phải sao cho nên công-nghiệp trong thành ngoài vương mà sau mới khỏi uổng công cha mẹ sinh-thành, không tủi thẹn là một người hoàn toàn đứng trong trời đất. Hóa cho nên chỉ có lo sao không bằng vua Thuấn, không bằng ông Chu-công, lo đức không thịnh, học không nên thôi. Cho nên dân ngoan-ngạnh không biết cảm-hóa thì lấy làm lo, mán-rợ quấy-nhiễu thì lấy làm lo, kẻ tiểu-nhân cầm quyền, người quân-tử bĩ-tắc, thì lấy làm lo, một kẻ thất-phu, một kẻ thất-phụ, không được hưởng cái ơn của mình, thì lấy làm lo, thương mệnh trời mà xót kẻ khốn-cùng, người quân-tử chỉ lo có thế thôi; còn như một thân mình thỏa-thuận hay bó-buộc, một nhà no hay đói, tục đời cho là vinh hay nhục, được hỏng, sang hèn, khen chê người quân tử không rồi lo đến vậy. Em Sáu thì không đỗ tự cho là số lạ, anh trộm cười là lo không được to-tát thật, vì rằng người ta không đọc sách thì thôi, nếu đã tự-mệnh là người đọc sách, thì phải học cái trình-độ sách *Đại-học*, những điều cốt-yếu trong sách *Đại-học* có ba điều: tu-đức cho rõ-rệt thêm, dạy dân cho ngày một mới thêm, biết điều đúng phải mà một mực làm, ba điều ấy đều là việc bổn-phận ta phải làm đó. Nếu đọc sách mà không biết nhận-nhật vào mình, lại cho là ba điều ấy không có can-thiệp gì đến mình, thế thì học làm gì? Dẫu cho văn hay thơ giỏi, cũng chỉ là một đứa «Chăn lợn biết chữ» thôi, không thể gọi là người hiểu lẽ, người có dùng được. Triều-đình lấy khoa-cử kén chọn học-trò, cũng chỉ cốt rằng hay thay các bậc thánh hiền, nói ra thì tất hiểu đạo-lý thánh-hiền, làm được đạo của thánh-hiền, rồi mới làm quan trị dân, sửa mình xuất-vật được, nên cho sự tu-đức cho rõ-rệt thêm, dạy dân cho ngày một mới thêm, là việc vành ngoài, thì dẫu văn hay thơ giỏi mà không hiểu đạo sửa mình trị người. Triều-đình dùng những hạng người ấy làm quan, cũng không khác gì dùng «Thằng ở chăn lợn làm quan.» Xem thế thì biết rằng đã tự-phụ là người có học, thì cái giường-mối *Đại-học* đều là cái cốt lập thân cả, thực là rõ lắm.

Các điều-mục sửa mình có tám mục, nhưng cứ ý anh xét thì cái lối tu-học thành-công chỉ có hai mục thôi: I) Suy cùng lẽ vật (*cách-vật* 格物); II) ý thực (誠意).

Suy cùng lẽ vật là sự biết cho đích đến nơi; ý thực là sự hết sức làm. Vật là cái gì? tức là vật có đầu có cuối, có gốc có ngọn đó. Mình 身, tâm 心, ý 意, biết 知, nhà 家, nước 國, thiên-hạ 天下, đều là vật cả, trời đất muôn vật đều là vật cả, các sự thường làm hàng ngày cũng đều là vật cả. Suy cùng là xét cho hết lẽ từng vật. Như thờ cha mẹ phải sớm hỏi hôm thăm là vật đó, xét xem tại lẽ làm sao mà phải sớm hỏi hôm thăm, thế là suy cùng lẽ vật đó. Thờ anh phải theo mà làm là vật đó, xét xem lẽ tại làm sao mà phải theo mà làm, thế là suy cùng lẽ vật đó. Cái tâm ta là vật đó, xét những lẽ để tu-luyện tâm, lại rộng xét những các phép xét-nét hàm-dưỡng để tu-luyện tâm, thế là suy cùng lẽ vật đó. Cái thân ta là vật đó, xét những lẽ kính mình và rộng xét những lẽ đứng thì nghiêm-trang như người lên đàn, ngồi thì ngay-ngắn như người ngồi làm vì để kính mình, thế là suy cùng lẽ vật đó. Các sách ta học hàng ngày, câu nào cũng là

vật cả. Xét cho cùng lẽ như đặt mình vào địa-vị ấy, thế là suy cùng lẽ vật đó, thế là sự biết đến nơi đó.

Thế nào là ý thực ? Là biết cái gì hết sức làm cái ấy, không tự dối mình, biết câu nào làm ngay câu ấy, thế là hết sức làm đó.

Hai cách ấy cùng tiến, kém hèn cũng bởi đấy, giỏi lên cũng bởi đấy cả. Bạn anh có ông Ngô Trúc-Như làm cái công-phu suy cùng lẽ vật đã thâm lắm, một sự gì, một vật gì, cũng cần cho rõ hết lẽ. Ông Nụy Cấn-Phong thì làm cái công-phu ý thực 誠意 rất nghiêm-ngặt, mỗi ngày có một quyển nhật-khóa (tức sổ nhật-ký), trong một ngày nghĩ một điều gì xẳng, làm một việc gì xẳng, một lời nói, một sự nghĩ, đều chép vào sách cả, mà sách viết thuần lối chữ chân, ba tháng lại đóng thành một quyển, kể từ năm *ất-vị* đến nay đã đóng được mươi quyển rồi. Vì rằng cái công-phu thận-độc, lỡ nhãng đi mà động nghĩ làm sự càn thì chép ngay vào sổ mà sửa trị ngay, cho nên xem sổ câu nào cũng là thứ thuốc chữa bệnh rất cần-thiết cả. Nay anh gửi ba tờ nhật-ký của Cấn-Phong tiên-sinh về để cho các em xem.

Từ hôm mồng một tháng mười, anh cũng bắt-chước như lối ông Cấn-Phong tiên-sinh, trong mỗi ngày nghĩ một việc gì, làm một việc gì, đều chép ra sổ, để trông thấy luôn mà sửa trị. Anh cũng chép bằng chữ chân cả. Phùng Thụ-Đường cũng chép sổ nhật-ký với anh một ngày, hắn rất dốc lòng yêu anh như anh em, kính anh như thầy dạy, sau này tất cũng thành tài. Từ trước đến nay anh vẫn mắc phải cái lỗi không thường, từ hôm chép sổ nhật-ký trở đi, mới có thể giữ được hai chữ « có thường » suốt đời. Vì rằng thầy giỏi bạn giỏi, hai bên giắt dẫn, chỉ tiến lên được, không sao thoái được. Anh cũng muốn sao bộ nhật-ký của anh cho các em xem, nhưng vì rằng hôm ấy ông Kính-hải tiên-sinh lại đem đi chép, nên chưa kịp sao, để đến tháng một có công-văn chạy, thế nào anh cũng sao mấy tờ gửi về.

Những bạn có ích của anh như ông Nụy Cấn-Phong thì uy-nghi nghiêm-nghị, khiến cho người trông thấy phải kính, như ông Ngô Trúc-Như, ông Đậu Lan-Toàn thì học rất tinh nghĩa, một lời nói, một việc làm, tất cầu cho thật phải. Như ông Ngô Tử-Tự, ông Thiệu Huệ-Tây thì bàn nghĩa kinh rất là thâm-thúy mà giải-thích rất rõ-ràng. Như ông Hà Tử-Chinh thì bàn cách tập chữ các điều tinh-thần, điều gì cũng hợp, nhất là bàn thơ thì lại hợp-ý lắm; ông Tử-Chinh rất thích xem thơ của anh, nên từ tháng mười đến nay, anh đã làm được mười tám bài. Nay sao hai tờ về cho các em xem. Còn như Phùng Thọ-Đường, Trần Đại-Vân thì hăm-hở lập-chí, cũng đều là bạn tốt cả. Còn như ông Kính-hải tiên-sinh, anh tuy chưa đưa lễ xin học, nhưng trong lòng đã phục thầy rồi.

Mỗi lần anh viết thư thăm em, không ngờ thư dài đến thế này, tưởng các em cũng cho là phiền mà nản xem, nhưng giá các em cũng gửi cho anh được cái thư dài thế, thì anh rất vui thích như được của báu, vì rằng người ta tính-tình mỗi người một khác vậy.

Từ hôm mồng một tháng mười anh bắt đầu chép sổ nhật-ký đến nay, lúc nào cũng chăm nghĩ đến cách đổi lỗi thay mới, nghĩ lại khi trước có chút hiềm với anh Tiểu-San, thực là vì cái tức chốc nhát mà không thứ tính cho người, nay vừa toan đến nhà hắn để tạ lỗi, thì vừa may hôm mồng chín hắn lại đến chúc thọ, đêm hôm ấy anh đến nhà Tiểu-San nói chuyện rất lâu, đến hôm mười-ba lại họp cả các ông

bạn và mời Tiểu-San lại ăn tiệc, từ đấy lại vui hòa như thường, rửa sạch hẳn cái hiềm trước.

Giấy ngắn tình dài, để lần sau lại nói nốt.

Huynh QUỐC-PHIÊN túc-bút (1)

∴

Thơ cho vợ con

I

Âu-dương phu-nhân tả-hữu,

Từ khi tôi đến Kim-lăng, các việc đều thỏa-thuận cả, chỉ có khí trời nóng-nực, tuy rằng có hai trận mưa hôm hai mươi bốn tháng tư và hôm mồng ba tháng năm, nhưng cũng chưa đủ nước cấy, tôi lo lắm.

Tinh-sức tôi mỗi ngày một suy, không tiếp khách luôn được, nên không thiết làm quan mãi mà cũng không muốn đón gia-quyến lại nữa. Phu-nhân ở nhà nên đốc-suất các con dâu lập định cho mỗi đứa một việc. Làm quan là sự qua thì, ở nhà mới là sự lâu-dài, nếu lập-định được nền-nếp cầy-cấy học-hành, siêng-năng tằn-tiện, thì đến khi hưu quan, cũng không mất cái khí-tượng hưng-vượng; nếu tham thích sự vui-vẻ đông-đúc ở cửa quan, không gây dựng được nền-nếp nhà, thì đến lúc hưu quan, thấy cái khí-tượng buồn-bã ngay. Phàm có thịnh, tất có suy, phải dự-phòng trước mới được. Mong rằng phu-nhân dạy-dỗ con cháu, con dâu con gái đứa nào cũng để lòng tưởng như trong nhà không có quan mà giữ một các ý nhún-nhường cung-kính, tằn-tiện luôn luôn, thì phúc-trạch mới lâu-dài mà lòng tôi mới yên-vui được. Mình-mẩy tôi vẫn bình-yên như thường, chỉ có sức mắt mờ tệ, nói nhiều thì đầu lưỡi ngọng-nghịu vướng-vít, răng bên tay trái đau lắm, nhưng cũng không lung-lay lắm, chưa đến nỗi gẫy ngay. Phu-nhân yên lòng. Kính thăm bình-yên.

∴

II

Thư cho Kỷ-trạch và Kỷ-Hồng.

Thầy sắp phải đi Thiên-tân để tra xét cái án thổ-dân hại người nước ngoài. Tính-tình mỗi giống một khác, không điều-hòa được, sợ sau này gây nên vạ to. Thầy đi chuyến này nghĩ đi nghĩ lại, chửa được kế gì hay cả.

Thầy mộ quân ra giúp nước từ năm Hàm-phong thứ ha đến nay, thề rằng đem tính-mệnh phó với ngoài cương-trường, nay tuy tuổi già mình ốm, lắm việc khó-khăn nhưng cũng không dám tiếc cái chết, để phụ tấm lòng trước. Chỉ ngại rằng thẳng-thốt chết

---

(1) *Đại-học* có tám mục là : sửa mình (修身), trị nhà (齊家), trị nước (治國), bình thiên-hạ (平天下), ngay lòng (正心), ý-thực (誠意), biết cho đến nơi (知致), suy cùng lẽ vật (物格). Trong tám mục này, là cái tôn-chỉ của đạo-đức thánh Khổng, phàm người ai đã cầm đến quyển sách, học đến đạo ngài, mà không lý-hội được, thì không sao gọi là học được. Song đời người có hạn, học-vấn không cùng, nếu không biết đạo thủ-ước thì học mãi mà cũng vẫn vẩn-vơ không biết đâu là bờ được. Cho nên các bậc hiền-triết cầu học, ai cũng phải suy-cầu cho cùng mà nắm lấy một cái làm đích rồi sau mới tu-bồi mãi lên mới được, vì như người đi bể, nếu không có cái kim chỉ-nam thì biết đường nào là đúng mà đi, tất phải đến trôi-giạt, nếu đã có cái kim chỉ-nam, thì dẫu ở giữa nơi bể cả mông-mênh, cứ ấn-hướng mà đi, tất có ngày đến bờ tới bến. Xem như một bức thư này, thì đủ biết hiền-triết học-vấn tinh-thâm thâm-thúy biết bao ! Nếu ta chịu khó khoáng-sung cái trí suy-xét của ta, luyện-tập cái năng-lực của ta, biết đến đâu thực-hành đến đấy, thì cái bậc hiền tưởng cũng không xa. —*Hờ chua của dịch-giả.*

đi, mọi việc các con không biết đâu mà hỏi, nên dặn sẵn một vài điều để phòng lúc bất-thường.

Nhược - bằng thầy mất rồi, linh-tượng nên chở theo sông Vận-hà qua Giang-nam về làng ta cho tiện. Tuy quãng giữa từ Lâm - thanh đến Chương-thu phải lên đi bộ, nhưng so với đường đi bộ cả còn tiện hơn nhiều.

Những sách-vở và đồ-đạc năm ngoái con gửi tâu thủy lên, nhiều mà nặng-nề lắm, không nên mang cả về, nên xét kỹ thứ nào nên mang thì mang, nên bỏ thì bỏ, thứ nào nên đưa làm quà thì đưa, thứ nào nên đốt thì đốt, đừng tham tiếc những cái vụn-vặt mà phí nhiều công-cước. Các đồ gỗ thuê đóng ở Bảo-định, nên đưa làm quà hết. Lúc đi đường nên từ-tạ hết, đừng có nhận lễ của ai, chỉ nên cần một ít quân để đi bảo-hộ lúc thuyền-bè nước-nôi thôi.

Những sớ-sách của thầy xưa nay, thầy đã đưa cho nhà tơ sao được già nửa rồi, còn đâu các con nên sao nốt, sao xong nên để ở nhà cho con cháu xem, đừng có khắc ra cho người ngoài xem, vì rằng không còn được bao nhiêu. Còn những bài văn của thầy làm, anh Lê Thuần-Trai đã sao được nhiều, còn nguyên-cảo chưa sao ở đây cũng không còn được bao nhiêu, con cũng không nên xuất-bản cho người xem không những vì bài có ít mà lại vì lúc trẻ không hay gắng sức, tài không xứng chí, khắc ra chỉ là tự bày tỏ cái dốt thôi; hễ bạn thầy có khuyên đem khắc, con nên khéo từ đi, cẩn nhất.

Thầy bình-sinh chút hiểu những sách của các bậc tiên-nho, thấy thánh-hiền dạy người sửa mình hàng nghìn hàng vạn câu, nhưng rút lại có bốn chữ: « Không ghen, không cầu » là cốt nhất. *Ghen* là thấy người ta giỏi thì tức, người ta tài thì định làm hại, người ta có công thì kèn-cựa, người ta được người yêu thì gièm-pha tranh-dành, bọn ấy là bọn lười không sửa được mình lại ghen-ghét người ta hơn mình. Cầu là tham lợi tham danh, ham đất hơn, bọn ấy là bọn chửa được lo sao cho được, được rồi chỉ lo mất đi. Ghen cũng không thường thấy, chỉ thấy xuất-hiện ra ở những lúc danh-nghiệp cùng bằng nhau, thế-vị cùng ngang nhau; cầu cũng không thường thấy chỉ xuất-hiện ra ở những lúc đổi-trác tiền bạc, hàm chức tranh dành. Muốn làm phúc phải bỏ lòng ghen trước, tức là người đời xưa bảo rằng người ta hay bỏ được những lòng hại người, thì đức *nhân* lồng-lộng dùng không hết được; muốn lập phẩm-cách mình phải bỏ lòng cầu trước, tức là người đời xưa bảo, người ta hay bỏ được những lòng mánh-khóe dòm-dỏ thì đức *nghĩa* chan-hòa dùng không xiết được, không bỏ được lòng ghen thì trong lòng đầy những gai-góc, không bỏ được lòng cầu thì trong lòng đầy những cáu ghét. Thầy thường gắng sức trị hai tính ấy mà vẫn còn tức rằng chưa quét được thật sạch, các con muốn tu được tấm lòng trong sạch nên hết sức làm hai câu ấy và mong rằng đời đời con cháu cũng giữ đạo ấy làm gương mà tự răn.

Thầy lịch-duyệt xem-xét biết rằng nước hay nhà cũng thế, hễ biết dùng siêng-năng tần-tiện là tất khá, mà lại suy thì trái hẳn đạo ấy. Thầy bình-sinh vẫn gắng sức làm chữ *siêng*, mà thực chửa được siêng, nên đọc sách không có bản sao, làm quan không có trù lưu lại; bình-sinh cũng hay lấy chữ tần-tiện dạy người, mà tự hỏi mình thực chửa được là tần tiện, nay xem những người hầu trong ngoài sở và các đồ dùng hàng ngày ở trong nhà trong bếp, kể cũng là xa-xỉ lắm, cái lỗi ấy là vì khi trước trong dinh quân, qui-mô phải to-tát, vì thế mà nó nhiễm thấm vào mình, nên cứ quen đi mà chưa

đồi đước; bấy nay lại ốm luôn, phi-tổn thuốc-men, kể biết bao nhiêu. Do tần-tiện biến ra xa-xỉ dễ hơn nước chẩy chỗ trũng; do xa-xỉ giữ lại thói tần-tiện khó hơn lên trời. Lúc thầy từ chức tổng-đốc hai tỉnh Giang, còn thừa đến hai vạn tiền, cứ ý thầy cũng không ngờ có nhiều thế, nhưng giá đem phung phá đi thì cũng chả được mấy chốc mà hết sạch. Từ rầy các con ở nhà, nên học phép ông Lục Tuấn-sơn, mỗi tháng tiêu bao nhiêu để hẳn món riêng ra, đến lúc hết tháng phải liệu sao cho được thừa, không được thiếu. Nhưng thói xa-xỉ cửa quan phải mài giũa cho sạch.

Từ khi thầy bước đi theo việc quân, lập-chí quyết không lấy của ở dinh về làm vốn riêng, bây giờ mới được không phụ chí cũ. Nhưng thầy cũng không thích con cháu phải nghèo-ngặt quá, phải quị-lụy cầu người, chỉ mong rằng các con hết sức học thói tần-tiện để giữ-gìn về sau thôi.

Hiếu-thuận là cái điềm lành điềm tốt trong gia-đình, phàm người ta bảo là nhân-quả báo-ứng, các việc khác còn không nghiệm lắm, chứ đến hiếu thuận thì được hưởng phúc-trạch ngay, mà trái đạo ấy là tai-vạ đến ngay, không có sai một chút nào.

Thầy lúc trẻ làm quan ở Kinh, không được trọn đạo phụng-dưỡng, sau lại phải kinh-doanh việc quân, chỉ nhờ các chú con đỡ nhiều mà thầy chả có bổ-ích gì đến các chú con cả. Các chú, bác, cô, gì con người nào cũng được có cơ-nghiệp yên-ổn, đều là nhờ sức chú Chín cả. Thầy mất rồi, các con nên thờ hai chú như thờ cha, thờ thím như thờ mẹ, coi các anh em con chú con bác như chân tay. Phàm việc gì riêng của mình cũng nên tần-tiện, chỉ đãi nhà các chú thì cái gì cũng nên rung hậu, ăn-ở với anh em con chú con bác nên khuyên nhau tiến-đức sửa nghiệp, có lầm-lỗi phải can-ngăn nhau, để mong cho anh em cùng khá, là cách thứ nhất, cách thứ hai là phải thân nhau mong cho nhau sang, yêu nhau mong cho nhau giàu, thường lấy những điều tốt lành cầu-nguyện thầm cho anh em, thì tự-khác thần cũng kính mà người cũng trọng.

Chú Ôn phủ và chú Quí-hồng chết đi, thầy tự xét cũng có điều kém đức, Chú Chừng và chú Nguyên cũng sắp già, đời thầy không biết có gặp mặt được một lần nữa không. Nếu các con hay giảng-cầu làm được hai chữ hiếu-thuận cho thiết-thực, thì cũng đủ đền bù những điều khuyết-hám của thầy..

—Phụ hai bài «Không ghen không cầu»:

I — Không ghen

Làm điều thiện không gì to bằng hay tha-thứ, hại đức tốt không gì bằng hay ghen ghét. Ghen là cái thói vợ cả vợ lẽ, rất nhỏ-nhen, sao lại bắt-chước. Mình vụng ghen người ta tài, mình phải lúc bĩ ghen người ta gặp vận thông, mình không có công gì, ghen người ta làm nên. Mình không có bè-đảng, ghen người ta nhiều người giúp. Thế-vị cùng ngang nhau, sợ người ta hơn sinh lòng ghen-ghét. Mình không có tiếng-tăm gì, ghen người ta có tiếng giỏi, mình không có con cháu hiền, ghen người ta nhiều con cháu khá. Tranh danh luồn-lọt suốt đêm ngày, tranh lợi chói-mói khắp mọi phía. Chỉ mong một mình khá, không đoái đến sự hại người, nghe thấy người ta có tai-vạ thì mừng rỡ lấy làm may làm thích. Hỏi họ tại sao mà thế, là tự không hiểu lẽ cả. Phải biết rằng: những nhà cao-minh thì quỉ-thần thường xét luôn, mà đạo trời thường hay trở lại. Mình ghen-ghét người, ấy tức là mình tự ghen-ghét mình. Trong chốn u-minh chê ghét cả, thì tự-nhiên những cái không lành trút cả đến mình, tội nặng thì thân

phải chịu hình-phạt, tội nhẹ cũng phải giảm-thọ. Nay ta bảo các người sinh sau, nên hiểu lẽ rằng: Suốt đời mình nhường người đi, mình cũng không mất một bước nào, suốt đời mình mong cho người khá, mình cũng không thiệt một tí gì. Diệt-trừ hết cái lòng ghen-ghét đi, thì hình như khắp gầm trời đều được trận mưa mát-mẻ, nhà nào cũng yên lành, thì tự-khắc mình cũng không lo sợ gì nữa.

(Đây nguyên-văn là thơ ngũ-ngôn, dịch theo thể-điệu thì sợ không hết ý, nên phải dịch ra tản-văn. Dịch-giả kính xét hai bài thơ này thật là một chữ một nét vàng, nếu người ta chịu khó thực-hành được, thì cái bậc thánh-hiền không có khó gì, nên chép cả nguyên-văn ra đây để các bậc tài dịch dịch giúp cho.)

不忮詩

善莫大于恕。德莫凶于妬。
妬者妾婦行。瑣瑣奚足數。
已拙忌人能。已塞忌人遇。
已若無爭功。忌人得成務。
已若無黨援。忌人得多助。
勢位苟相敵。畏逼又相惡。
已無好聞望。忌人文名著。
己無賢子孫。忌人後嗣裕。
爭名日夜奔。爭利東西騖。
但期一身榮。不惜他人汙。
聞災或欣幸。聞禍或悅豫。
問渠何以然。不自知其故。
爾室神來格。高明鬼所顧。
天道常好還。嫉人還自誤。
幽明叢詬忌。乖氣相迴互。
重者災汝躬。輕亦減汝祚。
我今告後生。悚然大覺悟。
終身讓人道。曾不失寸步。
終身祝人善。曾不損尺布。
消除嫉妬心。普天霖甘露。
家家獲吉祥。我亦無恐怖。

II. — *Không cầu*

Người nào cũng biết thế là đủ là vừa thì tự-khắc trời đất khoan-hòa, người nào cũng tham-lam không chán, thì tự-nhiên trong vũ-trụ eo-hẹp. Có phải vì mình hèn không có cái gì hơn người đâu? chỉ vì mình ham muốn quá nên cái ham muốn nó lại làm hại mình, ở lúc eo-hẹp chỉ cầu phong-túc, ở lúc khốn-khó chỉ cầu sung-sướng, giàu cầu sao cho đến được nghìn cỗ xe, sang cầu sao cho được dai muôn nếp, chưa được như ý thì cầu cho được như ý, đã được như ý chỉ cầu sao cho khỏi mất, đòi thơm sực như hoa tiên hoa lan, đòi vững bền như núi Thái núi Đại. Cầu vinh thế nào cũng không chán, thành ra cái chí nó nồng-nàn mà tinh-thần càng mỏi-mệt. Trong một năm có lúc ấm, tất có lúc rét, mặt trời có lúc sáng, cũng có lúc tối. Lúc gặp thời thì nhiều duyên may, lúc vận bĩ thì sinh nhiều tai-vạ, phúc chửa chắc đã được mà trăm vạ dồn đến, dẫu nói một lời cũng sinh lôi-thôi, cất một bước cũng thấy vướng-vấp, trong lòng đã lo ngay-ngáy, thì tinh-thần ngày một hao-mòn. Thử nghềnh cổ trông ra tám cõi, thì đủ biết trời đất to lớn biết bao, mình nên biết được vinh thì cũng cứ yên đừng có vội mừng, mà gặp hoạn-nạn cũng đừng vội oán. Hãng thử xem trong mười người, thì đến tám chín người không nhờ vả vào đâu được, người ta cơ-cực xiết bao, chứ như mình cùng-khổ đã đến nỗi nào... Vả lại ở lúc cuộc đời cát bụi này, việc gì mà than-thở cho lắm, cứ giữ một cái mục-đích « ở đời không cầu lắm », thế là sướng lắm rồi, cứ làm sự phải mà yên đợi mệnh trời, đừng có mong-mỏi sự viển-vông làm gì.

不求詩

知足天地寬。貪得宇宙隘。
豈無過人姿。多欲爲患害。
在約每思豐。居困常求泰。

富求千乘車。貴求萬釘帶。
未得求速償。既得求勿壞。
芬馨比椒蘭。磐固方泰岱。
求榮不知饜。志亢神愈怯。
歲淡有時寒。日明有時晦。
時來多善緣。運去生災怪。
諸福不可期。百殃紛來會。
片言動招尤。畢足便有礙。
戚戚抱般憂。精爽日凋瘵。
矯首望八荒。乾坤一何大。
安榮無遽欣。患難無遽憝。
君看十人中。八九無倚賴。
人窮多過我。我窮猶可耐。
而況處夷塗。奚事生嗟慨。
于世少所求。俯仰有餘快。
俟命堪終古。曾不願乎外。

Lại phụ-lục bốn điều « nhật-khóa »

I. — *Biết thận-độc thì lòng được yên-ổn*

Các cách tự sửa lấy mình, không cách nào khó bằng cách nuôi tấm lòng cho chính-đính. Trong lòng mình đã biết thế nào là thiện, thế nào là ác, mà không chịu hết sức làm thiện trừ ác, thế là mình tự dối mình. Song mình có tự dối mình hay không, người ngoài không thể biết được, chỉ có mình biết một mình thôi. Cho nên chương « thành ý » (ý phải thực) sách *Đại-học* hai lần nói đến đạo « thận-độc ». Nếu thật hay yêu điều thiện như yêu sắc đẹp, ghét điều ác như ghét mùi thối, hết sức bỏ lòng ham muốn riêng của mình mà thuận lẽ trời, thì trong sách *Đại-học* bảo rằng tự sướng, sách *Trung-dung* bảo rằng phải dăn-dỗ, sợ-hãi, kính-ghín, đều làm được thiết-thực cả. Ngay như ông Tăng-tử bảo rằng tự xét mình mà phải thì không lo sợ gì, ông Mạnh-tử bảo rằng làm được phải lẽ, thì ngửa lên không thẹn với trời, cuí xuống không hổ với đất, bảo rằng nuôi tấm lòng không gì bằng ít ham muốn, cũng không ngoài lẽ ấy cả. Cho nên trong lòng mình không có bợn gì, có thể đối với trời đất, chứng với quỉ-thần, chắc rằng làm gì cũng là sướng lòng, thì dẫu lúc thiếu-thốn mà trong lòng không có việc gì đáng thẹn thì vị thiên-quân vẫn được thái-nhiên, tấm lòng vẫn vui-vẻ khoan-hòa, ấy là đạo tự-cường thứ nhất là cách cầu vui, thứ nhất là việc giữ mình trước nhất của người vậy.

II. — *Chuyên-chủ một chữ kính thì thân thể được mạnh*

Đạo đức thánh Khổng dạy người chỉ cốt nhất một chữ *kính*. Các bậc sĩ-đại-phu đời Xuân-thu cũng thường giảng đến chữ kính, đến ông Trình ông Chu thì diễn ra hàng nghìn hàng vạn câu cũng vẫn chủ một chữ kính. Trong lòng chuyên một mặt lặng-lẽ thuần-nhất, ngoài dáng thì ngay-ngắn kính-ghín, ấy là cái công-phu làm chữ kính. Ra ngoài cửa như thấy quí-khách, sai-khiến dân như dự cuộc tế trọng-thế, ấy là cái khí-tượng chữ kính. Sửa mình mà trăm họ được yên, giốc một niềm trung-kính mà thiên-hạ bình-trị, ấy là cái hiệu-nghiệm làm chữ kính. Ông Trình-tử bảo rằng : kẻ trên người dưới, đều cùng một mực cung-kính cả, thì trời đất tự-nhiên đâu ra đấy, muôn vật tự-nhiên hóa-sinh, mọi khí hòa cả, bốn vật linh tự-nhiên đến hết, sáng-suốt khôn-ngoan, cũng đều bởi đấy ra cả. Lấy đạo ấy mà thờ cúng trời được cả, vì bảo là đã biết kính thì điều gì cũng tốt đẹp hết cả. Nhưng ý ta thì sự kính lại có cái công-hiệu rất thân-thiết nữa, là hay làm cho những thớ da-dẻ bền-chặt lại, gân-xương cứng-cáp thêm. Kính-ghín thì ngày một mạnh thêm, rồi-dài thì ngày một kém đi, đều là cái chứng-nghiệm tự-nhiên. Xem ngay người đã tuổi già mình yếu, hễ lâm đến chỗ miếu-đền, chỗ cúng-tế, hay là lúc trận-mạc nguy-cấp, cũng thấy tinh-thần tự-nhiên sợ-hãi, khí tự-nhiên nhức mạnh lên, thế thì đủ biết sự kính hay khiến cho thân-

thể mạnh lên được vậy. Nếu người ta bất-cứ ở vào đẳng nhiều hay đẳng ít, việc lớn hay việc nhỏ, cũng một mực cung-kính không dám trễ-nhác, thì thân-thể chắc mạnh khỏe thêm, còn có ngờ gì.

III. — *Mình cầu làm điều nhân thì người ta vui lòng yêu mình*

Phàm người ta sinh ra đời có tính là bởi lẽ của trời đất phối-hợp lại, có hình là hồi khí của trời đất chung-đúc lại, ta với dân với vật cùng một cỗi nguồn ấy cả. Nếu chỉ biết lợi riêng một mình, không biết nhân với dân, yêu loài vật, thế là mình trái đạo, mà mình đối với đạo chính là cùng một cỗi nguồn mà ra. Đến như người làm quan to, ăn lộc nhiều, ở trên người thì phải có cái trách-nhiệm với dân đắm-đuối, cứu dân đói khát. Người đọc sách chút hiểu đại-nghĩa, thì phải có cái trách-nhiệm người biết trước bảo người biết sau, người sinh trước bảo người sinh sau, nếu chỉ biết hay lấy mình mà không biết dạy nuôi mọi người, thế là mình có phụ cái lòng trời đã cho mình hậu hơn lắm vậy.

Đạo đức thánh Khổng dạy người cốt nhất là sự cần làm điều nhân, mà đạo làm điều nhân cốt nhất là mấy câu: muốn gây dựng thân mình nên rồi lại gây dựng người cho bằng mình, muốn cho mình được thông-đạt rồi lại giúm-giúp cho người cũng được thông-đạt bằng mình. Gây dựng nghĩa là tự-lập lấy thân, không sợ gì cả, như người giàu vật gì cũng đủ, không cần phải cầu ai. Thông-đạt nghĩa là bốn mặt đều thông suốt cả, không có cái gì ngăn-cấm được, như người sang trèo lên chỗ cao gọi một tiếng, bốn mặt vang ứng cả. Người ai chả muốn gây dựng nên mình, và muốn mình được thông-đạt, nếu thật hay suy lòng mình mà gây dựng người, giúp người cho thông-đạt, thì mình với vật cùng được hưởng cái thú như mùa xuân cả.

Đời sau bàn đến đạo cầu làm nhân, tính-thần nhất là bài *Tây-minh* của Trương-tử. Ông ấy coi dân như anh em cùng một bọc, coi mọi vật như cùng cỗi nguồn, và rộng lòng cứu giúp mọi loài, đều là theo cái tính-phận đương-nhiên của trời phú cho cả, tất phải như thế mới đáng gọi là người, không được như thế thì gọi là kẻ trái đức, là thằng giặc. Nếu ai cũng làm được thực như thế, thì gây dựng cho khắp cả mọi người trong thiên-hạ, giúp hết mọi người trong thiên-hạ được thông-đạt cả, cũng không đủ nói khoe công mình hay bắt người chịu khó nhọc, như thế người ta ai chả vui lòng yêu mình, qui-phục mình.

IV. — *Tập khó nhọc thì thần cũng kính-nể*

Tính người ta ai cũng thích nhàn-rỗi mà sợ khó-nhọc, không cứ người sang kẻ hèn, người khôn kẻ dại, kẻ già người trẻ, ai cũng ham thích sự ngồi rồi mà nản việc khó nhọc. Xưa nay vẫn một lòng ấy cả. Người nào mà dùng sức hôm nào cũng xứng-đáng với cơm ăn áo mặc hôm ấy, thì người ở gần cũng ngợi khen mà quỉ-thần cũng bằng lòng, vì rằng người ta lấy sức của người ta mà tự nuôi người ta vậy. Ngay như người đàn ông làm ruộng, người đàn bà dệt cửi, khó-nhọc suốt một năm trời đằng-đẵng mới thành được và tạ gạo, mấy tấm vải, thế mà những nhà giàu sang thì suốt năm ngồi rồi, không làm được một nghề gì, mà ăn thì tất là đồ chân-tu mỹ vị, mặc thì là gấm-vóc lượt-là, vung tay trọn mắt, gọi một tiếng trăm kẻ dạ, thật là một sự bất-bình nhất ở trong thiên-hạ, quỉ-thần cũng ghét bỏ, như thế mà mong lâu bền sao được. Hãy xem những vị vua thánh tưởng hiền đời xưa, như vua Thang thì đi coi chầu từ lúc mờ-mờ sáng, vua Văn-vương thì coi chầu đến lúc mặt trời đã xế mà chưa

về ăn cơm, ông Chu-công thì làm việc hết ngày đến đêm, ngồi mà đợi sáng, không có lúc nào là không gắng sức tập quen, siêng năng khó nhọc, cứ một thiên *Vô-dật* (1) mà suy ra thì biết rõ rằng siêng thì thọ và mạnh mà rồi thì non-yếu yếu-ớt, không có sai một tí nào. Nếu vì riêng một phận mình thì phải tập học nghề-nghiệp, mà luyện gân xương, gắng sức làm những việc « có khốn-khó mới biết được », « để lòng lo sợ », rồi sau mới khôn biết thêm mà tài giỏi thêm được. Nếu vì việc cả thiên-hạ thì phải để lòng cần kíp như « người ta chết đuối cũng như mình chết đuối, người ta đói cũng như mình đói, một người thường-dân không được chịu ân-trạch mình, cũng nhận là tội mình », như vua Đại-Vũ đi khắp thiên-hạ bốn năm trời, ba lần qua cửa không kịp vào nhà, như ông Mặc-tử mài trán mòn gót để làm lợi cho thiên-hạ, đều là tự-phụng mình thì rất tần-tiện mà cứu dân thì rất siêng-năng vậy. Vì thế nên ông Tuân-tử hay khen sự hành-động của vua Vũ và ông Mặc-tử là vì hay siêng-năng tần-tiện cả.

Từ khi việc quân lính giặc-giã đến nay, thường thấy người nào hễ có một tài một nghề, hay chịu khó-nhọc, thì tất có người dùng, có tiếng khen ở đời, người nào không có tài có nghề, không quen khó-nhọc, thì tuyệt không ai dùng mà đến nỗi chết đói chết khát. Xem thế thì biết đích rằng : siêng thì thọ và mạnh, lười thì non yếu, siêng thì có tài mà người ta phải dùng, lười thì không có nghề mà người ta bỏ, siêng thì giúp cho dân được nhiều mà quỉ-thần cũng kính-nể, lười thì không có ích cho người tí gì mà quỉ-thần cũng không thương. Vì thế cho nên người quân-tử muốn cho quỉ-thần và mọi người được nương-nhờ, cần nhất là phải tập quen khó-nhọc vậy.

. . .

Thầy tuổi già lâm bệnh, chứng đau mắt ngày một nặng, không thể sao chữa lại được, con và các cháu lại không được mấy đứa khỏe. Người quân-tử sửa mình trị người tất trước phải yên lòng mạnh sức, rồi sau mới có cái khí-tượng hăng-hái làm nên, tất phải khiến sao cho người vui lòng yên, quỉ-thần kính-nể, rồi các điềm lành mới họp cả đến. Nay viết bốn điều này để tự răn lúc tuổi già, để đền bù cái lỗi ngày trước và cho hai con đều chịu khó gắng sức, đêm nào cũng lấy bốn điều này cùng học, mỗi tháng lấy bốn điều này cùng sóng cùng xét và gửi cho các cháu cùng giữ một mực thế để mong cho nên người.

TỊNH-LIỄU *dịch*.

---

(1) *Vô-dật* = Kinh *Thư*, lời ông Chu-công dạy vua Thành-vương chớ có để rồi.

CẢM-TƯỞNG VỀ VỤ CHẤM THI «SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC» MỚI RỒI

Cái phong-trào chấn hưng quốc-ngữ sở-dĩ được mạnh-mẽ như bây giờ là nhờ có mấy nhà tư-tưởng có lòng với tổ-quốc, muốn cho tiếng nước nhà, tuy chưa được sung-túc như mọi thứ tiếng khác, nhưng cũng xinh-đẹp, tốt-tươi, đáng sống dưới bóng mặt trời cõi Đông-Á này.

Cái vấn-đề dạy-dỗ con trẻ bằng quốc-ngữ ngày nay đã thành câu cửa miệng; phàm đã gọi là người biết nghĩ, dù thuộc về đảng-phái nào mặc lòng, ai ai cũng đều công-nhận rằng thế là phải, là hợp với cái nghĩa-lý thâm-trầm của phép giáo-dục. Nhà nước cũng hiểu cho cái lòng mong-mỏi của cả quốc-dân như vậy, nên vừa rồi có đặt ra bằng Sơ-học-yếu-lược. Tuy chưa được hoàn-toàn cho lắm, nhưng đấy cũng là một tin mừng, đáng ghi trong lịch-sử sự học. Ở những nơi đô-hội lớn, một cái bằng nhỏ như bằng Sơ-học thì không thấm vào đâu, mà đối với chốn thôn-quê hẻo-lánh, có ảnh-hưởng rất to. Từ khi hán-học bỏ, trẻ con phân-vân không biết học-hành làm sao, phất-phơ như tầu lá trước gió, nên thành ra thất-học nhiều. Tuy-nhiên, có khi ông cha, chú bác có gửi con cháu ra trường làng học, là lấy lệ đó mà thôi, cho khỏi mang tiếng con nhà học-trò, cho trẻ khỏi chơi, chứ không có cái lòng mộ-ngưỡng sốt-sắng, không có mục-đích gì nhất-định cả. Cái học-phong rực-rỡ ngày xưa, cái không-khí nhiệt-thành về sự học phẳng-phất trong các làng-mạc, hầu như tiêu-ma đi mất cả. Nay lại được tin thi tuyển-sinh, — nhà quê họ gọi bằng sơ học là bằng tuyển-sinh, — chốn hương-thôn có ý mừng. Vẫn biết rằng đỗ tuyển-sinh chẳng có lợi-lộc gì ngay, nhưng một cái bằng con ấy có thể làm tiêu-chuẩn cho bọn thơ-ấu, thêm phấn-phát lòng mến sự học. Vả lại phàm mọi sự ở đời, có lý-tưởng phải có thực-hành, lý-tưởng hay mà là lý tưởng xuông, hay sự thực-hành không xứng với lý-tưởng, thì không mong có hiệu-quả tốt đẹp; các bậc tư-tưởng đã sáng-tạo ra cái phong-trào gây-dựng tiếng ta, đó là cái lý-tưởng hay, nhưng phận-sự thực-hành cái lý-tưởng đó và làm cho một ngày một lan rộng ra, như vết dầu trên tờ giấy, là do ở các nhà làm văn và các nhà giáo-dục. Thế cho nên kỳ thi bằng Sơ-học lần đầu này có vẻ mới lạ. Tôi là người trong giáo-giới, lại được cái hân-hạnh đi chấm thi, nên đối với cuộc thi, tư-tưởng thật là triền-miên, bất-giác muốn viết bài này cũng là để kỷ-niệm một sự vui vậy.

Trước khi đặt bút viết, ngần-ngại mãi, tự nghĩ rằng bài này chẳng qua cũng là một bài du-ký. Đã gọi là du-ký, thì phải có kiến-thức nhiều, có một tấm văn-chương đẹp-đẽ mà tô-điểm lấy nơi sơn-thanh thủy-tú mình đã được mục-kích, phải có học rộng để điểm-xuyết thêm mấy quãng hoặc về khảo-cổ, hoặc về địa-dư, lịch-sử, thì mới mong bổ-ích cho người đọc được chứ. Như mình đây thật không có những tư-cách ấy mà cũng dám học đòi các nhà thi-văn, lại ngoắng bút mà chép một sự nhỏ nhặt như sự chấm thi, mà lại là chấm thi cái bằng «tí con», tưởng có hứng-thú gì nữa?

Phong-cảnh đã là phong-cảnh trung-châu, chẳng nói ai cũng rõ...

Trên thời ruộng lúa, dưới thì sông...; bàn phiếm lại rất vụng, kiến-văn eo-hẹp, vì xưa nay mình có bước đi đâu, bất-quá chỉ quanh-co trong xó làng, tưởng như thế thì viết làm gì cho thêm bận. Nghĩ đi thì thế, mà nghĩ lại rằng khi đã cầm bút, tuy lời văn vụng-về, ý-tưởng nông-nổi, nhưng nếu cứ thực-tình mà diễn cái cảm-tưởng riêng của mình thôi, — biết đâu cái cảm-tưởng riêng của mình không có cái khác người ta? — thì tất kẻ thức-giả cũng liệu mà tha-thứ đi cho. Vả lại nếu ở đời việc gì cũng do-dự, không quả-quyết, thì còn mong ăn thua gì nữa?

. . .

Thi bằng Sơ-học, ở tỉnh nào cũng thế, phân ra nhiều khu, vì số thí-sinh nhiều quá, cho thì cả ở tỉnh thì không đủ chỗ ngồi; mỗi khu có một hội-đồng riêng và thường đặt ở các nhà học phủ, huyện, hoặc ở trường tổng nào to-tát, rộng-rãi. Cách xếp-đặt như thế, rất tiện cho trẻ nhà-quê, đi lại đỡ tốn kém.

Ngày mồng năm tháng năm tây vừa rồi, có lệnh quan Sứ đi chấm thi trường huyện Đ.-H. Mấy anh em chúng tôi phải chấm cùng một trường, đã hẹn nhau trước, đến hôm ấy cùng đi cho vui. Từ tỉnh-lị về đến huyện đi mất độ ba tiếng đồng-hồ. Bọn đồng-nghiệp, người va-li, kẻ màn gọng, — vì có lẽ phải ở lại hai ba ngày, nên phải dự-bị cho đủ, — có ông cao-hứng mang cả trầm-hương đem đốt cho thơm, ông ấy là bậc hào-hoa phong-nhã. Trông một đoàn giầm sáu cái xe chạy trên con đường thôn giữa cánh đồng vắng-vẻ, hai bên ruộng lúa xanh rờn, như đi một cuộc du-lịch xa-xôi, vào một nơi mới lạ.

Bấy giờ, bóng đã xế chiều. Người còn trai-trẻ thường hay thích chốn phồn-hoa — vì tai phải nghe tiếng ồn-ào, mắt phải trông thấy mọi cảnh hoạt-động, trí phải nghĩ-ngợi luôn mới hợp với cái thân-thể mình còn cường-tráng. — kẻ đã đứng tuổi hoặc có tính thích an-nhàn, hoặc đã mang bụng chán đời, thì thường lấy cái cảnh hoa-cỏ êm-đềm làm vui hơn: đó cũng là lẽ thường. Nhưng tôi thiết-tưởng không có cái gì buồn bằng cảnh buổi chiều trên con đường thôn, trong cảnh đồng vắng-vẻ. Nói rằng buồn, nhưng trong cái buồn đây cũng có cái thú riêng, linh-hồn mình như tiêu-tán trong cái vẻ lặng-lẽ của trời đất mà phảng-phất theo đám mây lờ-lửng ở chân trời có sương sa mờ-mịt..

Xe đi từ-từ; có ý nhận hai bên đường thường gặp các cậu nhà quê đi thi, cậu nào cũng ra dáng tất-tả, quần ống cao, ống thấp, tay xách khăn gói, cầm cái quạt con, tay đeo cái nón dứa hay mang cái ô rách; có cậu đã ra phết người lớn, — vì thi này không có hạn tuổi, ông « kỳ mục kỳ nát » trong làng cũng có thể tình-nguyện ứng-thi được; — có cậu hãy còn thâm-thấp, bé-bé, đầu còn để chỏm. Trông bọn sĩ tử lác-đác ở dọc đường, lại hồi-tưởng lại như cảnh nào ở về cổ-thời, lúc nho học còn thịnh, tiếng đọc sách « Tam-tự » như còn văng-vẳng quanh-quất đâu đây, lẫn với tiếng dế kêu trong khe cỏ.

Ở huyện-lị đã có người quen, họ dọn cho chỗ trú chân tử-tế, khỏi phải ra trọ ngoài hàng cơm. Anh em nghỉ-ngơi chuyện-vãn một lúc. Nhân trời nông-nực, bèn rủ nhau khoác cái áo trùng đi chơi mát và xem trường thi để bảo nó dọn-dẹp cho chỉnh-đốn.

Trường có ba lớp, bằng gạch, quét vôi đỏ, ngoài có hiên, ngoài nữa có sân trồng mấy cây bàng con, còn chung quanh là hàng rào nứa và xương-rồng. Trường đây là trường Sơ-học yếu-lược, nghĩa là chương-trình chỉ học đến lớp ba thôi. Tuy sự học của ta còn phôi-thai thật, nhưng nếu mỗi tổng có một cái học-

đường như thế này thì cũng tiềm-tiệm được... Trăng đã lên, trông xuống hồ, trước nhà trường, nước gợn lên như bạc. Các sĩ-tử còn lảng-vảng chung-quanh trường thi, anh nọ nhòm, anh kia ngó, tính tò-mò ấy tự-nhiên lắm Đối với học-trò, mà lại học-trò đi thi, thì cái trường thi rất nhiều cảm-tình. Tôi còn nhớ lúc thủa bé, người nhà đem đi thi tuyển-sinh ở một tỉnh kia. Đến nơi trời đã nhá-nhem tối mà cũng đòi đi xem được trường thi mới nghe. Hồi ấy còn thi ở chợ, chung quanh có làm bốn cái chòi, có lính gác, có cắm cờ đuôi nheo, cái xanh, cái đỏ phất-phới, ngựa xe đi lại rộn-rịp. Trông thấy cảnh ấy, mình nửa mong, nửa sợ. Sợ vì cái vẻ tôn-nghiêm như phảng-phất đâu ở chốn này, mà cái hình-dung còn rớt lại trong tâm-não đến bây giờ, mà mong được đỗ thì vui thích biết bao! Không biết các cậu bé con kia có thấp-thỏm như mình không? hay cũng vơ-vẩn chơi mát, vì tính tò-mò mà đến đây, chứ vẫn thờ-ơ như thường? Khó đoán lắm! Chỉ có một điều nên nhận là bây giờ không có chòm lính gác, không có cờ-xí như xưa, trông không có vẻ gì là tôn-nghiêm long-trọng cả. Đó là một cái khuyết-điểm. Vẫn biết rằng ta không nên câu-nệ quá về những cái tỉ-mỉ phiền-phức, nhưng các cụ đời xưa đối với việc học là một lòng trân-trọng, không phải quí là quí cái bằng mà là quí sự học vậy. Trông cái trường thi có vẻ uy-nghiêm, cờ cắm, quân đóng, thiết-tưởng cũng thêm phấn-lệ cái chí khuynh-hướng của quốc-dân về sự học lắm lắm. Như lời một nhà văn-sĩ Tây-phương đã nói: « Lễ là những cái bình đẹp để đựng và để truyền một thứ hương rất tinh-tuý và rất quí-báu : là cái tình-cảm. » Cái tình-cảm của các cụ đây là sự sùng-bái về việc học đó mà ngày nay ta không có nữa. Hay là người ngày xưa chịu một cái chủ-nghĩa độc-tôn nên việc gì cũng cả-quyết, còn bây giờ vì rừng học mênh-mang, không biết theo phương-châm nào là phải mà mọi sự hành-động của ta phất-phơ dụ-dự chăng? Hay tại cái thuyết hoài-nghi dễ cám-dỗ chúng ta để đến nỗi nghi-ngờ cả cái hay của sự học nữa chăng? Vậy ta nên phải vun trồng cái lòng mộ-ngưỡng sâu-xa như các cụ xưa vào trong tâm-não con trẻ lúc còn thơ-ngây, dạy cho chúng biết cẩn-trọng sự học và nhất là sự học tiếng mình. Người nào cũng không nên lấy làm thường mà rẻ-rúng.

Trong ngọn gió lay động cành tre, đưa lại từ đàng xa cái hương thơm của đồng lúa chín, bọn « gõ đầu trẻ » khoác tay nhau mà trao đổi những ý-kiến tầm-thường ấy, chắc cũng không khỏi mang tiếng nhỏ-nhen, chưa đủ biết phóng-khoáng mà hưởng cái thú « thanh-phong minh-nguyệt ». Vẫn biết rằng « trăng trong gió mát » là nhân, « bầu rượu túi thơ » là nhã, giá có cả đời nhởn-nhơ với gió với trăng thì thú lắm, nhưng phận người ở đời mà muốn thanh-cao bao nhiêu lại phải khó-nhọc bấy nhiêu; cho nên muốn nếm vị thơ phải trần-trọc trong chân-cảnh. Việc mình làm mà ổn-thỏa thì cái vui lại càng vui thêm. Người ta trần-tục đã mấy người được là tiên, mà mong thoát được cái vạ lầm-than trong cõi tục! Vậy mấy anh em, để mặc bóng trăng thanh trên ngọn cỏ, mà bàn đến cách chấm thi ngày mai. Chẳng nói ai cũng rõ rằng bài thi mà phải bàn đến cách chấm là bài thi không vừa, — bài ấy là bài... ám-tả! Thế mới biết ám-tả cũng khó. Có ông nói: « Chữ quốc-ngữ học rất dễ mà viết cũng xuềnh-xoàng quá, không có những mẹo-mực ly-kỳ, ngoắt-ngoéo, như nhữ nho hay chữ tây, nhưng phải cái rất nhiều chữ trùng nhau. Những chữ trùng nhau đây là chữ bắt đầu bằng *tr*, *ch*, *d*, *gi*, *r*, *s* hay là *x*, nghĩa rất khác mà khi đọc lên thật ít phân-biệt được tường-tận. Vẫn biết rằng cũng có nơi viết thế nào đọc thế,

như chữ *r* thì cong lưỡi lên (*rrr*), chữ *gi* thì nặng giọng xuống (*giời, giăng*), chữ *d* thì nhẹ-nhàng thoảng như cái hơi thở mà thôi (*dư, dao*), văn-vân... nhưng cái đó là phần ít, mà không nói đâu xa, ngay như anh em chúng mình đây, ai là người đọc rõ-ràng theo lối ấy? Cách viết mới lại hàm-hồ nữa, ngoài những chữ thường dùng, viết luôn không kể, còn thì không biết lấy gì làm tiêu-chuẩn nhất-định cả. Điều này, đã có nhiều người viết văn nhận đến và đã tìm cách bổ-cứu lại để cho chữ ta viết-lách có thể-thống. — Nhưng chúng ta xét đây là xét riêng về phương-diện giáo-dục. — Ta nghĩ rằng cách viết chữ quốc-ngữ còn phân-vân như thế thì trẻ con khó lòng mà viết cho ít « phốt » được, vậy ta nên thương-lượng cùng nhau mà châm-chước cho chúng. Tôi còn nhớ có ông Tây đã định bỏ hết những chữ *gi*, chữ *r* mà dùng chữ *d*, chữ *s* mà dùng chữ *x*, v. v., bỏ đi như thế thì rất tiện, nhưng quyết-nhiên không sao bỏ được, vì những chữ viết đổi đi như vậy không còn nghĩa-lý gì nữa, vả lại viết thế nào đã quen thế, chẳng có thể bỗng chốc mà cải hẳn cái tập-tục của cả quốc-dân đi được. »

Ông khác đáp: « Vậy khi đọc ám-tả, các ông đọc cho minh-bạch chữ *s*, chữ *tr* nặng giọng, chữ *ch*, chữ *d*, nhẹ giọng v. v., thì học-trò mới đỡ « phốt ». Nếu trường thi nào cũng theo một lối ấy thì hay lắm và bài thi soạn ra bất-tất phải chọn những chữ khó cho nhiều (những chữ khó đây là bắt đầu bằng chữ *r*, *s*, *d*., v. v..) vì đọc đã phân-minh thì chữ khó không phải là chữ khó nữa, mà chỉ cốt làm sao cho bài ám-tả ngắn-ngắn, giản-dị, được có văn-vẻ một chút. »

Có ông vui tính nói theo: « Những lẽ các ông biện-bác đó, tôi rất lấy làm phải, nhưng các ông không nhớ lời cổ-nhân: biết không khó, làm mới khó, sao? — Tôi xin khuyên các ông nên tập trước cho mềm môi, rồi hằng đọc *dictée* cho thí-sinh thì mới khỏi lầm. Từ giờ đến tối mà ông nào nói sai, xin cả hội-đồng phạt rượu. » — Tiếng *giờ*, tiếng *sai*, ông nói nặng giọng, tiếng *r*, ông uốn lưỡi cho kêu một thôi dài, cho nên ai nấy đều bật cười.

Sáng hôm sau, gọi tên học-trò vào thi. Thí-sinh cả khu ấy được hơn bốn trăm người, ngồi cả vào trường không đủ chỗ, phải san ra cả ngoài chợ, và trong huyện. Bàn ghế dồn cả vào hai lớp, còn một lớp nữa thì phải giải chiếu. Làm như thế hơi có ý bất-tiện và hại con trẻ, một là vì khi chúng viết phải phủ-phục cả xuống sân lớp, mà viết có ít đâu, từ bảy giờ sáng đến mười hai giờ trưa, tưởng ai yếu cánh thì dẫu về có đỗ chăng nữa cũng tức ngực, hai là ngồi quán chợ và trong huyện, cái che không có, trông rất tiền-tụy. Thiết-nghĩ sang năm định lập trường thi ở đâu, nên làm chòi lên tử-tế, tốn-kém không mấy mà lại được ngăn-nắp, đẹp mắt, không hại đến sự vệ-sinh. Bài thi có một bài ám-tả độ mươi dòng nói về những việc thường, thực dễ hiểu, một bài luận hoặc tả-cảnh, hoặc viết thư, hai bài tính đố; còn vấn-đáp có địa-dư, toán-pháp, v. v.; đại-khái như những bài ra thi bằng Sơ-học Pháp-Việt, nhưng trình-độ thấp hơn một ít. Tưởng cứ như chương trình học ở nhà trường thì một cậu đỗ bằng Sơ-học yếu-lược, học-thức cũng đã kha-khá, nhưng thi cốt phải kỹ-lưỡng mới được, song phần nhiều các ông chấm trường dễ-dãi quá, nên nhiều cậu mới học được vài ba tháng, chữ viết như gà bới, chưa đáng đỗ đã đỗ. Làm như thế thiệt hại cho giá-trị một cái bằng chữ quốc-ngữ...

Trong lúc bọn con trẻ nằm phục xuống chiếu giải ở sân đương hì-hục cố gắng làm bài, trông xan-xát như

những thiện nam tín-nữ tâm-tâm niệm-niệm trong cái đền đài linh-thiêng nào, thì tư-tưởng mình không sao giữ cho khỏi triền-miên trong vòng tưởng-tượng được.

Tay tựa vào bàn, mình lại mơ-tưởng cái quang-cảnh về sự học nước mình vào một quãng thời-gian sau này, chưa có thể nhất-định vào lúc nào, các trường học Đại-Việt sẽ phân làm ba cấp: thứ nhất là bậc sơ-đẳng dạy toàn chữ quốc-ngữ; tốt-nghiệp các trường ấy sẽ vào bậc trung-đẳng, dạy ở những trường trung-học (*Lycée*). Bậc này cái học-chế, cách tổ-chức đều châm-chước theo lối các trường Âu-Tây, phân làm hai ban: một ban cổ-điển (*classique*), một ban tân-học (*moderne*). Cả hai ban đều lấy chữ quốc-ngữ làm then-chốt, nhưng ban cổ-điển thì dạy một nửa là chữ nho, kiêm cả văn-chương lịch-sử nước Tàu; còn ban tân-học thì cho học chữ Pháp làm tiếng ngoại-quốc; khoa-học, toán-pháp thì dạy chung. Các học sinh tốt nghiệp trường trung-học vào cao-đẳng-học. Các ông « Tú » cổ-điển vào Sư-phạm, Pháp-chính đắc-dụng hơn; còn các ông « Tú » tân-học sẽ vào ban Nông-học, Y-học, Số-học; chắc sau này có thể hi-vọng trở nên các nhà bác-sĩ có tài. Lúc bấy giờ thật quốc-dân ta có các ông Cử, ông Nghè quốc-ngữ, mà các ông Cử, ông Nghè ấy giá-trị cũng không kém gì các ông Cử, ông Nghè các nước văn-minh. Cái hiện-tình sự học phân-vân như thời-đại trung-cổ về nước Pháp, sẽ hoán-cải dần dần, và trong lịch-sử nước ta sẽ có ghi-chép một cái thế-kỷ thịnh về đường văn học, rực-rỡ như đời nhà Đường bên Tàu hay đời vua Lê bên ta, mở đường mở lối cho biết bao nhiêu sự tốt-đẹp về sau nữa....

Phàm trí-não con người ta, khi đã vướng vào một cái ý-tưởng gì, tất-nhiên cứ đeo đuổi mãi, hết ý này sang ý khác, như những cái vòng sắt trong cái giây xúc-xích nối liền với nhau, có khi có mạch-lạc hẳn-hoi, có khi không đầu, không cuối, nhưng phần nhiều là viển-vông, phóng-phiếm, không hợp với chân-cảnh, cho nên dẫu có hay thật, đẹp thật, song ít khi thi-hành được. Vậy người ta thường ví những kẻ mắc phải cái tính hay vẩn-vơ đó như những người mơ ngủ; lúc nhắm mắt thấy bắt được vàng hàng chum, hàng kiệu, ngỡ là giàu có thật; vui quá mừng quá, đến lúc tỉnh dậy tay không lại hoàn tay không.... thật là giấc Nam-kha!

∴

Hai hôm sau thi xong, trong bốn trăm thí-sinh được hơn hai trăm người đỗ. Vấn-đáp, trả lời khá, học thuộc lắm. Địa-dư, lịch-sử, nói phân-phát như nước chảy mà nói dài, nói về những câu khó-khăn phiền-phức, tưởng nếu học chữ Pháp mà nói trôi-chảy được như vậy thì ít ra cũng phải mươi năm đen sách. Thế mới biết học tiếng « mẹ-đẻ » vẫn dễ...

Anh em lúc trở về, trời bức sốt, tuy có mỏi-mệt thật, nhưng bọn đồng-chí không ai kêu-ca gì, đều công-nhận rằng trẻ con nước ta phải học tiếng ta, và mong rằng những người về sau này sẽ yêu-mến quốc-văn, dù có vụng-về non nớt mặc lòng, vì ở trong quốc-văn đó là có hồn nước nhà, vì có quốc-văn thì dân trong nước mới sống ở đời một cách thảnh-thơi được.

TƯỜNG-VÂN

∴

Dưới này là chép mấy điều quan-sát nhỏ-nhặt trong khi chấm thi, đặt theo lối vấn-đáp, tựa như những đoạn kịch con, để bổ vào bài « cảm-tưởng » trên kia và cũng để mua vui một lúc vậy

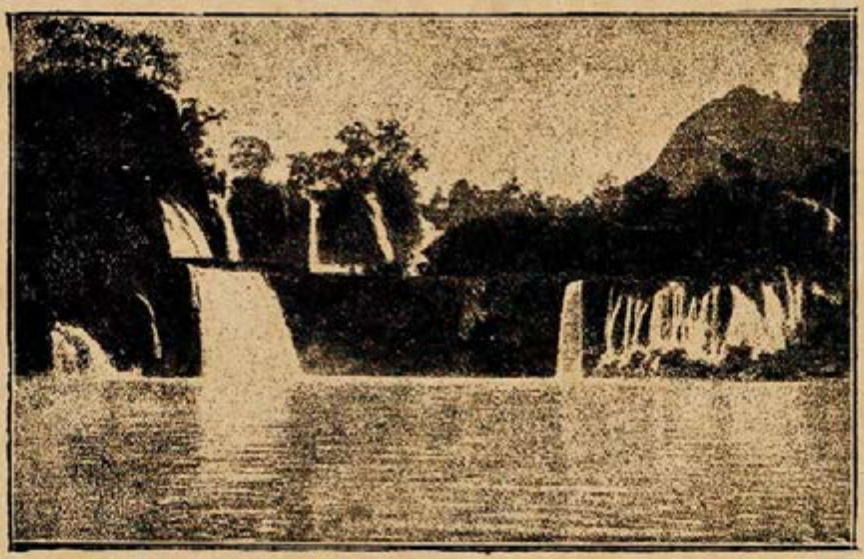

Thác Bàn-giốc ở Cao-bằng

Núi Tam-Thanh ở Lạng-sơn

Đồng Tam-Thanh ở Lạng-sơn

VẤN-ĐÁP

Ông giáo (Hỏi đã lâu có ý mỏi-mệt, ngáp dài, vuôn vai, lấy tay che miệng, . . một lúc rồi quay lại hỏi :) — Anh có biết tại sao ta lại ngáp không ?

Học trò (sáu bảy tuổi, nét mặt đi-đôm, đưa mắt liếc quan trường rồi mỉm cười :) — Thưa, khi nào người ta làm thầy giáo thì ngáp, ạ . . .

Ông giáo. — . . . ?!

∴

Ông giáo (để tay lên bàn) : — Những loài gì biết bay, anh kể ra.

Học trò — Thưa, loài chim .

Ông giáo — Tại làm sao chim biết bay?

Học trò — Tại nó có cánh.

Ông giáo — Bồ câu có biết bay không?

Học trò — Thưa, có.

Ông giáo — Chim sẻ có biết bay không?

Học trò — Thưa, có.

Ông giáo — Ả có biết bay không ?

Học trò. — Thưa, có, ạ !

∴

— Một « ông » thí-sinh, trạc ngoại tam-tuần, khăn lượt tầy dế, áo the trùng quá đầu gối, mặt-mũi hồng-hào như người say rượu, hai con mắt kèm-nhèm, khoanh tay lại gần quan Đốc tây, mồm lầm bầm...

Quan Đốc (Mặt mũi cũng hồng-hào, nhưng không say rượu, quay lại hỏi :) — Xem, nó nói gì vậy ? (*Voyons, qu'est-ce qu'il dit* ?)

Mấy ông giáo đứng gần đấy xúm-xít chạy lại, thông-ngôn.

Một ông hỏi — Anh nói gì ?

Thí-sinh — Bẩm quan lớn, bài luận con làm hay lắm, làm xong văn-chương đắc-thể, con rung đùi mãi, thế mà con không đỗ, xin Quan lớn đèn trời soi-xét...

Quan Đốc tây (Nghe ông giáo lắp-bắp xong, lấy tay xua). — Đi! (*Allez* !)

Thí-sinh. Ngoáy một cái, rồi quay, quả trở ra.

∴

Ngày gần thi xong, quan Chủ-khảo, thấy thí-sinh còn nhiều, mở cửa ra ngoài hiên, hỏi các ông giáo : — Thế còn bao nhiêu tên chưa vào nữa ?

Các ông giáo — Còn hơn một trăm chưa vào *Histoire*, xin để cho vào nốt...

Quan Chủ-khảo — Thôi, trời tối .... ra bảo bao nhiêu đứa chưa vào, được đỗ cả....

Các ông giáo. — ?!

∴

Trên đường, lúc thi xong, hai cậu học-trò bé con bảy tám tuổi trở về, vừa đi vừa khảo bài thi, khoa tay, khoa chân.

Cậu thứ nhất nói : — Bài *Dictée*, mày mấy « phốt » ? Tao phải hai « phốt », chữ *entière* viết mất *s* và chữ *semaine*, tao viết hai *n*.

Cậu thứ hai — Tao mất ba « phốt »... Còn câu : « *Le buffle seul est capable de vivre les pieds dans la vase pendant des semaines entières* », mày dịch thế nào?

Cậu thứ nhất cho tay vào cặp, lục giấy-má một lúc, giở tờ giấy giáp cho cậu kia đọc). — Đây tao dịch thế này.

Cậu thứ nhất (Không trả lời, đọc). — « *Le buffle seul est* .... : Chỉ có con trâu là có thể sống được những chân trong vại (!), trong những tuần lễ nguyên. . . mà thôi...!! »

Một người đàn bà nhà quê quẩy gánh ở chợ về đi sau hai cậu, lầm-bầm : — Đời nhà ai lại có trâu đút chân trong vại bao giờ?

Hai cậu học trò, ngảnh lại. — !?!?

T.-V.

CUỘC CHƠI TRĂNG TRÊN SÔNG NHUỆ

Đêm hôm rằm tháng năm năm nay, tức là năm Khải-định thứ 10 (*Ất-sửu*) mà Tây-lịch là năm 1925, ký-giả đang ngồi trong thư-phòng xem sách, chợt có hai ông bạn đến thăm, là Phạm-quân mới đỗ Tú-tài bản-xứ kỳ năm nay và Trần-quân làm thư-ký tòa Công-sứ bản-tỉnh (Hà-đông). Tiết hạ nồng-nàn, ngồi trong nhà mà nói chuyện vã, cũng không sao chịu được. Nhân cái cảnh trăng tỏ, mây quang, anh em mới rủ nhau ra chơi ngoài vườn hoa trên bờ sông Nhuệ.

Trong vườn này cây-cối bum-tùm, cỏ-hoa mơn-mởn, đèn điện sáng trưng, thành-thử ra làm giảm mất cả cái nhan-sắc của chị Hằng đi. Giá những đêm như đêm nay, họ tắt bớt những đèn trong vườn đi, để đêm nào tối trời hãy thắp, thì cái cảnh « bóng trăng vằng-vặc đêm rằm » lẫn vào bóng cây thấp-thoáng, ẩn-hiện, u-minh, đáng nên thi-vi biết dường nào ? Cho hay cái khéo nhân-công có bao giờ đẹp-đẽ bằng cái tài thiên-xảo được ! Xế cửa cái nhà « xéc » (*cercle*) trong vườn, ngay trên bờ sông, có một vùng cỏ, sửa-sang rất sạch-sẽ, trên bày mấy bộ bàn ghế bằng sắt sơn mầu trắng, là chỗ để về hạ-thiên, người Tây họ ngồi chơi mát. Bọn chúng tôi mới ngồi xuống đấy, cùng nhau nói chuyện phiếm cho đỡ buồn. Ngồi ngắm-nghía cái quang-cảnh vườn hoa trăng chiếu, lại sực nhớ đến câu trong truyện *Kiều* : « *Nhặt-thưa gương rọi đầu cành* », thật là tả được như hệt vậy. Một ông mới nói bỡn rằng : « Cảnh này giá lại có một người giai-nhân thấp-thoáng nữa thì còn gì đẹp bằng ! Thật là Tiên-cảnh ! » Mà lạ thay, những chốn thế này lại ít người lai-vãng, ban đêm thường vắng-ngắt như chùa Bà-Đanh ; nhưng nếu lại đông người huyên-náo, thì lại không phải là chỗ chơi cao-thượng của những khách phong-lưu. Một chốc, thấy một người Tây dắt một lũ đầm vào uống rượu trong nhà « xéc ». Đến lúc trở ra, họ toan lại ngồi chỗ vùng cỏ, nhưng có chúng tôi ngồi đấy, lại bảo nhau đi ra, ý chừng họ cũng không muốn gần người mình chăng !

Đêm hôm ấy, trên thì con ngọc-thỏ long-lanh, dải Ngân-hà trắng xóa ; dưới thì mặt sông phẳng-lặng, giòng nước trong vẹo, cành cây gió lướt, ngọn cỏ sương đầm. Mình ngồi chơi với nhau, ngắm cái phong-cảnh hữu-tình đó, tự-nhiên sinh ra nhiều cảm-tưởng.

Kìa cái mảnh gương trong ngọc trắng lơ-lửng giữa trời kia, nhuần-nhã, quang-minh, đáng nên thơ, nên mộng biết dường nào, khiến cho khách trần-gian những mơ-tưởng, những chờ-mong, những yên-đương, những trách-oán !

Nào trai tài, gái sắc, thề-thót cùng nhau, cũng viện trăng ra làm chứng, như những câu :

Vầng trăng vằng-vặc giữa trời,
Đinh-ninh hai mặt, một lời song-song...
Trăng thề còn đó trơ - trơ,
Dám xa xôi mặt mà thơ-thớt lòng...
Dặm khuya, ngứt tạnh, mù khơi,
Thấy trăng mà thẹn những lời non-sông...

Nào những kẻ trên Bộc, trong dâu, đêm hôm mò-mẫm, cũng lợi-dụng bóng trăng để đi khuya, về sớm, mà cùng nhau vụng giấu, thầm yêu :

Sáng trăng suông sáng cả vườn đào,
Vì em, anh phải ra vào hôm-tâm...

Lại có kẻ mỉa trăng rằng:

Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Sao trăng lại phải chịu luồn đám mây?...

Lại có kẻ khinh-thường trăng mà bảo:

Vầng trăng thì đã có sao...

Cũng có người không biết trăng bao nhiêu tuổi mà gọi « *trăng già* », « *trăng non* », nên mới hỏi:

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già?...

Đến như nhà làm ruộng cũng ngắm trăng để nghiệm sự nắng mưa; như:

Trăng quầng thì cạn, trăng tán thì mưa.

Vậy thì trăng cũng lôi-thôi dan-díu với cõi trần thế ư?

Nay nếu theo cái tư-tưởng mộng-ảo thần-tiên thì bảo trên trăng có con ngọc-thỏ, có chị Hằng-nga, có Quảng-hàn-cung, có Thanh-hư-phủ; mà theo cái tư-tưởng khoa-học thì bảo trăng là một vì hành-tinh, mượn mầu sáng của mặt trời mà xoay quanh quả đất, cũng có núi xanh, núi đỏ, nhưng không có bầu không-khí, không có giống người trần; mà nếu lại theo cái tư-tưởng hoang-đường thì bảo trên trăng có thằng Cuội, có cây đa, cho nên có câu ca-dao rằng:

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
Bỏ trâu ăn lúa, gọi cha ời-ời!

Vậy thì vầng trăng là cái chi chi, tưởng cũng phải theo cái lý-thuyết của các nhà thiên-văn-học vậy.

Nhân lại nhớ có bài thơ « Vấn-nguyệt » của cổ-nhân như sau này:

Mấy vạn năm nay vẫn hãy còn.
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn?
Hỏi con Ngọc-thỏ đã bao tuổi?
Chớ chị Hằng-nga đã mấy con?
Đêm tối cớ chi soi gác tía?
Ngày xanh còn thẹn với vầng son!
Năm canh lơ-lửng chờ ai đó?
Hay có tình riêng với nước non?

Còn một bài hát nói tả « Cảnh chơi trăng trên núi », xin cũng chép ra đây cho vui câu chuyện:

Cao-sơn nhất phiến nguyệt.
高山一片月
Đã chơi trăng nên phải biết tình trăng.
Sơn chi thọ đối nguyệt chi hằng.
山之壽對月之恆
Sơn với nguyệt càng thêm cảnh-sắc.
Nguyệt quải hàn-sơn, thi bản bức:
月掛寒山詩半幅
Sơn hàm minh-nguyệt, tửu thiên-tôn.
山含明月酒千樽
Trăng chẳng già, núi vẫn còn non;
Núi chẳng chếch, trăng vẫn tròn với núi.
Rượu một bầu, thơ ngâm một túi,
Góp gió trăng chơi với non sông.
Đá kia tạc để chữ « đồng »!

Ngồi nghĩ vơ-vẩn đến sự đời cũng hay. Như trời nóng nam, gió núi thế này, mình ở nhà chơi không, cũng bức-bối khó chịu, phải tìm ra nơi khoáng-đãng để hấp lấy chút không-khí tinh-thanh; huống lại còn những kẻ đóng cửa kín, nằm công-queo trong xó nhà mà cạo, mà quẹt, mà hơ, mà tiêm, mà xoay ngang trời đất vào trong lọ, sóc dọc sơn-hà một mũi tiêm, thì cũng anh-hùng thật! Nhưng anh-hùng mà đến nỗi mặt bủng, da chì, vai xo, cổ rụt, thì cũng chán cả mặt anh-hùng! Lại còn những chỗ túm năm, tụm ba, vây-bọc lấy ngọn đèn mà bốc nọc, mà quăng bài, mà ù, mà phỗng, miệt-mài trong cuộc đỏ-đen, thì không biết họ có nóng-nực không mà vui-thú được thế? Thôi, chẳng qua cũng là cái tội! Mà những kẻ nào đã mắc vào tròng con ma « yên-đồ » thì hình như bị cái ma-lực nó co vào, dằng cũng chẳng đứt, dứt cũng chẳng ra, khó mà gỡ thoát được.

Đang lúc nghĩ-ngợi lan-man, bỗng nghe thấy hồi chuông chùa cổ-tự bên cạnh bờ sông, rền-rĩ kêu gầm, rõ ra cái biểu-hiệu chốn thuyền-môn cảnh-giác người đời trong cơn mê-mộng.

Ôi! cái tinh-thần đạo Phật cũng cao-siêu, thuần-túy lắm thay! Cái tôn-chỉ đạo Phật cũng từ-bi hỉ-xả lắm thay! Mà tu được thoát vòng trần-tục, lên tới cõi Nát-bàn, tưởng cũng gian-nan và khổ-hạnh lắm thay!

Cõi đời là bể khổ, là bến mê, người đời là đàn bị dắm-đuối. Vậy ông Trời, ông Phật, hay ông Thánh, ông Thần, là người ra tay tế-độ vớt lũ quần-sinh trầm-luân dưới sông mê bể khổ. Cho nên người đời cũng nên có chút lòng tín-ngưỡng về tôn-giáo; chứ nếu cứ xoay quanh mãi trong vòng danh-lợi, lặn-lội mãi trong đám phong-trần, nếm-trải đủ mọi mùi chua, cay, mặn, chát, rồi chán hờn, chán-ngán về cái nóng-nổi ở đời, bấy giờ mới biết kiếp người là nặng nợ, còn sống ngày nào là còn phải đeo-đẳng cái thế-trái trần-duyên ngày ấy, mà rồi mới hiểu đạo Phật là một đạo cao-thâm, huyền-diệu vậy. Ấy cũng vì mấy hồi chuông chiều-mộ, mà tự-nhiên sinh ra cái tư-tưởng triền-miên về tôn-giáo, bất-giác trong dạ cũng rầu-rầu mà ngoài mặt hình như cũng có vẻ đăm-đăm.

Lại nhân lúc đêm thanh cảnh vắng, nên lại nghe văng-vẳng thấy có tiếng trống chầu bên làng Văn-quán, anh em mới nói chuyện với nhau rằng: « Bọn mình thì ngồi chơi suông đây, chứ tụi ở xóm bên kia thì chắc họ đang ngồi ngất-ngưởng, tay roi tay trống, vểnh râu cáo lên mà đập « tom-chát! chát-tom! », chứ không sai. »-Ngồi mà nghe đọc cái điệu *Tì-bà*: « Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách, quạnh hơi thu lau-lách đìu-hiu», thì cũng réo-rắt vui tai thật. Chả trách mà quan viên nhiều ông ngày đêm miệt-mài trong cuộc truy-hoan, thậm-chí quên cả gia-đình, chức-nghiệp, mà vui-thú với chị em! Song cứ bình-tĩnh mà nói thì nghề cầm-ca cũng là một nghề mĩ-thuật, khách cầm-ca cũng là những khách phong-lưu, và cái thú cầm-ca cũng là cái thú tao-nhã vậy.

Ôi! con người ta ai là chẳng có nghề-nghiệp, thì ai là chẳng phải cần-lao, nhưng nếu quanh năm chỉ tối, từ trẻ đến già, chỉ hi-hục trong trường tranh-cạnh, nhăn-nhó về lối cùng-thông, thì cuộc đời chẳng hóa ra buồn-tẻ lắm ru? Cho nên cũng phải có lúc dật-lạc để di-dưỡng tinh-tình, đó cũng là một cách nuôi tinh-thần vậy.

Nghề hát cô-đào, ví khách làng chơi biết thưởng-thức câu văn, vẻ hát, dịp phách, cung đàn, thì chẳng cũng phong-thú lắm ru? Song nếu cứ mê-man về đường vật-chất, đắm-đuối vào ảng phong-tình, thì thật là bê-tha ê-chề!

Canh đã khuya, trăng đã xế, chung quanh đã phăng-phắc, đường phố đã vắng teo, anh em mới bảo nhau ra về. Ký-giả về đến nhà, đã toan đi ngủ, lại trông thấy cái cảnh «*gương Nga chênh-chếch dòm song*», xúc-cảnh sinh-tình, nên mới cầm bút viết rông-dài làm một bài ký, và nối thêm một bài thơ sau này:

Đề-huề lưng túi gió cùng trăng,
Dạo tới vườn hoa ngắm chị Hằng.
Vằng-vặc lưng trời trăng lững-thững,
Long-lanh mặt nước cá tung-tăng.
Hồi chuông cảnh tỉnh chùa đâu thế?
Tiếng trống Bình-khang xóm đấy chăng?
Cung Quảng dung chi thằng nói dối?
Trần-gian thêm lắm chuyện lăng-nhăng!

NGUYỄN MẠNH-HỒNG

LƯỢC-KHẢO VỀ VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC PHÁP (1)

II

IV. — Lối ca tán-thán

(*Genres lyriques*)

Ca phong-tình. — Văn-chương nước Pháp về đời Trung-cổ không phải chỉ xuất-hiện ra những ca trường-thiên về lối anh-hùng, lối răn-dạy, lối luân-lý mà thôi ; lại xuất-hiện ra cả những bài thơ bài ca nho nhỏ, thể-cách ý-tứ thuộc về các lối câu hát. Thường thường là giọng phong-tình, nhưng tả theo những tư-tưởng về đương-thời, thuật cả những việc riêng của tác giả, nhắc đến những việc lớn trong lịch-sử, thành ra thể thơ thi nhỏ-mọn mà cũng là một bức tranh truyền-thần về xã-hội đời bấy giờ.

Ở Nam-phương, nhờ khí-hậu ấm áp, tính người vui-vẻ, tiếng nói réo-rắt, nên cái thể thi-ca thông-dụng nhất là lối hát. Lối này phát-đạt tự thế-kỷ thứ 12, bấy giờ có một tay *troubadour* tên là Bertrand de Born làm những bài hát tứ-điệu êm-ái, mà lại có cái giọng hăng-hái nồng-nàn. Đến thế-kỷ sau thì lối hát bằng tiếng Nam-phương (*langue d'oïl*) đã thịnh-hành lắm, nảy-nở ra nhiều thể nhiều điệu, mỗi ngày một khéo, một hay.

Thể ca phong-tình biến-thiên phát-đạt thế nào và các tác-giả có tiếng. Thế-kỷ thứ 13. — Trong các ca-giả hồi đầu, vào bậc nổi danh nhất có Bá-tước Thibaut de Champagne (1201-1253). Ông này khi thiếu-thời vua Saint-Louis, hồi bà Thái-hậu Blanche de Castille nhiếp-chính, đã tùng-đẳng với các chúa phản-đối, nhưng sau cảm cái oai-nghi của Thái-hậu, từng ngâm-vịnh trong thi-ca, đến làm cho đảng phản-đối phải thất bại. Người ta cho ông là người thứ nhất truyền sang tiếng Bắc-phương những điệu hát huê-tình than-vãn của các tay *troubadours* ở Nam-phương.

Cùng một thế-kỷ ấy, về lối ca phong-tình, còn có những tay sau này nữa cũng có tiếng :

Tay *trouvère* Gasse Brulé, các nhà dã-sử đương thời thường cùng khen với Bá-tước Thibaut ;

Raoul de Coucy, làm chủ một sở lâu-thành; sinh-hoạt một cách bí-mật, có tình với một người đàn-bà tên là Du Faël phu-nhân, thành một truyện truyền-kỳ rất bi-thảm về tình-sử ;

Adam de la Halle, người kẻ chợ thành *Arras*, còn có tiếng hơn vì chế ra một lối « kịch-hí » (« *jeux* » *dramatiques*) ;

Colin Muset vốn làm ca-công (*ménestrel*), thường đi hết lâu thành nọ sang lâu-thành kia để hát kiếm tiền.

Thế kỷ thứ 14. — Về thế-kỷ thứ 14, chỉ nên nhớ ba tên sau này :

Guillaume de Machault (chết năm 1377), trước-tác nhiều và đặt-để khéo, chế ra nhiều thể thi-ca mới về phong-tình ;

Eustache Deschamps (1340-1410), học trò người trên và cũng tranh danh-giá bằng thầy ;

(1) Xem N. P. số 92.

JEAN FROISSART (1337-1410), đời sau thường biết tiếng là một nhà làm dã-sử có tài, nhưng cũng vừa là một tay thi-ca xuất-sắc nữa. Ông sở-trường những lối đoản-ca, như *rondeau, virelai, ballade*, kể thật đã tinh-xảo lắm.

Thế-kỷ thứ 15.— Đến thế-kỷ thứ 15 thời lối ca phong-tình, các thể đều phát-đạt đến cực-điểm, thật đã chiếm bậc nhất trong văn-chương Pháp về cuối đời Trung-cổ. Điệu luật càng ngày càng nhiều mà càng khéo. Những thể như *virelai, ballade, rondeau*, lời thơ đã tuyệt-điệu mà ý-tứ lại thanh-tân, khiến cho người ta lắm khi quên mất cả những thể thơ trước. Những tay tác-giả có tiếng về các lối đoản-thiên đó là:

CHRISTINE DE PISAN (1365-1431), là một tay nữ-sĩ, vừa làm văn nhiều, vừa làm thơ khéo ;

ALAIN CHARTIER (1383-1449), dùng thơ để diễn những tư-tưởng thâm - trầm cao-thượng ;

CHARLES D'ORLEANS (1391-1465), phải đi tha-hương khách-địa, chịu khổ-sở gian-truân, lấy vần thơ điệu hát, chải-chuốt thanh-tao, để cho khuây nỗi nhớ nhà tủi phận ;

OLIVIER BASSELIN, tương-truyền là chế ra lối hí-khúc *vau de Vire*,— tức là *vaudeville*, là một lối ca hài-hước thường hát ở nơi lũng *Val de Vire* ngày xưa (1), — lời ca lả-lời phóng-túng, nhưng tiếc ngày nay không truyền được đúng như nguyên văn ;

Sau hết, và nổi tiếng nhất thì có FRANÇOIS VILLON (1431-1484), trong sách « Thi-pháp » (*Art poétique*) của BOILEAU đã quá khen đến nỗi cho bao nhiêu thi-văn về trước đường như không có giá-trị gì cả, nói rằng : « Đời bấy giờ thô-tục, duy có ông VILLON là người trước nhất chỉnh-đốn được cái văn-pháp mô-hồ của các nhà tiểu-thuyết cổ. » (*Villon sut le premier, dans ces siècles grossiers, — Débrouiller l'art confus de nos vieux romanciers.*)

BOILEAU nói cũng khí quá thật. VILLON chẳng qua cũng là thuộc vào giòng các thi-nhân ta vừa kể trên kia, duy khác là cùng tập bấy nhiêu lối thi-ca, mà có một cái phong-thể đặc-biệt, có một mối cảm-tình riêng thuộc về cảnh-ngộ đời ông, nên thi-ca của ông có vẻ thanh-tao mà lời mạnh-mẽ.

Lời văn thi-ca ở nước Pháp qua bốn thế-kỷ biến-thiên duyên-cách, đến thế-kỷ thứ 15, nhờ ông mà nhất-biến tới được tuyệt-đích, vừa sáng-sủa rõ-ràng, vừa hùng-hồn mạnh-mẽ, như những bài đoản-ca như bài « Các phu-nhân đời xưa » (*Les Dames du temps jadis*) là bài phổ-thông trong dân-gian nhất, hay những bài trường-thiên liên-hành như bài « Sấm truyền lớn (*Grand Testament*) ; từ đấy lại nhờ ông mà truyền cho thế-kỷ sau.

V.— Lối diễn-kịch (*Le théâtre*)

Thần-bí-kịch (*mystères*) ; Luân-lý-kịch (*moralités*) ; Khôi hài-kịch (*farces*)

Uyên-nguyên của lối diễn-kịch về đạo. Những bài thần-bí-kịch đầu. — Có một lối văn-chương, xã-hội nào, thời-đại nào cũng có, cũng in được như hệt cái hình-ảnh vào đó một cách rất chân-thực, rất tinh-tế, là lối diễn-kịch. Đời Trung-cổ không thể không có diễn-kịch. BOILEAU vốn sành các lối văn-chương như thế, mà đối với văn-chương cổ không được thuộc lắm, nên phê-phán mấy câu về diễn-kịch rất là sai-lầm ; nói rằng : « Ông cha ta ngày xưa quá sùng đạo, nên ghét diễn-kịch, thành ra nước Pháp trong bao nhiêu lâu không được biết cái thú tuồng hát. » (*Chez nos dévots aieux le théâtre abhorré — Fut longtemps dans la France un plaisir ignoré.*)

(1) Ngày nay *Vaudeville* là một lối đoản-thiên-bài-kịch có ca.

Không những nước nào có văn-chương cũng là có diễn-kịch, nhưng mà nước nào cũng vậy, như ở Hi-lạp, La-mã, lối diễn-kịch cũng là thoát-hình ở các lễ-tế về đạo, và hồi đầu vẫn khuynh-hướng về đường tôn-giáo. Các xã-hội Tây-phương, từ xưa đến nay vẫn ở dưới quyền giám-đốc của Giáo-hội Gia-tô, nên lối diễn-kịch lúc mới phôi-thai có cái tính-cách thuần về đạo. Rạp hát lúc mới đầu chẳng qua là một gian phụ-thuộc của nhà thờ, và những cuộc diễn-kịch thứ nhất chẳng qua là đem bày trò những tích thần-bí về đạo, những truyện truyền-kỳ trong Thánh-thư cùng là «hạnh» các thánh. Bởi thế cho nên gọi tên là « thần-bí-kịch » (*mystères*), hay là « thần-kỳ-kịch » (*miracles*). Cũng có khi phần tục nhiều hơn phần đạo, chủ vui trò cho kẻ bình dân xem, thì gọi là trò « du-hí » (*jeux*); chính những trò « du-hí » nhiều khi cũng bày truyện thần-kỳ về đạo, vừa có ý vui chơi mà vừa có ý khuyến-giới.

Những trò ấy có liên-lạc với các lễ-tế trong đạo, nên trong bao lâu vẫn bày ngay ra ở giữa nhà thờ, về dịp các lễ lớn, như *Noël, Epiphanie, Pâques, Ascension*. Vai trò là những thiên-thần, địa-quỉ, có khi cả các giống súc-sinh nữa. Bài thần-bí-kịch cổ nhất là bài « Tích ông A-đong » (*Représentation d'Adam*), trong bài này đặt hẳn ra một con rắn để đóng vai quỉ cám-dỗ. Lấy hình-thức, áo quần, cảm con mắt người xem; truyện truyền-kỳ bày ra thành trò hoạt-động. Có khi trong những bài bi-kịch hí-kịch về đạo, như về dịp « Hội điên » (*Fête des fous*), hay là dịp «Lễ lừa » (*Messe de l'âne*), câu hát bằng la-tinh lẫn với câu hát bằng thổ-âm, thành một thứ tiếng tạp vừa la-tinh vừa « lô-man » (*roman*), gọi là « tạp-ngữ » (*farcità = langue farcie*), khiến cho cái văn bông-lơn cũng được công-nhận ở giữa nơi giáo-đường; cứ xét về phương-diện tù-nguyên (*étymologie*), phương-diện lịch-sử, thì đó chính là gốc của lối kịch khôi - hài (*comédie grotesque, farce*) về sau này vậy.

Dần dần bày trò ngay trong nhà thờ không đủ chỗ, phải bắc rạp ở ngoài cửa hay ở nơi mộ-địa bên cạnh. Nhưng những trò ấy vẫn là thuộc về đạo, vẫn chỉ để riêng những ngày lễ, đặt vào trước hay sau giờ lễ, để cho nhân-dân đến chiêm lễ vừa được xem trò nhân thế. Thường thường trước khi ra trò có một bài diễn-thuyết về đạo, làm như bài giáo-đầu, rồi đến khi tan trò thời hát một khúc thần-nhạc bình-âm (*plain-chant*), như bài « Ngợi khen Thiên-chúa » (*Te Deum laudamus*), cả phường tuồng, cả người xem, đều đồng-thanh xướng lên.

Các phường diễn-kịch. Lối thần-bí-kịch biến đổi đi thế nào. — Cuối thế-kỷ thứ 14, khi đã bắt đầu diễn-kịch ra ngoài nhà thờ, thời lối diễn-kịch tuy vẫn giữ tính-cách tôn-giáo, nhưng không thuộc phạm-vi tế-tự nữa. Có từng bọn thợ họp nhau lại thành phường để diễn các thần-kịch, cách kết-cấu, cách bày trò mỗi ngày một phiền-phức thêm. Chợ nào, tỉnh nào có một phường tuồng đến sửa-soạn diễn-kịch, thời coi như một cuộc mở hội to lắm, ngày nay còn có dấu vết trong các sổ-sách của nhiều dân-xã ngày xưa.

Trong những bản thần-bí-kịch diễn về các tích trong Thánh-thư cùng các việc lớn trong đời Đức Giê-su, có một bản thịnh-hành nhất, được trong dân-gian hoan-nghênh nhiều hơn nhất, là bản thần-kịch về tích « Thương khó » (*Le mystère de la Passion*). Tích này thường khuếch-trương ra to lắm, và có khi kéo dài ra vô-hạn. Tích « Thương khó » là tích Đức Giê-su chịu tội câu rút, đem ra diễn đến suốt cả tuần lễ *Pâques* (Phục-sinh) cũng chưa hết.

Bản kịch « Thương khó » này có tiếng lắm, nguyên của ARNOULD GRESBAN, — có hai anh em, đây là người anh cả, — soạn về giữa thế-kỷ thứ 15, trong có nhiều đoạn văn-chương đã hay lắm, chia ra làm hai-mươi ngày, và cộng ước 2 vạn 5 nghìn câu thơ; người sau lại làm kế-tiếp thêm vào tới 6 vạn câu. Người em tên là SIMON GRESBAN làm vở « Thần-kịch về sự-trạng các tông-đồ » (*Triomphant mystère des Actes des apôtres*), nói là « cứ sự thực trong sử-ký mà đặt ra, xếp thành từng nhân-vật », lại còn dài hơn vở trên nhiều. Bài này là một bản « thần-tiên-kịch » (*féerie*) lớn về tôn-giáo, bày trò phải công-phu và khó-khăn lắm, vậy mà diễn được luôn trong suốt một thế-kỷ; bài dài tới 8 vạn câu thơ, và vai trò đến 425 người. Mãi đến giữa thế kỷ thứ 16, vẫn còn in lại, kể rõ cả các kịch và các cảnh.

Ngoài ba lớp thần-bí-kịch thuộc về « Sấm truyền cũ » (*Ancien Testament*), « Sấm truyền mới » (*Nouveau Testament*) và Hạnh các Thánh, còn có nhiều lối kịch khác thông-hành trong dân-gian. Những truyện về lịch-sử đương-thời cũng làm tích diễn-kịch được. Như bài « Kịch vây thành *Orléans* » (*Mystère du siège d'Orléans*), cũng tới 2 vạn câu thơ, 140 vai trò, không kể những dân trong thành và quân lính, bài này nghe đâu diễn lần thứ nhất ở *Orléans* ngày mồng 8 tháng 5 năm 1439, để kỷ-niệm thập-nhất-chu-niên việc bà JEANNE D'ARC giải vây cho thành ấy ; tuy gọi là thần-bí-kịch, nhưng vừa thuộc về lịch-sử, vừa thuộc về chiến-sự, cái phần thần-kỳ chỉ có một ít mà thôi.

Cũng vào khoảng đời bấy giờ, nhân các lớp tiểu-thuyết vận-văn của đời trước đã lưu-truyền rộng những truyện về cổ-đại Hi-lạp Lã-mã, bọn kiếm truyện làm tuồng cho công-chúng xem bèn theo hình-thức lối thần-kịch mà bày thành các trò về cổ-thời La Hi, chỉ cốt lấy vui trò đông khách mà thôi, chứ cũng chưa dám bắt-chước người Hi-lạp La-mã mà làm thành những bi-kịch theo lối cổ-điển như các thi-gia yêm-bác về đời Phục-hưng sau này. Tỉ như « Truyện phá Tô-loa đại-thành » (*Histoire de la destruction de Troye la grant*), bày thành vai trò và chia làm bốn ngày (*mise par personnages et divisée en quatre journées*), — theo lời cổ-văn bấy giờ — của JACQUES MILLET soạn. Bài kịch này to-tát lắm, ước tới 3 vạn câu thơ và hơn một trăm vai trò, tác-giả không phải theo truyện *Iliade* ngày xưa, nhưng là phỏng một bộ tiểu-thuyết thông-hành trong dân-gian về mấy đời trước, gọi là « Tiểu-thuyết thành Tô-loa » (*Roman de Troie*)

Lối hi-kịch mới phôi-thai. Luân-lý-kịch và trào-phúng-kịch. — Các phường diễn-kịch trước chỉ diễn những thần-bí-kịch, thường-thường được bọn tăng-lữ giúp cho ; sau kế đến những phường hát thông-tục nổi lên chiếm mất sự hoan-nghênh của công-chúng, dần-dần chuyển đưa nghề diễn-kịch vào một đường lối mới, gây ra lối bi-kịch sau này : như phường *Les Enfants sans souci* (Vô-ưu công-tử), phường *Les Clercs de la Basoche* (Pháp-viện đồ-đệ).

Bọn này theo lối « kịch-hí » (*jeux dramatiques*) cũ của ADAM DE LA HALLE đã xướng ra khi xưa, bày ra những trò gọi là « luân-lý-kịch » (*moralités*), tức là những bài ngụ-ngôn, một đôi khi là lấy các truyện ngụ-ngôn trong « Sấm truyền cũ » hay « Sấm truyền mới » đặt thành vấn-đáp, nhưng thường-thường là đặt ra những nhân-vật huyền-ảo như trong truyện « Tiểu-thuyết Hoa hồng » (*Roman de la Rose*), để diễn một bài luân-lý thông-thường, hay một chuyện khôi-hài tự-do, hay một câu châm biếm kịch-liệt.

Nhân đó mới phát-sinh ra lối hi-kịch, nhất-biến thành ra thể « trào-

phúng-kịch » (*sotties*, hay là *soties*), là lối trò rất tự-do, công-nhiên châm-trích những thói xấu tật rởm của người đời, bất-phân kẻ sang người hèn, bất-cứ thuộc về hạng nào trong xã-hội, lối này thịnh-hành mãi đến giữa thế-kỷ thứ 16. Nhưng mà tự-do quá đến phóng-túng, khiến cho các pháp-viện phải lấy lẽ luân-lý, lẽ trị-an mà xin cấm các phường diễn-kịch ; về phần Triều-đình thời tùy cái phương-châm chính-trị mỗi lúc mà khi dung-túng, khi lại hạn-chế. Đến các thần-bí-kịch cũng có bài biến ra thô-tục, pháp-viện cũng phải lấy lẽ tôn-giáo mà phản-đối.

Kịch khôi-hài. Truyện Trạng-sư Pathelin. — Lối hí-kịch phôi-thai ra về thế-kỷ thứ 15, cũng chưa sản được bài nào là xuất-sắc. Duy có bài kịch khôi-hài (*farce*) tên là « Truyện trạng-sư *Pathelin* » là lưu-truyền trong dân-gian lắm. Bài này không biết rõ của ai làm, nhưng chắc là một người tính vui-vẻ, hay bỡn-cợt, có lẽ là một tay soạn kịch cho phường « Pháp-viện đồ-đệ » (*Clercs de la Basoche*). Truyện là một truyện biến-cục bông-lơn, tiêu-biểu cái tính hài-hước cố-hữu của người Pháp nhiều hơn là có ngụ-ý gì về nhân-nghĩa luân-lý ; chính là một mớ những chuyện mưu lừa chước lọc, lường gạt lẫn nhau, không có ý khuyên-răn đạo-đức gì, chỉ có cái khoái trông thấy kẻ lừa người bị người lừa lại mà thôi.

Trạng *Pathelin* là một bậc thầy kiện kiết, muốn lấy lời ngon-ngọt dánh lừa một anh hàng dạ bên láng-giềng để bán chịu cho một tấm dạ, ý thầy là muốn xử-biền không trả tiền, nhưng anh hàng dạ lại khôn hơn, làm cho thầy phải trả giá đắt. Lại có một thằng chăn chiên tên là *Agnelet*, vì ăn trộm chủ phải thưa lên tòa, nhờ thầy kiện chạy cho, thầy kiện dặn hễ ra đến tòa cứ kêu be-he lên, tất quan tòa cho là điên mà tha cho ; đến khi xong việc, thầy hỏi tiền công, nó muốn xử-biền với thầy, cũng cứ be-he mà giả điên hoài. Ấy đại-loại toàn là những chuyện biền người bị người biền lại như thế cả.

Bản kịch khôi-hài đó, cũng có thể cho là một áng văn-chương có giá-trị về lối cổ-kịch nước Pháp, chắc là đặt ra từ trước mà về thế-kỷ thứ 15 trùng-san lại, lời-lẽ đã hoạt-bát văn-vẻ lắm, rồi sau đời nào cũng có người hoặc phỏng-dịch, hoặc bắt-chước, hoặc sửa đổi lại, mãi đến ngày nay cũng còn có vậy.

VI. — Lối tản-văn (*La prose*)

Các nhà sử-ký

Tản-văn chậm phát-đạt. — Trong năm thế-kỷ đầu đó, các lối thi-ca phát-đạt như trên, duy lối tản-văn thời cũng có tấn-tới nhưng chậm lắm, không nảy-nở ra văn-chương phong-phú, không sản-xuất ra lắm lối khác nhau. Cái lý-do đó là ở chế-độ, ở tư-tưởng đương-thời. Đời bấy giờ kẻ tri-thức chỉ chuyên-trọng một môn thần học, mà thần-học duy chỉ dùng chữ « la-tinh » làm cơ-quan ; triết-học cũng tự cam làm « nô-bộc cho thần-học » (*la philosophie, servante de la théologie*), nên cũng lại chỉ dùng có chữ la-tinh. Xem kết-quả sự cổ-động về trận Thập-tự, thì biết nghề biện-thuyết bấy giờ cũng đã có thế lực mạnh lắm, vậy mà cũng không giúp cho tiếng thổ-âm, — tức là tiếng « lô-man », — được thêm giàu ra tí nào ; muốn cho công-chúng nghe hiểu, nhà diễn-thuyết nhiều khi phải nói bằng thổ-âm, nhưng những bài diễn-thuyết có giá-trị, như các bài của SAINT BERNARD, đều viết và truyền bằng chữ la-tinh cả. Mãi đến thế-kỷ thứ 15, vẫn chưa thấy có một bài diễn-thuyết nào bằng thổ-âm có giá-trị. Chính đời bấy giờ, những tay diễn-thuyết về đạo có tiếng trong dân-gian, như MICHEL MENOT (1440-1518), OLIVIER MAILLANT (1440-150 ?), JEAN RAULIN (1443-1514), diễn bằng thổ-âm, pha thêm chữ la-tinh nhiều, nhưng là một

thứ la-tinh bác-tạp, nửa chữ nửa nôm, gọi là *macaronique*. — có thể dịch là thứ chữ « hồ-lốn », thứ chữ này vào khoảng giữa thế-kỷ thứ 15 thịnh-hành lắm.

Lối sử-ký và các nhà sử-ký. — Chỉ có một lối tản-văn là sớm dùng bằng tiếng « lô-man », tức là lối sử-ký. Các tiểu-thuyết ký-quái thuộc về lớp « Bàn tròn » (*romans de la Table ronde*, xem kỳ trước) trước đã dùng vừa thể tản, vừa thể vận, thế là khai đường mở lối cho sự dùng tiếng « nôm », — tức là thổ-âm, tức là tiếng « lô-man », gọi là « nôm » vì cũng giống như tiếng *nôm* ta đối với chữ nho khi xưa, — trong việc biên-chép sự thực. Tuy vậy chính các sách sử-ký của các đạo-viện chép việc bằng ngày trong nước, lại viết bằng chữ la-tinh. Như bộ « Pháp-quốc Đại-sử-ký » (*Grandes Chroniques de France*) soạn ở đạo-viện *Saint Denis*, cũng chép bằng chữ la-tinh, rồi sau mới dịch ra lời « nôm » lỗ-mãng để cho công-chúng dễ xem.

Về đời Trung-cổ có bốn nhà sử-ký nổi danh nhất, tức là bốn tay hành-động đã có làm qua và đã từng mục-kích những việc ký-thuật lại : VILLEHARDOUIN, JOINVILLE, FROISSART và COMMINES. Có một điều lạ thay, là bốn người ấy cách nhau có trong khoảng một thế-kỷ, mà lời văn của mỗi người có tấn-tới lên một tầng, cách chép sử mỗi người cũng thấy thay đổi đi một khác.

Villahardouin. — GEOFFROI DE VILLEHARDOUIN (1155-1213), thuộc về cuối thế-kỷ thứ 12, chép sử đầu tiên, làm bộ « Lịch-sử chinh-phục thành Quân-sĩ-đán-đinh » (*Histoire de la conquête de Constantinople*), gồm một thời-kỳ chín năm, từ 1198 đến 1207. Lối văn của ông là tiêu-biểu thể vận-văn đương chuyển sang tản-văn, còn có những giọng điệu, những tình-tứ phẳng-phất như trong văn-chương các anh-hùng-ca : không những kỷ-thuật mà lại tán-dương nữa, vừa có cái giọng thật-thà, vừa có cái vẻ hùng-tráng, diễn ra những câu văn trịnh-trọng, mà hơi trần-hủ một chút.

Joinville. — Kế sau VILLEHARDOUIN thì có JOINVILLE (1224-1319), cũng người đất *Champagne*, đồ-đệ của Bá-tước THIBAUT và trung-thần của vua SAINT-LOUIS. Sách « Sử-ký » (*Mémoires*) của ông khi trở về già mới chép, nói về trận-mạc và chính-sự về đời LOUIS thứ 9. Từ đầu chí cuối tỏ ra cái khí-tượng một người bầy-tôi trung hết lòng thờ chúa. Sách sử này thật là lời chứng-cứ đích-thực của một người đã thân-lịch các việc. Tác-giả đã nói : « Đây toàn là những chuyện mắt tôi thấy, tai tôi nghe vậy. » Tựa hồ như để cả mình vào trong chuyện, thuật lại cả những sự ký-ức, sự cảm-tưởng của mình, không giả làm khiêm-tốn, cũng không tự-đắc tự-cao, cứ tự-nhiên mà kể chuyện, hình như để thỏa cái lòng muốn biểu-dương công-đức cho quân-vương, lại thỏa cái tính của mình thích kể chuyện nữa ; chính mình cũng là vai hành-động, vai chủ-động trong chuyện, nên biểu-dương cho mình cũng như biểu-dương cho kẻ khác, thật-thà mà hào-hiệp, giản-dị mà cao-siêu.

Froissart. — Nhà sử-ký thứ ba là JEAN FROISSART (1337-1410) cách hai nhà trên một thế-kỷ. Vốn là một tay giao-tế, đi lại những nơi triều-đình quyền-quí, những chốn đàn-điếm vui chơi, không trực-tiếp can-thiệp đến các công-việc, nhưng mà có tài làm thơ làm văn hay, kỷ-sự có văn-chương, vẽ-vời ra cảnh-sắc, chép sử có ý sành hơn người trước, mà vẫn không mất cái khí-vị thực-thà là cái đặc sắc của lối dã-sử. Sách để là « Sử-ký nước Pháp, nước Anh, xứ *Ecosse*, nước Tây-ban-nha, xứ *Bretagne*, xứ *Gascogne*, xứ *Flandres* và các đất phụ-cận khác. » (*Chronique de France, d'Angleterre, d'Ecosse, d'Espagne, de Bretagne, de Gascogne, Flandres et autres lieux d'alentours*),

thật là một bức họa hoàn-toàn và linh-hoạt về thời-đại bấy giờ, nào là các chiến-công hiển-hách, nào là các sự-nghiệp trung-thành, nào là cách hào-hoa lịch-sự, nào là sự loạn lạc tơi-bời, nào là những thủ-đoạn độc-ác, nào là những hoạn-nạn chiến-tranh, nào là những cuộc yến-tiệc trong cung, nào là những phen đốt thành sát-lục ; thật là hình-dung được cả cái xã-hội phong-kiến về thế-kỷ thứ 14, hơi lộn-xộn, nhưng rất hoạt-động; duy niên-kỷ không được phân-minh và không có cái quan-cảm về sự sinh-hoạt của kẻ bình-dân.

Commines. — Nhà sử-ký cuối cùng về cái thời-kỳ văn-học lâu dài đó là PHILIPPE DE COMMINES (1445-1509), hồi ấy lời văn đã chín-chắn và xã-hội đã khôn-ngoan, có thể mong làm được một nhà sử-học hoàn toàn. Có can-thiệp vào việc nước về đời LOUIS thứ 11 và CHARLES thứ 8, không những thuật việc mà thôi, lại giải thích, lại phán-đoán nữa ; khám-phá những sự bí-mật về chính-trị, tìm cho ra nhân-quả mọi việc ; nghiên-cứu về tính-chất người dân, nguồn gốc chế-độ ; các tư-tưởng mới về cận-đại như mới bắt đầu phát-hiện ra một cách rõ-ràng. Bởi thế nên sách « Sử-ký » (*Mémoires*) của ông đã được đáng gọi là « sách chỉ-nam của các nhà chính-trị » (*le bréviaire des hommes d'Etat*). Sánh COMMINES với TACITE ở La-mã đời xưa, với MACHIAVEL ở Ý-đại-lợi đời bấy giờ, thời có lẽ cũng khi quá thật : song ông thật có công gây cho sử-học một cái hình-thức đích-đáng về đời bấy giờ, mà lời văn thời giản-dị, tự-nhiên, rõ-ràng, đích-xác, mà hãy còn cái khí-vị thật-thà dí-dỏm là cái đặc-tính của người dân *Gaulois*, dẫu lối tản-văn đã thành-thục về thế-kỷ thứ 16 cũng vị-tất đã hơn được.

II

1. — CÁC NHÀ TẢN-VĂN

Văn-học nước Pháp về thế kỷ thứ 16

Tính-cách và ảnh-hưởng đời Văn-học Phục-hưng. — Thế-kỷ thứ 16 gọi là đời Phục-hưng (*la Renaissance*), có phát ra hai cái phong-trào tư-tưởng lớn : một là cái phong-trào muốn nhất-thiết giải-phóng, nhất-thiết canh-tân ; hai là cái phong-trào muốn phục-hồi các văn-học mĩ-thuật về cổ đại Hi-lạp La-mã.

Cái phong-trào thứ nhì đó nhờ được một cái cơ-hội lịch-sử như sau này, nên lại càng bành-trướng ra mạnh : nhân thành *Constantinople* thất-thủ, Đế-quốc Hi-lạp bị giải-tán, các văn-sĩ bác-sĩ phải chạy tản-nát đi khắp cả Âu-châu. Trước đem sách-vở chạy sang Ý-đại-lợi, rồi sang Pháp ; đến đâu cũng mở trường dạy chữ Hi-lạp, đặt các thư-viện, in và chú-thích các thi-văn cổ, truyền-bá những sách-vở của mình, như hai anh em họ LASCARIS, một người làm quyển mẹo thứ nhất về tiếng Hi-lạp in ở *Milan* năm 1476, một người có chân sứ-bộ nước Ý sai sang triều vua FRANÇOIS thứ 1, có giúp vua dựng ra thư-viện *Fontainebleau*.

Cái phong-trào giải-phóng thời về đường tôn-giáo có hai họ LUTHER (Tàu dịch là Mã-đình-Lộ-đức) nước Đức và CALVIN nước Pháp xướng lên phái Tân-giáo, phái này có ảnh-hưởng to đến ngữ-ngôn văn-tự của các nước, vì các nhà cải-cách muốn cho công-chúng hiểu và theo mình thời cần phải lấy thổ-âm của mỗi nước mà thế vào tiếng la-tinh là cái văn-tự độc-tôn của Cựu-Giáo-hội.

Bởi thế nên các nhà cải-cách tôn-giáo, dẫu không có chí về sự-nghiệp văn-chương, cũng là tự-nhiên đứng đầu các văn-sĩ đời bấy giờ. Cũng bởi thế nên tuy lối vận-văn từ trước đến

bấy giờ vẫn phát-đạt hơn tản-văn, mà tản-văn đến hồi ấy bỗng bồng-bột tiến lên mau lắm, chiếm địa-vị nhất, dẫu lối vận-văn phỏng-cổ cũng vẫn tấn-tới nhưng khó lòng theo kịp.

Calvin. — Ở Đức thời có LUTHER nhân dịch sách Thánh-thư ra quốc-âm Đức mà gây ra tiếng Đức ngày nay. Ở Pháp cũng có CALVIN (1509-1564) dùng tiếng Pháp để truyền-bá thảo luận về tôn-giáo mà làm cho tiếng Pháp thành văn-chương đích-đáng.

Pho sách cốt-yếu của ông đề là «Cơ-đốc chế-độ» (*Institution chrétienne*), chính ông cho là gồm cả các điều cốt-yếu về lẽ đạo-giáo và lẽ giải-thoát, nghe đâu soạn bằng chữ la-tinh trước (in ở *Bâle* năm 1536), rồi tự tác-giả lại dịch ra chữ Pháp. Sách này không những là một bài phi-lộ trọng-yếu nhất của phái Tân-giáo ở nước Pháp, lại là một nền kiệt-tác thứ nhất của tản-văn Pháp, từ đấy mới bắt đầu dùng tiếng Pháp để nói những chuyện nghĩa-lý, trước kia vẫn cho là cao-xa không thể nói được. Nhờ ông CALVIN mà nhất-đán tản-văn Pháp gồm được những tính-cách rất hợp với cái tinh-thần cố-hữu của nước Pháp: sáng-sủa, đứng-đắn, hoạt-bát, mạnh-mẽ. Văn của ông CALVIN không có những lối câu bề-bộn lủng-túng, đầy những tiếng xen tiếng đệm như trong văn la-tinh, làm cho câu văn nặng-nề; đời sau những người không theo được ông, vẫn chưa thoát được khỏi những lối-lăng cũ đó.

Rabelais. — Đồng-thời với CALVIN có FRANÇOIS RABELAIS (1483?-1553?), tuy không can-thiệp vào những cuộc thảo-luận về tôn-giáo, nhưng cũng là chịu ảnh-hưởng cái phong-trào cải-cách tôn-giáo. Ông là một người đầu nhất xướng lên sự phục-hưng văn-học và sự độc-lập tư-tưởng, ra tay chống-chế cho cái lương-tri, lương-năng của người ta, cho sự học-vấn tự-do đối với những quyền-lực muốn đàn-áp yềm-chế cho không nảy-nở ra được. Nhưng mà tư-tưởng ông bạo quá, và đời bấy giờ chưa phải là đời tư-tưởng hoàn-toàn tự-do, muốn tránh khỏi sự phiền-nhiễu, ông dùng toàn một giọng hài-hước cho khỏi phải hiềm-nghi.

Vừa là tay triết-học, vừa là tay thần-học, vừa là tay y-sĩ, vừa là tay bác-sĩ, đời là đời học-vấn yêm-bác mà lại là tay yêm-bác đệ-nhất, viết sách thuyết-lý không phải là không được, mà ông không viết, ông lại đặt ra những truyện kỳ-quặc bông-lơn đề là truyện *Gargantua* và truyện *Pantagruel* (153?-1564), là hai truyện những nhân-vật thô-hùng, mơ-mảng như giấc mộng quái-gở, phóng-túng như câu chuyện ngông cuồng. Nhà phê-bình SAINTE-BEUVE đã nói: « Sách này là sách lí-kỳ, lẫn-lộn những lời học-thức với những câu ám-muội, những chuyện khôi-hài với những giọng hùng-hồn, sách thượng-đẳng hoạt-kê (*haute fantaisie*), cảm mình sâu mà nghịch mình dữ, làm cho mình say-sưa lại làm cho mình yếm-ứ, đọc rồi lấy làm cảm, làm khoái, mà còn phải tự hỏi không biết có hiểu hẳn không. » — Về thế-kỷ thứ 17, LA BRUYÈRE cũng đã phải chịu rằng không hiểu sách RABELAIS, nói rằng: « Thật là sách lộn-bậy một cách kỳ-quái, có chỗ nghĩa-lý rất cao-thâm, có chỗ lời-lẽ rất bỉ-tiện; đã bậy thời bậy đến quá độ, nhưng cũng có một cái thú đều-gồng; đã hay thời hay đến tuyệt-phẩm, mà thật là khoái-trá vô-cùng. » (*C'est un monstrueux assemblage d'une morale fine et ingénieuse et d'une sale corruption. Où il est mauvais, il passe bien loin au delà du pire, c'est le charme de la canaille ; où il est bon, il va jusques à l'exquis et à l'excellent, il peut être le mets des plus délicats.*)

Tuy vậy RABELAIS thật là đáng liệt vào bậc nhất những tay đã có công sáng-tạo ra tiếng Pháp ngày nay. Văn

ông không được minh-liệu xác-tạc như văn CALVIN, nhưng mà rộng-rãi hoạt-bát hơn nhiều, lại nhờ cái sức học yêm-bác của ông mà cung-cấp cho tiếng Pháp được một cái kho tài-liệu rất phong-phú. Đời bấy giờ hay có thói phóng-chép cổ-nhân, ông phản-kháng lại cái thói đó, giữ cho câu văn có cái vẻ chất-phác, nên ngày nay có ý cũ-kỹ; nhưng ông lại biết khéo dùng cái văn ấy để ám-chỉ những tư-tưởng triết-lý ngầm của ông, nên luyện cho nó không những là có thể diễn được những sự tưởng-tượng rất bông-lông, mà lại có thể diễn được những mối cảm-tình rất tinh-tế.

Montaigne. — MONTAIGNE (1533-1591) thời học-thức cũng rộng, văn-chương cũng khéo như RABELAIS, nhưng lời-lẽ không phóng-túng quá, cũng là một người có công to trong lịch-sử văn-học tư-tưởng nước Pháp, vì đã cống-hiến cho văn-chương Pháp một nền văn vĩ-đại, tức là bộ « Cảo-luận » (*Les Essais*).

Tên sách nhỏ-mọn như thế mà thật là một bức tranh tổng-họa về người đời những khi một mình tỉ-tê giãi tỏ nỗi mình. Ông nói rằng vật-liệu sách ông là chính ông, chính ông là một người đời. Nhưng mà người đời là một giống rất « uyển-chuyển phiền-tạp » (*ondoyant et divers*), tính-tình thay đổi luôn, phản-trái luôn, khiến cho nhà triết-học phải cho mọi sự học-vấn của loài người là vô-bằng cứ cả. Cho nên ông đối với người đời, ông nhất-thiết hoài-nghi, việc gì ông nói đi rồi ông lại nói lại, đem cái ý-kiến nọ phản-đối lại cái ý-kiến kia, mà kết-luận rằng không biết kén chọn thế nào. Câu cách-ngôn sở-thích của ông là : « Ta có biết gì ! » (*Que sais-je ?*), không quyết mà cũng không bác điều gì. Đối với luân-lý, ông cũng hoài-nghi. Ông có thuật những lời cách-ngôn của cổ-nhân để tán-dương sự đạo-đức, nhưng tựa-hồ như ông không cho là cái đạo-đức ấy có căn-cứ gì, vì ông nói về sự xấu của người ta, ông cũng cứ một giọng điềm-nhiên mà thôi. Ông cho cái lòng tu-sỉ mà thói đời cho là thuộc về căn-tính của người ta cũng là một sự giả-dối mà thôi, nên ông hay nói đến những chuyện dâm-dật, tuy lời không thô-bỉ như RABELAIS, nhưng ý cũng phóng-túng lắm.

PASCAL sau này lấy sự hoài-nghi làm cái khổ dệ-nhất ở đời, MONTAIGNE thời lại cho hoài-nghi là khoái-lạc. Suốt trong sách « Cảo-luận » của ông là ông toàn diễn về cái chủ-nghĩa hoài-nghi đó, nhưng mà các thiên sách của ông thời rời-rạc lồng-chồng giọng nghị-luận của ông thời dung-dị thảnh-thơi, cũng có một cái thú đặc-biệt, người đọc có khi như lạc đường mà lúc nào cũng vui thích, lại thường chứng-dẫn rất nhiều những danh-ngôn ý-hạnh của cổ-nhân, ấy cũng là một cách luyện cho tiếng Pháp được thêm giàu-có và thêm mềm-mại ra vậy.

Amyot. — Vào bậc nhất trong các tay tản-văn, có thể liệt tên ông JACQUES AMYOT (1513-1593) là một người chỉ có dịch sách mà thôi mà có công to với tiếng Pháp. Ông dịch bộ « Truyện các danh-nhân Hi-lạp Lã-ma » của nhà văn Hi-lạp PLUTARQUE, bản dịch của ông có ảnh-hưởng trong bọn sĩ-phu đời bấy giờ nhiều lắm, MONTAIGNE đã nói rằng nhờ ông mà bọn đó mới khỏi đắm vào trong bùn lầy. PLUTARQUE chính là một nhà văn yêm-bác và lão-luyện đời xưa, AMYOT dịch PLUTARQUE là tự mình được đắm-thắm với cổ-nhân và lại khiến cho người đời được hưởng cái ơn-huệ của cổ-nhân nữa. Song văn ông tuy là văn dịch, lột được cái tinh-thần lịch-sử luân-lý của nguyên-văn, nhưng vẫn có đặc-sắc, vẫn có cái khí-vị thật-thà khả-ái, đặc-biệt hẳn với nguyên-văn hi-lạp.

Các nhà triết-học và luận-thuyết về chính-trị. — Thuộc về một phái với MONTAIGNE, còn có nhà triết-học CHARRON (1541 - 1603), làm sách « Trí-luận » (*La Sagesse*), xuất-bản năm 1601, cũng bàn về cái chủ-nghĩa hoài-nghi, nhưng nghị-luận có phương-pháp mà lời-lẽ thời văn-vẻ kém ; rồi đến ETIENNE DE LA BOETIE (1530 - 1563), nổi tiếng vì bạn thân với MONTAIGNE, có làm sách « Luận về sự tự-nguyện-nô-lệ » (*Discours sur la servitude volontaire*, nhất-danh là *Contre un*), là một bài luận-thuyết văn-chương cổ kính nhất về đời bấy giờ.

Có người lại cho nhà trước-thuật JEAN BODIN (1530 - 1596) là cũng thuộc về phái ấy. Nhà này có làm sách « Cộng hòa-luận » (*La République*), phép nghị-luận tổ-thuật tiên-nho ARISTOTE, lời ăn thời khí rườm-rà một chút, nhưng phân-tích rõ-ràng, lại xướng ra một cái thuyết quân-chủ hạn-chế bằng pháp-luật, cái thuyết khí-hậu có ảnh-hưởng đến chính-thể, cho làm một tay tiên xướng của MONTESQUIEU sau này cũng đáng vậy.

Các nhà diễn-thuyết về đạo — Tuy văn-chương của CALVIN là người xướng ra phái Tân-giáo nghiêm-trang khắc-khổ, tưởng cũng đủ làm gương cho các nhà làm văn và nhà diễn-thuyết về đạo, vậy mà lối diễn-thuyết này càng ngày lại càng thô-suất, lời khuyên răn đạo-đức thời ít, lời mỉa-mai thóa-mạ thì nhiều. Đến hồi loạn *La Ligue* thời càng suy tệ. Bài giáo-thuyết thành ra một bài thóa-mạ công-ích rất kích-liệt. Bà công-tước MONTPENSIER đã nói rằng : « Bao nhiêu binh-lực, bao nhiêu mưu-mô của chúng nó (nghĩa là đảng tân-giáo) không làm hại bằng những lời diễn-thuyết của các giáo-sư. »

Trong các nhà diễn-thuyết về Gia tô-giáo-hội, duy có một người là có địa-vị đặc-biệt trong lịch-sử văn-học, là SAINT FRANÇOIS DE SALES (1567 - 1622), không phải là văn-chương ông có hay gì lắm, nhưng lời lẽ ông có giọng mĩ-miều khả-ái, hơi cầu-kỳ một chút, nhưng thật êm-ái uyển-chuyển.

Các nhà đặt truyện và ký-sự. — Nhưng trong nền tản-văn Pháp mới nhóm lên, phải dành một cái địa-vị tốt-đẹp cho các nhà đặt truyện và nhà ký-sự.

Trong các nhà đặt truyện thời có người như Bà MARGUERITE DE NAVARRE, hay che-chở cho các nhà văn và chính cũng là tay năng-văn, có làm một tập đoản-thiên-tiểu-thuyết đề là *Heptaméron*, bắt-chước BOCCACE nước Ý-đại-lợi, tả những chuyện phong-tục đương-thời, hay những chuyện phỏng theo nước Ý, nhưng toàn là chuyện phong-tình, tự-do phóng-túng lắm ; có người thời như BONAVENTURE DES PERIERS (1495 - 1544), làm sách *Cymbalum mundi* và sách « Truyện giải-trí » (*Nouvelles récréatives*), theo lối RABELAIS, pha những giọng hài-hước bông-lông với những lời thuyết-lý cao-viễn.

Về thế-kỷ thứ 16 thời sử-học có các nhà làm sách ký-sự (*mémoires*), cũng như đời trước có các nhà sử-ký. Còn sách sử đích-đáng thì vẫn làm bằng chữ la-tinh. Nhà sử-học trứ danh DE THOU soạn bộ « Sử hiện-thời », tốn mất nhiều công-phu lắm, cũng viết bằng chữ la-tinh.

Còn những nhà làm sách ký-sự thời trước hết có một bọn võ-tướng, như MONTLUC (1501-1577), LA NOUE (1531-1591), BRANTÔME (1540-1614). AGRIPPEA D'AUBIGNÉ người sau này cũng nổi danh về nghề thơ nữa), bấy nhiêu người cũng giống như vua HENRI thứ 4, đều là văn-võ kiêm-toàn, bút gươm đều giỏi cả ; rồi đến những tay (ngoại giao, tay thần-học, như DUPLESSIS MORNAY (1549-1623), thành danh là « Giáo-hoàng của phái đạo mới » (*le Pape des huguenots*), THÉODORE DE BÈZE, kế-nghiệp cho CALVIN, bác-sĩ PALMA CAYET (1525 1610). Bấy nhiêu nhà biên - chép

việc đương-thời, đều có thiên-vị về phương diện mình, hăng-hái bênh-vực cho sự tín-tưởng của mình và công-kích những sự tín-tưởng trái với mình.

Các hạng làm văn làm sách khác ; các nhà làm văn về chính-trị. — Muốn kể cho đủ thời phải kể tên cả những người sau này, vừa có tiếng về văn-học, vừa nổi danh về nhiều đường khác nữa :

Những bậc quan tư-pháp thông-minh chính-trực, như MICHEL DE L'HOSPITAL (1505-1573), ETIENNE PASQUIER (1529-1615), PITHOU (1539-1576), DU VAIR (1556-1621), ngoài giờ việc quan thường tập văn cổ, mỗi khi phải chống giữ cho nền nhân-đạo, cho nghĩa khoan-dung đối với những kẻ mê-tín cuồng-bạo, thời dùng tiếng quốc-âm cũng sành-sỏi lắm ;

Những nhà bác-học, hay sưu-tập toàn-tu những sách cổ, như HERRI ETIENNE (1531-1598), hay là DOLET (1509-1546), vì ham khảo-cứu mà phải đi đầy, phải tội chết ;

Những nhà mĩ-thuật, nhà thực-hành hay nhà lý-thuyết, như BERNARD PALISSY (1510-1598), AMBROISE PARÉ (1517-1590), OLIVIER DE SERRES (1539-1619), đem quốc-âm ra ứng-dụng cho mọi sự khoa-học, sự sinh-hoạt, cũng làm cho tiếng nước nhà được thêm mềm-mại ra.

Sau hết, đến hồi kết-cục các trận tôn-giáo, trận chính-trị về thế kỷ thứ 16, thời có xuất-hiện ra một bộ tùng-thư thuộc về thể văn công-kích, gọi là *Satyre Ménippée* (1593), của nhiều người cùng làm, nhưng không đề tên lại, sách này giúp cho ngôi vua HEVRI thứ 4 còn mạnh hơn là binh-lực nước Tây-ban-nha giúp cho đảng phản-đối (*La Ligue*), mà văn-chương thời chua-cay, thấm-thía, hoạt-bát, hùng-hồn, thật là một nền văn tiêu-biểu được rõ-rệt cái lòng ái-quốc và cái bụng công-bằng của người dân Pháp về đời bấy giờ.

(*Còn nữa*)

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

KHOA-HỌC TÙNG-ĐÀM

Nói về điện-tín

I

Điện-tín là đưa tin bằng điện, là mượn cái tốc-độ của điện-lực để dẫn cái tư-tưởng, cái ý muốn, cái tin-tức của người nọ đến cho người kia ở xa được biết trong một khoảng thì-giờ rất mau chóng. Giây thép, ống nói, vô-tuyến-điện, ích-lợi và tiện-dụng thế nào, chắc hẳn ai ai cũng đã biết cả rồi, không cần phải minh-chứng ra đây nữa ; chỉ biết rằng phàm cái gì có ích mà có ích trông thấy nhỡn-tiền như thế thời không nên bỏ qua mà không xét cái sở-dĩ-nhiên nó thế nào. Vậy trong bài này, sẽ xét qua cái lịch-sử của điện-tín và các máy điện-tín từ xưa đến nay chế-tạo ra làm sao ; song trước khi nói cái lịch-sử của điện-tín, thời hãy xin nói qua các cách thông-tin về cổ-đại, trung-cổ và cận-đại, lúc chưa có điện-tín.

Sử chép về đời thượng-cổ những dân-tộc văn-minh sớm nhất như dân Tàu, dân Hi-lạp, dân La-mã, dùng lửa để báo tin trong việc chiến-tranh. Như mỗi khi có việc binh-đao thời từ ngoài chiến-trường về đến kinh-đô, bao nhiêu đồn-trại lập ở trên các cao-nguyên, cách nhau một quãng xa, phải chứa sẵn

củi khô, dầu mỡ, nhựa cây, phòng khi có tin gì ở ngoài chiến-trường muốn báo về kinh-đô thời ở đồn nọ phải đốt làm hiệu báo cho đồn kia biết, rồi đồn kia lại báo cho đồn sau, như thế tin dần dần báo về đến kinh. Còn như đốt lửa thế nào là báo thua hay báo được, hay thế nào là cầu quân cứu, thế nào là xin lương thêm, thời các đồn - trại đã có dấu hiệu riêng với nhau. Như về đời Đông-Chu-liệt-quốc, vua Trụ bắt xây một cái đài cao để phòng khi trong nước có giặc cướp thời đốt lửa trên ấy để báo cho các nước chư-hầu chung quanh đem quân vào cứu. Về đời Tống Thái-bình-hưng-quốc, Tào Hãn đem quân đi đánh giặc thường hay dùng phân chó sói, gọi là « lang-yên » để đốt làm hiệu thông tin-tức cho các đội quân đóng các nơi, lại đốt để làm nghi-binh nữa. Nguyên phân chó sói lúc đem đốt thời bốc lên một ngọn khói rất cao, rất thẳng, gió thổi không tạt được ngọn, nên mới dùng về sự báo tin.

Trong bi-kịch *Agamemnon* của Eschyle nước Hi-lạp có tả cái cách báo tin về đời bấy giờ thế nào ; hoàng-hậu *Clytemnestre* mới hôm trước hôm sau mà đã biết tin thành *Troie* hạ được, cũng do ở các nơi đốt lửa báo tin dần về đến kinh-đô.

Ngày xưa người Tàu lại dùng cả chim nhạn và cá để đưa tin ; như trong *Kiều* có câu :

Tin nhạn vắng, lá thơ bời ;

trong truyện *Song-Phụng kỳ-duyên*, hồi Chiêu-Quân đi cống Hồ nửa đường gặp chim nhạn, viết thư gửi về cho vua Hán.

Còn như dùng cá để đưa tin thời chỉ biết ở trong truyện *Tiên-hiền* có người Cát-Nguyên mượn cá chép đưa thư cho Hà-Bá.

Còn về đời Đường thời dùng lụa để viết thư, viết xong tết hình con cá chép, rồi cho người mang đi gọi là « lý-thư ». Bởi thế cho nên bây giờ ta đọc tiểu-thuyết nào cũng thấy câu : « thư cá, tin nhạn. » Nói vậy chắc có người bảo « tin nhạn, thư cá » là những câu nói bóng-bẩy của các nhà văn-sĩ, nói thế để tô điểm câu văn, hay là ở những truyện thần-tiên nào bịa đặt ra dối trẻ con, chứ thực không làm gì có. Song cá thì chẳng biết đâu, chứ nhạn thì chắc có.

Người Âu-châu dùng chim bồ-câu (*pigeon voyageur*) để thông tin, như năm 1870 hồi Pháp-Đức-chiến-tranh, lúc nước Pháp đang cơn nguy-cấp, các nơi giây thép đứt hết, ông Gambetta làm thủ-tướng phải thả chim bồ-câu và khinh-khí-cầu để thông tin-tức cho các nơi phải đề-phòng cẩn-mật, thời khác chi người Tàu dùng chim nhạn gửi thư trong những truyện truyền-kỳ. Lại như các quan chủ tàu Âu-châu, những lúc ở mênh-mông giữa bể, gặp cơn gió bão nguy-hiểm, phải viết thư bỏ vào chai rượu rồi thả ra bể để cho trôi vào bờ báo tin tàu ấy tàu nọ đắm, thời khác chi người Cát-Nguyên mượn cá chép đưa lá thư vu-vơ cho Hà-Bá !

Tuy-nhiên cách thông-tin bằng chim bồ-câu, bằng chim nhạn, bằng chai lọ, bằng cá, không phải là cách thông-tin tiện - dụng và thông - dụng của người Tàu và người Tây ngày xưa, nhưng những lúc nguy-cấp, về đời các cách thông-tin khác hãy còn ấu trĩ, thời bất-đắc - dĩ phải dùng đó mà thôi. Đến như ngày nay có vô-tuyến - điện rồi mà thỉnh thoảng còn thấy chai với lọ trôi ở ngoài bể kia thời sao ? Bởi vậy cho nên dù chim, dù cá, dù chai lọ, dù người lại làm máy báo tin cho người, như lính trạm, như phu dịch, những cách thông-tin ấy tuy chưa được tiện bằng giây thép, máy nói ngày nay, nhưng cũng là cái bước đầu trong lịch-sử người ta thông-báo tin-tức cho nhau.

Nay trước khi nói riêng về điện-tín, hãy xin nói qua về một vài cái máy

báo tin rất giản-dị người Âu-châu chế ra trước khi chế được máy điện như bây giờ.

Về thế-kỷ thứ 17 người Đức tên là KIRCHER làm được một máy báo tin rất tài-tình. Người ấy dùng một cái gương soi với một cái gương để chiếu to. Gương soi để sau gương chiếu, hai cái cùng để dựng trên một cái giá gỗ. Nếu viết chữ hay vẽ vào cái gương soi, rồi để ra ngoài ánh sáng mặt trời thời cái gương đàng trước sẽ chiếu to cái chữ hay cái vẽ đi xa. Thí-dụ ở đàng xa chỗ tối hay trong buồng tối, dựng một cái « phông » thời thấy chữ chiếu vào rõ lắm, nhưng chiếu ngược. Đó tức cũng là gốc của sự chế-tạo ra máy ảnh nữa.

mạnh, để ở *Rome* có thể làm cho một cái kim để ở *Paris* quay được, thời dùng vào việc thông-tin rất tiện. Ý-kiến của ông hay thật, nhưng làm gì có thứ nam-châm kỳ-quái đó ! Ông nghĩ vậy, nhưng chắc ông cũng cho là sự mơ-tưởng, chứ không có ngờ đâu cái điều tưởng-vọng của ông, lại là cái mầm của điện-tín ngày nay.

Về thế-kỷ thứ 17, ông F. KESLER chế một cái máy rất giản-dị. Ông làm bằng một cái thùng để nằm, trong treo một cái đèn, sau đèn treo một cái gương phản-chiếu, trước mặt một đầu thùng ông làm một cái cửa sập kéo lên đậy xuống được. Muốn báo tin gì đi đâu thời một người chỉ phải đứng để kéo cửa ;

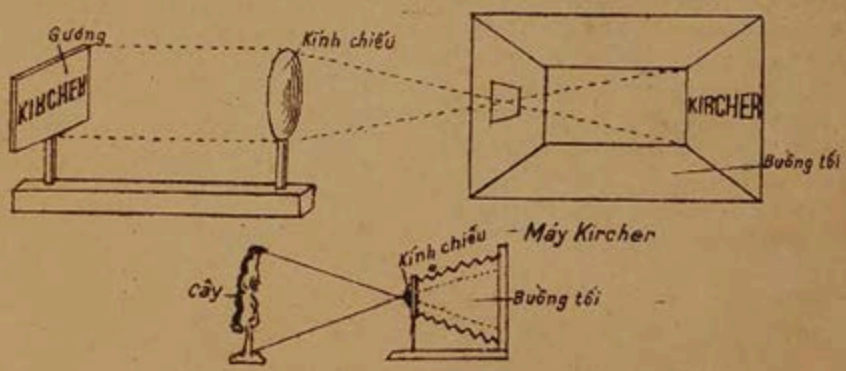

Năm 1626 ông LEURECHON xướng ra một cái thuyết cũng lạ. Ông nói vì có thứ đá nam - châm nào hấp-lực thật

thí-dụ muốn báo tin A thời kéo lên đậy xuống ba cái, tin B kéo lên đậy xuống hai cái, v. v.. Người nhận tin trông đèn lòe ra mấy bận là biết tin ấy hay tin nọ.

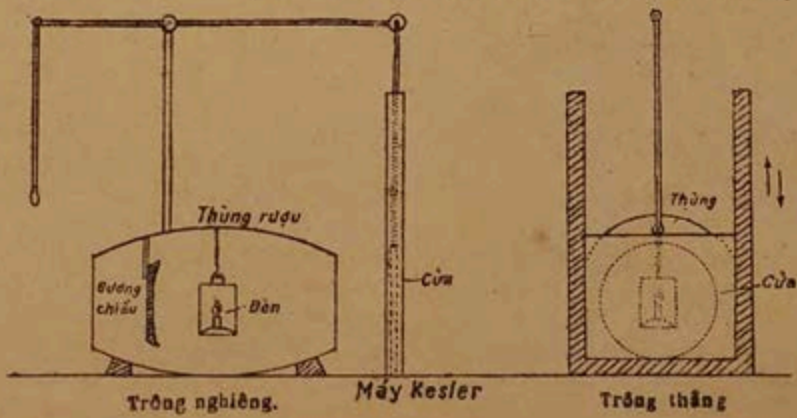

Năm 1793, ông CHAPPE là người Pháp chế được một cái máy báo tin cũng hơi tinh-xảo. Máy ông làm có ba bộ-phận chính: một bộ-phận gọi là cái cầu thăng-bằng (*régulateur*); hai bộ-phận nữa gọi là hai cái cánh chỉ dẫn (*indicateurs*). Cái cầu thăng-bằng là một tấm ván gỗ dài có chia song cách như cửa sổ, ở giữa có cắm chặt một cái trụ. Cái trụ xiên lồng qua trên đầu một cái cột đứng thẳng và cao 7, 8 thước, chôn sâu xuống dưới đất, đầu trụ bên kia có lắp chặt một cái bánh xe dòng-dọc, trong khe bánh xe có luồn một cái giây thừng, cái giây thừng ấy lại luồn vào một cái bánh xe dòng-dọc khác ở dưới chân cột. — Hai cái cánh chỉ-dẫn là hai tấm ván ngắn cũng chia song cách như tấm ván dài. Hai cái cánh ấy lắp vào hai đầu cái cầu thăng-bằng cũng một cách như cái cầu thăng-bằng lắp vào cái cột vừa nói trên kia, chỉ khác là cái trụ có bánh xe dòng dọc không cắm vào giữa cánh như cái trụ cắm ở cái cầu thăng-bằng, cái trụ cắm vào một đầu cánh. ở đầu cánh ấy nối một cái gọng sắt ở đầu có mang một quả cân để giữ cho cái cánh đứng thăng-bằng. Trông toàn-hình cái máy lúc đứng yên và lúc cử-động, khi đứng ngang khi nghiêng sang bên nọ, khi lệch sang bên kia, thời y như là cái cân khi đứng thăng bằng hay khi chao lệch vậy.

Muốn làm cử-động cái máy thời không khó: một người đứng ở dưới chân cột vặn quay bánh xe ở dưới, thời các bánh xe ở trên cũng quay, làm cho ba cái bộ-phận chính phải cử-động. Ba cái bộ-phận ấy đứng ngay, đứng ngang, đứng nghiêng-lệch thế nào là tùy ý người vặn máy sai khiến. Trong ba cái bộ-phận có cốt-tiết khớp với nhau như thế, người vặn máy muốn đổi ra hình gẫy ngả nghiêng thế nào cũng được. Muốn làm ra hình chữ Z nghiêng về bên tay phải thời phải vặn bánh xe cho giây kéo cánh nọ lộn xuống cánh kia chồng lên và nghiêng về hai chiều thời thành chữ Z nghiêng ngay. Thí-dụ chữ Z nghiêng như thế là cái dấu hiệu để báo tin gì, nếu người ở đàng xa đã thuộc cái dấu hiệu ấy là thế nào

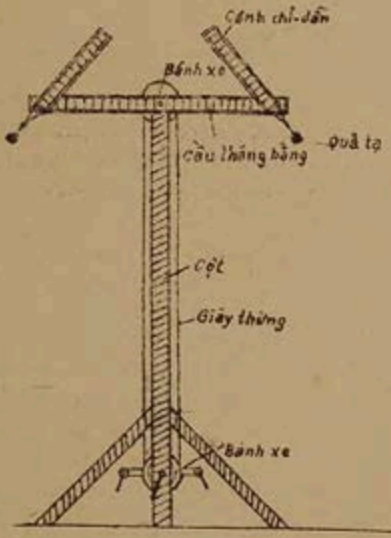

Máy Chappe trông thẳng

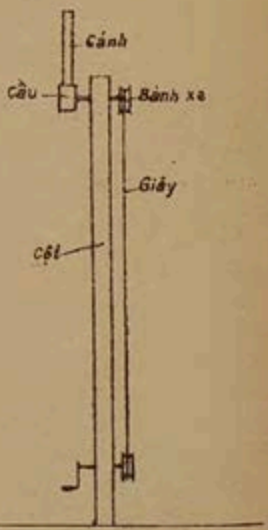

Trông nghiêng

rồi thì chỉ trông là biết ở đàng này báo tin gì lại. Ông CHAPPE làm được 196 cái dấu-hiệu khác nhau bằng cái máy ấy, kể thời làm được vô hạn, nhưng nhiều quá sợ lẫn. Ban đêm dùng máy này để báo tin cũng được vì ban đêm thời chỉ phải treo đèn vào hai cái cánh và cái cầu là đủ trông thấy. Nhưng hôm nào có sương mù thời đành phải chịu. Máy này ngày xưa thông-dụng lắm, thứ nhất về đời cách-mệnh và về đời vua Nã-phá-luân. Hôm mồng 1 tháng 9 năm 1794 ở các nơi báo tin về thành *Paris*, trông trên trời từ phía chỗ nào cũng thấy mấy cái ván gỗ phất-phới. Trong Quốc-gia-hội-nghị, ông CARNOT lên diễn-đài vừa đọc diễn-thuyết xong thời nhận được tin báo rằng: Tước CONDÉ đã đầu về đảng dân-chủ hồi 6 giờ sáng hôm nay. Nghe tin ấy cử-tọa vỗ tay rầm lên, các nghị-viên đứng cả dậy reo mừng.

Ông MONGE, ông BRÉGUET và ông BÉTANCOURT cũng chế được vài cái máy đưa tin, nhưng qui-thức cũng không khác gì cái máy vừa rồi, chỉ thay đổi một ít mà thôi.

Các máy điện không như các máy khác. Máy xe-lửa theo một cái nguyên-lý là nước đun sôi bốc ra hơi, hơi có sức nở mạnh đẩy các bộ-phận của máy làm cho bánh xe chuyển, thời máy chạy; xe hơi theo một cái nguyên-lý là hơi dầu « săng » dễ bắt lửa cháy nổ ra tiếng, sức nổ rất mạnh, nếu đem giam-hãm hơi dầu « săng » vào một cái thùng con rồi đốt thời sức nổ lại càng mạnh, thùng mà kín thời thùng phải vỡ. Vậy hơi dầu săng đốt cũng có sức đẩy rất mạnh, nếu ta cũng dùng cái sức ấy cho đẩy một cái máy có bánh xe thời xe phải chạy. Máy « mô-tô », máy tàu-bay, v.v., cũng theo cái nguyên-lý ấy, mà chế ra cả. Ai đã biết một cái nguyên-lý ấy rồi thì lúc tháo máy ra xem, dẫu máy nhiều bộ-phận đến đâu cũng hiểu được, tháo đến đâu hiểu đến đấy, càng tháo, có ý nhận càng thấy tinh-vi.

Máy điện thời không thế. Có cái máy điện trông rất đơn-sơ, rất ít bộ-phận, thế mà tháo ra không hiểu làm sao cả, chỉ thấy những giây đồng, lõi sắt, cái nọ quấn vào cái kia, cái cắm xuống đất, cái chồng lên trời, cái buộc vào đanh nọ, cái buộc vào đanh kia, một đống chai lọ nước, trong ngâm mấy cục chì, cục đồng, trông chẳng thấy cái gì có thể làm cho máy cử-động mà máy vẫn cử-động. Nào lửa ở đâu mà nước sôi, nào dầu « săng » ở đâu mà tiếng nổ đôm-đốp ? Lại đến như đèn máy, quạt máy, ống nói, vô tuyến-điện, bầu dầu đâu, bấc đâu mà đèn cháy ? Bánh xe, giây cót đâu mà cánh quạt quay vù vù ? Loa đâu, giây thép có rỗng ruột đâu mà lời nói dẫn đến tai mình ? Giây thép đâu mà tin đi đến nơi đến chốn ? Càng trông máy càng khó hiểu, càng ngẩn-ngơ, nghĩ vỡ óc cũng thế thôi ! Không được trông máy, không thấy sự ứng-dụng của máy thế nào, thấy nói thời có lẽ cho là sự hoang-đường.

Ta không dễ hiểu máy điện như các máy khác, là vì máy điện nhiều cái tuy có ít bộ-phận, nhưng mỗi cái bộ-phận là một bộ máy riêng, chế ra theo một cái nguyên-lý gì hay nhân có một cái đặc-tính gì của điện mà chế ra, nếu ta chưa học qua về *điện*, chưa biết điện có những đặc-tính gì thời ta không thể hiểu được. Vậy ta phải chịu khó giở sách cách-trí xem qua mục điện-khí một lượt ; trước khi xem đến mục đề « máy điện tín », ta hãy xem thiệp-liệp các mục nói về các đặc-tính của điện-khí và các thứ máy nhân có cái đặc-tính gì mà người ta chế ra, chế ra để làm gì, như thế sau này trông thấy các máy điện tín, không có cái gì làm cho ngợ nữa, các bộ phận của máy đã biết cả rồi, có thể tháo ra lắp vào, có thể làm lấy một cái chơi cũng được.

Tự đời thượng cổ đến thế-kỷ thứ 17 chưa ai biết điện là gì, chỉ biết nam-châm hút sắt, hổ-phách sát vào dạ thời hút các vật nhẹ. Tự năm 1600, mới phát-minh ra điện. Ông OTTO DE GUERICKE tìm được tia ánh sáng điện (*étincelle électrique*); Ông GREY phát-minh được các vật dẫn điện và các vật không dẫn điện, ông MUSS CHENBROCK chế ra « Súc điện-khí » (*condensateur, bouteille de Leyde*); ông RAMSDEN chế ra « máy tĩnh-điện » (*machine statique*), ông VOLTA chế ra « điện-trì » (*pile voltaïque*); ông AMPÈRE nghĩ ra máy «điện-từ» (*électro-aimant*), thuyết-minh ra các phương-pháp về «điện-lưu-học» (*lois de l'électro-dynamique*); ông ŒRSTED thuyết-minh ra các phương-pháp về «từ-điện-học» (*lois de l'électro-magnétisme*); ông FARADAY tìm được phép « điện-lưu-cảm-ứng» (*courant d'induction*), thuyết-minh ra các phương-pháp về điện-khí-phân-tích (*lois de l'electrolyse*), v. v..

Mấy điều sơ-lược về điện-học

Điện có hai tính: điện dương (*électricité positive*) và điện-âm (*électricité négative*).

Hai vật có điện cùng tính để gần nhau thời đẩy nhau (âm-điện đẩy âm điện, dương-điện đẩy dương-điện).

Hai vật có điện khác tính để gần nhau thì hút nhau (âm-điện hút dương-điện).

Thí-nghiệm. — Lấy một cái quản bút bằng nhựa xát mạnh vào một miếng dạ rồi dí gần quản bút vào một vật gì nhẹ như một mẩu gỗ xốp treo trên một cái cột, nếu quản bút hút mẩu gỗ thời quản bút với mẩu gỗ có điện khác tính nhau, nếu đẩy nhau thời là có điện cùng tính nhau.

Kiểm-điện-khí (électroscope) là một thứ máy để xét xem vật gì có điện hay không. Máy làm bằng một cái hòm sắt, một mặt có lắp mặt kính, trên nóc hòm giùi thủng một cái lỗ, đậy một cái nút bằng sáp, giữa nút xuyên qua một cái que sắt ở một đầu dán hai miếng vàng dập mỏng hơn giấy. Trông qua mặt kính ở cái hòm thời thấy hai miếng vàng treo ở đầu cái que lủng - lẳng như hai cái phướn treo gần nhau, còn một đầu thò ra ngoài hòm thời gắn một cục sắt tròn (máy này có thể làm lấy được. Nay đem dí quản bút nhựa ở đầu có điện vào cục sắt tròn thời thấy hai miếng vàng đẩy nhau (vì hai miếng vàng cùng một tính điện); hai miếng vàng ấy bị vách hòm hút (điện khác tính) thành ra đứng choãi không đứng sóng đôi như trước. Nếu ở đằng vân hậu cái hòm có để một cái thước chia phân-tấc, thời biết được hai miếng vàng ấy đứng cách nhau mấy phân, biết điện nhiều ít thế nào.

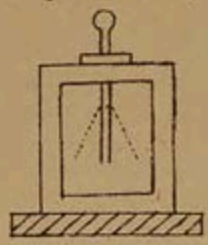

Kiểm-điện-khí

Các vật dẫn - điện và các vật không dẫn-điện. — Các loài kim dẫn-điện đi xa lắm, thứ nhất đồng; nước cũng dẫn-điện, nhưng nước lọc thật trong thời không. Các vật không dẫn-điện thời như gỗ khô, sáp, nhựa, hổ-phách, sừng, thủy-tinh, sứ.

Luồng điện. — Luồng điện có những đặc-tính gì — 1° Luồng điện chạy qua các vật dẫn điện (đồng, sắt, vân vân) làm cho các vật ấy nóng.

Thí-nghiệm. — Ngâm một cái giây đồng vào nước, rồi cho điện chạy qua, một lúc thấy thủy-ngân ở ống hàn-thử-biểu ngâm trong nước lên, thế là cái giây đồng đã nóng làm cho nước tăng nhiệt-độ lên; thí-dụ: giây trong bầu đèn cháy sáng rực.

2°/ Luồng điện chạy qua các chất hóa-học, phân-hóa các chất ấy. Thí-dụ: mạ vàng, mạ bạc, máy phát-

điện (*piles électriques*);

Thí-nghiệm : điện phân-hóa á-lưu-toan (*acide sulfurique*).

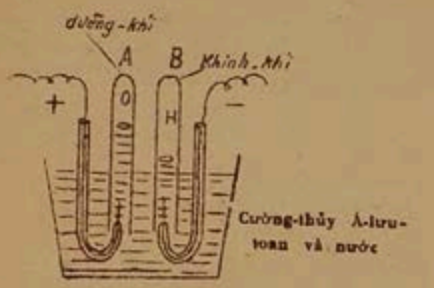

Á-lưu-toan phân ra làm hai : $SO^4 H^2 = SO^4 + H^2$.

H^2 (Khinh-khí) bốc lên trong lọ B, về bên âm-cực.

SO^4 phân ra vô-thủy lưu-toan SO^3 và dưỡng-khí O.

$$SO^4 = SO^3 + O$$

O (dưỡng-khí) bốc lên trong lọ A về bên dương-cực.

Còn SO^3 (vô-thủy lưu-toan) hợp với nước H^2O lại thành á-lưu-toan.

$SO^3 + H^2O = SO^4 H^2$ (á-lưu-toan)

3°/ Luồng-điện có đặc-tính nam-châm, xoay kim địa-bàn ; thí dụ : điện-lưu-biểu (*galvano mètre*).

Thí-nghiệm : Chăng trên địa-bàn một cái giây đồng (phải chăng giây đồng đi sông đôi với cái kim địa-bàn). Lúc phóng-điện vào giây thời thấy kim địa-bàn quay chia từ một góc vòng tròn, đứng bát chéo với giây ra hình chữ thập +.

Điện-trì (pile voltaïque). — Ông Volta phát-minh được điện-trì, ông lấy những miếng đồng và miếng kẽm cắt tròn như đồng su đem xếp chồng lên nhau thành một chồng cao. Cứ cách một miếng đồng để chồng lên một miếng kẽm thời ông lót một miếng dạ tẩm nước cường-thủy ; ông làm hai-mươi tầng vừa đồng vừa kẽm như thế, rồi ở miếng đồng tầng trên cùng và

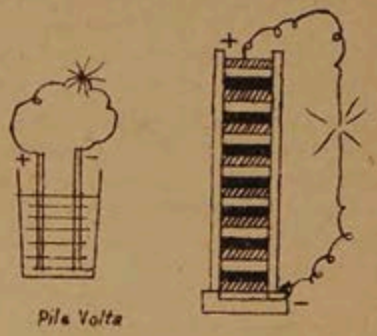

ở miếng kẽm tầng dưới cùng ông buộc vào mỗi miếng một cái giây đồng. Ông

để một lúc rồi cầm hai đầu giây còn thừa đi lại gần nhau thời thấy lòe lửa. Miếng đồng ở trên tức là dương-cực (*pôle positif*), miếng kẽm ở dưới là âm-cực (*pôle négatif*). Khi máy chuyển-động, thời máy hư : các bộ-phận máy mòn cả, kẽm với đồng mòn, còn cường-thủy hợp với đồng hóa ra chất khác (thuộc về hóa-học). Các bộ-phận máy có hư-hỏng thế thời mới có điện, cũng ví như có lấy sức (*énergie mécanique*) mà xát quản bút nhựa vào miếng dạ thời quản bút mới có điện. Cái máy này tức là cái nguồn điện (*source d'électricité*).

Từ khi ông Volta chế được cái máy phát-điện ấy thời các nhà bác-sĩ mới nhân đó chế ra các máy phát-điện tinh-xảo hơn. Ông Wollaston chế-biến máy của ông Volta ra hình khác. Ông

dùng một cái cốc đựng nước cường-thủy, trong ngâm một miếng đồng và một miếng kẽm. Máy này cũng chẳng khác gì máy vừa rồi, chỉ khác hình dạng mà thôi.

Sau ông DANIELL và ông BUNSEN lại chế ra máy phát-điện có hai cường-thủy (*piles à deux liquides*), nhưng máy này không hay dùng về điện tín, duy có máy của ông LECLANCHÉ hay thông-dụng nhất, tả ra sau đây :

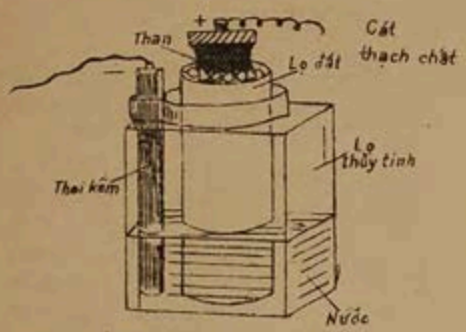

Pile Leclanché

Máy có ba bộ-phận : một cái lọ đựng nước hòa chất *chlorhydrate d'ammoniaque* ; một cái lọ bằng đất xốp thấm nước, trong để đựng một cục than dài quá miệng lọ, chung quanh miếng than có chèn chất cat-thạch (*bioxyde de manganèse*) tán thành cục nhỏ; một thoi kẽm chế lẫn với thủy-ngân (*zinc amalgamé*). Nay đem ngâm cái thoi kẽm và cái lọ đất vào cái lọ đựng chất *chlohydrate*, thời thành ra một cái máy phát-điện. Cục than là dương-cực, thoi kẽm là âm-cực Nếu ta nối hai đầu điện vào một cái chuông điện bằng hai cái giây đồng thời chuông kêu, thế tức là máy đã phát-điện ra làm cho chuông kêu.

Truyền nam-châm vào sắt bằng miếng sắt có nam-châm. — Một miếng sắt nam-châm hình chữ H hay hình chữ U có hai đầu : bắc và nam.

Nếu ta chặt một miếng sắt có nam-châm hình chữ H ra làm đôi thời ta được hai miếng sắt có nam-châm ; mỗi miếng cũng có một đầu nam, một đầu bắc. Thí-dụ ta có miếng sắt nam-châm N S, đầu bắc là N đầu nam là S, nếu ta chặt ra làm đôi thời ta được hai

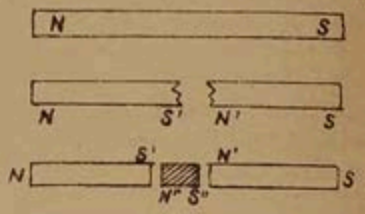

miếng nam-châm N S' và S N'; đầu nam S và đầu bắc N ở đâu vẫn ở đấy; còn đầu nam S' và đầu bắc N' là hai đầu mới sinh ra, nếu ta để xát đầu nam S' vào đầu bắc N', thời thấy hai đầu hút nhau (âm-dương hút nhau), nếu ta dí đầu bắc N vào đầu bắc N' thời thấy hai đầu nhả nhau (hai điện cùng tính đẩy nhau). Nếu ta muốn truyền nam-châm cho một miếng sắt không, thời ta để miếng sắt ấy vào giữa hai đầu S' và N' một lúc, ta sẽ được một miếng sắt N" S" có nam-châm. Miếng sắt ấy cũng có hai đầu nam và bắc.

Truyền nam châm vào sắt bằng điện. — Trên kia đã nói điện có đặc-tính nam-châm, vậy có thể dùng điện làm cho sắt hóa nam-châm được. Lấy một thoi sắt quấn chung quanh giây đồng bọc lụa rồi phóng điện chạy qua cuốn giây ấy, thời thấy hai đầu cái thoi sắt ấy cũng hút sắt như đá nam-châm.

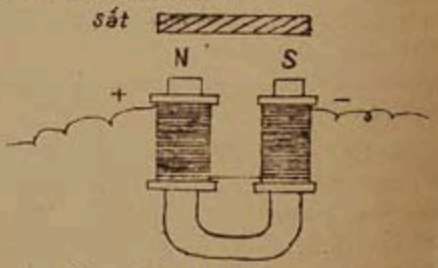

Máy « điện-từ » (*électro-aimant*)

Máy điện-từ (nam-châm, électro-aimant). — Máy này rất hay dùng về điện-tín, tả ra như sau này :

Máy có ba bộ-phận : một cái lõi sắt cong hình chữ U ; hai cuộn giây đồng bọc lụa cắm vào lõi sắt mỗi bên nét số chữ U một cuộn, giây thời quấn hết cuộn bên nọ quấn sang cuộn bên kia. Còn thừa hai đầu giây thời buộc vào máy phát-điện. Điện chạy qua giây làm cho lõi sắt hóa ra lõi sắt có nam-châm, miếng sắt khác để gần bị lõi sắt hút ngay và bám chặt vào đấy. Nếu tháo một đầu giây không buộc với máy phát điện nữa, thời lõi sắt nhả ngay miếng sắt kia ra. Thế là lúc điện chạy qua hai cuộn giây thời lõi sắt hóa ra nam-châm, lúc điện không chạy qua nữa lại là lõi sắt thường.

Điện lưu-biểu (galvanomètre). — Đã biết điện-lưu có đặc-tính nam-châm, vậy có thể lợi-dụng cái đặc-tính ấy làm một cái máy để đo sức điện (*intensité électrique*).

Điện-lưu-biểu (Nam-châm-động)

Máy làm bằng một cái ống giây bọc lụa, trong treo một cái kim nam-châm. Khi điện chạy qua ống giây thời kim nam-châm quay. Nếu ở cái giây treo cái kim, ta buộc một cái gương chiếu, rồi chiếu một ngọn đèn vào gương để gương phản-chiếu ánh sáng ra một cái thước để trước mặt, thời khi có điện chạy qua ống giây sẽ thấy một cái ánh sáng di-dịch ở trên cái thước (thế tức là cái gương quay, tức là cái kim quay đó).

Nếu một cuộn giây đứng yên như thế mà có thể làm cho cục sắt nam-châm (kim) treo lủng-lẳng phải quay, thời cục sắt nam-châm đứng yên cũng có thể làm một cuộn giây treo lủng-lẳng quay được. Vậy có thể mượn cái cớ đó mà làm một cái điện-lưu-biểu như sau này :

Lấy một cái sắt nam-châm hình chữ U, đem cắm dựng lên một cái ván gỗ ;

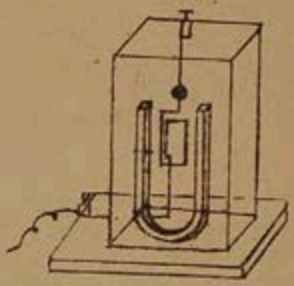

Điện lưu-biểu (cuốn giây đồng)

ở giữa chữ U treo một cái khung gỗ, chung quanh quấn ít giây đồng, một đầu giây dùng làm giây treo cái khung, buộc lên nóc một cái hòm bằng mặt kính úp ở ngoài, một đầu dùng làm cái giây để buộc kéo cái khung xuống ván gỗ cho cái khung khỏi bung-bêng, thế là cái khung treo lưng-lửng ở giữa hai đầu giây. Ở trên giây treo có buộc một cái gương chiếu. Khi phóng điện vào hai đầu giây quấn ở cái khung thời cái sắt nam-châm làm cho cái khung quay, vặn xoắn hai đầu giây lại mà bắt cái gương cũng quay theo. Có thể dùng ba bốn cái nam-châm cho máy được nhậy hơn, hay thay nam-châm bằng một lõi sắt cũng hình ấy, chung quanh bọc giây đồng, hai đầu nối với máy phát điện, nghĩa là bằng cái nam-châm nhân-tạo gọi là điện-từ (*électro-aimant*) cũng được.

Về điện-học có mấy điều cần phải biết. — Điện ví như một chất gì lỏng chảy được. Điện chạy trong giây đồng đặc cũng như nước chảy trong ống chì máy nước.

Điện - vị (potentiel électrique). — Lấy hai cốc nước, để một cốc trên bàn, còn một cốc để cao hơn, để lên một cục gỗ. Như vậy hai mặt nước ở hai cốc không ngang nhau (*différence de niveau*).

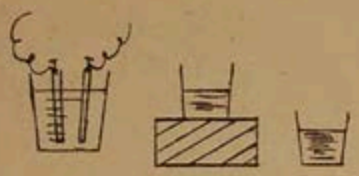

Nay đem máy phát-điện ra so với hai cốc nước kia. Cục than cũng ví như cốc để trên, thoi kẽm ví như cốc để dưới. Thế là điện-vị cục than cao hơn điện-vị thoi kẽm (*différence de potentiel*).

Nay nối cốc nước trên với cốc nước dưới bằng ống cao-su thì tất-nhiên nước ở cốc trên chảy xuống cốc dưới qua ống cao-su. Cốc trên để càng cao nước chảy càng mạnh.

Lại nối cục than với thoi kẽm bằng một cái giây đồng thời thấy chất hóa-học trong máy sôi lên (tức là có điện chạy qua giây đồng tự cục than xuống thoi kẽm.)

Kháng-điện-lực (résistance électrique). — Cường-độ (*intensité*) của điện phải theo mấy phương-pháp này:

1°/ Cường-độ thay đổi tùy theo điện-vị cao thấp.

Nước càng chảy trên cao xuống càng mạnh.

Dùng một cái máy phát-điện (*pile Leclanché*) để thắp một cái bóng đèn con thời không được sáng bằng dùng hai ba cái nối với nhau.

2°/ Cường-độ thay đổi tùy theo giây truyền-điện dài ngắn thế nào

Hai ống chì máy nước to bằng nhau, nhưng một ống dài, một ống ngắn. Nước cùng chảy một nơi cao xuống nơi thấp thì chảy trong ống ngắn vẫn mạnh hơn trong ống dài.

Điện cũng vậy, giây càng dài điện-lực càng kém đi.

3°/ Cường-độ thay đổi tùy theo giây truyền-điện to nhỏ.

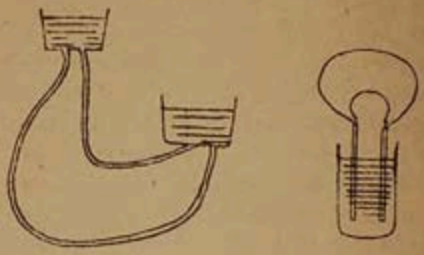

Hai ống chì dài bằng nhau, nhưng một ống to mình, một ống nhỏ mình. Nước cùng chảy ở một nơi xuống thời chảy trong ống to mình dễ và mạnh hơn trong ống nhỏ mình.

Điện cũng vậy, giây càng nhỏ bao nhiêu thời điện-lực càng kém đi bấy nhiêu.

4°/ Cường-độ thay đổi tùy theo thể-chất của giây truyền-điện.

Đây không có thể ví các thứ giây điện với các thứ ống dẫn nước được, vì nước chảy trong ống chì thời cũng như trong ống đồng hay ống sắt. Nhưng về điện-học thời không thế. Người ta đã

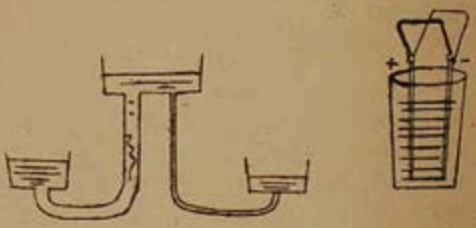

thí-nghiệm thời thấy mỗi loài kim dẫn điện một khác, như đồng dẫn điện nhạy hơn vàng, vàng hơn sắt, sắt hơn thủy-ngân, vân vân.

Song về dẫn-thủy-học mới đây có một việc cũng hơi buồn cười: Số là ở thành *Paris*, có một vài nơi, trong một

ít lâu bao nhiêu các vòi nước ở các nhà máy và các tư-gia tự-nhiên nước đang chảy mạnh mà hóa ra chảy yếu quá chừng, càng ngày lại càng thấy yếu. Xét ở nhà máy thời không thấy cái gì hư-hỏng, máy vẫn chạy điều-hòa, không ai hiểu duyên-cớ làm sao; các báo-chương nói rầm rầm, người bàn thế nọ, kẻ bàn thế kia, chẳng ai giải-quyết đích-xác được cái vấn-đề lạ-lùng ấy cả. Sau nhà máy thấy nhiều người kêu-ca quá, phải bắt phu đi cuốc đường đào nậy các ống nước lên xem làm sao; bổ ra thời thấy không biết cơ man nào là giun, bọ, lươn, cá và các giống vật nhỏ khác bò nhung-nhúc cả ở trong, sinh-sản rất nhiều và rất mau chóng, lại làm hang làm tổ la-liệt cả trong ruột ống, mỗi chỗ một ít, rác bẩn kết-cấu bám vào ống làm cho nước chảy không thông, những giống ấy lại không hay bò ra ngoài mà nước thời chảy yếu, không cuốn trôi được chúng nó ra, thành-thử nước hao mà chẳng ai hiểu căn-nguyên làm sao cả.

Xét ra nhà máy nước tốt bụng thực, mến khách quá, không những cho nước uống, lại nuôi cả lươn cá cho ăn!

Xem như thế thời cái tình-hình ở trong ruột ống chỉ cũng có quan-hệ với sự nước chảy lắm nhỉ!

Máy để kháng (rhéostat).—Bởi điện lực có một cái quan-hệ ở cái giây truyền-điện dài hay ngắn và to hay nhỏ, nên người ta mới chế ra máy để-kháng là một thứ máy dùng để thay đổi sức điện tùy theo ý mình.

Máy làm bằng một cái hộp gỗ, trong có nhiều cuộn giây đồng bọc lụa; giây nhỏ bằng sợi tóc, có giây nhỏ hơn; đầu giây ở cuộn nọ thời nối với đầu giây ở cuộn kia bằng những miếng đồng đóng trên nắp hộp bằng sừng, các cuộn giây đều đóng dưới nắp hộp.

Nay muốn không cho điện chạy qua một vài cuộn giây để cho sức điện thêm mạnh, thí-dụ không cho chạy qua cuộn 1, 3, 5 thời nối hai miếng đồng

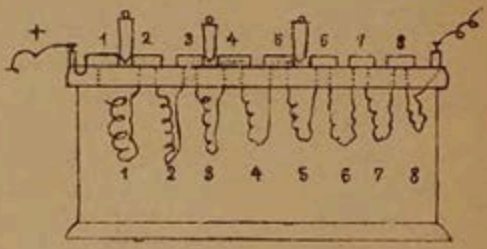

đứng gần nhau ở trên nắp hộp (hai miếng đồng ấy tức là hai miếng đồng nối hai đầu giây của hai ống giây đứng cạnh nhau) bằng một cái đanh đồng như là những cái đanh cắm ở các miếng đồng 1, 2, 3, 4, 5, 6.

Điện-lưu-cảm-ứng (courant d'induction). — *Thí-nghiệm*. Lấy một giây đồng bọc lụa quấn vào một cái ống, hai đầu giây buộc vào điện-lưu-biểu.

Nay lấy một thoi sắt có nam-châm để gần vào miệng ống, thời thấy cái gương ở điện-lưu biểu xoay, càng để gần thoi sắt vào miệng ống giây thời

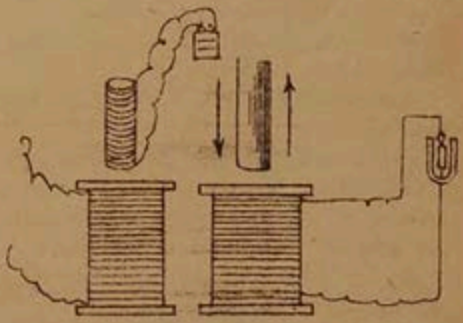

cái gương càng xoay, thứ nhất là ấn cái thoi sắt vào trong ống; nhưng đến khi thoi sắt ấn vào hết ống giây tới đáy thời cái gương lại quay trở lại như cũ

Nay lại rút dần dần cái thoi sắt ở trong ống giây ra thời thấy cái gương lại quay dần dần, nhưng quay khác chiều lúc nãy.

Thí-nghiệm như thế đủ biết rằng lúc ấn thoi sắt vào ống giây thời trong ống giây phát ra điện làm cho cái gương quay, lúc rút ra cũng vậy. Cái hiện-tượng kỳ-dị ấy gọi là điện-lưu-cảm-ứng. Ta có thể thay thoi sắt nam-châm bằng một ống giây đồng, hai đầu giây nối vào máy phát-điện.

(*Còn nữa*)

TRƯƠNG CAM KHUYẾN

TÂM-LÝ-HỌC (1)

Chương thứ V

Duy-tha hoặc vong-kỷ-khuynh-hướng

Người ta là một giống vật biết đoàn-thể, thích những sự vui chung, như cười vay, khóc mướn, tủi trộm, yêu thầm cùng kẻ khác. Cô-độc là một sự khổ-não nhất cho loài người, biệt-giam (*réclusion cellulaire*) là cực-hình của xã-hội. Người ta thích cùng cảm với kẻ đồng-loại, tính đó gọi là đồng-cảm-tính (*sympathie*).

Cái tính « vong-kỷ » này, cái tính « vì người » (*abnégation, altruisme*) này, có phải là tính-tình tự-nhiên của người ta không? Ông LA ROCHEFOUCAULT cho rằng bao nhiêu việc của người ta làm đều là việc vì mình hết thảy; bao nhiêu sự « vong-kỷ », bao nhiêu điều « bác-ái » đều là giả-dối hết; bao nhiêu cái « bề ngoài » nhân-đức, yêu giống, yêu nòi, đều là cái áo để che cái tính « vị-kỷ » ở trong. Xin lược kể vài câu cách-ngôn của ông để rõ cái thuyết vị-ngã của ông:

« Đức gặp lợi thì đức tan như nước sông vào bể. — Tình bằng-hữu rất thân-mật, tưởng không có chút nào là vị lợi, cũng chỉ là một cách buôn mà thôi. Đã buôn thì mong có lời. — Người đời mến công-lý chẳng qua cũng tại sợ hình-phạt. — Sự can-đảm chỉ là một cái nghề nguy-niểm để độ-thân. — Thương kẻ nghèo hèn chỉ là phòng-ngữ trước cái nghèo hèn cho mình. — Trong sự biết ơn có ẩn cái ý muốn lại được chịu ơn; v.v... »

Thật thế, nếu xét các việc gọi là « quên mình » ở cõi đời này, thì càng kể nhiều việc bao nhiêu, việc càng tốt bao nhiêu, thì thuyết ông LA ROCHEFOUCAULT lại càng nghiệm thấy đúng bấy nhiêu; không thể sao bẻ được những câu của ông nói; song xét cái « phương-pháp » của ông thì lầm.

Nay ví như một người xông vào đám cháy nhà, giữa ngọn lửa đỏ, trên đống than hồng mà cứu một đứa bé ra. Ông LA ROCHEFOUCAULD phán-đoán rằng: bụng người ấy nghĩ trước, tính trước, tưởng-tượng trước đến những lời khen của công-chúng đến sự cảm-ân của bố mẹ đứa trẻ, đến cái danh tiếng về sau là người dũng-cảm. Nhưng nên xét xem rằng lúc người kia nhảy xổ vào đống than đỏ, đám lửa hồng thì có

(1) Xem N.-P. 89, 90, 92, 95.

kịp tính trước toan sau thế không? Nhiều khi cũng không kịp tính-toan kỹ-lưỡng thế.

Hoặc giả nói: Người kia thấy đứa trẻ con sắp chết trong chỗ than lửa, bụng *không chịu được*, mà phải nhảy vào cứu để cho bụng mình mất cái *không chịu được* ấy; thế cũng là vị lợi cho mình, lợi rằng thoát khỏi nghĩ đến một điều khó chịu. Nhưng phải nghĩ đến rằng trông thấy người sắp chết mà không chịu được, không chịu được mà đến rằng hi-sinh đời mình đi, thì thật là một việc « vong-kỷ ». — Vả lại cứ nói rằng ở đời nhiều sự giả-dối: đạo-đức giả, nhân-nghĩa giả, bằng-hữu giả, khiêm-tốn giả. Nhưng cho được có sự giả thì sự thật cũng phải có lúc có chứ. Một xứ mà không có tiền thật thì làm gì có kẻ làm tiền giả?

Lại có một thuyết nữa nói rằng sự « vì người » không phải là thiên-tính của người ta. Thuyết ông LA ROCHE-FOUCAULD thì cho rằng bao nhiêu điều « vong-kỷ » đều là cái áo để che cái tính « vị-kỷ ». Thuyết mới này lại cho rằng có sự « vong-kỷ », nhưng nói rằng: từ cái thật là « vị-kỷ », đến cái thật là « vong-kỷ », từ cái giữ lại sự sinh-tồn đến cái hi-sinh tính-mệnh, có một chỗ giao-dịch (*Un passage psychologique entre l'absolue considération de soi seul et l'oubli absolu de soi, entre la conservation et le don de soi-même*)

Thuyết ông Spinoza (1) — Người ta thấy rằng việc gì làm cùng với xã-hội thì lợi hơn làm một mình, không có xã-hội thì người ta không sống được, cho nên mới yêu mến xã-hội. Thế là trước phải *vì mình* mà yêu xã-hội. Sau cái tính ấy quen thì trong tâm-hồn mới có sự « đổi cớ » (*substitution de motif*): trước còn yêu xã-hội vì xã-hội có lợi cho mình, sau thành ra vô-cố cũng yêu. Cũng như người keo-bẩn trước còn yêu tiền vì tiền dùng được nhiều việc, sau hóa yêu tiền vì tiền. Các nhà luân-lý về phái « thực-dụng » (*moralistes utilitaires*), các nhà triết-học về phái « tiến-hóa » (*évolutionnistes*) như ông JAMES MILL, STUART MILL, SPENCER, đều công-nhận thuyết ông SPINOZA là đúng.

Thật ra thì người ta có lòng « vị người » từ lúc sơ-sinh. Ai cũng đã xét rằng những việc như cười, ngáp, ho, gãi hay lây. Khi trông thấy người ta gãi cũng gãi theo, người ta cười cũng cười góp. Về tâm-hồn cũng thế, cũng vì cái sự lây đó mà xui nên thương người khác, chia vui cùng người, cảm cùng người, tức gọi là « đồng-cảm-tính » (*sympathie*) Trong các sự khuynh-hướng vong-kỷ thì có: đồng cảm-tính, mẫu-tử tính, thiên-tính hợp-quần.

Tính mẫu-tử ở động-vật có nhiều giống phát-hiện ra mạnh lắm, không thể sao gọi là « vì mình, » là giả dối được.

Ngoài tính mẫu tử, lại có thiên-tính hợp-quần (*instinct grégaire*). Vì cái thiên-tính đó mà nhiều giống vật đi từng đàn như: ong, kiến, chim, vân-vân... Vậy thì trong các xã-hội-khuynh-hướng có ba cái tiềm-lực nó đun dẩy: một là đồng cảm-tính, hai là mẫu-tử-tính, ba là thiên tính hợp quần. Ba mối tình ấy nẩy-nở ra nhiều mối tình khác, như tình gia tộc, tình bằng-hữu, tình phu-phụ, tình làng-xóm, tình ái-quốc, tình nhân-loại.

Tình gia-tộc. — Trong các xã-hội-khuynh hướng thì có tình gia-tộc mạnh nhất mà nẩy-nở sớm nhất. Không giây liên-lạc nào buộc người ta chặt bằng giây liên-lạc ấy. Giây ấy phải giữ cho khéo, vì đã đứt thì không còn giây nào

(1) Triết-học-gia Hà-lan (1632-1677.)

buộc lại được. Giây liên-lạc gia-đình là giây thép giây đồng. Thép đồng mà đứt thì thừng chão nào còn ?

«...Les autres ennemis n'ont que de courtes haines ;

« Mais, quand, de la nature on a brisé les chaînes,

« Cher Attale, il n'est rien qui puisse réunir

« Ceux que des nœuds si forts n'ont pas su retenir.

« L'on haît avec excès lorsqu'on haît un frère ...»

RACINE. (*La Thébaïde*)

Diễn nôm là : « Đối với kẻ thù khác thì lòng giận còn ngắn, dễ tan ; nhưng khi đã đem đứt đứt cái giây liên-lạc bền chặt thiên-nhiên đi rồi thì không còn gì nối lại được nữa. Khi anh em mà đã đến ghét nhau thì ghét cho đến điều.» (Trích trong kịch *La Thébaïde* của RACINE.)

Tình bằng-hữu. — Tình gia-tộc đẻ ra là có ngay, phát-hiện trước nhất trong tâm-lý người ta. Sau lớn lên, giao-tiếp với xã-hội, trong bọn người ở xã-hội, có kẻ ta ghét, có kẻ ta ưa. Ta chọn kẻ ta ưa để ta chơi ; bởi thế tình bằng-hữu gọi là « tình chọn » (*affection élective*). Người ta chơi với nhau một là vì tính-tình hợp nhau, hai là vì trái nhau. Cùng tính-tình thì mới đồng-cảm-tình gây nên tình bằng-hữu, trái thì dùng để cùng hòa-hợp tính-tình.

Tình ái-quốc. — Tình ái-quốc không phải là « tình chọn », vì không ai chọn được nước. Yêu nước trước hết là yêu mến cái phong-thổ sơn-xuyên chỗ mình chôn rau cắt rốn. Sau là đối với người cùng phong-thổ, cùng sơn-xuyên, cùng ngôn-ngữ, cùng phong-tục, cùng tính-chất, tất có chút tình tự-nhiên nó xui dạ mến-yêu. Mối đồng-cảm-tình với người đồng-bang hay sinh ra mối ác-cảm-tình đối với người dị-chủng. Đó là đại-khái cái tính-chất ái-quốc-tình lúc mới phôi-thai. Sau sẽ vì học-thức, vì lịch-duyệt mà mối cảm-tình ấy ngày càng đậm-đà thêm lên. Lấy văn-chương mĩ-thuật nước nhà thịnh làm vui, lấy cuộc lịch-sử hiển-hách nước nhà làm vẻ-vang. Một nước cũng như một người. Cá-nhân có bao nhiêu khuynh-hướng thì quốc-gia cũng có bấy nhiêu khuynh-hướng (xem lên trên, mục Duy-kỷ-khuynh-hướng).

Tình ái-quốc cũng theo hời mà thay đổi. Xưa kia, Triệu Vũ-vương là người Tàu sang dựng nước, mẹ gà con vịt, chắc đâu đã gây được quốc-hồn. Bởi thế cho nên nghìn năm đô-hộ, anh-hùng cứu-quốc không được mấy người. Sau Ngô-vương mở nước, Bạch đằng một trận máu rơi, dẹp tan quân Nam-Hán, nên tự-chủ bền chặt từ đây, quốc-hồn nhóm khởi từ đấy. Cho nên từ đó về sau, biết bao phen quốc-hồn bị tủi-nhục thì tuyết-hận được ngay.

Xưa kia, còn về thời-đại quân-chủ, chữ ái-quốc, chữ trung-quân là một. Trung-quân là ái-quốc, ái-quốc tất phải trung-quân. Vua là nước, nước là vua. Khi một nhà mất quyền, nhà khác dấy lên, hoặc thoán-thị mà lên, quốc-dân gọi là mất nước, nhưng có phải thực là mất nước đâu, chỉ là nhà vua mất quyền mà thôi. Khi nhà Trần bị nhà Hồ thoán-đoạt, quốc-dân cho là nước mất, gọi nhà Minh sang đánh nhà Hồ. Có biểu đâu rằng nhà Hồ thay nhà Trần chỉ là việc thay chủ, chứ nước chưa mất, gọi quân Minh sang mới thực là gây lên cái vạ mất nước. Ấy cái nghĩa quốc-gia và ái-quốc trước ta mập-mờ như thế đó.

Nhân-loại tương-ái. — Người ta, vì sẵn có mối đồng-cảm-tình (*sympathie*) nên đối với ai giống mình cũng có lòng thương xót. Thương xót kẻ khác vì kẻ ấy cũng là người như ta, có giận, có yêu, có đau, có khổ. Tình thương vay xót

mướn đó, không cứ đối với người đồng-tông, đồng-chủng mới có, mà đối với người nào cũng có; cũng mang chung cái tên «người» như ta thì ta thương xót. Vì như trông thấy một người bị đâm-chém, tất lòng có cảm-động (*émotion - choc*), người ấy bất-cứ là ta, là Tàu hay là Tây đen; người thủy-thủ thấy tàu đắm ngoài bể tất chạy ra cứu-vớt, mà trước khi cứu-vớt có hỏi rằng khách tàu là người Anh, người Mĩ hay người Nhật đâu, chỉ biết rằng có tàu đắm thì có người nguy, cùng là người mà nguy thì ra tay cứu-vớt.

Từ cổ chí kim, lòng nhân-loại bác-ái vẫn làm cho loài người thương yêu nhau mà quên lẫn sự tương-tàn, tương-hại. Các đạo-giáo giúp về sự đó được nhiều nhất.

Tối-cao-khuynh-hướng

Các duy-kỷ cùng xã-hội-khuynh-hướng đều là đối với người. Người ta, không những khuynh-hướng về người mà lại còn khuynh-hướng về các ý-tưởng, như tôn-giáo-tình, thẩm-mĩ-tình, đạo-đức-tình. Các cái khuynh-hướng đó, hoặc gọi là tối-cao-khuynh-hướng (*inclinations supérieures*), hoặc gọi là ý-tưởng-khuynh-hướng (*inclinations idéales*).

Trí ham biết. (Amour du vrai). — Trí ham biết hoặc gọi là trí-thức-quan (*sens scientifique*), là lòng mến trí-thức cầu chân-lý. Trí ham biết phát-đạt do sự ham điều mới lạ. Trẻ con gặp việc gì cũng hỏi: Tại làm sao? Ở đâu? vì đâu? Cái câu «tại làm sao» (*le pourquoi*) của nó là cái mầm-mống của trí ham biết. Trí ham biết của người lớn — người trí-thức — thì còn thâm-trầm hơn nữa. Ham chân-lý, lấy trí-tuệ mà xét các hiện-tượng, chiết-trung lấy lẽ phải, suy cái nhỏ đến cái to, đó là các sự động-tác của trí-thức-quan. Người ham chân-lý phải hi-sinh các khuynh-hướng vị kỷ, có khi quên nhọc mệt, quên tính-mệnh, vì muốn biết được chân-lý tất phải cự-tuyệt với những cái biết từ trước, với các điều thiên-kiến sai lầm, với các dư-luận của thế-gian. Bởi thế cho nên các nhà có tư-tưởng mới, lý-thuyết lạ, đương sinh-thời thường bị công-chúng chê-bai. Gàn, dở, ương, ngạnh, tự-đắc, tự-cao, thường thiên-hạ hay đem những cái tính xấu ấy mà buộc cho. Nhưng, ham mê lẽ phải, những điều nhỏ mọn đó có làm gì?...

Thẩm-mĩ-quan (Amour du beau ou sens esthétique (審美官). — Muốn xét thẩm-mĩ-tình một cách sâu-sắc, cần phải biết thẩm-mĩ-học (*Esthétique* = 審美學). Đây chỉ có thể nói đại-lược mà thôi. Đứa trẻ con thích trông các sắc sặc-sỡ, thích nghe tiếng kêu, thích nghe hát ru, đó là thẩm-mĩ-quan (*sens esthétique*) của nó lúc còn non-nớt. Nhờ có giáo-dục thì cái thẩm-mĩ-quan càng tinh ra. Ông Payot là một nhà giáo-dục nước Pháp có nói rằng: «Cái đẹp bao-bọc khắp chung-quanh ta, như không-khí bao-bọc ta. Nhưng mà cho được biết để ý đến các vật ta thường trông thấy hàng ngày, phải có giáo-dục riêng» (1).

Cành hoa, ngọn cỏ, khúc đàn, câu hát, sóng vỗ, nước dồn, thác reo, gió thổi... là những cái làm đẹp mắt, đẹp trí, đẹp tai ta cả. Muốn chia thẩm-mĩ-tình, trước hết phải chia các sự đẹp.

1o) Đẹp hình-thức (*Beauté formelle*). Đẹp hình-thức là sự làm cho êm tai vui mắt, như sắc các vật, thanh-âm, cảnh-trí của trời đất. Trong các cái đẹp

(1) Nguyên-văn là: «La beauté nous environne de toutes parts: elle est aussi commune autour de nous que l'air que nous respirons — malheureusement, il est une éducation spéciale pour être amené à prêter attention aux choses que nous voyons chaque jour.»

về hình-thức, cốt-yếu là sự điều-hòa (*harmonie*) Như sắc phải thanh-nhã, đừng lòe-loẹt : sự hòa-sắc (*mariage des couleurs*) là một sự khó cho con nhà vẽ. Có sắc đi với sắc này thì dễ coi mà đi với sắc khác thì chướng mắt. Âm-nhạc cũng thế.

2º) Đẹp tinh-thần (*Beauté expressive*). — Cái đẹp này không ở hình-dáng các vật mà ở cái ý ngụ ở trong. Như các việc đạo-đức, các việc thuộc về phong-tục.

Tóm lại mà nói thì người ta có sẵn cái trí thẩm-mĩ, song nếu có giáo-dục thì càng tinh thêm. Mắt không nên hay trông thấy cái xấu, tai không nên nghe tiếng tục-tằn. Những hạng thợ bạc, thợ rèn, tai chỉ quen nghe tiếng đe tiếng búa, mắt chỉ quen trông than nhọ tường đen, thẩm-mĩ-tình thường kém mà ăn nói to lớn tục-tằn ; tính-tình đại-khái cũng giống tiếng búa rọt đe kêu.

Đạo-đức-tình (Amour du bien). — Đạo-đức-tình, hoặc gọi là luân-lý-quan (*sens moral*) là cái tính yêu điều thiện, ghét điều ác, ưa lẽ thuận, ghét lẽ nghịch. Trong thời-kỳ ấu-trĩ, đạo-đức-tình mạnh nhất là hai mối công-lý và bình-quyền. Xem như trẻ con chơi với nhau, biết giữ điều-ước, đứa nào phạm vào thì bọn trẻ đuổi ra ngay. Rồi sau nhờ giáo-dục — giáo-dục dùng nghĩa rộng — mới rõ lẽ thị-phi, tà-chính, mới nhóm được cái thiên-lương. Người ta có khi vì yêu điều thiện, ghét điều ác mà bỏ cả tính-mệnh, nhân-duyên, tiền-tài, vui-thú.

Tôn-giáo-tình (Sentiment religieux). — Người ta là một vật yếu hèn nhất trong vũ-trụ. Trông thấy cái sức mạnh của vũ-trụ mà khiếp sợ, không hiểu rằng làm sao các vật lại có cái uy-quyền mạnh-mẽ lạ thế. Tất phải có một ông «thần» đứng nấp đàng sau các sự ghê-gớm ấy. Bởi sự khiếp-sợ đó nên mới sinh ra ông Thiên-lôi, bà La-sát, Thần Mưa, Thần Gió.

Ngoài sự khiếp-sợ, còn sự cảm-phục. Vì đâu mà mặt trời ấm-áp như kia ? Vì đâu lại có cây-cối ta dùng tiện-lợi như thế này ? Vì đâu mà ngọn lửa nấu chín đồ ăn ta ? mua làm cho lúa-mạ tốt-tươi, cho người ta mát-mẻ ? Chẳng phải là thần thì sao lại được như thế ?

Ngoài sự khiếp-sợ, sự cảm-phục, còn sự đau-đớn. Bể khổ mênh-mông, cõi đời là huyết-lệ. Những lời than vụng khóc thầm, những sự héo ruột mòn gan, cực lòng tăng chí, ai nghe cho, ai biết cho, ai yên-ủi cho ? Tất phải có một đứng Đại-từ, Đại-bi, Cứu-khổ, Cứu-nạn ở trên muôn loài để lau những giọt nước mắt đầm-đìa, để nghe những câu não-nùng ai oán của cõi đời trầm-luân khổ-hải này. Đấng tối-cao, tối-đại ấy, đối với nhà triết-học là vô-hình, đối với nhà tôn-giáo là Thích-già-mầu-ni, là Thượng-đế, là Thiên-chúa, là Gia-tô-cơ-đốc, là Trời cao Đất dầy.

Hồi thập-thất, thập-bát, thập-cửu thế-kỷ, các nhà triết-học xâm-phạm đến tôn-giáo, nhà thì bỏ hẳn lẽ thần-quyền, nhà thì tin rằng linh-hồn bất-tử, Thượng-đế tự-tại nhà thì chia hạn khoa-học với cái thế-giới «bất-khả-tri» (*l'inconnaissable*) bằng một cái « màng bí-hiểm » (*voile du mystère*). Nhưng dù sao chăng nữa thì trí người ta cũng không thấu được cái bí-hiểm về vũ-trụ. Vũ-trụ là gì ? Ai dựng nên vũ-trụ ? Ông VOLTAIRE có nói rằng : « Tôi không thể trông thấy cái đồng-hồ mà lại không nghĩ đến người thợ đồng-hồ » (*Je ne puis voir l'horloge sans penser à l'horloger.*) Vũ-trụ này tức là cái máy đồng-hồ mà Hóa-công là ông thợ đồng-hồ.

Tôn-giáo-tình có thể nâng cao nhân-phẩm con người lên, gạt bỏ được các sự khuynh-hướng vị-kỷ đê-hèn mà giắt người ta lên con đường tương thân, tương-ái.

Các sự ham-mê (*Les passions*)

Trong tình-tự thì cảm-động cảm-tình đứng một đầu, sự cuồng-dại đứng một đầu, sự ham-mê ở giữa. Thế thì ham-mê khác cảm-động cảm-tình (1) những gì ? Có khác nhau vì tính-chất (*nature*) không ? — Không, vì có cảm rồi mới có ham-mê, cảm là gốc sự ham-mê. Có khác nhau về hơn kém không (*différence de degré*) ? — Cũng không ; có sự cảm mạnh, có sự cảm yếu ; có sự ham-mê quá, có sự ham-mê vừa. Thế thì chỉ khác nhau vì lâu chóng (*différence de durée*). Cảm thì chóng tan, ham-mê thì còn mãi. Cảm-động cảm-tình tức là chỗ khởi-nguyên các sự ham-mê.

Đó là theo ý ông Ribot (triết-học-gia Pháp, mất năm 1916). Theo ý-kiến ông Kant thì cảm trái với ham-mê. Ai nhiều cảm-tình cảm-động thì ít sự ham-mê. Người nào đa-cảm là người bụng không có thống-hệ gì, gì cũng cảm được. Theo các nhà triết-học thế-kỷ 17 thì ham-mê tức là cảm-tình, cảm-động. Cảm-phục, yêu, ghét, muốn, vui, buồn, ông Descartes gọi là sáu điều ham-mê. Dùng chữ ham-mê như thế thì nghĩa hàm-hồ quá. Các nhà triết-học mỗi người một lẽ, lấy lẽ nào làm phải ? Nhà thì cho rằng sự ham-mê vụt chốc thành, nhanh như chớp ; nhà thì cho là một sự «kết-tinh» (*cristallisation*) của tình-tự ; nhà thì bảo sự ham-mê là sự ngẫu-nhiên mà thành, nhà thì cho rằng có thể lấy ý mà khiến ; nhà thì cho rằng sự ham-mê có ích cho việc tu-thân vì tình-tình có mục-đích, có thống-hệ ; nhà thì cho rằng hại, vì sự ham-mê làm cho tình-tự suy-nhược bại-liệt đi, không còn làm được gì nữa.

Trên ta đã nói rằng : ham-mê là tình-tự chung-đúc, lâu dài. Ham-mê làm cho đời tâm-lý người ta có mục-đích, có thống-hệ, có chủ-nghĩa, có tôn-chỉ, có kỷ-cương. Câu thích-nghĩa đó, dẫu ứng vào những sự ham-mê tục-tần cũng đúng mà ứng vào những sự ham-mê thanh-cao cũng vẫn đúng. Người ta mê cái gì thì cái ấy đối với người ta có một cái *giá* riêng, rồi bao nhiêu cái khác đều theo cái *giá* ấy mà *đổi giá* cả. Khi người ham mê cái gì là làm lại cái « giá-biểu » (*table des valeurs*, chữ của ông Nietzsche, tư-tưởng-gia nước Đức) của mình. Ví như kẻ ham chơi gái thì một cái ảnh gái có giá hơn một bài triết-học, bài triết-học không được ghi tên trên cái « giá-biểu » của người ấy mà cái ảnh kia có tên ghi.

Nay muốn xét các sự ham-mê, không thể xét cả các sự ham-mê vào một mục mà phải xét từng cái một. Song sự ham-mê nhiều lắm, mỗi cái khuynh-hướng có một cái ham-mê, lại không thể tỉ-mỉ mà xét từng cái một được, chỉ có thể xét một vài cái làm tiêu-biểu cho cả thôi.

1°/ Ham-mê đê-hạ. — Như sự ham uống rượu. Người uống rượu, trước uống để khỏi mệt, để tiêu-sầu. Lâu dần thành một thói quen, thành một bệnh. Trong sự tập-quán ấy, ý không để vào chút nào. Người nào mắc phải thì thân-thể suy-nhược, trí-tuệ suy-nhược.

2°/ Ham-mê thanh-cao — Như nhà bác-sĩ mê học, mê xét, mê tìm nguyên-lý sự-vật. Nhà bác-sĩ lúc đầu còn dốt, sau rồi mới nhờ sự cần-cù chăm-chỉ

---

(1) « Cảm-động » (感動) dịch chữ *émotion-choc* ; — « cảm-tình » (感情) dịch chữ *émotion-sentiment*. Gồm cả cảm-tình, cảm-động, chữ tây là *émotion*. Không lấy chữ gì mà dịch được. Chữ « tình tự » (情緒) thì đã dùng để dịch chữ *sensibilité*, chữ « cảm-giác » (感覺) thì đã dùng để dịch chữ *sensation*. Bởi thế nên lấy tạm một chữ « cảm » mà dịch, nếu muốn cho khỏi lầm lẫn thì phải kéo cả bốn chữ : cảm-động và cảm-tình.

mà thu được hết cả các điều sở-tri của thế-gian, tự cho mình được một cái học quán-xuyến, rộng-rãi, rồi mới đem ra mà tìm các cái khác để khám-phá các lẽ huyền-bí của vũ-trụ. Người mê học cũng bị cái học nó chiếm mất linh-hồn, nhưng linh-hồn không bị tê-liệt, nghĩa là cái mê đó nó chỉ không cho linh-hồn trí-tuệ đâm ngang rẽ ngửa, phải đuổi theo một khuynh-hướng, một tôn-chỉ, chứ không phải là làm cho linh-hồn mất hết sức khỏe để đuổi theo các khuynh-hướng khác.

Ham-mê trong tình-tự cũng như chú-ý trong trí-tuệ. Chú-ý có chú-ý tự-nhiên và chú-ý ý-nguyện, thì ham-mê cũng có « ham-mê tự-nhiên » (*passion spontanée*) và « ham-mê ý-nguyện » (*passion volontaire*).

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT *biên-dịch*

VĂN-UYỂN

1. — Lời khuyên học-trò trong bốn mùa

(điệu Tam ngũ thất) (1)

I

MÙA XUÂN

Gió rung cây,
Mưa tưới lá.
Chùm nở hoa;
Chùm kết quả.
Tiếng gì nghe rộn-rã?
Oanh học nói trên cành.
Hỡi những người niên-thiếu!
Đua-đuổi kịp ngày xanh.
Ngày xanh đua đuổi cố cùng nhau.
Một bước nọi lên một bước mau.
Tự-cổ bao giờ xuân trở lại,
Cập-thì liệu lấy kẻ mai sau.

II

MÙA HẠ

Ve kêu sầu;
Quốc khóc thầm.
Kể sao xiết,
Nỗi bi cảm!
Bi-cảm mặc dầu ai!
Việc ta ta miệt-mài.
Nghĩ xong làm lấy được,
Đừng để đến ngày mai.
Ngày mai ghê lắm, hỡi ai ôi!
Hễ gặp thì ra đã lỡ rồi.
Thực chẳng bao giờ ta gặp nó,
Ngày nay ta cố phấn lên thôi!

III

MÙA THU

Cỏ cây vàng,
Sương móc trắng;
Khí lạnh xông,
Trăng thâu vắng
Dế bên thềm rền-rĩ;
Lan trước cửa xôn-xao
Hỡi những người thiếu-niên!
Đối cảnh nghĩ lòng sao?
Nghĩ lòng sao nhỉ? bước đường xa.
Mấy chốc ngàn dâu bóng xế tà.
Lập chí rồi đây ta quyết-chí
Sau này đắc-chí họa may ra...

---

(1) Điệu này của soạn-giả mới sáng-nghĩ ra (D. T. C.)

IV

MÙA ĐÔNG

Cỏ hoa tàn,
Cây cối lác.
Thì-tiết thay,
Cảnh-vật khác.
Cảnh-vật khác xưa rồi;
Ta nào đứng vậy thôi!
Tiền-đồ trông thẳng bước;
Bước đến chốn đến nơi.
Đến nơi đến chốn kẻo hoài công!
Đông hết xuân sang mãi chẳng cùng.
Hoàn-cảnh đời người qua khó lại,
Ai ôi! ai có chạnh riêng lòng?

2. — Lời vợ khuyên chồng
(điệu hát)

I

RƯỢU CHÈ

Ma men ốp bóng tháng ngày; ngất-ngơ ngất-ngưởng bấy chày, anh chẳng có lo!

Nay gà, mai gỏi, ngày kia anh tái bò; của ngon vật lạ, cũng cố mò để anh xơi!

Anh ơi! uống ít vui chơi; đừng say chớ nghiện, nữa cái đời nó chẳng ra sao!

Sức anh mòn, trí anh quẫn, của anh hao; giống-nòi anh kém, ai nào còn trông được kia!

Đập chai quăng chén ngay đi!

II

TRAI GÁI

Hoa xuân chúm chím nụ cười; bả «hồng nhan» ấy, người đời dễ mắc lắm thay!

Mảnh gương tình mờ tỏ ai hay; nước kia muốn đổ mà thành nây cũng muốn nghiêng!

Anh ơi! những thú «xuân riêng», mây sầu mưa thảm, anh phải kiêng, kẻo khổ đến thân!

Gánh nặng giang-san em hết sức đỡ đần; yến-anh mang lấy nợ-nần, anh nghĩ đáng chăng?

Dơ tuồng cái thói gió trăng!

III

THUỐC XÁI

Ngủ gà ngáp vặt cơn lên; nào xe, nào lọ, nào đèn, bân-tinh rước ra.

Anh nằm tréo kheo, anh «cung thỉnh tam-tòa»; cửa nhà khánh-kiệt, thế mà anh vẫn thành-tâm!

Anh ơi! nghĩ lại kẻo lầm; vợ non đói rách, anh nỡ nằm anh hút cho đang!

Giọt lệ thương-tâm em chan-chứa đôi hàng; càng hơ càng nạo lại càng đau-đớn tuôn rơi!

Thuốc «cai» anh cố anh xơi!

IV

CỜ BẠC

Đêm qua gió bấc mưa phùn; ngọn đèn le-lói, em còn khêu để đợi anh!

Anh chẳng về, em thức nhấp suốt năm canh; con ma cờ bạc nó trêu anh thực đến điều!

Anh ơi! thua ít hay nhiều? Còn bộ mớ đó, em cũng liều, bán trả cho xong!

Rồi đây em xin anh đổi tính thay lòng; nghề nào nghiệp ấy, chớ hòng ăn của người ta!

Phải nên giữ giá con nhà!

3. — Nhắn người trẩy hội
(điệu hát)

I

Kia ai trẩy hội đền Hùng? Nhìn xem phong-cảnh, trong lòng ai có nghĩ sao?

Kia cây, kia đá, kia giếng thẳm non cao; kia lăng, kia miếu, trải từ bao đến giờ.

Hơn bốn nghìn năm đắp-đổi nắng-mưa; ấy mả Tổ, ấy nhà thờ dân-tộc chúng ta!

Đệ-niên mồng chín, mồng mười, mười một tháng ba, cùng nhau dâng lễ hương-hoa trước đền.

Nguồn gốc nhà ai ơi, chớ có bỏ quên!

II

Kìa ai trẩy hội chùa Hương ? Non Tiên, cảnh Bụt, dặm trường cách khơi.

Hương-hoa sắm-sửa đến nơi ; trước là lễ-bái sau chơi xem chùa.

Suối Giải-oan bốn mùa róc-rách ! quyết cùng nhau rửa sạch trần-tâm !

Nam-vô Phật-tổ Quan-âm ! xa nghe vẫn thấy lầm-dầm miệng ai.

Ai đã đem mình phát - nguyện Như-lai ; cố tu lấy phúc kẻo hoài mất công !

Núi Hương-sơn, ai ơi ! đứng lại mà trông !

III

Kìa ai trẩy hội đền Trần ? Hỏi xem còn nhớ công-ân đấng đại-anh-hùng !

Mới ngày nào quân Nguyên thị-thế hành-hung; vua Trần phải hai độ ly-cung ra cõi ngoài !

Khi bấy giờ tận-tâm báo-quốc là ai ? Cành vàng lá ngọc có ngài Hưng-Đạo đại-vương !

Quyết ra tay chống-chỏi buổi phân-nhương, lấy trung làm hiếu, mọi đường đều đã phân-minh !

Núi Dược-sơn muôn kiếp dấu uy-linh! Kìa ai xiên suốn xiên lình, ai biết hay không ?

Trăng đêm thu lấp-lánh bóng - hồng : từng mây hôm sớm trập-trùng, cao thấp xa bay !

Gió ào-ào đồ lộc rung cây ; sương sa lác-đác. sực rày nhớ lúc cất quân !

Sông Đằng-giang một giải trắng ngần : trời riêng hào-kiệt lấy phần gây dựng công-danh !

Hai bên bờ cây-cối ngút ngàn xanh ; hồn quân Nguyên có quẩn-quanh âu cũng gờm !

Khí thần thiêng chung đúc một thanh gươm ; đã nên công cả mà danh thơm nay vẫn truyền !

Ngày hai-mươi tháng tám đệ-niên, con công con bán yết đền dâng lễ hương-hoa.

Nào chữa bệnh, nào bắt ma ; kêu xin phù-hộ, kể đà có mấy mươi trăm.

Đấng anh-hùng sự - nghiệp đề nghìn năm ; phải nhân phúc-họa mới đem tâm khẩn-cầu !

Bấy nay, ai ơi ! « hữu Thánh qui đầu » ; nghĩ sao kỷ-niệm cùng nhau cho phải đường ! . . .

Hay chi mê-tín thói thường !

IV

Kìa ai trẩy hội phủ Giầy ? khăn chầu áo ngự sắm may tươm lắm rồi !

Sẵn chuông, sẵn trống ta thử hỏi ; đồng cô đồng cậu, ta mời chư-vị lên chơi!

Cái buổi bây giờ chán lắm, ai ôi ! cương-thường đảo ngược mà phong-hóa suy-đồi, chẳng những một đâu !

Cậy ai đem nông-nỗi phân tâu ; xem rằng « Đức mẹ » có âu - sầu, nặng rủ lòng thương !

Phù-hộ cho con cái thập - phương; trời chông đất cọc (1), biết tìm đường tránh lối đề đi ! . . .

4. — Bị cháy nhà

Chúc-dong thần hỡi ! độc tay sao?
Cửa nát nhà tan một cái thảo !
Ngập mắt chỉ còn trơ đất đỏ ;
Buốt lòng khôn nỗi hỏi trời cao !
Bạc đầu cha mẹ già-nua cả,
Đen vận anh em khổ-sở bao !
Ngây-ngán trước đèn ôm gối nghĩ,
Luống thương thân-thế buổi lao-đao!

5. — Đi ở nhờ

Nghĩ những như mình sá quản đâu !
Cám-thương cha mẹ dạ thêm sầu !
Cửa người nương-náu hay rằng tạm,
Nghiệp cũ gây-dựng dễ cũng lâu !
Quá nửa đời rồi mang lụy lớn,

(1) Dịch câu « *kinh-thiên cức-địa* » của Tàu.

Biết bao giờ nữa trả ơn sâu!
Xanh-xanh chứng rõ tình ta khổ,
Mưa bạc cho ta chóng được giàu!

6. — Về thăm chỗ ở cũ

Năm ngoái năm xưa ở chỗ này,
Năm nay chỗ khác ngậm-ngùi thay!
Khói tan tro lạnh đâu nhà cửa,
Nắng giãi mưa dầu mặc cỏ cây.
Vỡ tổ chim đàn kêu tứ-phía
Lạc đường kiến lũ chạy quanh đây.
Nghĩ mình đang chủ thành ra khách,
Phong-cảnh nhìn xem luống mặt ngây!

7. — Về ở quê nhà

Nay đây mai đó lắm phen rồi,
Phong-cảnh non quê trở lại thôi!
Cha mẹ anh em mừng mặt đủ,
Vợ chồng con cái nghĩ lòng vui.
Giang-hồ từng đã đường quen lối,
Chung-đỉnh ham chi miếng lạ mùi.
« Qui-khứ-lai hề! » vườn ruộng sắp...
Phía đông sông Nhị nghỉ: làm, chơi!

8. — Ngồi dạy học

Mười mấy năm trời giữ nghiệp nho,
Năm kinh bốn truyện một vai trò.
Gánh hàng chợ vẫn buông tay ế,
Nước gỡ cờ tàn bấm bụng lo!
Hán-tự nghêu-ngao câu *đã giả*,
Quốc-văn nghỉ-ngoáy chữ *a o*!
Đã không có phận làm quan « kiếc »,
Cái chức « anh đồ » tưởng cũng to!

9. — Tự an-ủy mình

Sờ đầu bấm đốt lẻ ba-mươi,
Trăm tuổi chia tư quá góc rồi!
Dưỡng-dục ơn sâu chưa chút trả,
Sinh-nhai nghề cũ chỉ phần lui.
Ngày vài bữa tẻ lên « ông » chóng,
Tháng mấy đồng lương lĩnh « vợ » thôi.
Thôi thế cũng xong mà cũng rảnh,
Cứ gì danh-lợi mới là vui!

10. — Đưa học-trò đi thi

Thi Sơ-học yếu-lược

Nghĩ cái thằng mình nghĩ cũng hay!
Cũng vai giáo-dục bấy lâu nay!
Học-hành theo đuổi đường đôi ngã,
Thi-cử trông mong chợ hết ngày.
Trường đỗ dáng-dênh cùng lũ trẻ,
Mây xanh ngấp-nghếu tự khoa này.
Khoa này chúng nếu ơn trên đỗ,
Hẳn đã lên côi đáng bực thầy!

11 — Mừng học trò thi đỗ

Vẫy-vùng bút sắt buổi tranh đua,
« Đỗ tháng tư » nay thực chính mùa!
Văn-tự đã đành nên giá trọng,
Thân-danh không phải mất tiền mua.
Phùng-thời như thế mừng khôn xiết,
Báo-đức sao đây nghĩ đến chưa?
Tốt-nghiệp lớp này lên lớp khác,
Bằng không cũng chớ phụ lòng xưa!

12 — An-ủy học-trò thi hỏng

Đường mây rộng mở hẹp gì đâu,
Thông-lọt lòng ai chẳng sở cầu.
Đi dẫu muốn vào nơi định đến,
Bước sao khỏi lỡ lúc ban đầu.
Văn-chương rèn lại cho thêm kỹ,
Sự-nghiệp làm nên sẽ được mau.
Có học, có thi, ta có chí,
Khoa này không đỗ, đợi khoa sau!

13. Tượng Hộ-pháp

Mặt to tai lớn đứng hoằm-hoằm,
Cứ bộ người coi thực oái-oăm!
Trừng-trợ khinh đời hai lỗ-đáo,
Nhung-nhăng doạ chúng một cô-quăm!
Nắm tay chực đấm ai nào sợ,
Phệ bụng hòng ăn rứa mới căm!
Cửa Phật từ-bi dành chẳng hẹp,
Chứa chi cái hạng thửa nhà nâm!...

14. — Chơi bến sông Bo (1)

Sông sâu dòng nước chảy phăng-phăng,
Bố-hải xưa đây có phải chăng?

---

(1) Bến này thuộc địa-phận làng Bồ-xuyên (làng Bo) tỉnh Thái-bình, tỉnh-lỵ đóng ngay ở trên bến, chếch về phía tây có họp chợ (chợ Bo), quá vào phía trong thì hai dẫy phố đông đọc hai bên. Truyền rằng: Bến này tức cửa Bố-hải ngày nọ, quan Sứ-quân Trần Lãm đã đóng đinh tại đó, trước trên bến có miếu thờ Sứ-quân, đến khi cắm tỉnh-lỵ mới rời vào trong đất làng Kỳ-bố cạnh tỉnh-lỵ —. Đ. T. C.

Dân-xã réo quanh nhà lồ-đồ,
Phố-phường đông dọc dẫy thăng-đăng.
Chợ phiên bác lái hàng « mây họp »,
Bến nước anh chài lưới mạng căng.
Nghe nói Sứ-quân còn có miếu,
Anh-hùng dấu cũ giãi vững trăng !

15. — Cù-hậu (1)

(Từ-điệu)

Gái Hàm-đan ;
Nòi Cù-thị.
Vốn tự-tình,
Cùng Thiếu-Quý.
Ai đưa chí-tử đến nơi đây ?
Gặp-gỡ xui nên cuộc nước mây.
Liễu ngõ hoa tường thân-phận thế,
Buồng tiêu một sớm nhót lên ngay !
Nhót lên ngay !
Chảnh-vảnh thay !
Hương lửa đang nồng chưa được mấy,
Cửu-trùng xe hạc phút cao bay !
Mành-mành buông,
Nghe việc chính.
Đường-đường ngôi Mẫu-hậu,
Cả nước phải vâng mệnh !
Cớ sao chẳng đoái đến giang-san ?
Cơ-nghiệp dường kia nỡ phá-tan !
Âu - yếm tình - lang khi tái - ngộ,
Ỡm-ờ ấu-chúa lúc đa-gian.
Quăng mâu mất dứt lòng Gia-lão,
Dâng biểu theo hùa bọn Hán-quan.
Thiên-cổ tiếng còn bêu-riếu mãi,
Ai hoài nước mắt khóc hồng-nhan !

Nhị-đông Đoàn Tinh-Canh.

---

1 — Khóc Kiều

Bạc-mệnh hồng-nhan tám vạn người,
Đoạn-trường sổ ấy có tên ai !
Phòng loan cung cấm đà bao thủa,
Mày trắng lầu xanh mấy độ rồi !
Bể thảm mông-mênh làn sóng gợn,
Sông Tiền man-mác cánh bèo trôi.
Chỉ vì chưa gặp người tri-kỷ,
Mà luống long-đong mãi với đời.

2. — Khóc bạn Nam-kỳ

Nợ nhà nợ nước trả chưa xong,
Đã vội lui chân chốn bụi hồng !
Thấy cảnh « sinh-ly » thêm ngán dạ,
Ngâm câu « tử-biệt » luống đau lòng,
Xưa kia Nam-Bắc cùng chung hội,
Nay đã âm-dương gián cách vòng,
Đất khách một mình thêm nhớ bạn,
Tìm trong thanh-khí có ai không ?

3. — Cảnh mưa dầm

Cái cảnh mưa dầm cảnh vắng teo,
Bởi chưng chật đất hóa nằm meo.
Nước-non mù-tít cơn mưa gió,
Ngòi-lạch mênh-mang nổi nước bèo.
Chẳng biết đợi thời hay lỡ bước,
Mà sao ngồi xó lại nằm queo.
Vũ-đài tranh-cạnh dương huyên-náo,
Thấy gã nằm queo lại chán phèo !

4. — Cảm-tác

Bể khổ gần vơi bỗng lại tràn,
Nực cười trẻ tạo khéo đa-đoan.
Bút lông bỗng chốc xoay giùi sắt,
Lỡ bước nào hay lại lạc đàn.
Tráng-sĩ đau lòng thân ỷ-lại,
Anh-hùng thẹn mặt cảnh vô-nhan.
Mặc dầu ai biết ai không biết,
Vầng nguyệt cao treo thấu ruột gan.

5. — Tiễn bạn

Bác đi bác có nhớ tôi không ?
Tôi bác đôi ta một chữ đồng.
Nhắp chén trà xuông ngồi ngất-ngưởng (2),
Quẩy đùm thơ láo nhảy lông-bông (3),
Mày râu vẫn dạn cùng non nước,

---

(1) Trích ở tập *Nhị-đông vinh Sử*.
(2-3) Người bạn tính thích trà thích thơ.

Thân thế cùng xoay với núi sông.
Nửa tháng rằng lâu lâu có mấy,
Trên bờ Ngưu-chử (1) đứng ta trông !

6. — Trò đời

Bối-rối lòng tơ luống vẩn-vương,
Nhân-tình thế-thái nghĩ thêm thương.
Đĩa hồng rúc-rích, ô ! đàn chuột,
Rừng quế treo-leo, nọ ! lũ Mường !
Thần-miếu hương-hoa hoàn xác gỗ,
Thân trâu ngày tháng luống nai xương.
Rạp tuồng rạp hát khen ai khéo,
Lễ-cách quan-dân nhặng phố-phường.

7. — Đề ảnh một người

Phải rằng nắng quáng với đèn lòa,
Mắt thấy càng thêm dạ xót-xa.
Khăn chít đã nên chàng bột-bẹt,
Xoàn (2) đeo nào khác ả trăng-hoa.
Giang-san rạng vẻ ô ô nhỉ ?
Thiên-hạ trông vào thế thế a ?
Có cùng không thiêng chi cùng nữa,
Ta về ta vái Bụt chùa ta !

8. — Họa thơ tống biệt của một người bạn Nam-kỳ

Nam-Bắc đôi phương một tấm lòng.
Cuộc đời muốn tính tính chưa xong.
Mông-mênh bể thẳm vơi rồi ngập,
Nghiêng-ngửa hộc sầu lắc lại đong.
Xót bạn dở-dang cùng cảnh-ngộ,
Thương mình lăn-lóc với non-sông.
Trời kia chẳng phụ người tâm-chí,
Hậu-hội rồi ra sẽ tái - phùng !

9. — Đất khách đêm nằm không ngủ.

Ngảnh mặt trông ra tối - tối mò,
Một mình đứng dựa lại nằm co.
Chiếu-chăn trong khách cơn say tỉnh,
Cờ-bạc nhà ai chuyện nhỏ to ?
Quặn khúc ruột tằm đau cánh-cánh,
Chán tai đờn muỗi gảy o-o.
Cái thân lữ-thứ riêng đôi đoạn,
Muôn dặm cô-phòng có biết cho ?

10. — Vịnh cảnh Thủ-dầu-một

Có cảnh nên mình phải có thơ,
Thủ-dầu-một cảnh cũng xinh ưa.
Sông dài một giải tuôn dòng cuộn,
Rừng rậm muôn trùng vẫn đứng trơ.
Phố-sá lao-xao chen vẻ mới,
Lâm-tuyền tịch-mịch điểm màu xưa.
Đến đây phút động lòng du-tử,
Nghĩ đến quê nhà lại ngẩn-ngơ !

11. — Tạ bạn cho áo

Tạ lòng nào biết lấy gì cân,
Thôi lại nóm-na gọ mấy vần.
Hồ-lạc (3) kệ đời khoe tốt vỏ,
Tệ-bào (3) riêng tớ biết cho thân.
Tháng-năm vải nát ân còn đề
Non-nước người xa của vẫn gần.
Áo rách, ồ hay ! mà được bạn (4),
Cho hay nghĩa-khí trọng muôn phần.

12. — Lụt nước mưa.

I

Càng trông thấy nước lại càng lo,
Lo đấy nhưng mà vẫn chịu tho.
Mùa lụt chiêm khô trời hậu-đãi,
Nước trong đồng trắng khách nằm co,
Chân bùn tay lấm đàn con đỏ,
Kiếm quần ăn quanh mấy bác đò.
Cơ-nghiệp đã về tay trái-chủ,
Khất-lân mà cũng chẳng ai cho

II

Nước còn lên mãi, mãi chưa thôi,
Giận nỗi đua tranh kém cụ trời.
Bồ giốc luống thương thân chuột nhắt,
Đất bằng bỗng nổi trận phong-lôi.
Mấy đồng bạc mạ còn mang nợ,
Vài mảnh chân mùa nước chảy trôi.
Nhân-thế bất-bình nghe cũng lắm,
Hưng-sư vấn-tội dễ mà ai ?..

---

(1) Lưu-chử là chỗ cùng bạn ngụ.
(2) Ngọc thủy-xoàn.
(3) Đức Khổng-tử nói : một người mặc áo cầm-bào rách (áo xấu) đứng với một người mặc áo Hồ lạc (áo tốt) mà không xấu hổ, chỉ có trò Do (ông Tử-lộ) được thế thôi !
(4) Tục-ngữ có câu : áo rách mất bạn.

13 — Trả lời bạn khi viết báo Nam-kỳ

Tiếp đặng thư anh khó trả lời,
Những là rắc-rối với lôi-thôi !
Nuốt đi thì sợ lòng đau tức,
Ngửi đến càng thêm mũi ngạt hơi.
Cảnh-tỉnh chuông vang nhiều kẻ ghét,
Cải-lương giọng hát lắm anh vui.
Biết đâu viết báo mà sinh « báo » !
Xin bạn đồng-văn chớ khả cười !

14. — Nhân trời

I

Ai lên thượng-giới gửi đôi lời,
Rằng ở trần-gian mới nầy tôi.
Việc cứ hỏng hoài, xoay đất nữa,
Vận còn tùng mãi, bán trời chơi.
Lòng son cố giữ cho tròn đạo,
Tóc bạc mà sao chửa gặp thời.
Tài-trí có bao ông cũng ghét,
Ngăn này đón nọ rõ hoài hơi.

II

Hoài hơi trả mãi nợ phong-trần,
Trung-hiếu dồn vào một tấm thân.
Mới lỏ đầu ra hai mốt tuổi,
Đã kề vai gánh nặng muôn phần.
Thằng tôi có phải tuồng vô-giác,
Con Tạo đành sao ở bất-nhân ?
Ông đuổi chỗ này đi chỗ khác,
Hỏa-tinh nghe nói dễ làm ăn !

15. — Tiễn bạn

I

Ngắm tranh « ly-biệt » luống đau lòng,
Ai vẽ cho nên, hỡi Hóa-công ?
Vừa kết giải đồng duyên hội-ngộ,
Đã đành xẻ nửa gánh non-sông.
Tiết lành có lẽ hồng giương cánh,
Mưa thuận rồi ra phượng đổi lông.
Chén rượu phân-kỳ khôn nhắp giọng,
Nước-non hò-hẹn ước trùng-phùng.

II

Kẻ đi người ở dễ mần ngơ,
Này chữ « sinh-ly » đã thảm chưa ?
Một bước phân-kỳ đau một bước,
Câu thơ chi-biệt nặng vì thơ.
Nước-non chẳng lẽ long-đong mãi,
Vận-mệnh sao đành khốn-bĩ ư !
Lưu-lạc ngàn mình thân bốn biển,
Thấy người thêm lại động lòng tơ.

16. — Tự-trào

Nghe nói nhà Nam có một anh,
Tuổi chừng đôi chín độ xuân-xanh.
Nợ-nần chất đống dân cùng nước,
Chữ-nghĩa ba câu học với hành.
Ý hẳn ông cao còn bỡn-cợt,
Hóa nên thân hẳn hãy loanh-quanh.
Dầu ai bình-phẩm chi-chi nữa,
Hẳn vẫn bưng mồm ngảnh mặt thinh.

II

Thế cũng mày râu cũng giống nòi,
Vô-hình bộ mày tựa trai hoi.
Võ so Hoa (1) Nã (2) đi dàng đất,
Văn nói Lư (3) Phông (4) lạnh ngắt người.
Bảo gọi quốc hồn còn hỏi vợ,
Giục khai dân-trí chửa quen đời.
Rồng-tiên ví phỏng như mình cả,
Tranh-cạnh vũ-đài biết lấy ai ?

17 — Buồn

Quái lạ làm sao tớ chỉ buồn,
Ma buồn âu-yếm tớ luôn luôn.
Buồn trông sư-tử lim-rim ngủ,
Buồn ngó chim lồng cúi-cúi luồn.
Buồn trốc tòa sen ông tượng gỗ,
Buồn ngoài thành-thị lũ con buôn.
Ta buồn ai kẻ buồn chung nhỉ ?
Chỉ thấy vui mừng kề mấy muôn.

18. — Cảm-tác

Cái kiếp phù-sinh kiếp đã đành,
Nổi chìm chi quản nổi lênh-đênh !
Ở nhà, nhà cháy, nhà trơ bụi,
Chơi bạn, bạn tàn, bạn cũng kinh.
Làng báo có mình, làng báo-hại,
Hội buôn góp mặt, hội tan-tành.
Bực mình những tính mài gươm sắc,
Quyết bắc thang mà hỏi lão xanh !

Nam-kiều TRẦN HUY-LIỆU

---

(1) Hoa-thịnh-Đốn. (2) Nã-phá luân (3) Lư-Thoa (4) La Fontaine

THỜI-ĐÀM

Việc Thế-giới

Đông-phương với Tây-phương. — Tình-hình nước Pháp trong tháng vừa qua vẫn y như cũ, không thay-đổi gì, không xảy ra việc gì mới lạ. Trong nước thời vẫn vấn-đề tài-chính đương quẫn-bách, Chính-phủ mới mở một cuộc công-thải bằng tiền vàng, chưa biết kết-quả thế nào ; ở ngoài thời đối với nước Anh nước Mĩ, vấn-đề « nợ Đồng-minh » vẫn chưa giải-quyết xong, đối với Anh hiện đương thương-thuyết, đối với Mĩ thời sẽ sai một phái bộ sang điều-đình nay mai, phái-bộ này nghe đâu chính ông Tài-chính CAILLAUX sẽ đứng đầu ; còn việc chiến-tranh ở Ma-lạc-kha thời vẫn không tiến chút nào, hiện nay Chính-phủ phải đặc-phái hẳn một bậc thượng-tướng đã nổi danh trong hồi đại-chiến-tranh năm trước là thống-chế PÉTAIN để tổng-thống quân-vụ.

Vậy thời về việc thời-chính ở nước Pháp cũng không có điều gì lạ, cần phải thuật lại. Kỳ này xin nói về một cái phong-trào dư-luận đã khởi lên ở nước Pháp mấy lâu nay, hiện đương thịnh-hành : dư-luận ấy là dư-luận về hai cái văn-hóa Đông-phương và Tây-phương so-sánh nhau thế nào. Nguyên từ sau cuộc đại-chiến-tranh năm trước, các bậc tri-thức ở Âu-châu có người đối với cái văn-hóa Âu-tây lấy làm hoài-nghi, tự nghĩ rằng văn-hóa mà kết-cục chỉ đến sát-lục nhau ghê-gớm như thế thời cái văn-hóa ấy có lẽ sai-lầm, không đáng tôn-trọng như trước nữa, bèn quay về nghiên-cứu văn-hóa Đông-phương, thấy nhiều điều thâm-trầm cao-thượng lấy làm cảm-phục lắm, kết-luận rằng văn-hóa Đông-phương còn hay hơn văn-hóa Tây-phương, và Tây-phương phải nên bắt chước để mà cải-lương xã-hội, cải-tạo tinh-thần. Cái tư-trào ấy thịnh nhất ở nước Đức, có một người tên là Bá-tước KATERLING lập hẳn lên một học-phái nghiên-cứu và chủ-trương về đạo Phật cùng các học-thuyết của Ấn-độ. Ở nước Pháp cũng có nhiều các nhà bác-học làm sách về Đông-phương, muốn giới-thiệu cho người trong nước biết các học-thuật tư-tưởng của Chi-na cùng Ấn độ. Phàm hễ có một cái tư-trào khởi lên thịnh-hành, thời lại có cái tư-trào khác phản lại. Như ở Pháp có phái ROMAIN ROLLAND chủ-trương về văn-hóa Đông-phương, thời lại có phái HENRI MASSIS duy-trì cho văn-hóa Tây-phương, phái nọ phái kia thảo-luận với nhau, dẫu không đến kịch-liệt gì, vì là chuyện cao-thượng và là những tay yêm-bác cả, nhưng rất là có hứng-thú, khám-phá ra được nhiều điều nghĩa-lý hay, bày tỏ ra được nhiều các phương-diện lạ. Gần đây, có một cái tạp-chí ở *Paris* tên là *Les Cahiers du mois* (Nguyệt-cảo) xướng mở ra một cuộc điều-tra về vấn-đề Đông-phương và Tây-phương, hỏi ý-kiến các bậc văn-học, triết-học, bác-học trong nước, nhiều người trả lời và nhiều bài trả lời cũng lý-thú lắm, sau có biên-tập thành sách để là « Tiếng gọi của Đông-phương » (*Les appels de l'Orient*). (1)

(1) *Les appels de l'Orient*, par FRANÇOIS et ANDRÉ BERGE. (Emile PAUL, éditeur, Paris.)

Cuộc điều-tra này chủ-ý hỏi về năm khoản, xin lược-dịch như sau : « 1º- Theo ý ngài, Tây-phương với Đông-phương có phải là tuyệt-nhiên không am hiểu nhau được không ; có phải là theo như lời văn-hào MAETERLINCK, trong óc người ta có một khu đông một khu tây, hai bên vẫn tương phản nhau không ? — 2º- Chúng ta là người Tây-phương, vì có thể am hiểu được Đông-phương, thời phải dùng những cơ quan nào (của Đức, của Nga hay của Á-châu) để cho cái văn-hóa Đông-phương thâu nhập và ảnh-hưởng sâu vào nước Pháp được ? — 3º- Theo ý ngài có nghĩ như ông HENRI MASSIS rằng sự ảnh-hưởng của Đông-phương có hại cho tư-tưởng mĩ-thuật nước Pháp, và cần phải bài-trừ công-kích đi ; hay là ngài cho rằng cái văn-hóa Địa-trung-hải (Hi-lạp La-mã) đã đến ngày giải-tán, ta nay cần phải « tri-giác Đông phương » («*connaissance de l'Est*») (1) để nhờ đó mà cải-tạo tăng-bổ cho văn-hóa cùng tính-tình của ta ? — 4º- Theo ý ngài, sự ảnh-hưởng của Đông-phương thuộc về phương-diện nào — văn-học, triết-học, mĩ-thuật — có thể kết-quả được tốt-đẹp hơn nhất ? — 5º- Theo ý ngài, trong văn-hóa của Tây-phương, có những gì là cái chân-giá-trị làm cho văn-hóa ấy hơn văn hóa Đông-phương, hay là những cái gì là cái giá-trị giả làm cho văn-hóa ấy thấp kém ? ». — Mấy câu hỏi ấy gửi cho nhiều các nhà văn-học, bác-học có tiếng, mỗi người trả lời một cách, ý-kiến phân-vân. Có người thời tỏ ý chán cái văn-hóa Tây-phương lắm, như cô ALICE BARTHOU, là một tay nữ-sĩ cũng có tiếng, con gái ông nguyên-thủ-tướng LOUIS BARTHOU. Cô nói rằng : « Tôi chỉ xin trả lời một câu giản-dị rằng : Tôi không ghét gì bằng ghét Tây-phương. Tây-phương đối với tôi là sương-mù, là gió lạnh, là cái không-khí thảm-đạm u-ám, là cái khoa-học khốc-hại giết người, là máy-móc ghê-gớm, là xưởng thợ lầm-than, là ồn-ào, rộn-rịp, xô-đẩy, xấu-xa. Là cái chủ-nghĩa vật-chất, là cái chủ-nghĩa duy-lợi, là sự xuần-động hão-huyền, là sự quay-cuồng vô-ích, v. v. ; còn lắm cái xấu nữa, không kể sao cho xiết. Còn Đông-phương thời là bình-tĩnh, yên-ổn, sáng-sủa, đẹp-đẽ ; là mầu-nhiệm phong-thú, là êm-ái dịu-dàng, là mơ màng khoái-lạc ; nói tóm lại là trái hẳn với cái văn-minh thô-bỉ đáng ghét kia. Ai muốn bảo tôi là người tư-tưởng cũ kỹ, hủ-lậu mặc lòng. Nếu tôi có quyền tự-do thời tôi bắt xây một cái vạn-lý-trường-thành để ngăn cách Đông-phương với Tây-phương, để Tây-phương khỏi làm hại Đông-phương. Tôi truyền chém cổ hết cả những quân di lỗ, rồi chỗ nào là chỗ không có người Âu-Tây nữa, tôi sẽ đến ở đấy. Ấy ý-kiến tôi như thế. » — Lại có người thời cho cái văn-hóa Đông-phương ngày nay đã tàn rồi, không còn gì đủ làm gương làm mẫu cho Tây-phương nữa, mà chính người Đông-phương ngày nay cũng không còn đắm-thắm được cái văn-hóa cũ của mình nữa, đều theo đòi bắt chước Âu-Tây cả. Như ông bác sĩ HENRI MASPÉRO, dạy khoa văn-tự Trung-hoa ở « Pháp-quốc Học-viện » (*Collège de France*) nói rằng : « Các ngài nói Đông-phương với Tây-phương, hai tiếng Đông Tây, tôi xem ra mơ-hồ lắm. Trong tiếng Đông-phương mà bao-hàm cả các nước Hồi-giáo Ấn-độ cùng Trung-hoa, đối với Tây-phương, thì chẳng là quá-lạm dư ? Đứng về phương-diện Á-đông mà xét về các nước Hồi-giáo, đã chịu ảnh-hưởng của Hi-lạp sâu, thời các nước ấy coi như một bộ-thuộc của

(1) *Le Connaissance de l'Est*, là tên một quyển sách của PAUL CLAUDEL, nói về Đông phương.

Tây-phương, chứ không phải của Đông-phương. Lại ngay ở Đông-phương, về đường tinh-thần tri-thức, Ấn-độ với Trung-hoa thật không có một tí gì giống nhau, văn-chương Trung-hoa với văn-chương Ấn-độ lại phản trái nhau hẳn. Cái Đông-phương đó, tùy tính-chất mỗi người, kẻ thì mến, kẻ thì sợ cái ảnh-hưởng nó sang ta, tôi e chỉ là một sự kết-cấu của cái tri tưởng-tượng người Tây-phương mà thôi, lấy một vài cái lý-tưởng rời-rạc về triết-học, về tôn-giáo và một vài điều quan-sát chưa chắc đã đích-xác cho lắm mà khoáng-trương nó ra vô-số những dân-tộc khác nhau, rồi nhân đó cấu-tạo ra cái tư-tưởng về một cái tinh-thần Đông-phương trái với tinh-thần Tây-phương. Vì có cái văn-hóa nào đương giải-tán, thời chính là văn-hóa Đông-phương, chứ không phải văn-hóa Tây-phương. Ở Đông-phương ngày nay, về đường chính-trị, xã-hội, mĩ-thuật, tri-thức, bao nhiêu tư-tưởng cũ thoái-bộ hết, để cho tư-tưởng mới tiến lên, mà tư-tưởng mới toàn là tư tưởng Tây-phương cả. Xem như Thổ-nhĩ-kỳ thoát-li quyền tôn-giáo, biến theo chính cộng-hòa, lại xem nước Tàu tuyên-bố cộng-hòa dân-chủ, thì đủ biết. Lại về một phương-diện sâu-xa hơn, là phương-diện giáo-dục, các trường học Tàu, từ trường Đại-học cho đến các trường tiểu-học con trai con gái, đều tổ-chức theo lối Âu-tây cả. Tôi có biết học-trò Tàu hai mươi năm trước, tôi biết cả học-trò Tàu ngày nay; hai bọn cách xa nhau bằng cái vực sâu, mà lắm cái quan-niệm cũ, lắm lối tư-tưởng cũ đã tiêu-trầm đi hẳn rồi, không còn tăm-tích gì nữa. Lại như hai năm nay, ở *Paris* có mở cuộc đấu-xảo mĩ-thuật mới của Nhật-bản, trong cuộc đấu-xảo những họa-gia có tài của Nhật-bản đều khuynh-hướng về sự châm-chước theo các tân thức của Âu-Tây, chứ lối mĩ-thuật cổ của Nhật-bản thời chỉ còn thoi-thóp lại mấy cái sáo cũ kể cũng mĩ-miều, nhưng không có sinh-hoạt.» — Lại một ông giáo nữa ở Pháp-quốc-học-viện, bác-sĩ Louis Massignon cũng nói rằng: « Văn-minh cổ của các nước Đông-phương, ngày xưa thịnh hơn ngày nay nhiều. Ngày nay ở các nước Đông-phương, các cách diễn đạt tư-tưởng cũ đã suy-kém quá rồi, không thể vãn-hồi được nữa, bởi vì không có những cách nói và cách viết đủ mạnh-mẽ để chống với những cơ-quan tư-tưởng của Âu-Tây (*Tous leurs modes d'expression classiques défaillent irrémédiablement, faute d'instruments, linguistique et graphique, robustes, aptes à les défendre contre la concurrence des outils de pensée européens*). Vậy thời về đường tư-tưởng, hiện nay ở Đông-phương chẳng có cái gì mới mà thâu-thái được. » — Một nhà triết-học kiêm Đông-phương-học, Paul Masson-Oursel nói rằng: « Trong nhân-loại có hai cái thần-trí khác nhau, đó là một sự cố-nhiên rồi. Nhưng mà sự đó không thích-hợp với sự phân-biệt ra người Đông-phương với Tây-phương. — Ngay trong vùng Địa-trung-hải có nhiều giống người tâm trí hệt như người Á-châu; và người Nhật-bản ở một giải quần-đảo tận đầu kia cõi Á-châu thời lại đồng-hóa được rất mau những cái chủ-nghĩa cơ-giới và chủ-nghĩa quân-quốc của Âu-châu. Vả lại cứ xét lịch-sử thì biết rõ rằng dù địa-dư-học thường phân-biệt ra Á-châu với Âu-châu, nhưng Âu-châu chẳng qua là một cõi đất liền với Á-châu đỗ ra phía Tây mà thôi. Về đời nào cũng vậy, Đông-phương vẫn ảnh-hưởng đến Tây-phương, và Tây-phương vẫn ảnh-hưởng đến Đông-phương. » — Ông René Jouglet thì nói rằng: « Cái hình-thức duy-lợi của văn-minh Âu-Tây về thế-kỷ thứ 20 đã truyền sang Á-châu mau lắm. Thành ra giữa lúc mình

muốn thử liên-lạc với cái cổ-văn-minh của Á-châu thì phần nhiều Á-châu đã quay ra theo về Âu-châu rồi. Như Nhật-bản trong khoảng một nửa thế-kỷ chuyển qua từ cái chế-độ phong-kiến cũ đến cái chế-độ công-nghệ mới, sự đó ai là người không biết. Như vậy thời Á-châu ngày nay đã nhiễm sâu cái chủ-nghĩa vật-chất xâm-lược của Âu-châu rồi... ». — Hai anh em văn-sĩ MARIUS-ARY LEBLOND bình-phẩm về cuộc điều-tra này, cũng đồng một ý-kiến như sau đó, cho rằng giữa lúc Âu-châu muốn tiếp-xúc với cái văn-hóa cũ của Á-châu thời Á-châu cũng đã nhiễm sâu văn-hóa Âu-châu rồi, và những nhân-vật cho là tiêu-biểu cho văn-hóa Á-châu ngày nay, như TAGORE, OKAKURA, COORAMASWAMY, GANDHI, toàn là những người đã từng học Tây hết cả, chưa phải là những nhân-vật thuần-túy chân-chính của Á-châu. Hai ông nói rằng: « Mấy bậc đó toàn là nhờ văn-hóa Âu-châu (thứ nhất là văn-hóa nước Anh) đào-tạo ra cả... Báo *Nouvelle Revue française* đã xướng lên dịch các sách của TAGORE ra chữ Pháp, chúng tôi lấy lòng hiếu-kỳ hăm-hở mà đọc những sách đó, đọc cả bộ tiểu-thuyết « Thế-giới và gia-đình » (*Le monde et la maison*) của ông xuất-bản ở hiệu PAYOT nữa, thấy trong những sách đó cái khí-vị Đông phương, phong-tục và tinh-thần Ấn-độ ít lắm ; còn thi-ca của ông thì không nói làm gì, vì phần nhiều hình như thoát-dịch ở các thi-ca nước Anh mà ra. Cái triết-học của TAGORE vì như cái quả cũ của Ấn-độ Ba-tư do người Hi-lạp và người Ả-rập đánh trồng sang các « vườn ấm » ở Tây-phương ta. Nhất là đọc sách OKAKURA (về Nhật-bản đối với Tây-phương) mới càng rõ rằng các người Á-châu kể trên đó, không phải là tiêu-biểu cho cái thần-trí và cái khí-sắc của Á-châu, — hai cái đó thường không biết là phải mật-thiết liên-lạc với nhau, — chính là những « giống lai » trong tư-tưởng-giới, những người Á-châu học theo Âu-châu mà học còn khiếm-khuyết, rồi sau cao-thanh tật-hô xướng lên phản-đối cái Âu-châu chủ-nghĩa khiếm-khuyết và bác-tạp đó, hầu chư một cái Âu-châu-chủ-nghĩa ở thuộc-địa vậy, khác hẳn với cái tinh-thần cố-hữu của Âu-châu. Thế là ngộ-nhận, thế là sai lầm. — GANDHI, TAGORE, là những nhân-vật kỳ-kiệt của Ấn độ: nhưng ta muốn biết Ấn-độ, ta muốn biết Á-châu, ta không nhờ đến các bậc đó. Phải trực-tiếp đọc các quyển thơ trường-thiên vĩ-đại của Ấn độ như các nhà bác-sĩ ANQUETIL, BURNOUF ngày xưa, phải trực-tiếp quan-sát các đền-đài cổ kính trang-nghiêm, phải trực tiếp vãng-lai với những dân-chúng phồn-tạp. . . » (1) — Trích-lục bấy nhiêu câu trả lời như trên, cũng đủ biết cái vấn-đề Đông-phương Tây-phương quan-hệ là dường nào, không

(1) « . . . Nous nous étions jetés avec une vive curiosité vers les livres de Tagore que la N.R.F. a pris l'initiative de traduire, et jusque dans le roman *Le monde et la maison* (publié chez Payot), nous avions trouvé très peu de couleur orientale, de mœurs indiennes, de génie hindou ; ne parlons pas de ses poèmes qui souvent semblent traduits des poètes anglais. La philosophie de Tagore, c'est le fruit classique venu des vergers de l'Inde et de l'Iran, par les Grecs et les Arabes transplanté dans nos serres. En lisant Okakura surtout (sur le Japon et l'Occident) on discerne que ces Asiatiques précités sont moins des expressions suprêmes de la pensée et de la couleur de l'Asie — on ne voit pas assez qu'elles doivent être inséparables — que des sortes de métis de la pensée, des Asiatiques incomplètement élevés à l'européenne — et qui, plus tard, se révoltent avec éclat contre un européanisme incomplet et hybride, presque un européanisme colonialiste, fort différent du génie de l'Europe. Il y a équivoque et erreur !... »

những quan-hệ cho người Âu-Tây mà lại quan-hệ cho người Á-Đông ta lắm nữa. Các bậc văn-sĩ trả lời trên kia, không hề ai là phản-đối cái văn-hóa của Đông-phương cả, đến ông HENRI MASSIS cũng nói rõ rằng ông không công-kích cái tinh-thần của Á-châu, chỉ công-kích những cái tư-tưởng sai-lầm của mấy kẻ học-giả Âu-châu muốn giả danh Đông-phương mà truyền-bá ra giữa lúc Âu-châu đương gặp buổi khủng-hoảng về tinh-thần, làm cho mất cái lòng tự-tín mà sinh ra thất-vọng, như KEYSERLING, HERMANN HESSE, BONSELS, ROLLAND. Như vậy thời Đông-phương vốn có một nền văn-hóa đặc-biệt, văn-hóa ấy có vẻ cao-siêu, có bề phong-thú, ai cũng thừa-nhận như thế, duy ngày nay thời đã suy-sút lắm rồi người Đông-phương đã không thể bảo-tồn lấy được, lại đành lòng bỏ hẳn đi mà theo đòi Âu-Tây cả. Giữa lúc người Âu Tây biết cái sở-đoản của văn-minh mình mà cầu cái sở-trường của văn-minh Đông-phương, thời văn-minh ấy lại gặp hồi vận suy, chính con-cái nhà cũng bỏ đi theo người, khiến cho những tay tiêu-biểu cho Á-châu bây giờ không còn được thuần-túy là nhân-vật của Á-châu nữa, mà là những học trò dở-dang của Âu-châu cả. Như thế có nguy cho cái văn-hóa của Á-châu không? có nguy cho người Á-châu không? — Người Á-châu há lại chẳng nên nhận-chân cái tình-trạng nguy-hiểm đó mà gia-công gìn-giữ duy-trì, vãn-hồi bổ-cứu dư? Vấn-đề này to-tát và khó-khăn, không thể trong một đoạn « thời-đàm » bàn xét cho tinh-tường được; sau này bản-chí sẽ có dịp nghiên-cứu kỹ hơn.

Nhân cũng xét về vấn-đề Đông-phương Tây-phương và cuộc điều-tra của tạp chí «Nguyệt-cảo», một nhà biên-tập trong báo *La Politique de Pékin* (Bắc-kinh chính-văn) (1) có lấy phương-diện khôi-hài mà bàn như sau này, cũng là một cái luận-điệu có lý-thú. Nói rằng: Vấn-đề Đông-phương Tây-phương phiền phức lắm, nhưng phải phân phẫu nó ra mà giải-quyết như một tay y-sĩ giải-phẫu một cái xác người vậy. Nay có hai người, hai cái xác, và hai cái hồn, một người Trắng, một người Vàng, một người Tây-phương, một người Đông-phương; không biết là đàn ông hay đàn bà; Không biết rằng khởi-nguyên tự đâu, vì không muốn nói bởi Thiên-chúa sinh ra hay tự giống vượn mà lại. Chỉ biết rằng hai người ấy khác nhau, hình-thể tính-chất cũng khác. Người Tây-phương thì thẳng hơn, cứng hơn, giống cây «sên»; người Đông-phương thời tròn hơn, mềm hơn, giống cây trúc. Một bên thời uy-nghiêm hơn, một bên thời uyển-chuyển hơn, một bên là con sư, một bên là con mãn, v.v.. Nói tóm lại thời tính-chất hai người ấy chẳng qua là gồm lại một cái tính cộng các số điểm như sau này:

Các đặc-tính	Người trắng	Người vàng
Hình-dáng chung	18	19
Bề cao	18	15
Da nhỏ	18	20
Miệng cười	18	19
Tiếng nói	19	16
Mắt trông	19	20
Tai nghe	19	20
Lưỡi nếm	20	18
Tay mó	20	20
Bụng dạ tốt	20	16
Ý-chí	18	16
Lương-tâm	18	16
Trí nghĩ	18	17
Tưởng-tượng	19	18
Phán-đoán	19	18
Số-học	18	20

(1) Báo *Eveil économique* ở Hà-nội có lục đăng cả bài trong số 1er Septembre 1925.

Nghề máy bay	19	16
Thuật ngoại-giao	18	19
Sức bất động (tĩnh lực)	10	20
Lòng quảng-đại	18	16
Tính kiêu-căng	18	19
Tính dâm dục	18	19
Tính keo-lận	10	20
Tính ăn tham	10	18
Tính lười biếng	10	18
Các văn nghệ	18	17
Lòng tôn-giáo	18	15
Sự mê-tín	10	20
Nghề canh-nông	18	18
Nghề làm thuốc	18	18
Nghề ngoại-khoa	18	10
Nghề làm thơ	19	18
Sử học	18	17
Làm giặc	10	20
Các tính xấu	20	20
Các tính tốt	20	20
Cộng.....	637	662

Kết luận rằng:

« Cứ số điểm cộng như thế chắc hẳn là người Đông-phương hơn người Tây-phương(? !). »

Tuy bài báo đó tựa như một bài khôi-hài, nhưng cũng có thú-vị. Nay thử xem những khoản ta được cao điểm hơn người Tây là những khoản gì. Được 20 điểm là khoản : da nhỏ, mắt trông, tai nghe, số-học, sức bất-động (*force d'inertie*), tính keo-lận, lòng mê-tín, nghề làm giặc ! Nhưng mà hơn gì, chứ hơn như thế thì cũng chẳng nên hơn làm gì ! !

. . .

Trung-Hoa và Âu-châu. — Muốn phán-đoán về việc nước Tàu cho chánh đáng, thật là khó lắm. Báo tàu sang bên ta ít lắm, và kỹ-thuật các việc cũng lộn-xộn, lại có ý thiên vị về người Tàu, đó cũng là lẽ tự-nhiên. Báo tây, nhất là ở đây, thời phần nhiều phê-phán về nước Tàu một cách nghiêm-khắc quá, dường như cho người Tàu là một giống chi chi, chỉ biết làm giặc giết người. Lại có một cái dư-luận phổ-thông cho việc biến gì xảy ra ở đâu bây giờ cũng là do tay bọn cộng sản Nga khởi ra cả, không biết rằng bọn đó chỉ khéo lợi dụng các cơ hội mà thôi, chứ gây ra sự biến, thường thường là lỗi các cường quốc Âu-Tây.

Nay xem trong báo tây mới có một bài về việc Tàu có ý công-bằng xác thực, là bài của ông nghị-viên Pháp FONTANIER ; vậy xin dịch ra sau đây để công đồng lãm :

« Việc loạn ở Thượng hải và Quảng-đông nay vẫn chưa yên, mà lại tràn cả ra những nơi cách xa hai tỉnh đó. Theo điện gần đây thì phía bắc nước Tàu cũng nổi loạn, và thứ nhất ở Bắc kinh.

« Việc loạn Tàu này đối với người Pháp ngày nay chắc là không quan-hệ bằng việc chiến-tranh ở Ma-lạc-kha ; xem ra không phải là chủ phản-đối người Pháp, mà có ý phản-đối riêng người Anh và người Nhật. Tuy vậy nhưng đối với việc loạn đó, người Pháp cũng không nên điềm-nhiên không chú-ý đến.

« Duyên-do việc này thế nào, ai cũng đã biết. Nguyên có bọn thợ làm ở nhà máy sợi Nhật-bản ở Thượng-hải bãi-công. Một hôm bọn học-sinh tỉnh ấy vào tô-giới vạn-quốc vận-động thị-uy để bênh cho bọn thợ. Cảnh-binh nước Anh can-thiệp, bắn vào đám học-sinh, chết mất mấy người. Hôm sau lại vận-động nữa, lại bị cản trở và bắn giết nữa. Cộng 21 người chết và nhiều người bị thương.

«Bấy giờ cả nước Tàu, khắp các giới, nổi lên phản-kháng, chỗ nào cũng vận động phản-đối thứ nhất là người Anh và người Nhật, nhưng dần dần gồm cả các người ngoại-quốc. Nhà thông-tin

của báo *Journal des Débats* thuật rằng: đâu đâu cũng nghe thấy tiếng hô: « Trục Dương - nhân ! Sát Dương - nhân ! » Tình-trạng đó thật là nguy-hiểm cho người ngoại-quốc, và như trên kia đã nói, nay không phải chỉ một phía Nam mà thôi, hiện đã tràn lên phía Bắc nữa.

« Nhiều người Âu-Tây nghe thấy tin đó, căm tức người Tàu, rồi xoay ra tức đến người Nga, nói : Cái này lại cái mưu bọn cộng-sản đây.

« Tôi không ưa và cũng không bênh gì đảng cộng-sản. Nhưng mà mỗi khi xảy ra việc biến-cố gì, mình có phần trách-nhiệm vào đấy, cũng cứ đổ miệt cho người Nga hết, tưởng cũng dễ quá thật. Có tờ báo nọ đăng rằng việc này là xui-siểm tự lãnh-sự Nga ở Thượng-hải, và có in giấy-má làm chứng-cớ hẳn-hoi. Chẳng hay tin ấy thực hư thế nào, nhưng tùng-sử thực nữa, thời cái đó cũng chẳng lạ gì. Không phải đến nay mới biết sự tuyên-truyền cổ-động của đảng cách-mệnh Nga, sự cổ-động này không phải là chủ đặt ngay cái chế-độ cộng-sản ở các nơi đâu, nhưng mà chủ kích-thích cái tư-tưởng quốc-gia trong các dân-tộc để cho nó ảnh-hưởng mà sinh biến đến Âu-châu bấy giờ mới thừa-cơ xướng cuộc thế-giới-cách-mệnh. Cái mưu người Nga như thế, ta biết đã lâu rồi, biết đã lắm rồi.

«Nhưng cốt nhất phải làm thế nào cho đừng để có dịp cho người Nga thừa-cơ, đừng để có chỗ cho bọn họ cổ-động. Nay xét ra trong những bọn thợ-thuyền ở các nơi phụ-đầu lớn ở nước Tàu tuổi thế nào? Kẻ có quyền-lợi có làm được cho bọn đó nhờ chút gì không?

« Không những không làm được cho nhờ chút gì, mà lại xử trái lẽ công-bằng nữa.

« Trong các báo nước Anh và nước Ý có đăng nhiều điều lạ-lùng về cách làm-lụng của bọn thợ-thuyền ở các nhà máy Thượng-hải. Bá-tước SFORZA nguyên ngoại-tướng nước Ý có viết rằng: «Các nhà máy thủy-tinh trong một năm thời sáu tháng nóng như thiêu như đốt, mà trẻ con làm từ 6 giờ sáng đến 11 giờ đêm; các nhà máy sợi, giờ trẻ con làm cũng bằng người lớn. Thợ mỏ thời ở dưới đất đến 20 giờ một ngày, không có lệ nghỉ chủ-nhật cho ai cả, bảy ngày làm cả bảy; vẫn biết rằng cái lệ nghỉ chủ-nhật, người Tàu xưa nay không biết, họ làm cả năm, chỉ đầu năm nghỉ mấy tuần ăn tết mà thôi. Nhưng nước Tàu ngày xưa không phải như nước Tàu ngày nay. Ngày xưa là đời tiểu-công-nghệ, thong-thả ung-dung. »

«Chính-phủ Bắc-kinh, hội-đồng thành-phố Thượng-hải, thấy cái tình-trạng ấy đã phải động lòng. Hội-đồng thành phố đã quyết-nghị một đạo luật qui-định sự lao-động của con trẻ. Nhưng luật ấy phải có hội-đồng các nhà Tây đóng thuế trong thành phố duyệt-y mới thi-hành được. Đầu tháng định họp hội-đồng, nhưng đến họp ít người quá, không đủ số bàn, vì phần nhiều Tây-thương đồng lòng nhau không đến họp.

« Ấy sự-tình như thế. Khi tôi thuật cho hội ủy-viên Ngoại-vụ, nhiều ông nghị-viên không tin. Xem lời diễn-thuyết của ông ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN mới rồi, nhà thông tin báo *Débats* có thuật lại, thời đủ biết rằng sự thực; ông ngoại-tướng nói về sự phản-kháng của bọn học-sinh để bênh cho bọn thợ, cho là việc chánh-đáng.

« Nói thế không phải là dung chi những sự vận-động của đảng cộng-sản. Cái vấn-đề không phải ở đó. Nhưng ta không thể không thống-trách cái cách lợi-dụng bọn con trẻ và bọn thợ-thuyền tàu quá-lạm như thế. Hoặc có kẻ nói : « Nhưng mà trong các nhà máy tàu tình-cảnh bọn thợ cũng chẳng hơn gì. » Cũng có lẽ. Nhưng điều đó không đủ làm cớ được. Vả lại người Âu-châu sang bên Á-Đông chẳng phải là có cái chức-trách phải nâng cao cái trình-độ

vật-chất của bọn bồn dân-lao-động cho mình dư?

«Trong mấy lời trích-lục trên kia, Bá-tước SFORZA đã nói rõ đó. Nước Tàu ngày nay không phải là nước Tàu ngày xưa. Cái chính-sách của Âu-châu phải châm-chước sự thay-đổi đó. Những cách làm ăn không chánh-đáng, xưa kia dẫu có lợi, ngày nay cũng phải bỏ hẳn.

«Tôi lại nghe có kẻ bàn rằng phải lấy cách võ-đoán mà xử-trí việc nước Tàu, phải trả thù lại người Tàu, và nếu cần thì phải dụng-binh. Những lời đó là những lời dại-dột, nhất là bàn cách dụng-binh.

«Muốn giải-quyết vấn-đề này có nhiều cách còn hiệu-nghiệm hơn mà không nguy-hiểm gì. Dẫu những người không ưa gì cái chủ-nghĩa cách-mệnh cũng không tin những cách võ-đoán thường-dùng xưa nay, cho rằng cần phải châm chước những sự thay đổi trong tâm-lý người Tàu gần đây, những sự thay-đổi ấy từ khi chiến-tranh đến giờ lại mau lắm nữa. Phải nên sửa lại cái chế-độ người ngoại-quốc ở Tàu mới được.

«Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn đã làm cho người Tàu mong-mỏi về sự đó. Song từ bấy đến này chưa thấy làm gì cả. Mới được mấy hôm nay mới thấy đệ ra cho Nghị-viện Pháp duyệt hai cái quốc-tế-điều-ước ký ngày 6 tháng 2 ở Hoa-thịnh-đốn, một cái về đại-cương và chính-sách đối với nước Tàu, một cái về giá-ngạch thuế thương-chính Tàu. Chính-phủ nói vì nhiều lẽ nên phải chậm như thế, ta không xét những lẽ ấy chánh-đáng hay không; nhưng mà giá làm sớm nữa thì hay hơn, và tỏ được lòng hữu-ái đối với một nước đã phải nỗi bất-bình trong hội đồng nghị-hòa năm trước.

«Nhưng đó mới là một phần công-việc phải làm. Nay còn phải cấp nghiên-cứu các phương-kế làm thế nào cho sự giao-thiệp liệt-cường với nước Tàu được hoàn-hảo. Hội-nghị quốc-tế về quan-thuế họp ở Thượng-hải nay mai sẽ phải xét vấn-đề đó. Ta mong rằng các Chính-phủ sẽ hiểu rằng việc này là việc cần-cấp, phải nghĩ cách thi-hành ngay.»

Việc trong nước

Đám tang quan Học-bộ Thượng-thư Thân Trọng-Huề. — Quan Học-bộ Thượng-thư Thân Trọng-Huề đã tạ-thế ở Huế ngày 4 Septembre 1925 (17 tháng 7), ngày 9 Septembre (22 tháng 7) cất đám. Báo *Trung-Bắc Tân-Văn* có bài thuật tường về đám tang ngài, xin lục đăng như sau này:

«Ngày 22 tháng bảy tức là ngày 9 Septembre 1925 cất đám quan Học-bộ kiêm Binh-bộ Thượng-thư Thân-đại nhân. Đám khởi-hành từ sáu giờ rưỡi sáng tại bộ Học, an-thố tại sơn phần làng Nguyệt-biều, thuộc huyện Hương-thủy, tế đạo-trung tại ngã tư đường Nam giao hồi mười giờ mai, hạ khoảng hồi ba giờ chiều.

«Cách chừng ba bốn tuần nay là khi chứng cũ trở lại thì ngài đã biết cơ nguy-cấp đến, song tuy biết là nguy, mà ngài vẫn chăm-chỉ việc quan được. Được ít lúc bệnh-thế càng ngày càng nguy, thì các vị đường-thuộc bộ Học và bộ Binh, khuyên ngài làm sớ cáo-giả đặng nghỉ việc quan mà trị bệnh, song đã ba lần đưa tờ cáo-giả cho ngài mà mỗi khi tiếp lấy sớ ấy thì ngài rơi nước mắt dầm-dề mà rằng: hiện nay đang buổi Thánh-thế vi-hòa mà ngài rủi bị đau yếu không thể báo-đáp vua giúp nước nhà, lại phải cáo-giả thì khiến cho lòng ưu-ái càng thêm thổn-thức, nên ngài lại dừng bút mà lệ rơi chớ không chịu ký. Mãi đến lần thứ tư bệnh

dã quá nặng các quan nài ép bất-đắc-dĩ ngài phải ký.

« Sau khi đã được cáo giả thì chẳng bao lâu bệnh-thế càng thêm nguy, nên ngài đã phải gượng dậy thảo tờ di-biểu dâng lên Hoàng-thượng.

« Cụ lớn gửi tờ di-biểu ngày 16, đến ngày 17 hồi một giờ chiều thì tử-trần. Hai giờ đêm nhập liệm. Hoàng thượng có sắc ban hai cây gấm màu cổ-đồng, cùng các vật châu bảu khác, Lưỡng Tôn-cung có sắc ban các thứ gấm nhiều và phẩm-vật.

« Ngày 18,19,20, ba ngày ấy, ngày nào cũng có hai lần chiêu-điện, tịch-điện và hành tế-lễ của các bộ-viện cùng nhận các lễ cúng điếu của các nơi thân-thuộc cùng liên-hữu ở trong tam-kỳ, qua ngày 21 buổi mai Hoàng-thượng có đặt quan khâm-mạng làm lễ tứ-tế. — Sáng ngày 22 hồi sáu giờ thì cất đám

«Tại nơi chái hướng tây bộ-đàng bộ Học là nơi đình quan-tài của ngài, trần-thiết có vẻ nghiêm-chỉnh trang-hoàng, đúng sáu giờ làm lễ tế và di quan-tài ra trước rạp, 6 giờ 10 quan Khâm-sứ Pasquier, quan giám-đốc Jabouille quan Đồng-lý d'Elloy cùng các quan thủ-hiến các tòa, các sở, các cụ lớn viện Cơ-mật, các đức ông Hoàng-thân, Tôn-nhân-phủ, Tôn-tước, cùng các quan-chức lục-bộ đều tề-tựu tại Học-bộ. Quan Khâm-sứ tại trước linh-cữu đọc bài điếu-văn rất dài, lời-lẽ rất hồi-hoàn, tình-ý rất cảm-khái, bài ấy đại- lược kể cái lịch - sử, cái hoạn-đồ của ngài, rồi đến cái chánh-tích của ngài và lòng trung-thành ưu-ái của ngài đối với hai chánh-phủ là thế nào và lòng cảm-tích sự bình-biệt của hai chánh-phủ đối với ngài là thế nào, rốt cùng đề mấy lời khen ngợi và cảm-tích ngài rất chí - ý. Quan Khâm-sứ đọc rồi thì ngài cất mũ thi lễ chào trước linh-cữu, hiếu-chủ đáp lễ xong thì động quan, liền có bốn vị Hòa-thượng và 10 vị tăng-chúng tụng kinh tiếp-dẫn rồi âm-công một trăm người vào đỡ linh-cữu ra gần đến trước cửa bộ thì có 20 tập-binh cùng hai viên quan võ thi binh-lễ, rồi đưa linh-cữu ra khỏi ngoài cửa bộ, để vào bàn đại-dư. Các qui-quan đưa ra đến đó rồi đứng trước bàn đại-dư tề-chỉnh đứng một hồi thì linh-xa phát-dẫn, các qui-quan cất mũ chào rồi lên xe ra về. Còn đám tang thì phát-dẫn từ trước bộ Học đi theo lối Tịnh-tâm ra đến ngã tư Anh-danh thì chỉ một bàn đại-dư để linh-cữu, đi thẳng xuống ngã Tế-sanh đặng trở lên ghe ra ngã cống Thanh-long rồi ra sông Đông-ba, còn các đồ kỳ-xý, nghi-trượng, lỗ-bộ, đối, trướng và các bàn hiệu xe giả thì đi bộ ra cửa Đông-ba rồi dong theo dưới nước trên bờ đi lên tới trước phủ Thừa-thiên, rồi ghé ghe lại bến đưa bàn đại-dư lên bộ hiệp lại với các đồ nghi-trượng v.v., mà đi theo đường Jules Ferry lên đến ngã tư đường Nam-giao, dình lại đó tế đạo-trung, rồi lên ngã Tự-đức ra ngã Thành lối đến nơi Trường-son, gọi là núi Rùa và an-thổ.

« Các cụ lớn Cơ-mật, các đức ông Hoàng-thân cùng các quan văn võ đều có đưa lên đến huyệt, người đi đưa đông lắm, ai nấy thảy đều tỏ lòng thương tiếc một vị đại-thần đã phải từ lộc trong khi Triều-đình và sĩ-phu đang cậy đang trông... »

Giới-thiệu sách mới

1.— *Việt-văn hợp-tuyển giảng-nghĩa.*

Textes choisis d'explication annamite. Ouvrage conforme aux nouveaux programmes des Ecoles normales et des écoles primaires supérieures franco - annamites. Của ông LÊ THÀNH-Ý và ông NGUYỄN HỮU TIẾN soạn. Có bài tựa của bản-chí chủ-bút. Sách trích-lục các thi - văn cổ-kim bằng quốc-âm để dạy khoa quốc-văn ở các trường cao-đẳng-tiểu-học, theo như chương-trình mới, kén chọn kỹ-càng, chú-thích cẩn-thận, sách này thật là một bộ giáo-khoa tất-yếu

không những cho thầy giáo học trò các trường, mà cho cả mọi người muốn giảng tập nghiên-cứu về quốc-văn. Sách dầy 260 trang, giá 7 hào, xuất-bản ở Nghiêm-Hàm-ấn-quán.

2. — *Sách cười*. Của Sơn-phong và Hỉ đình. Biên-tập những chuyện hoạt-kê của hai ông soạn, phần nhiều đã đăng trong báo « Trung-Bắc », nay hiệu « Tân-dân Thư-quán » mới mở (29 phố bàng Bông) xuất-bản để bán chiêu hàng. Sách dầy 120 trang, bán giá đặc-biệt 1 hào.

3. — *Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược*, có bài soạn sẵn làm mẫu, lời chỉ-dẫn và khuyên bảo học-trò, các đầu bài tương-tự. (Recueil de sujets donnés au Certificat d'Etudes élémentaires indigènes suivis de développements types, de conseils et d'indications aux candidats et de nombreux sujets analogiques). Của ông Dương Quảng-Hàm và Dương-tự-Quán soạn. In ở Nghiêm-Hàm ấn-quán giá, 3 hào rưỡi.

4. — *Yếu-lược-độc-bản*. Sách tập đọc dùng cho các trường sơ-đẳng. Của Trần Văn-Thượng và Nguyễn Xuân-Sơn soạn. In ở nhà in Đắc-lợi Hải-phòng. Giá 2 hào rưỡi.

5. — *Quốc-văn giáo-khoa-thư*. Sách tập đọc và tập viết của ban Tu-thư thuộc nha Học-chính Đông-Pháp soạn. Mới xuất-bản một quyển về lớp đồng-ấu và một quyển về lớp dự-bị. Giá bán rất rẻ cho con trẻ dễ mua, quyển đồng-ấu 5 su, quyển dự-bị 6 su.

6. — *Đông-Tây dược-tính*. Tân Bản-thảo). Sách thuốc của ông Hà Văn-Đốc soạn, ông Lê Đức-Trọng xuất-bản. Mới có quyển thứ 1.

7. — *Bao-công kỳ-án*. Của ông Ngô Văn-Triện dịch. In ở Tược-nghiệp-ấn-quán, mới xuất bản tập thứ 1.

8. — *Truyện cổ-tích*. Của ông Lê Văn-Thuận soạn, ông Phạm Văn-Phương sửa lại Xuất-bản ở hiệu Mạc Đình-Tư, mới ra quyển thứ 1, 62 trang, có 25 truyện. Giá 2 hào.

Cải-chính

Trong mục « Văn-uyển » số 92, có bài « Kim-trọng tế Thúy-Kiều ở sông Tiền-đường » của ông Lê Viết-Lượng sao-lục, đề là « nguyên-văn của ông Phạm Liệu tiến-sĩ Quảng-nam ». Nay bản-chí tiếp được thư ông Phạm Liệu nói rằng bài ấy, không phải của ông làm, người sao-lục nghe lầm. Vậy xin cải-chính.

* *

Năm bài kinh-nghĩa nôm của ông Tùng-vân đăng kỳ trước (số 95), có in lầm mất ít nhiều chữ. Xin cải-chính lại mấy chỗ như sau này :

Bài thứ I, trang 444, dòng thứ 20 ở cột trên, câu : *vỡ* bụng *bay cao*, sửa lại là : *vỡ* bọng *bay cao*.

Bài thứ IV, trang 452, dòng thứ 14 ở cột trên, câu : *Thi xưa là thi kén* chồng, sửa lại là : *Thi xưa là thi kén* giống.

Bài thứ V, trang 453, dòng thứ 26, ở cột trên, câu : *Trăng đến rằm thì tròn*, chỗ lạc-đề sửa lại rằng : *Trăng đến rằm thì thế nào? Trăng đến rằm thì tròn.*

* *

Trong mục « Văn-uyển » kỳ trước (số 95), trang 486, bài thơ họa bài « Tự-trào » của ông Đoàn Hiệp, câu thứ 8 « muốn *học* thời nên gả vợ hỏi », cải-chính lại là : « muốn *họa*, v.v.... »